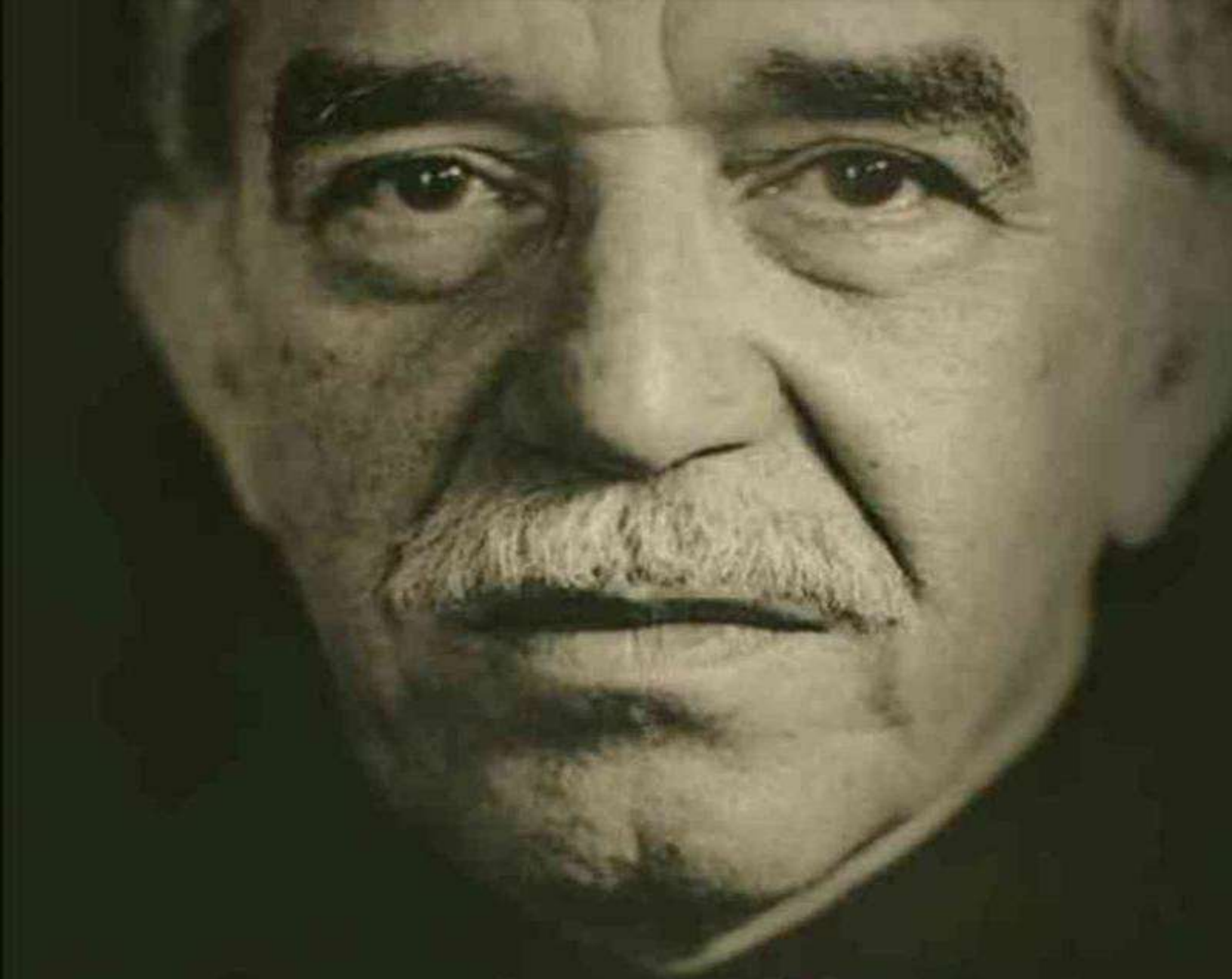




Gabriel García Márquez

Truyện Ngắn Marquez

bachnho

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

Mục Lục

Mục Lục

Cái Chết Vĩnh Hằng Bên Kia Tình Yêu

Chuyện Buồn Không Thể Tin Được Của Êrênhdira Ngây Thơ Và Người Bà Bất Lương

Cụ Già Có Đôi Cánh Khổng Lồ

Một Ngày Bình Thường

Người Chết Cũ Phải Nhường Chỗ Cho Người Chết Mới Gabriel Garcia Márquez

Cái Chết Bất Biến Tình Yêu Cũng Không Làm Gì Được

Đêm Nguyệt Thực

Gặp Gỡ Tháng Tám

Giấc Ngủ Ngày Thứ Ba

Người Chết Trôi Đẹp Nhất Trần Gian

Thiên Thần Gãy Cánh

Những Người Hành Hương Kỳ Lạ

Tự Ngôn

Chúc Tổng Thống Thượng Lộ Bình An

Vị Thánh Chờ Phong

Người Đẹp Ngủ Yên Suốt Chuyến Bay Dài

Giữa Đời Đêm Bán Chiêm Bao

"Tôi Đến Đây Chỉ Để Gọi Điện Thoại Thôi Mà"

Bóng Ma Tháng Tám

Maria Dos Prazeres

Mười Bảy Người Anh Bị Ngộ Độc

Tramontana, Cơn Gió Chướng Lạ Kỳ

Mùa Hè Hạnh Phúc Của Cô Forbes

Ánh Sáng Giống Như Làn Nước

Ấu Máu Hồng Trên Tuyết Trắng Từ Madrid Đến Paris

Chuyến Bay Của Người Đẹp Ngủ Say

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Cái Chết Vĩnh Hằng Bên Kia Tình Yêu

Sáu tháng mười một ngày trước khi chết, ngài nghị sĩ Onésime Sanchez quen được người phụ nữ của đời mình. Ông gặp cô ở làng Cây Hồng Của Phó Vương, một ngôi làng hẻo lánh; ban đêm, đó là chỗ những chiếc thuyền buôn lậu lén lút ẩn mình nhưng dưới ánh nắng mặt trời chói chang nó chỉ phơi ra bộ mặt của một cái hốc lạc lõng và vô vị giữa sa mạc, đối mặt với biển cả khô khan và vô tận, cách biệt với mọi thứ đến độ người ta khó mà tin được rằng có ai đó có thể làm thay đổi số phận của một người khác. Cái tên làng cũng như một trò giễu chơi bởi vì bông hồng duy nhất thấy được trong làng đã bị ngài nghị sĩ Onésime Sanchez xoáy khéo ngay trong đêm ông quen được Laura Farina.

Trong khi người ta sửa soạn chuẩn bị cho buổi lễ chính thức, ngài nghị sĩ đã lánh mặt được hẳn một giờ trong ngôi nhà dành riêng cho ông để nghỉ ngơi. Trước khi ngã lưng, ông đặt vào một ly nước bông hồng mà ông đã giữ tươi nguyên xuyên suốt sa mạc, lấy một ít ngũ cốc ăn kiêng mà ông mang theo dùng thay bữa trưa để bớt ngán ngẩm món phá lấu dê dậy vung đang chờ vào buổi tối và uống một loạt thuốc giảm đau trước giờ quy định, mong được khuây khoả trước cơn đau dày vò. Sau đó ông cắm điện cái quạt máy gần chiếc võng và nằm trần như thế khoảng mười lăm phút dưới bóng bông hồng, luôn cố gắng hết sức giữ tinh thần thư giãn để không phải nghĩ đến cái chết khi chìm vào mộng mị. Ngoài các bác sĩ, không ai biết ông sắp về trời vì ông đã quyết định giữ bí mật cho riêng mình, không thay đổi gì cuộc sống của ông, không phải vì kiêu hãnh mà là vì e ngại.

- Chúng ta ở đây để chinh phục Tự nhiên, - ông lên tiếng với tất cả niềm tin của mình. - Chúng ta sẽ không còn là những đứa con rơi của tổ quốc, những kẻ mồ côi của Thượng đế nơi miền đói khát và mưa nắng thất thường, cũng không là kẻ lưu vong trên chính quê hương của mình. Chúng ta sẽ khác, thưa quý bà quý ông, chúng ta sẽ lớn mạnh và hạnh phúc.

Khoảng ba giờ chiều, ông cảm thấy hoàn toàn làm chủ được mình khi ra lại trước công chúng, vẻ đầy sáng khoái, mặc quần tây vải thô và áo sơmi in hoa, trong lòng khoan khoái sau khi thuốc có hiệu lực. Song le, bớt lo sợ chết chỉ là sự giả tạo trong suy nghĩ của ông vì khi bước lên sân khấu, ông nhận thấy một sự khinh miệt lạ kỳ trước những người đang tranh giành nhau cơ hội được bắt tay ông và không còn thương xót đám người da đỏ đi chân trần chịu đựng cái nóng rát bỏng trên nền đất khô cằn này nữa. Bằng một cái khoát tay, gần như là giận dữ, ông ra hiệu ngưng tiếng vỗ tay và bắt đầu nói không một cử động, mắt dán vào mặt biển đang bốc hơi nóng nghi ngút. Giọng ông chậm và trầm sâu nhờ nước uống lúc giải lao nhưng bài diễn thuyết học thuộc lòng và nhai đi nhai lại nhiều lần không phải dùng để nói lên sự thật; nó chỉ chống lại một phán quyết theo thuyết định mệnh trong quyển IV hồi ức của Marcus Aurelius².

Đó là những công thức trong trò xiếc của ông. Trong khi ông nói, những người phụ tá ném lên trời những nắm gà mái bằng giấy, và những con vật giả đó như sống dậy, bay bay khắp trên sân khấu và nối nhau bay về phía biển. Cùng lúc đó, những người khác lôi từ xe tải ra những chậu cây giả dùng trong rạp hát có lá vẽ bằng bút phớt và đem trồng trên nền đất khô cằn phía sau đám đông lơ nhố. Sau cùng, họ kéo màn trình diễn một khung cảnh làm giả bằng carton bột đúc với những ngôi nhà tường gạch đỏ au và cửa sổ lắp kính, che giấu đi bộ mặt tồi tàn trong cuộc sống thực.

Ngài nghị sĩ say sưa với bài diễn thuyết, trích dẫn hai câu nói tiếng Latin, để cho màn hài kịch thêm hoàn chỉnh. Ông hứa hẹn về những chiếc máy tạo mưa, về những chiếc máy chăn nuôi xách tay cho vật nuôi lấy thịt,

về các loại dầu hạnh phúc giúp rau cải mọc được trên nền đất cằn khô và về những chùm bông giấy trên cửa sổ. Khi thấy không còn quên thứ gì trong thế giới tưởng tượng của mình, ông đưa tay chỉ:

- Chúng ta sẽ là như thế, thưa quý bà quý ông! - Ông hô vang. - Chúng ta sẽ là như thế! Hãy nhìn kỹ đi!

Công chúng quay lưng lại. Một chiếc tàu vượt biển bằng giấy vẽ ló ra phía sau các ngôi nhà, một chiếc tàu vượt biển cao hơn cả những ngôi nhà cao nhất thành phố vẽ. Ngài nghị sĩ là người duy nhất thấy lặp đi lặp lại cái cảnh kéo lên kéo xuống, kéo tới kéo lui này, cái ngôi làng carton được nâng cao này cũng bị nhuộm màu mưa nắng, và cũng nghèo nàn, cũng bụi bặm và buồn tẻ như làng Cây Hồng Của Phó Vương.

Lần đầu tiên trong mười hai năm qua, Nelson Farina không đến chào ngài nghị sĩ. Ông nghe bài diễn thuyết, nằm yên trên võng, giữa các quăng giải lao buổi trưa, dưới bóng mát ngôi nhà gỗ thô mà ông đã dựng lên bằng đôi tay được sĩ của mình, chính đôi bàn tay ấy đã phân thây người vợ đầu của ông. Ông đã trốn khỏi nhà tù Cayenne³ để trở về Cây Hồng Của Phó Vương trên một chiếc tàu chở đầy những kẻ ba hoa vô tội, dẫn kèm theo một cô nàng da đen xinh đẹp đã cá lặn đưa gập nhau từ hồi ở Paramaribo⁴ và đã sinh cho ông một cô con gái. Không lâu sau đó người vợ đã mất vì bệnh, nhưng không có may mắn như người vợ trước với phần xác còn lại được đem bón cho hàng suplơ trong vườn rau nhà. Bà được chôn cất nguyên vẹn trong nghĩa trang của làng, với tên gọi Hà Lan của mình. Cô con gái thừa hưởng làn da và vóc dáng của mẹ, và do đó người cha đôi mắt vàng vọt ngỡ ngàng cứ nghĩ rằng mình đang nuôi nấng người phụ nữ đẹp nhất trần đời.

Khi làm quen với ngài nghị sĩ Onésime Sanchez, hồi kỳ vận động tranh cử đầu tiên, Nelson Farina đã đề nghị ông ta giúp làm một thẻ căn cước giả hòng lẩn tránh pháp luật. Ngài nghị sĩ, dễ chịu nhưng kín kẽ, đã từ chối giúp. Nelson Farina nhất quyết không chịu thua; suốt nhiều năm liền, mỗi

khi có dịp là ông ta nhắc lại lời đề nghị của mình, bằng cách này hay cách khác. Nhưng ông ta luôn nhận được cùng một câu trả lời. Vì vậy lần này ông ta nằm yên trên võng, chịu chết dí trong cái nóng hầm hập như lửa thiêu. Khi nghe tiếng vỗ tay hoan hô kết cục, ông ta vươn cổ nhìn, và qua những cọc rào, ông thấy được hậu trường của vở hài kịch: nền của những công trình giả, khung cốt của những chậu cây giả, những người phụ trợ ẩn mình phía sau dãy chiếc thuyền vượt biển. Ông ta nhố toẹt oán giận.

- Mẹ kiếp, - ông vắng tục. - Đúng là trò hề chính trị°.

Khi diễn thuyết xong, theo thói quen ngài nghị sĩ đi một vòng quanh các con đường trong làng, với nhạc trống xập xình và pháo nổ bùm bụp, phụ họa thêm cảnh nhiều người ở góc đường bám lấy kể lẽ khó khăn cơ cực. Ngài nghị sĩ chân tình lắng nghe họ và luôn tìm được cách an ủi người này người kia mà không phải ban cho họ những ân huệ rắc rối. Một bà trèo hẳn lên mái nhà, dẫn kèm theo sáu đứa con, nói oang oang bất kể đám đông ầm ĩ và tiếng pháo ì ùng:

- Tôi không cần gì nhiều hết, thưa ngài nghị sĩ. Chỉ một con lừa để chở nước từ Giếng Người Chết Treo.

Ngài nghị sĩ trông thấy sáu đứa con đầy cáu bẳn, hỏi lại:

- Vậy chồng của bà để làm gì?

- Ông ấy đã đi tìm vận may ở đảo Aruba⁵, - bà ta trả lời vui vẻ. - Và thứ duy nhất ông ấy tìm được là một trong những con mụ chuyên nhét kim cương vào trong răng ở cái xứ đó.

Câu trả lời làm cho cả đám đông ồ cười.

- Sẽ ổn thôi, - ngài nghị sĩ trả lời. - Bà sẽ có con lừa.

Một lát sau, một người giúp việc của ông dẫn đến nhà bà ta một con vật mang vác, trên mạng sườn vẽ vĩnh viễn biểu tượng của cuộc vận động bầu cử, để cho không ai quên được có sự hiện diện của ngài nghị sĩ.

Trong chuyến diễn thuyết ngắn ngủi này, có vài chỗ làm cho ông để ý tới. Ông dứt cả cháo cho một người bệnh đòi được dìu khỏi giường đưa ra tận cửa để nhìn ông đi qua. Ở góc đường, ông thấy Nelson Farina đang nằm trên võng, mắc giữa hàng cột trước sân; ông ta có mái tóc đang ngả màu hoa râm và khuôn mặt ủ dột. Ông lạnh nhạt chào ông ta.

- Ông khoẻ chứ?

Nelson Farina quay lại và chăm chăm nhìn ông với ánh mắt vàng vọt u buồn.

- Tôi, ngài biết rồi đó°, - ông ta trả lời.

Cô con gái ông ta vừa bước ra sân khi nghe hai người chào nhau. Cô mặc một chiếc váy vùng Guajira⁶ bình thường cũ kỹ, đầu quấn những dải ruban sặc sỡ và khuôn mặt lem nhem kem chống nắng. Bất kể dáng vẻ luộm thuộm này, cô gái vẫn khiến cho người ta tin rằng không có người phụ nữ nào đẹp hơn nữa trên mặt đất này. Ngài nghị sĩ nghe mình thở gấp.

- Khi gió thật! - ông thở dài, không khỏi ngạc nhiên. - Rõ là ông trời khéo sắp đặt!

Tối hôm đó, Nelson Farina cho con gái ăn vận những thứ đẹp nhất và cho đi đến gặp ngài nghị sĩ. Hai người lính gác mang súng ngắn đầu gậy gù dưới cái nóng bức của ngôi nhà ra lệnh cho cô ngồi chờ trên cái ghế duy nhất ngoài tiền sảnh.

Ngài nghị sĩ đang ở phòng kế bên, trong cuộc họp với các vị thân hào làng Cây Hồng Của Phó Vương được mời đến để tiết lộ những sự thật ẩn giấu đằng sau những bài diễn thuyết của ông. Họ cũng giống như tất cả

những người khác ông đã gặp trong các ngôi làng vùng sa mạc, cái xứ mà Onésime Sanchez đã ngán tận cổ những buổi họp tối như thế này. Chiếc áo sơmi ướt đầm mồ hôi và ông định hong khô luôn cả thân mình bằng luồng hơi nóng của cái quạt điện đang kêu vo vo như một con muỗi khổng lồ trong căn phòng họp mạnh ai nấy ngủ gà ngủ gật.

- Chúng ta thì khác, chắc chắn rồi, chúng ta không mù quáng theo những con gà mái giấy, - ông nói.

- Các ngài và tôi chúng ta đều biết rằng cái ngày mà cây cối hoa cỏ mọc lên trên mảnh đất chó ăn đá gà ăn sỏi này, cái ngày mà cá lội trong ruộng trong giếng thay cho bầy loăng quăng, thì cũng là ngày mà cả các ngài lẫn tôi chẳng còn chuyện gì làm ở cái xứ này nữa. Các ngài vẫn nghe tôi đấy chứ?

Không ai trả lời. Trong khi nói, ngài nghị sĩ đã gỡ một tờ lịch và xếp hình một con bướm. Ông thấy nó ra trước luồng gió cánh quạt, không vì một lý do nào. Con bướm bay vòng quanh trong phòng rồi lao thẳng ra phía cánh cửa hé mở. Ngài nghị sĩ tiếp tục nói với một sự tự tin được củng cố bằng sự đồng lõa của cái chết.

- Vì vậy, - ông ta nói, - tôi không cần phải lặp lại với các ngài điều mà các ngài vẫn biết rõ: tôi tái đắc cử là cách tốt nhất cho các ngài cũng như bản thân tôi, bởi vì cho tới bây giờ tôi vẫn điều khiển được cuộc sống nhóp nhép và sức lao động của người da đỏ, trong khi các ngài, các ngài sống nhờ vào điều đó.

Laura Farina trông thấy con bướm giấy bay ra ngoài. Cô là người duy nhất thấy nó bởi vì những người lính gác ngoài tiền sảnh đã ngủ gục trên băng ghế, súng vẫn bồng trên tay. Sau vài vòng, con bướm giấy lịch to đùng ấy duỗi thẳng ra ép bẹp dí lên tường rồi dính luôn ở đó. Laura Farina cố gỡ nó ra bằng con dao nhíp. Một người lính vừa tỉnh dậy bởi tiếng vỗ tay hoan hô ở phòng bên, nhận thấy cô đang cố làm một việc thật vô ích.

- Không có gỡ nó ra được đâu, - anh ta ngái ngủ nói. - Người ta vẽ lên tường mà.

Laura Farina quay trở lại ghế ngồi khi các quý ông rời cuộc họp bước ra. Ngài nghị sĩ đứng ở cửa phòng, vịn nắm tay cầm, và chỉ nhìn thấy Laura Farina khi ngoài tiền sảnh không còn một ai.

- Cô làm gì ở đây?

- Là để thay mặt cho cha tôi°, - cô nói.

Ngài nghị sĩ hiểu ra. Ông liếc nhìn những người lính gác đang ngủ gục, sau đó liếc nhìn Laura Farina trong vẻ đẹp không tưởng tượng nổi đang thúc giục ông còn gấp gáp hơn cả nỗi đau dày vò và cho ông thấy rõ cái chết đã định sẵn.

- Vào đây, - ông ra hiệu cho cô.

Laura Farina đứng trầm trồ trước cửa phòng: hàng ngàn tờ bạc ngân hàng bay tung trong gió, chập chờn như những cánh bướm. Nhưng ngài nghị sĩ tắt quạt đi, và khi không còn gió, các đồng tiền lá tả rơi xuống khắp các đồ vật trong phòng.

- Cô thấy không, - ông cười mỉm nói, - ngay cả rác rưởi cũng bay được.

Laura Farina ngồi xuống, như ngồi trên băng ghế nhà trường. Cô có làn da mịn màng và êm ái, có màu và độ bóng sánh cùng với dầu thô. Mái tóc cô tựa như mái bờm một nàng ngựa cái tơ nồn nà nhất và đôi mắt mênh mông thì sáng rực như lửa. Ngài nghị sĩ nhìn theo ánh mắt cô đang dừng lại trên cánh hồng bị vấy bẩn.

- Đó là một bông hồng, - ông nói.

- Vâng, - cô nói có vẻ bối rối. - Tôi đã thấy nó ở Riohacha7.

Ngài nghị sĩ ngồi lên chiếc giường đã chiến, vừa kể về bông hồng vừa cởi nút áo sơ mi. Trên một bên ngực, ở nơi ông cho là trái tim đang trú ngụ, có một hình xăm hải tặc: một trái tim bị cung tên xuyên thủng. Ông ném chiếc áo ướm đầm xuống đất và bảo Laura Farina đến cởi giày bớt cho ông.

Cô quỳ gối bên cạnh giường. Ngài nghị sĩ tiếp tục dò xét cô, mặt đầm chiêu, trong khi cô tháo dây giày. Ông tự hỏi ai trong hai người là kẻ bất hạnh hơn trong cuộc phiêu lưu này.

- Cô hãy còn là một cô bé, - ông nói.

- Đừng nghĩ vậy, - cô nói. - Tháng tư này tôi sẽ tròn mười chín tuổi.

Ngài nghị sĩ thấy hứng thú hơn.

- Ngày mấy?

- Ngày mười một, - cô trả lời.

Ngài nghị sĩ thở ra nhẹ nhõm.

- Chúng ta cùng có mạng Cừu, - ông nói, và mỉm cười nói thêm: - Đó là dấu hiệu của sự cô đơn. - Chẳng ai yêu thương chúng ta cả, - ông thở dài.

Laura Farina muốn nói điều gì đó, nhưng cô thấy ngộp thở. Cô chỉ đủ sức hít thở cầm chừng. Ông đặt cô nằm qua cạnh bên để giúp cô, với tay tắt đèn và căn phòng chìm vào dưới bóng tối lờ mờ của bông hồng. Cô tự nhủ thương cảm cho số phận của mình. Ngài nghị sĩ nhẹ nhàng vuốt ve cô, bàn tay chỉ chạm khẽ lên da, và đến chỗ ông mong tìm thấy, ông chạm phải một vật bằng kim loại.

- Cô có cái gì ở đây vậy?

- Một cái ổ khoá, - cô trả lời.

- Chuyện quái quỷ gì đây! - ngài nghị sĩ nổi xung lên. Và ông hỏi cô thứ ông biết rất rõ: - Chìa khoá đâu?

Laura Farina thở ra nhẹ nhõm.

- Chỉ cha tôi mới có nó, - cô trả lời. - Cha tôi sai tôi tới nói là ông có thể cho người đi lấy nó với một tờ giấy ghi lời hứa sẽ giải quyết chuyện của ông ấy.

Ngài nghị sĩ trong bụng ức giận, nghiến răng rửa thầm: “Trò cầm sừng rác rưởi!” Rồi ông nhắm mắt thả lỏng người và suy ngẫm trong bóng tối. Hãy nhớ lấy rằng, - ông nhớ lại, - dù người hay là ai khác, các người sớm muộn gì rồi cũng sẽ chết và chẳng mấy lâu sau, người ta sẽ quên bẵng đi ngay cả tên họ của các người°. Một cơn rùng mình thoáng qua người ông.

- Hãy nói cho ta biết, - ông cất tiếng hỏi. - Cô nghe người ta nói gì về ta?

- Ngài có muốn nghe sự thật, sự thật thực sự?

- Ta muốn nghe sự thật, sự thật thực sự.

- Vậy thì, - Laura Farina mạnh dạn thì thầm, - người ta nói là ông ghê gớm hơn người khác bởi vì ông khác họ.

Ngài nghị sĩ không có vẻ gì lúng túng. Ông im lặng thật lâu, mắt nhắm nghiền, và khi mở mắt ra lại, có thể tin rằng ông đã quay về với những bản năng được che đậy kín kẽ nhất.

- Thật là đồ rác rưởi! - Ông kết luận. - Cô về nói với cha cô là tôi sẽ dàn xếp việc của ông ấy.

- Nếu ngài muốn, tôi có thể tự mình đi tìm chìa khoá, - Laura Farina nói.

Ngài nghị sĩ giữ cô lại.

- Quên cái chìa khoá đi, - ông nói, - và ngủ với ta một lát. Có được ai đó bên cạnh thật là hay trong những lúc cô độc.

Cô áp ông vào vai mình, mắt đắm đắm nhìn bông hồng. Ngài nghị sĩ ôm vòng lấy cô, dúi đầu vào dưới đôi cánh tay hoang dã của cô và gục ngã trước nỗi khiếp sợ. Sáu tháng mười một ngày sau đó, ông đã chết ở cùng một tư thế, để lại những lời đồn thổi về vụ tai tiếng vì Laura Farina. Nhưng ông đã khóc giận nếu không được chết trong vòng tay cô.

(Theo bản dịch tiếng Pháp của Claude Couffon, in trong: Raconter des histoires, Nouvelles recueillies par Nadine Gordimer, Édition Grasset & Fasquelle, Paris, 2005)

Nguồn: Người đại biểu nhân dân (số 07-08 tháng 12/2005)

Ghi chú:

1 Göttingen: thành phố ở Đức, có trường đại học nổi tiếng về cơ khí xây dựng.

2 Marcus Aurelius Antoninus: hoàng đế La Mã (161-180).

3 Cayenne: thủ phủ vùng Guyane, thuộc địa Pháp ở Nam Mỹ.

4 Paramaribo: thủ đô Surinam.

5 Aruba: một đảo thuộc quần đảo Antilles thuộc địa Hà Lan.

6 Guajira: bán đảo ở Nam Mỹ (Colombia và Venezuela).

7 Riohacha: thành phố ở Colombia, thủ phủ vùng Guajira.

8 Theo cung hoàng đạo phương Tây, những người sinh từ ngày 21 tháng 3 đến 20 tháng 4 có mạng Cừu.

° Nguyên văn nhân vật nói bằng tiếng Pháp.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Chuyện Buồn Không Thể Tin Được Của Êrênhdira Ngây Thơ Và Người Bà Bất Lương

Êrênhdira đang tắm cho bà nội thì cơn gió bất hạnh của cuộc đời cô cũng bắt đầu nổi lên. Căn nhà khổng lồ, tường đã lở vôi, vốn đã xiêu vẹo trong cảnh cô đơn của hoang mạc, rùng mình ngay từ cơn gió giật đầu tiên. Nhưng Êrênhdira và người bà đã quen với những nguy hiểm của thiên nhiên hung bạo ấy, cho nên cả hai người, đang ở trong buồng tắm, cái buồng tắm được trang trí bằng những chiếc lông công bện lại và bằng những bức khảm nổi thường dùng trong các nhà tắm thời các Hoàng đế Xêda – hầu như không nhận ra được sức gió mạnh tới mức nào.

Ê

Bà già, trần truồng và khổng lồ như một con cá voi, nằm trong chậu tắm bằng đá hoa cương. Cô cháu vừa xấp xỉ tuổi mười bốn, dáng người mảnh khảnh và quá ngây thơ so với tuổi của mình. Với cử động thông thả mang vể kính cần, cô cháu tắm cho bà mình bằng thứ lá thơm mà cứ mỗi bận dội nước xong, lá bám vào cái lưng nần nẫn, lá bám vào mái tóc ngả màu cước, lá bám trên đôi vai vạm vỡ có xăm hình nhăng nhít với vể giễu cợt của các thủy thủ.

-Đêm qua bà nằm mơ thấy mình đang chờ thư – người bà nói.

Êrênhdira, vốn chỉ nói khi thật cần thiết, hỏi bà:

-Bà nằm mơ vào hôm nào cơ?

-Vào ngày thứ Năm!

-Vậy là một lá thư buồn bà ạ! Nhưng có lẽ không khi nào nó tới, bà đừng lo!

Khi tắm xong cho bà già, cô cháu dắt bà mình vào phòng riêng. Bà già béo ục ịch tới mức mỗi bận đi lại bà phải vịn vào vai cô cháu hay chống một cái ba-toong giống hệt cây gậy của Đức giáo chủ. Nhưng trong những cử chỉ nặng nề ấy của bà già, người ta vẫn nhận ra cái vẻ oai phong của lối sống vương giả đã hết thời. Trong căn phòng bày biện có phần hơi bừa bãi y hệt sự bày biện trong toàn căn nhà, Êrênhđira phải mất hai giờ liền mới trang điểm xong cho bà nội mình. Trước tiên cô cháu gỡ từng sợi tóc một, xức nước hoa và chải mượt mái tóc cho bà sau đó mặc cho bà bộ váy áo hoa sắc sỡ. Cuối cùng cô tô điểm cho bà: thoa phấn da mặt, tô môi son, đánh má hồng, tô móng tay. Khi trang điểm xong cho bà mình như trang điểm cho con búp bê có cỡ người thực, Êrênhđira dẫn bà ra vườn hoa, cái vườn hoa nở toàn hoa sắc sỡ y hệt màu hoa trên váy áo bà, rồi để bà ngồi trên chiếc ghế có tay dựa y như chiếc ngai vàng của các đấng Quân vương, một mình lặng lẽ nghe đĩa hát.

Khi người bà đắm say trong những kí ức xa xưa thì cô cháu lo lau quét nhà, một căn nhà tối, loang lổ ánh sáng, bày biện lộn xộn những bàn ghế giường tủ, những bức tường tạo hình của Đức Hoàng đế Xêda, những ngọn đèn chùm, những bức tượng thánh bằng thứ thạch cao tuyết hoa, một cây đàn pianô thiếp vàng và một lô đồng hồ đủ kiểu đủ dạng. Ngoài sân có một bể chứa nước trong nhiều năm thứ nước giếng do những người thổ dân Anhđiêng gánh từ xa về. Ngay xích nước có một chú đà điểu dị kỳ, một con vật lông vũ duy nhất đã sống sót sau những trận giông bão phũ phàng của miền hoang mạc, bên cạnh một con xóm nhỏ toàn nhà lá có những con dê cũng phải buồn khi cơn gió bất hạnh thổi tới.

Cuộc sống ẩn dật không thể hiểu được ấy do chính chồng bà tạo nên. Y là một tên buôn lậu nổi tiếng với cái tên Amadix. Bà già chung sống ngoài

giá thú với y, sinh được một người con trai cũng tên là Amadix. Người này là cha đẻ của Êrênhđira. Câu chuyện lan truyền rộng rãi bằng tiếng thổ dân Anhđiêng ở đây kể rằng: Amadix bố đã cướp người phụ nữ đẹp nhất của một nhà chứa ở vùng Angtidat bằng cách dùng dao đâm chết một người đàn ông rồi sau đó mang cô gái về sống ngoài vùng cương toả tại hoang mạc này. Khi cha con Amadix chết, người bố chết vì những cơn sốt tương tư, người con chết vì đạn của kẻ thù xâm lỗ chỗ khắp thân thể, người đàn bà đã chôn hai thầy ma ấy ngay tại sân nhà, rồi đuổi mười bốn cô hầu gái đi, một mình thụ hưởng giấc mộng quyền uy trong căn nhà tranh tối tranh sáng này nhờ lòng tận tụy hầu hạ của cô cháu gái ngoài giá thú do chính bà nuôi từ khi mới lọt lòng. Chỉ để lên dây cót và chỉnh lại kim cho những chiếc đồng hồ có trong nhà, Êrênhđira phải mất sáu giờ liền. Ngay hôm sau nổi bất hạnh của đời cô bắt đầu, cô không phải làm cái công việc đó bởi những chiếc đồng hồ này còn dư sức chạy cho tới ngày hôm sau. Tuy thế cô vẫn không được nghỉ ngơi. Ngày hôm ấy cô bé phải tắm và trang điểm cho bà mình, phải lau sàn nhà, nấu ăn trưa và đánh bóng các cửa kính. Đến lúc 11 giờ trưa, khi cô đang thay xô nước mới cho chú đà điểu và nhổ cỏ dại mọc um tùm trên nấm mộ song táng của cha con Amadix thì ngay từ lúc ấy trở đi cô phải gắng hết sức mới đứng vững trước sức giạt của cơn gió hung hãn. Thế mà cô bé vẫn chưa nhận ra cơn gió ấy là một điềm gở báo cho cô biết nổi bất hạnh của đời cô đã bắt đầu. Đến lúc 12 giờ trưa khi cô đang đánh bóng nốt mấy chiếc cốc uống sâm banh thì ngửi thấy mùi nước thối thơm lừng. Thế là cô bé ba chân bốn cẳng chạy một mạch tới nhà bếp như người có phép lạ không hề làm đổ vỡ các cốc tách bằng thủy tinh xứ Vênêxia. Cũng may cô tới kịp để nhắc xanh thối ra khỏi bếp lửa, rồi đặt tiếp nồi nước xốt lên bếp. Trong lúc chờ đợi, Êrênhđira ngả lưng xuống một chiếc ghế dài kê trong nhà bếp nằm nghỉ. Nhắm mắt lại rồi ngay sau đó mở mắt ra, cô cảm thấy người mình khoan khoái dễ chịu. Cô đứng dậy đi múc súp ra bát loa. Cô làm việc trong lúc ngủ.

Người bà một mình ngồi vào bàn tiệc đã bày những cây đèn nến bằng bạc và đồ dùng ăn uống cho mười hai người ăn, bà rung chuông và chỉ một

lát sau cô cháu đã bước vào phòng ăn, tay bưng bát súp đang nghi ngút bốc hơi. Trong lúc cô cháu dâng món súp thì người bà nhận ra những động tác mòng du của cháu gái mình. Người bà huơ huơ tay trước mặt cô cháu như thể đang lau một tấm kính vô hình. Cô bé vẫn không hay biết gì. Người bà tiếp tục quan sát cháu mình. Đến khi Êrênhđira quay lưng để bước vào nhà bếp, lúc ấy bà quát:

- Êrênhđira!

Cô bé giật nảy mình thức dậy, để rơi bát súp xuống tấm thảm trải nhà.

- Ấy bà gọi thế thôi! Chẳng có việc gì cả đâu cháu ạ – người bà nhẹ nhàng nói- Cháu mắc bệnh mòng du rồi.

- Cháu đã quen thói rồi! – Cô cháu tự bào chữa.

Êrênhđira cúi nhặt chiếc bát loa và định lau vết súp vấy bẩn trên tấm thảm trong trạng thái ngái ngủ.

- Để nguyên đấy cháu ạ! – người bà nói vẻ vồ về – Chiều nay cháu hãy làm cũng được.

Thế là ngoài những công việc thường xuyên của buổi chiều, cô bé phải giặt tấm thảm trong nhà ăn, cả quần áo đã thay từ hôm thứ Hai. Cô làm những công việc này trong lúc cơn gió cứ lồng lộn quanh nhà tìm khe hở để chui vào. Cô bận túi bụi đến mức đêm đến lúc nào cũng không hay. Khi cô trải tấm thảm xuống nền nhà phòng ăn thì cũng là lúc tới giờ đi ngủ.

Cả buổi chiều hôm đó người bà chơi đàn pianô, bằng giọng the thé hát cho mình nghe những bài hát của thời trẻ. Trên mi mắt bà còn ngấn đọng những giọt lệ. Ấy vậy mà khi vừa nằm dài trên giường, bà già đã lại chìm đắm trong những kỉ niệm đẹp có pha vị cay đắng của cuộc đời. Bà mặc bộ váy áo ngủ bằng thứ vải mỏng.

- Ngày mai cháu hãy giặt tắm thảm phòng khách nhé – Người bà bảo Êrênhdira- tắm thảm ấy đã lâu ngày chưa thấy mặt trời đấy.

- Thưa bà, vâng ạ!

Cô bé cầm lấy chiếc quạt lông quạt cho người bà bắt lương. Còn người bà ấy tiếp tục đọc tên những công việc cần làm cho cô cháu trong lúc giấc ngủ từ từ đến với mình:

- Hãy là tất cả quần áo trước khi đi ngủ để ngủ cho yên giấc cháu nhé.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Hãy kiểm tra kĩ các tủ quần áo kéo những rèm gió nhiều như đêm nay, gián dơi sẽ nhấm hết quần áo đấy cháu ạ!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Lúc rảnh cháu nhớ đưa hoa ra ngoài trời cho nó thở!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Nhớ cho đà điểu ăn nhé!

Người bà đã ngủ rồi, tuy nhiên vẫn ra lệnh cho cháu gái mình và cái nết thức trong khi ngủ ấy của bà đã được cô cháu kế thừa. Êrênhdira nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng để làm nốt những công việc còn lại. Trong khi làm, cô bé trả lời đầy đủ những lời dặn dò của người bà đã ngủ say.

- Cháu nhớ cho ngôi mộ của cha con Amadix uống nước nhé!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Trước khi đi nằm cháu nhớ rằng tất cả các thứ vật vãnh dẫu đã vào đấy. Bởi vì cũng như một con người ấy mà, những đồ vật này sẽ khó chịu

một khi nó không được nằm đúng vị trí của mình.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Nếu cha con Amadix có về thì bảo họ chờ vào nhà bởi vì đồng đảng của Porphiriô Galăng đang rình giết họ đấy.

Êrênhđira thôi không trả lời nữa, bởi cô bé biết rằng bà mình đã ngủ rồi và từ lúc này trở đi chỉ còn nói nhảm mà thôi. Sau khi kiểm tra lại tất cả các then cửa, đã tắt đến những ngọn nến cuối cùng trong nhà, Êrênhđira cầm lấy một cây đèn nến nơi phòng ăn để soi đường vào phòng mình. Bên ngoài tiếng gió gầm rít từng chập, từng chập hoà nhịp với tiếng ngáy vang vọng và đều đều của người bà ở trong phòng.

Phòng riêng của cô bé cũng lộng lẫy tuy rằng nó không thể bì nổi với phòng riêng của bà già. Trong phòng cũng bày la liệt những con búp bê được cuộn bằng những mảnh vải, và những con vật làm bằng dây da, những thứ đồ chơi của tuổi ngây thơ mà cô bé vừa trải qua. Quá mệt mỏi bởi công việc trong ngày, Êrênhđira chỉ kịp đặt cây nến lên chiếc bàn rồi lên giường nằm vật ra, không còn tâm tưởng nào mà nghĩ tới việc thay quần áo ngủ. Sau đó, cơn gió bất hạnh của đời cô, như một bầy chó ngọ, đã ủa vào phòng cô hất đổ cây nến đang cháy vào màn cửa.

Sáng ra khi bão tan cũng là lúc có mấy hạt mưa to lác đác rơi làm tắt những mẩu than hồng còn sót lại và làm nguội đám tro tàn còn bốc khói của ngôi nhà bị cháy. Dân chúng trong làng, phần lớn là thổ dân Anhđiêng, đang cố thu nhặt những thứ còn sót lại sau vụ hỏa hoạn: cái xác cháy thành than của chú đà điểu, bộ khung của cây đàn piano, thân một bức tượng... Người bà nhìn số tài sản còn lại quá ít ỏi, lòng đầy ngao ngán. Êrênhđira, ngồi bên cạnh ngôi mộ song táng của cha con Amadix, cũng vừa nín khóc. Khi nhận ra rằng giữa đống tro tàn chỉ còn lại một số ít đồ vật nguyên vẹn, người bà nhìn Êrênhđira lòng thương hại:

-Ôi cháu ơi! -Mụ thở dài- Cả đời mình cháu cũng không thể trả nổi món nợ này cho bà đâu, cháu ạ!

Ngay chính chiều hôm đó cô bé đã phải trả nợ mụ. Dưới trời mưa tầm tã, mụ dẫn cháu mình tới nhà lão lái buôn trong xóm, một người đàn ông goá bụa già trước tuổi, người hom hem. Gã là người nổi tiếng khắp hoang mạc về tính bốc trời có thể tiêu tiền như nước trong việc chơi gái tân. Trước thái độ trơ tráo của người bà, gã lái buôn chẳng ngại ngần gì hết. Gã cứ xét nét Êrênđi-ra như lái trâu xem xét con vật. Gã định giá độ săn chắc của bắp vế, độ nở của bộ ngực và bộ mông cô bé. Lão làm việc chăm chú tới mức không hề mở miệng nói lấy một lời.

-Con bé hãy còn nhãi ranh- Gã nói- Vú vê gì mà bé như vú chó thể này!

Ngay sau đó gã bắt cô gái lên bàn cân. Êrênđi-ra chỉ nặng 42 kg.

-Đắt lắm cũng chỉ đáng một trăm đồng pêxô thôi.

Người bà liền nổi cơn tam bành:

-Một trăm đồng một cô gái hoàn toàn trinh tiết! Ông không xấu hổ sao! Trả như thế chẳng hoá ra ông cũng là hạng đàn ông rẻ rúng chữ trinh lắm sao?

-Trăm rưởi vậy.

-Con bé vừa làm thiệt hại của tôi những một triệu đồng kia. Nếu với món tiền ông trả cho cái sự trinh tiết của nó như thế thì e nó phải trả nợ tôi trong vòng hai trăm năm mất.

-Thực tình mà nói chỉ có tuổi trẻ của con bé là đáng giá thôi bà chị ạ!

Cơn gió to đe dọa giật đổ căn nhà ọp ẹp của lão lái buôn. Mưa rơi trong nhà y như mưa rơi ngoài trời vậy. Người bà cảm thấy quá ư đơn độc trong

cái thế giới đầy tai họa khủng khiếp này.

-Ông anh xem có thể trả cho nó được ba trăm không?

-Thôi, tôi cũng trả hai trăm rưỡi đấy. Bà chị có đồng ý không?

Cuối cùng bọn họ ngã giá như thế này: người đàn ông goá vợ trả hai trăm hai mươi đồng tiền mặt. Số còn lại trả bằng hiện vật gồm lương thực, thực phẩm. Người bà ra hiệu cho Êrênhđira đi với gã đàn ông goá vợ. Gã này dìu tay cô bé đưa vào nhà trong y hệt người cha dẫn con mình đến trường học.

-Êrênhđira này, bà đứng đây đợi cháu nhé.

-Thưa bà, vâng ạ!...

Khi trong làng không còn người đàn ông nào có thể xài tiền để chơi Êrênhđira, người bà liền mang cô bé lên một chiếc xe tải đi tìm bọn buôn lậu. Giữa những tải gạo và thùng bơ là đồ đạc còn sót lại sau vụ hỏa hoạn của mụ: một vài thang giường, kiểu giường bà phó vương, một tượng thần chiến tranh, một chiếc ghế dựa có tay ngai cháy nham nhở và một số đồ vật vãn. Trong một chiếc hòm có vẽ hình chữ thập nguệch ngoạc đựng hài cốt cha con Amadix.

Người bà dùng chiếc ô đã sờn mép để che nắng. Mồ hôi hột vã ra và bụi bặm quấy rầy khiến mụ thở phì phò vẻ nặng nhọc. Tuy nhiên mụ vẫn giữ cái phong độ quyền quý của mình. Sau đồng tải gạo và thùng bơ, Êrênhđira trả cước phí hàng hoá và tiền vé hai bà cháu bằng việc làm tình với gã phụ xe. Thoạt đầu cô cự tuyệt anh chàng này giống như cô đã cự tuyệt gã đàn ông goá vợ nọ. Song cách tán gái của gã phụ xe khác hẳn: thông thả từng bước và có kinh nghiệm hơn, do đó gã đã chinh phục được cô bé. Khi chiếc xe tải đi tới làng đầu tiên sau một ngày chạy miết thì Êrênhđira và gã phụ xe đã mệt lử vì tình nồng say ở đằng sau đồng hàng hoá chất cao. Người lái xe tải nói như quát vào tai người bà:

-Từ đây trở đi chúng ta đã bước vào một thế giới khác hẳn, bà ạ!

Người bà nghi ngờ nhìn những con đường bẩn thỉu và thừa thớt bóng người trong một làng tuy có lớn hơn nhưng cũng buồn tẻ như chính cái làng bà cháu mụ vừa mới bỏ đi.

-Chẳng có gì khác cả - Mụ nói.

-Đó là đất dưới quyền cai quản của Hội truyền giáo.

-Đây chẳng tìm của bố thí mà chỉ tìm những người buôn lậu thôi.

Đang mãi nói chuyện với gã phụ xe ở đằng sau đồng hàng hoá, Êrênhđira thọc tay vào một tải gạo. Bỗng ngón tay đụng phải một sợi dây. Cô túm lấy nó rồi lôi ra. Đó là một chuỗi hạt ngọc trai rất đẹp. Cô bé thàng thốt ngấm chuỗi hạt, tay cứ mân mê nó như mân mê con rắn chết. Trong lúc đó, ở phía buồng lái, người lái xe cãi lại bà già:

-Thôi đi, chớ có mơ tưởng hão huyền đi bà chị. Làm gì có bọn buôn lậu!

-Sao lại không có?

-Không tin thì đành chịu vậy. Bà chị cứ việc đi tìm và rồi bà chị sẽ thấy- Người lái xe nói để chọc tức bà già- Cả thế gian cứ đồn ầm lên về bọn buôn lậu song không một ai nhìn thấy họ ở đâu cả.

Gã phụ xe thấy Êrênhđira đã lôi ra được một chuỗi hạt ngọc, vội vàng giật lấy nó và nhét vào tải gạo như cũ. Tuy cái làng này nghèo thật nhưng bà già đã quyết định dừng lại ở đây. Mụ gọi cô cháu gái tới giúp mình xuống xe. Êrênhđira vội vã hôn từ biệt gã phụ xe.

Bà già ngồi trên chiếc ghế dựa có tay ngai đặt ở giữa đường cái đợi cho tới khi bốc hết đồ lể của mình xuống. Cái hòm đựng hài cốt cha con Amadix được bốc xuống sau cùng.

-Ôi chao! Cái của này sao nặng thế, nặng y như một cái thầy ma ấy. -
Người lái xe nói rồi cười.

-Những hai đấy chứ không phải một đâu! Anh hãy kính trọng vong linh họ.

-Có lẽ là những bức tượng tạc bằng ngà- người lái xe lại cười nói.

Người lái xe đặt bừa cái hòm đựng hài cốt cha con Amadix xuống bên cạnh những đồ vật cháy nham nhở khác, rồi chìa tay ra trước mặt bà già:

-Xin bà chị 50 đồng!

-Ô kìa, cháu đã trả cho người của anh rồi thôi!

Người lái xe ngạc nhiên quay lại nhìn người giúp việc của mình. Anh này làm hiệu đã nhận tiền rồi. Người lái xe trở lại ca-bin. Một phụ nữ mang khăn tang, trên tay bế một đứa bé đang khóc nức nở vì không khí ngột ngạt, đã ngồi ở trong đó. Với giọng đầy tự tin người phụ xe nói với bà già:

-Nếu cụ không phản đối, Êrênhđira sẽ đi cùng cháu. Cháu nói thật lòng đấy cụ ạ!

Cô bé vội chen vào:

-Hay nhỉ, tôi có hứa hẹn với anh điều gì đâu nào!

-Anh nói điều anh nghĩ thôi, em ạ!

Bà già nhìn chăm chú vào gã không phải để tỏ ý khinh thị mà để xem gã bạo phổi tới mức nào.

-Tôi không ngăn cản anh, nếu anh trả tôi số tài sản mà cô bé, do vô ý, đã làm thiệt hại. Số tài sản ấy trị giá cả thảy là tám trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm năm mươi đồng pêxô. Nếu trừ đi bốn trăm năm mươi đồng đã trả

được thì nó còn nợ tôi tám trăm sáu mươi một ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng nữa.

Chiếc xe tải rồ máy.

-Cụ ơi! Cụ hãy tin rằng cháu sẽ đưa cụ khoản tiền ketch xù đó nếu cháu có- Gã nói nghiêm chỉnh- Quả thật cô gái đáng giá bấy nhiêu tiền đấy, cụ ạ!

Bà già, nhận ra tấm lòng thành thực của chàng trai, nói:

-Vậy hãy trở lại khi nào cháu có đủ tiền nhé! Còn bây giờ thì hãy cắt đi kéo ta tính lại tiền thì cháu hãy còn nợ ta 10 đồng nữa đấy.

Gã phụ xe nhảy lên thùng chiếc xe tải đang chạy vẫy tay chào từ biệt Êrênhđira. Nhưng cô gái không kịp đáp lại bởi cô chưa qua cơn thăng thốt vừa xảy ra xong.

Êrênhđira và người bà dựng tạm một túp lều ngay trên bãi đất hoang. Họ lợp lều bằng những tấm tôn và dùng mấy mẫu thảm chấy dờ để che chung quanh lều. Trải hai chiếc dất giường xuống đất rồi lấy đệm đặt lên làm giường ngủ và hai bà cháu ngủ ngon lành như ở trong nhà vậy. Đến khi mặt trời lên cao xuyên nắng qua khe hở trên nóc lều rọi vào mặt, lúc ấy hai bà cháu mới thức dậy. Khác với mọi khi, hôm nay bà già trang điểm cho Êrênhđira. Mạ thoa son phấn lên mặt cô cháu, tô điểm theo kiểu đẹp u hoài, một một thịnh hành trong thời con gái của mạ. Người bà kết thúc công việc bằng cách đính thêm đôi lông mày giả và buộc thêm một chiếc nơ đen, nom y hệt một con bướm, lên mái tóc cô cháu.

- Cháu thấy đẹp chưa? - mạ hỏi- trang điểm theo một này thì thật là tuyệt. Bọn mày râu là chúa hám của lạ.

Cả hai bà cháu đều nghe thấy tiếng chân la nện trên nền đất cứng nơi hoang mạc trước khi nhìn thấy chúng. Theo lệnh bà mình, Êrênhđira nằm trên một chiếc giường tạm bợ- cô làm ra vẻ vụng về y hệt một diễn viên

mới vào nghề lúng túng trước khi lên sân khấu mở màn. Chống cây ba-toong của Đức Giáo chủ, bà già chui ra khỏi túp lều đến ngồi trên chiếc ghế có tay ngai đợi đàn la tới.

Một nhân viên bưu điện đi tới. Gã chưa tới tuổi 20, thể mà nom già khom. Gã vận bộ đồ ka-ki, đi ủng cao ống, đội chiếc mũ bộp, lưng đeo khẩu súng lục, có một băng đạn dài vắt chéo ngang vai. Gã cười trên lưng một con la và dắt theo một con la khác. Con này thồ các túi thư.

Khi qua trước mặt bà già gã giơ tay chào, rồi cứ thế đi thẳng. Nhưng mục già đã kịp làm hiệu cho gã nhìn vào trong lều. Gã thấy Êrênhđira trang điểm lộng lẫy, mặc bộ váy áo có dải lưng màu tím sẫm nằm trên chiếc giường làm tạm bợ.

- Anh có thích không? - mục già hỏi.

Cho tới lúc này gã nhân viên bưu điện mới vỡ lẽ điều bà già mong đợi ở mình.

- Tuyệt!

- Năm mươi đồng, xin mời!

- Ôi chao! Đắt hơn vàng- gã nói - Số tiền ấy bằng tiền ăn cả tháng của tôi đấy chứ có phải chơi đâu!

- Chớ có mà hà tiện quá thế anh bạn ạ! Nhân viên bưu điện hàng không giàu lắm đấy, lương còn xộp hơn cả lương cha cố kia mà!

- Bà nhầm rồi. Tôi chỉ là nhân viên bưu điện nội địa thôi. Nhân viên bưu điện hàng không họ đi xe ô-tô kia.

- Gái cũng cần thiết như cơm ăn, nước uống hàng ngày đấy anh bạn ạ!

- Nhưng không trừ bữa được bà ạ!

Đến đây bà già vỡ nhẽ rằng cái con người sống không bằng những hy vọng hão huyền có thừa thời gian để mà cò kè bớt một thêm hai. Cho nên mục nói thẳng:

- Hiện giờ anh có bao nhiêu tiền?

Gã nhân viên bưu điện liền xuống ngựa. Rút trong ví ra vài tờ giấy bạc nhàu nát gã đưa cho bà già. Mục chìa tay ra vớ vội lấy như vớ quả bóng.

- Thôi được! Ta hạ giá cho anh nhưng với điều kiện anh phải loan tin đi khắp nơi.

- Xin hết lòng hầu bà. Tôi sẽ loan tin rõ rộng, rõ xa, sang tới tận bờ bên kia Đại Tây dương.

Êrênhđira, lúc ấy đang mở to mắt đầy vẻ ngạc nhiên, liền gỡ đôi lông mày giả rồi nằm né sang một bên giường nhường chỗ cho gã nhân tình ngẫu nhiên. Ngay sau khi gã nhân viên bưu điện bước vào trong túp lều, bà già liền đóng trái cửa lại.

Việc làm ấy rất kiến hiệu. Bị cám dỗ bởi những lời tuyên truyền từ miệng gã nhân viên bưu điện, bọn mày râu từ mọi miền dù xa mấy, cũng ùn ùn kéo tới để thưởng thức cái tân kỳ của Êrênhđira. Bọn người này tới kéo thêm những bàn xổ số, những quán nhậu và cả một cửa hàng ảnh lưu động. Cửa hàng ảnh này chỉ có một cỗ máy chụp ảnh đặt trên giá và một tấm phong vẽ cảnh những con thiên nga có chân đứng bên hồ nước.

Ngồi trên chiếc ghế có tay ngai, tay phe phẩy chiếc quạt lông, bà già tỏ vẻ thờ ơ với chính cái quang cảnh náo nhiệt như hội chợ trong tiệm chứa của mình. Mục chỉ để ý tới trật tự của hành khách đợi tới lượt và số tiền trả đủ trước khi vào với Êrênhđira. Thoạt tiên cũng xảy ra một vụ cãi vã khá gay gắt tới mức mục phải đuổi một khách hàng vì vị này đã gian lận trả thiếu năm đồng. Những tháng gần đây đã cho mục những bài học đích đáng bởi

vậy mụ quyết định nhận tất cả những vật dụng có giá trị bảo đảm như huy chương các thánh, kỷ vật của gia đình và cả nhẫn cưới nữa thay cho tiền.

Vào lúc kết thúc một thời gian tạm trú khá dài trong cái làng đầu tiên ấy, người đã thu được khá nhiều tiền để có thể sắm được một con lừa. Nhờ con lừa này mụ sẽ đi ngày một sâu hơn vào hoang mạc tìm đến những địa điểm dễ kiếm tiền hơn, nhanh chóng thu lại số tiền Êrênhđira còn mắc nợ. Bà già ngồi trên một chiếc yên làm tạm đặt trên lưng lừa. Êrênhđira đi bộ cầm chiếc ô đã sờn mép che nắng cho bà mình. Sau bà cháu Êrênhđira là những người Anhđiêng khiêng vác những đồ đạc không thể bỏ lại được như giường chiếu, cái ghế dựa có tay ngai, vị thần hộ mệnh, và cả chiếc hòm đựng hài cốt của cha con Amadix. Bác phó nháy ngồi trên chiếc xe đạp của mình cũng đi theo đoàn tùy tùng của bà cháu Êrênhđira, nhưng lúc nào bác cũng đi sau cách một khoảng khá xa.

Đã được sáu tháng trời kể từ ngày xảy ra vụ hoả hoạn ấy. Đó cũng là lúc bà già có thể có một cái nhìn chung đối với công việc làm ăn của bà cháu mụ. Bà già nói với Êrênhđira.

-Nếu công việc cứ thuận buồm xuôi gió như lúc này thì cháu sẽ trả xong công nợ cho bà trong tám năm sáu tháng mười ngày.

Với đôi mắt lim dim, bà già soát lại những con số ấy cho chắc chắn bằng việc lần đếm những hạt ngọc moi ra từ túi đựng tiền. Rồi mụ bảo:

-Dĩ nhiên là chưa tính tới tiền lương và cơm ăn hàng tháng của bọn Anhđiêng làm cho mình cùng một số những chi tiêu vặt khác.

Êrênhđira, lúc này đã mệt bã người vì không khí ngột ngạt và đầy bụi bặm trong khi cuốc bộ bên cạnh con lừa, không tranh luận để bác bỏ những con số tính toán của bà. Tuy nhiên cô bé phải ngậm bồ hòn làm ngọt.

-Bà ơi! Người cháu moi như có ai dẫn trong xương ấy.

-Mày lại muốn ngủ chứ gì?

-Thưa bà, vâng ạ!

Cô bé nhắm mắt lại, hít thật sâu vào phổi thứ không khí nóng hầm hập rồi tiếp tục vừa đi vừa ngủ.

Bỗng xuất hiện một chiếc xe tải cỡ nhỏ chở toàn lồng chim làm cho bầu dề nháo nhác chạy giữa làn bụi dầy đặc in nơi chân trời. Tiếng chim kêu gợi một cảm giác tươi mát giống như cảm giác nhận được sau một trận mưa rào trút xuống cái làng nhỏ Xăng Mighen thuộc vùng hoang mạc vào một ngày chủ nhật buồn tẻ. Ngồi sau vô-lăng là lão lái buôn cam người Hà Lan. Da lão sần sùi, xạm nắng, dấu ấn không thể chối cãi của khí hậu khắc nghiệt vùng hoang mạc. Bộ râu của lão vàng hoe, vật thừa kế được của tổ tiên mình. Uylix, con trai lão ngồi bên cạnh. Anh là một chàng thanh niên đang độ xuân phơi phới, có đôi mắt sáng, vẻ cô đơn, dấu hiệu ẩn dật của một thiên thần. Lão lái buôn người Hà Lan chú ý tới cái quán hàng mà trước nó tất cả lính tráng của đội cấm vệ địa phương xếp hàng dài chờ tới lượt. Chúng ngồi phệt xuống đất chuyềnh nhau tu khắp lượt chai rượu mạnh. Chúng đội trên đầu cành lá bàng như thể chúng ngụy trang phục kích một trận đánh. Bằng tiếng Hà Lan lão hỏi con trai mình:

- Ở đây người ta đang bán cái quái gì vậy?

- Một người đàn bà- Con trai lão trả lời- Người ấy tên là Êrênhđira.

- Sao mày biết?

- Cả hoang mạc này đều biết!

Lão Hà Lan xuống xe đi vào khách sạn. Uylix còn ngồi nán lại trên xe. Anh khéo léo mở chiếc cặp của cha để ở ghế xe, lôi ra một tập giấy bạc rồi rút lấy mấy tờ đút vào túi áo mình. Xong xuôi đâu đó anh cẩn thận để lại

xấp tiền ấy vào chỗ cũ cho cha mình. Đêm ấy khi cha ngủ, Uylix trèo qua cửa sổ khách sạn để ra phố. Anh đến quán hàng của Êrênđira để sắp hàng.

Lúc này quang cảnh trước quán hàng thật náo nhiệt. Những kẻ hiếu động say khướt thi nhau nháy một mình để khỏi bỏ phí thứ âm nhạc cho không. Bác phó nháy nháy máy ảnh liên tục bằng thứ giấy ma-nê. Trong lúc trông coi quán hàng, bà già đếm tiền trong lòng mình. Mụ chia tiền thành từng bó đều nhau rồi xếp gọn gàng vào trong chiếc làn. Cho đến lúc này hàng chỉ còn 12 người lính nhưng sau đó cái hàng người ấy đã dài ra rất nhiều do có những người đàn ông dân sự, công chức, nhà buôn... tới tham gia. Uylix là người đứng sau cùng.

Đến lượt một người lính vẽ thần thờ buồn. Bà già không những không cho gã vào mà mụ còn tránh không đụng tay tới tiền của gã chìa ra cho mụ.

- Dù anh có tất cả số vàng của bọn mọi anh cũng không được vào. Anh bị lậu.

Người lính vốn không phải là người vùng này ngạc nhiên hỏi:

- Cái ấy nghĩa là gì?

- Nghĩa là anh sẽ để lại một thứ bệnh nguy hiểm cho cháu ta. Chỉ cần nhìn mặt anh là biết ngay mà!

Nói đoạn mụ gạt người lính ấy sang một bên để lấy lối vào cho người khác.

- Mời vào, cái anh chàng nghiện xì ke kia! -Mụ tếu- Chớ có mà chậm trễ đấy kéo tổ quốc đang đợi anh.

Người lính vào nhưng lại ra ngay tức khắc bởi Êrênđira muốn nói chuyện với bà mình. Mụ liền khoác cái làn đựng tiền rồi bệ vệ bước vào trong nhà. Tuy quán hàng này hẹp nhưng gọn gàng ngăn nắp và sạch sẽ. Tít

trong cùng, Êrênhđira nằm trên giường, người run lên như cây sậy. Cô bé bị bọn lính hành hạ khắp người nhóp nhúa thứ mồ hôi của chúng.

- Bà ơi! - cô bé nức nở - Cháu chết mất thôi bà ạ.

Người bà sờ tay lên trán cháu mình. Khi nhận ra cháu mình không sốt, liền an ủi:

- Chỉ còn một chục thằng lính nữa thôi, cháu ạ!

Êrênhđira oà lên khóc đầy sợ hãi. Nhận ra rằng cháu mình đang quá khiếp đảm, mẹ xoa đầu an ủi cháu:

- Chỉ tại cháu quá yếu sức thôi. Nào! Nín đi nào! Cháu hãy đi tắm nước nóng có pha muối, người sẽ khoẻ lại thôi mà!

Bà già bước ra ngoài khi cô cháu mình đã bình tâm trở lại. Mẹ trả tiền cho người lính đang đợi. - “ Hôm nay tạm dừng ở đây anh nhé! Ngày mai mời anh trở lại ta sẽ để anh vào trước tiên!”. Sau đó mẹ nói to cho mọi người đều hay biết:

- Nghỉ thôi, hồi các chàng trai trẻ! Ngày mai, 9 giờ, mời các anh tới!

Lính tráng và cả những người đàn ông khác tản ra khỏi hàng, miệng gào thét phản đối. Bà già hươ hươ cây ba-toong của đức Giáo chủ dọa lại họ:

- Đồ mặt hạng! Các người tưởng cháu ta là đá sao. Đá còn biết đổ mồ hôi nữa là người. Các người cứ tự đặt mình vào hoàn cảnh của nó xem thì khắc biết khổ sở thế nào. Ấy thế mà các người cứ đòi hành hạ nó thả sức. Đồ mặt mọt cả lũ.

Bọn đàn ông chửi lại mẹ bằng những lời còn tục tĩu hơn nữa. Nhưng bà già đã dẹp được cảnh hỗn độn ấy và giờ đây, mẹ chống cây ba-toong của đức Giáo chủ đứng gác đợi cho tới khi giải tán hết các bàn ăn và quây xố

số. Đang định bước vào quán hàng của mình, bà già bắt gặp Uylix đang đứng tần ngần ở giữa bãi tối và trống trải mà trước đây ít phút bọn mày râu đã xếp hàng chen chúc. Anh có khuôn mặt đẹp, khuôn mặt của đấng thiên thần.

- Còn anh, anh bỏ quên đôi cánh thiên thần của mình ở đâu?

- Thưa cụ, người có đôi cánh thiên thần chính là ông cháu, - anh thản nhiên trả lời – Nhưng chẳng một ai tin cả.

Bà già tò mò nhìn kỹ anh hơn: - “ Thế thì ta tin anh đấy! Ngày mai anh hãy mang đôi cánh thiên thần tới đây nhé!" Nói xong mục chui vào nhà để mặc Uylix trong tâm trạng nôn nóng đứng một mình ngoài cái bãi đã trống vắng lại tối tăm.

Sau khi tắm xong, Êrênhđira cảm thấy dễ chịu hơn. Cô bé mặc bộ đồ lót có thêu thùa khá đẹp, ngồi hong khô tóc để đi nằm. Đến tận lúc này, cô vẫn còn tấm tức muốn khóc. Người bà đã ngủ say.

Từ phía sau giường của Êrênhđira, Uylix nhô hẳn đầu lên. Êrênhđira nhìn thấy một đôi mắt trong như ngọc để lộ vẻ thèm muốn da diết. Không nói không rằng gì hết, Êrênhđira gỡ tấm khăn che trước mặt để nhìn cho rõ hơn. Không phải là một ảo ảnh mà đích thực là đôi mắt người. Khi Uylix chớp mắt Êrênhđira khẽ hỏi:

- Anh là ai?

Uylix nhô hẳn người lên để lộ cả đôi vai, trả lời: "Tôi là Uylix". Anh vội xoè mấy tờ bạc vừa ăn cắp của cha mình cho cô gái xem, rồi nói:

- Tôi có mang tiền đây!

Êrênhđira tỳ tay lên giường, rướn gương mặt mình lại sát gương mặt của Uylix, rồi tiếp tục nói chuyện y như thời đi học trường tiểu học của

mình:

- Phải xếp hàng thôi anh ạ!

- Tôi đã đợi suốt buổi tối rồi!

- Vậy thì anh phải đợi tới ngày mai. Tôi đang mệt lắm. Chỗ thận tôi đau như có ai chọc que vào ấy.

Chính trong lúc này người bà bắt đầu nói nhảm.

- Đã hai mươi năm trôi qua kể từ khi có trận mưa to gió lớn. Đó là một trận bão thật khiếp người đi được. Mưa to trong lúc nước thủy triều lên làm cho cả làng này lụt. Khi trời sáng thì nhà đầy cá và ốc biển. Amadix, ông nội mày đã yên giấc ngàn thu, lúc ấy nhìn thấy sao chổi sáng rực vút ngang bầu trời.

Nghe thấy vậy Uylix vội nấp ngay xuống sau giường. Êrênhđira cười thú vị:

- Khoan nào, chờ khi! - Cô bé nói- Bà tôi thường vẫn thế. Khi ngủ bà nói nhảm nhí như người điên ấy. Thế mà dù có động đất vẫn không lay tỉnh nổi bà.

Uylix lại nhô người lên. Êrênhđira nhìn anh với nụ cười hóm hỉnh có pha chút cảm tình. Cô bé lật tấm vải trải giường đã nhàu.

- Hãy vào đây giúp tôi thay vải trải giường đi anh!

Uylix đi ra khỏi nơi ẩn, tới cầm lấy một đầu tấm vải, vì nó quá rộng nên phải gấp lại vài lần mới xong. Cứ mỗi lần gấp tấm vải lại là một lần Uylix xích lại gần Êrênhđira hơn.

- Anh muốn được nhìn em như điên. Cả thế gian đồn rằng em đẹp lắm. Lời đồn ấy quả không ngoa.

- Thế mà tôi sắp đi châu trời rồi đấy anh ạ!

- Mẹ anh bảo rằng những ai chết ở hoang mạc sẽ không lên trời mà đi ra biển đấy.

Êrênhđira đặt tấm vải trải giường đã bẩn sang một bên rồi rồi trải lên giường một tấm vải khác sạch bong và còn nguyên nếp là.

- Tôi không được biết biển như thế nào.

- Biển mênh mông giống như hoang mạc ấy, chỉ khác cái là toàn nước thôi.

- Thế thì người ta không thể đi lại trên biển được.

- Cha anh biết một người có thể đi lại trên biển được, nhưng đã lâu lắm rồi.

Mặc dù câu chuyện đang lý thú nhưng Êrênhđira lại thêm được ngủ hơn. Cô bé bảo anh:

- Nếu ngày mai anh tới sớm sẽ ưu tiên cho anh vào trước đấy!

- Sáng mai cha con anh đã phải rời khỏi đây rồi!

- Chẳng lẽ anh không bao giờ trở lại đây nữa sao?

- Ai mà biết trước được! Vì bị lạc đường ở biên giới mà cha con anh phải ghé lại đây thôi.

Êrênhđira nhìn bà mình vẻ đắn đo:

- Thôi được, anh cho xin tiền vậy!

Uylix đưa tiền cho cô gái. Êrênhđira nằm xuống giường nhưng anh lại đứng ngây ra, người run rẩy. Cái quyết tâm của chàng trẻ tuổi bỗng bay mất

ngay trong lúc cần phải hành động nhanh chóng. Êrênhđira cầm lấy tay anh giục mau lên. Chỉ lúc này cô gái mới biết anh chàng đang sợ sệt. Cô gái thừa biết cái kiểu sợ ấy của những chàng trai lần đầu được hưởng cái của ấy.

- Lần đầu tiên phải không? – Cô gái hỏi.

Uylix không trả lời nhưng lại gượng cười vẻ thú nhận. Lúc này Êrênhđira trở thành một người khác, một phụ nữ sành sỏi.

- Anh hãy thở đều đều và chậm chậm thôi- Cô gái nói - Lần đầu tiên người đàn ông nào mà chẳng thế. Chỉ lát nữa thôi anh sẽ thấy hết sợ.

Cô để anh nằm bên cạnh mình. Trong lúc cởi quần áo cho anh, với thủ thuật nhà nghề, cô đã làm cho anh ngày một dạn thêm.

- Anh tên gì?

- Uylix.

- Tên ấy có vẻ tên người Mỹ nhỉ?

- Không phải. Đó là tên một người từng đi du lịch trên biển.

Êrênhđira vạch bộ ngực của Uylix hôn lên nó rồi khịt mũi ngửi.

- Ôi đẹp quá. Cứ như vàng ấy. À mà sao thơm thế, thơm mùi hoa quả.

- Mùi cam chín đấy!

Giờ đã hết lo, anh mỉm một nụ cười hóm hỉnh:

- Để lừa thế gian, cha con anh mang nhiều chim trên xe tải. Thực tình cha con anh mang cam lậu lên vùng biên giới.

- Cam không phải là hàng lậu.

- Nhưng những quả cam này là một thứ hàng lậu. Em có biết không, mỗi quả cam này trị giá năm vạn đồng đấy.

Lâu lắm rồi lần này Êrênđira mới bật cười:

- Gớm! Anh phịa chuyện mà mặt cứ tỉnh bơ đi. Rõ ghét!

Cô gái trở nên thành thật và hay nói, cứ như thể tính ngây thơ trong trắng của Uylix không những khiến cô thay đổi tính tình mà còn thay đổi cả tư chất nữa. Người bà, năm cách xa họ không bao lâu, vẫn tiếp tục nói nhảm:

- Cũng vào thời kỳ này, khoảng đầu tháng Tư, người ta mang cháu tới nhà. Nom cháu cứ y hệt con thần lẩn cuộn trong bông ấỵ. Amadix bố cháu, lúc ấy còn trẻ và đẹp trai, sướng như điên rồi phái người đi kiếm cho được 20 xe bò chở toàn hoa. Khi hoa về, bố cháu reo lên ầm ỹ rồi đi khắp làng tung hoa đến nỗi làng ta trong cái ngày ấy rục rở toàn hoa.

Bà già cứ nói mê như vậy trong vài giờ liền. Nhưng Uylix không nghe thấy mụ nói. Bởi vì lúc này Êrênđira đang yêu anh, yêu anh thực sự. Lúc đầu, cô còn lấy nửa tiền, sau cho không và cứ như vậy đôi trai gái đắm say cho tới khi trời sáng.

Giữa hoang mạc, giáo sĩ của Hội truyền giáo đứng xếp thành hàng ngang.

Lá cờ Chúa bay phần phật trên đầu họ. Cơn gió mạnh vù vù thổi làm bay quần áo bằng vải gai và râu ria của họ. Nhiều lúc cơn gió còn thổi bạt cả người họ. Sau lưng họ là tòa nhà của Hội truyền giáo: một tòa kiến trúc thời thuộc địa, có một tháp chuông nhỏ nhô lên trên những bức tường vôi lờm chờm.

Một giáo sĩ trẻ tuổi hơn cả, đang chỉ huy cả nhóm, tay chỉ vào một kẻ nề tự nhiên trên đất sét, rồi ra lệnh:

- Cấm bước qua vạch này!

Bốn người Anđiêng đang khiêng bà già ngồi trên một chiếc cáng ghép bằng những tấm ván đã dừng lại khi nghe thấy tiếng thét của giáo sĩ trẻ tuổi. Mặc dù phải ngồi gò bó trên cáng và đang khó chịu vì bụi bặm và mồ hôi, bà già vẫn giữ được vẻ đài các của mình. Êrênhđira đi bộ. Sau cáng là một hàng dài tám người Anđiêng khiêng vác những đồ đạc lặt vặt. Người đi sau cùng là bác phó nháy cười trên xe túc tắc đạp theo.

- Ta cứ đi đấy! Hoang mạc chẳng phải của ai cả - Mụ nói.

- Của Thượng đế! – Giáo sĩ trẻ tuổi nói - Với cái nghề nhơ nhuốc của mình ngươi đã vi phạm luật lệ thiêng liêng của ngài.

Trong cách nói năng của giáo sĩ trẻ tuổi bà già đã nhận ra cái cung cách ăn nói của những người thuộc miền bán đảo, vốn ngang ngạnh. Mụ tìm cách tránh voi chẳng xấu mặt nào. Mụ lại trở lại là chính con người mình.

- Thưa cậu, ta thực chưa hiểu được luật lệ huyền bí của ngài. Vậy xin cậu thứ lỗi cho.

Giáo sĩ chỉ tay vào Êrênhđira, nói:

- Cô bé kia còn ở tuổi vị thành niên phải không?

- Nhưng nó là cháu ta, cậu ạ!

- Ồ! Thế thì tội của nhà ngươi càng nặng hơn! Biết điều thì hãy để con bé cho chúng ta bảo trợ. Nếu không thì sẽ biết tay!

Bà già đầu dụ để cho bọn giáo sĩ khác khỏi kéo tới thêm:

- Được! Ta chịu cậu. Nhưng cũng xin nói để cho cậu biết: dù sớm muộn thế nào ta cũng bước qua cái vạch này.

Đã ba ngày rồi kể từ khi có cuộc chạm trán với các giáo sĩ, bà già và Êrênhđira ngủ lại trong một làng ở gần tu viện. Đêm ấy khi bà cháu cô ngủ, có những bóng đen qua lại trước cửa quán hàng của họ. Những chiếc bóng ấy thận trọng và lặng lẽ, cứ bò lết như đang bò vào đồn giặc. Đó là sáu tín đồ mới người Anhđiêng, trẻ trung và cường tráng, mặc quần áo tu sĩ bằng vải gai thô. Chúng lấy một tấm màn chụp lên người cô bé, dựng cô đứng dậy và không làm cô thức giấc. Sau đó chúng khiêng cô đi như khiêng một con cá bị mắc lưới. Tất cả những công việc này bọn chúng làm rất nhẹ nhàng và nhanh chóng, không gây một tiếng động nhỏ.

Để giành lại cháu mình từ tay các giáo sĩ, người bà không từ một thủ đoạn nào. Chỉ khi tất cả những thủ đoạn này, từ những thủ đoạn trâng tráo nhất đến những thủ đoạn mềm dẻo nhất, đều thất bại lúc ấy bà già mới chạy tới kêu cửa nhà chức trách địa phương do một võ quan cầm đầu. Bà già gặp ngài ngay ở ngoài sân đình. Ngài đang trần lưng chĩa súng lên bầu trời nóng bỏng, nã đạn vào đám mây đen cô đơn đang bay. Ngài đang cố sức bắn thùng đám mây đen này để làm cho nước từ trên trời mưa xuống. Những tràng đạn của ngài nghe sao phần nộ nhưng cũng thật vô tích sự. Tuy nhiên ngài cũng ngừng tay để nghe bà già giải bày.

- Tôi chịu bó tay thôi bà ơi. - ngài nói khi đã nghe bà già nói xong- Bởi vì theo Giáo ước thì các tu sĩ có quyền giữ con bé cho tới khi nào nó trưởng thành hoặc cho tới khi nó lấy chồng.

- Vậy ngài làm xã trưởng để làm gì?

- Để làm mưa!

Sau đó khi thấy đám mây đã bay ra ngoài tầm bắn của mình rồi, ngài nghỉ tay và chỉ lúc này ngài mới thực sự tiếp bà già.

- Bây giờ bà phải tìm một người có thể lực- Ngài nói - Người ấy sẽ tự tay cho bà một tờ giấy bảo đảm đạo đức và tiết hạnh của bà. Thế bà có

quen biết ông nghị Ônêximô Xăngchết không?

Ngồi trên một chiếc ghế đầu quá hẹp so với bộ móng rộng bè bè của mình dưới trời nắng chang chang, bà già lộn tiết đáp cộc lốc:

- Tôi chỉ là mục đàn bà cô đơn giữa hoang mạc mênh mông thôi!

Mắt phải nheo lại vì nóng, ngài xã trưởng đáp lời bà già:

- Thôi! Chớ có mà nản nì thêm nữa! Đồ quỷ tha ma bắt.

Nhưng quỷ thần nào có bắt mục đi cho cam! Bà già dựng một túp lều đối diện với tu viện, rồi mục ngồi trước cửa vẻ suy tư như một chiến binh đứng gác nhìn chăm chăm vào thành phố đang bị vây. Bác phó nháy, vốn là người hiểu được tâm can bà già đã thu xếp đồ nghề buộc lên gác baga xe đạp của mình. Bác chuẩn bị bỏ đi nơi khác. Chỉ khi này, bác mới nhìn thấy bà già ngồi dưới trời nắng giữa trưa mắt đăm đăm nhìn vào tu viện.

- Nào thử xem ai sẽ là người phải bỏ cuộc trước, bọn họ hay là ta? - Mục nói.

- Bà nhầm rồi! Bọn họ từng ở đây ba trăm năm và hiện nay họ vẫn đang hoành ở đấy. – Bác phó nháy nói – Thôi, tôi chuồn đây bà ạ!

- Anh đi đâu?

- Cũng liều nhắm mắt đưa chân! – Bác nói rồi dắt xe đi - Đường còn rộng còn dài.

-Cũng chẳng rộng chẳng dài như anh tưởng đâu. Đồ mặt thốt.

Dù có hối hận, bà già vẫn không chịu ngoảnh mặt đi nơi khác. Mục cứ nhìn chăm chăm vào tu viện trong nhiều ngày với mặt trời thiêu đốt, trong nhiều đêm mưa gió. Trong suốt thời gian ấy, mục mong mỏi có người từ trong tu viện bước ra mà chẳng có ma nào cả. Những người Anhđiêng làm

thuê cho mụ dựng tạm một túp lều lá cọ ở ngay cạnh. Trong khi họ ngủ say trên võng, bà già lại thức rất khuya, cái đầu cứ ngọ nguậy trên thành chiếc ghế có tay ngai và lần đếm những đồng tiền vàng đựng trong túi với thái độ thách thức điên cuồng đối với bọn giáo sĩ.

Một đêm nọ, có đoàn xe tải qua trước cửa nhà mụ. Những chiếc xe này bị kín mui lạng lẽ chạy. Chỉ có những ngọn đèn âm thầm lóe sáng làm nổi đậm hình thù những chiếc xe này tựa như những chiếc bàn thờ đang quờ quạng chạy trong đêm đen. Nhưng bà già nhận ra ngay những chiếc xe này bởi chúng giống y hệt những chiếc xe của cha con Amadix ngày xưa. Bỗng chiếc xe sau cùng đi chậm rồi dừng hẳn lại. Từ trên ca-bi-n một người đàn ông bước xuống đi về sau chiếc xe để sửa sang một vật gì đó giấu trong thùng xe. Gã ăn mặc y hệt những người đã phục vụ cha con Amadix lúc sinh thời: cũng mũ bê-rê, cũng đi ủng cao ống, cũng khoác chéo ngực hai băng vải, cũng đeo một khẩu súng dài ở sau lưng, hai khẩu súng ngắn ở hai bên hông. Bà già không thể cưỡng lại ý muốn của mình để gọi người ấy:

- Không nhận ra ta là ai sao, anh kia?

Người đàn ông thản nhiên rọi đèn pin thẳng vào mặt bà già. Gã nhìn khuôn mặt đau buồn vì thất vọng, nhìn đôi mắt mệt mỏi vì thức nhiều, nhìn mái tóc đã ngả màu xám chì của người phụ nữ mà dấu tuổi đã cao và đang ở trong tình huống cực kỳ khó khăn vẫn có thể nói đó là người đàn bà đẹp nhất trần gian. Khi đã quan sát kỹ để có thể vững tâm rằng mình không nhầm, rằng mình chưa hề gặp người đàn bà này, gã tắt đèn pin.

- Tôi biết chắc chắn bà không phải là Đức mẹ Đồng trinh miền Rê-mê-di-ôt – Gã nói.

- Thế mà ta lại là phu nhân! - Mụ nói với giọng ngọt xớt.

Theo thói quen người đàn ông sờ ngay vào báng súng lục:

- Phu nhân nào?

- Phu nhân của Amadix vĩ đại!

- Vậy là ông ta đã ngoẻo từ lâu rồi – gã nói, vẻ căng thẳng – Bà muốn gì?

- Hãy giúp ta giành lại Erênhdıra, cháu của Amadix vĩ đại, con của Amadix con. Nó đang bị giam trong tu viện kia kìa.

Người đàn ông rụt vai vẻ run sợ:

- Bà gõ nhầm cửa rồi! Nếu bà nghĩ rằng chúng tôi dám coi thường luật lệ của Chúa thì bà không phải là người mà bà vừa tự xưng, càng không phải là người thân quen cha con Amadix, càng không phải là người ít nhiều có hiểu biết về nghề buôn lậu!

Đêm ấy, bà già ít ngủ hơn các đêm khác. Mụ cứ trằn trọc hoài trên tấm thảm len mà suy nghĩ lao lung trong lúc đêm cứ tàn dần khiến cho trí nhớ của mụ bị nhầm lẫn lung tung và những cơn mê sảng bị dồn nén lại cứ chờ dịp bộc ra như thể một quả bóng căng hơi. Mụ phải lấy tay ôm chặt lấy con tim để cho cái ký ức về ngôi nhà từng chứng kiến cuộc sống hạnh phúc của mụ - ngôi nhà ở vùng biển lúc nào cũng rực rỡ những bông hoa to và lỏng lẫ - khỏi bóp nghẹt trái tim mình. Cứ như vậy mụ ngồi cho tới khi chuông tu viện đổ hồi, đèn các phòng tu viện thấp sáng và hoang mạc lại rộn lên những tiếng cầu kinh buổi sáng. Chỉ đến lúc này, một hy vọng hão choán lấy tâm hồn mụ xua tan mọi nỗi mệt nhọc. Ấy là lúc mụ đinh ninh rằng Erênhdıra đã dậy, tìm được chỗ ẩn để trốn khỏi tu viện trở về với mình.

Nhưng không đêm nào, kể từ khi bị bắt cóc về tu viện đến nay Erênhdıra ngủ không ngon giấc. Bộ tóc dài của cô bé đã bị cắt. Đầu cô bị cạo trọc tểu nom y hệt chiếc bình vôi. Tu viện phát cho cô bộ quần áo trắng bằng vải thô, một chiếc thùng đựng nước vôi và một chiếc chổi để cô quét vôi vào các bậc cầu thang mỗi bận có người dẫn lên chúng. Đó là công việc của một con lừa bởi vì bọn tu sĩ say rượu và bọn tín đồ làm nhiệm vụ

khuân vác củ nường nượp lên xuống cầu thang suốt ngày. Nhưng Êrênhđira lại cảm thấy công việc của mình vui như trẩy hội ấy. Mặt khác cô bé không phải là người duy nhất bị mệt lử sau mỗi ngày làm việc bởi cái tu viện này được dựng lên không nhằm chống lại số phận mà chống lại cái cô đơn của hoang mạc. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy những tín đồ mới người Anhđiêng phải vít đầu vít cổ những con bò sữa ương ngạnh ở trong chuồng để vắt sữa hoặc chăm nom những con dê đẻ khó. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy những tín đồ mới, da đen nhẻm, mình đầm đìa mồ hôi, gánh nước tưới rau trong mảnh vườn vốn là đất chó ăn đá gà ăn sỏi vừa được khai phá xong. Tận mắt Êrênhđira nhìn thấy cảnh địa ngục trần gian ngay ở lò bánh hay ở buồng giặt là. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy một cô nữ tu đang dồn đuổi một con lợn ngay trong sân tu viện. Tu nữ nắm lấy hai tai con vật và bị nó lôi cô trượt trên những vũng bùn, làm cô ngã lăn ra đất. Cô vẫn giữ nguyên như thế chờ các tín đồ mới chạy tới giúp sức. Một người trong bọn họ rút con dao bầu đâm vào cuống họng con vật. Thế là cả bọn người lấm lem những bùn cùng máu. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy những tu sĩ ho lao đang đợi Chúa gọi đi hầu, ngồi thêu những tấm vải trải giường đôi ở ngoài hiên một ngôi đền ngay cạnh nhà thương của tu viện. Các cô vừa làm vừa hát một bài hát buồn thê lương. Trong khi đó, các giáo sĩ đang đi truyền giáo khắp hoang mạc. Sống trong bóng tối cô bé phát hiện ra những vẻ khác nhau của cái đẹp và nỗi đau trong cái thế giới chật hẹp của mình trước kia, cái thế giới chỉ quẩn quanh bên một chiếc giường. Kể từ khi cô bé vào tu viện đến nay, không một tín đồ nào, dù là người thô bạo hay là người lịch thiệp, có thể moi nổi lấy một lời từ miệng cô. Một buổi sáng nọ, khi đang pha vôi trong xô, bỗng cô bé nghe thấy tiếng đàn trong như ánh pha lê nổi lên giữa ánh sáng của hoang mạc. Cái tiếng đàn kỳ diệu ấy đã bắt mất hồn cô bé, buộc cô phải bước vào phòng khách rộng mênh mông với bốn bức tường trơn và những cánh cửa sổ lớn. Qua những cánh cửa sổ này ánh sáng chói chang của mùa hè rọi vào và đọng lại trong đó. Ngay giữa phòng khách một cô gái đang chơi khúc kinh Paxqua trên cây đàn Clavêximbôlô. Cô bé nghe đàn không chớp mắt. Hồn cô cứ căng ra như một sợi dây đàn. Cô mãi nghe cho tới khi chuông tu viện vang lên báo giờ

cơm trưa. Sau bữa cơm trưa, cô bé lại tiếp tục lau trắng những bậc cầu thang. Đợi cho hết người lên xuống, cô dừng tay đứng một mình. Tại nơi vắng vẻ không bóng người này, cô mới thốt ra lời:

- Ôi, sướng quá!

Trong lúc ấy người bà không còn hy vọng cháu mình sẽ tìm cách thoát thân trở về. Tuy nhiên mẹ vẫn kiên trì theo dõi mọi động tĩnh trong tu viện cho tới lễ Hạ trần. Trong thời gian này, các giáo sĩ vây quét khắp hoang mạc lùng bắt những cô gái bao có mang đem về làm lễ thành hôn cho họ. Các giáo sĩ ngồi trên một chiếc xe cà tàng đi tới tận những xóm nhà lá hẻo lánh nhất. Trên mỗi xe có bốn người lính trang bị đầy đủ súng ống và một thùng đựng đủ các thứ hàng hóa. Trong cuộc săn người Anhiêng này, công việc khó khăn nhất vẫn là việc thuyết phục bọn gái bao. Bởi vì bọn này cố sống cố chết chống lại việc làm từ thiện của Hội truyền giáo bằng một luận điệu tức cười: bọn đàn ông đều lắm cú bắt vợ mình làm quần quật trong khi hằn nằm trên giường, dặng háng ra ngủ. Nhưng hằn lại chiều chuộng vuốt ve gái bao. Thế thì chẳng thà theo không còn hơn lấy chồng. Cần phải lừa phỉnh các cô gái bao bằng việc dùng tiếng địa phương của người Anhiêng để giảng giải đạo lý của Chúa, để họ dễ dàng nhận ra ý lành của Chúa. Nhưng đối với những ả dễ thuyết phục nhất cũng không thể chỉ dùng lời nói ngọt được mà còn phải dùng đến những chiếc nhẫn bằng vàng giả. Trái lại việc bắt bọn đàn ông Anhiêng về tu viện có phần dễ dàng hơn. Nếu họ chống cự thì chỉ việc phang cho mấy gậy rồi gô cổ lại vất lên xe mang đi. Thế là xong.

Trong nhiều ngày liền, bà già nhìn thấy xe tải toàn chở bọn gái bao có chứa về tu viện. Mẹ vẫn chưa nhận ra dịp may đã tới. Chính trong ngày lễ Hạ trần này mẹ mới nhận ra điều đó khi thấy tiếng pháo nổ ròn rã và tiếng chuông dóng dả đồ hồi trong tu viện. Mẹ nhìn thấy đám người ăn mặc rách rưới nhưng vui vẻ đang đi dự tiệc. Trong đám người ấy, mẹ thấy những người đàn bà mặc đồ cô dâu khoác tay các đức ông chồng ngẫu nhiên gặp

được để hoàn lương qua cái đám cưới tập thể này. Có một chàng trai đi sau rốt. Đầu anh ta cạo trọc nom y hết quả bí ngô. Anh ta mặc bộ quần áo rách bươm tay mang một cây đèn nến có thắt nơ. Bà già gọi anh:

- Cậu hãy nói cho ta biết cậu làm gì trong đám hội này?

Chàng trai cảm thấy xấu hổ với việc mang cây nến trên tay và cậu ta phải khó nhọc lắm mới mím môi lại được để che bộ răng vẩu của mình đi.

- Thưa bà, các cha sẽ làm lễ ban thánh thể đầu tiên cho con ạ.

- Người ta trả cậu bao nhiêu tiền?

- Thưa bà, 5 đồng ạ!

Bà già rút tiền lấy ra một cuộn giấy bạc. Anh thanh niên nhún vai ngạc nhiên.

- Ta trả cậu 20 đồng đây, nhưng không phải để cậu chịu lễ ban thánh thể đầu tiên mà là để cậu cưới vợ.

- Cưới ai kia, thưa bà?

- Cháu gái ta chứ còn ai nữa!

Thế là Êrênhđira làm lễ thành hôn ngay tại sân tu viện mà vẫn chưa biết tên người chồng do bà mua cho mình. Cô bé vận đồ cưới trong tu viện do các tín đồ trang điểm cho. Với hy vọng còn mơ hồ, cô gái cảm thấy ngột ngạt khó thở vì nỗi đau ê ẩm phải quỳ gối trên sân toàn sỏi, vì phải ngửi mùi hôi thối xông lên từ tấm da dê mới lột, vì phải nghe thơ Sứ đồ của thánh Pablô bằng tiếng la-tinh trong không khí của oi bức. Mặc dù phải làm lễ thành hôn cho Êrênhđira và chỉ làm khi đã hết phương chống lại mưu chước của bà già, các tu sĩ vẫn tin rằng có thể giữ cô bé lại trong tu viện. Tuy nhiên khi hôn lễ kết thúc trong sự chứng giám của cha xứ, của viên xã

trường bắn mây để làm mưa ấy và đứng bên cạnh người chồng mới cưới và bà nội mình, Êrênđira vẫn cảm nhận trong mình đang sống rất mãnh liệt cái tình ruột thịt đối với bà nội. Khi các giáo sĩ hỏi cô muốn gì thì cô không hề đắn đo, cứ thật bụng trả lời:

- Cháu muốn đi- Cô chỉ tay vào người chồng- nhưng không phải đi với hắn mà là đi với bà cháu kia.

Uylix mất cả buổi chiều vẫn không tài nào đánh cắp nổi quả cam trong vườn cam của cha mình. Bởi vì trong lúc tìm những cành sâu, lão Hà Lan không rời mắt theo dõi anh. Ở trong nhà, bà mẹ anh cũng để ý anh. Thế mà anh phải từ bỏ ý định của mình, tiu nghỉu làm việc cho tới khi xong.

Vườn cam rộng bạt ngàn, âm thầm và vắng lặng. Trong khung cảnh ấy nổi lên ngôi nhà gỗ mái lợp đồng thau, cửa sổ căng những tấm lưới đồng chắn muỗi. Trước nhà là một hàng hiên rộng có cột trụ đỡ ở phía dưới. Chậu cảnh trồng toàn loại cây nguyên sinh trổ hoa to bông. Chúng được bày la liệt trên hàng hiên này. Bà mẹ Uylix ngồi trên chiếc ghế đu đưa. Hai thái dương bà dặt toàn lá hương nhu. Con mắt tinh anh của bà dõi theo Uylix giống như ánh sáng xuyên tới nơi thâm kín nhất của vườn cam. Bà là người phụ nữ trẻ và đẹp so với đức ông chồng. Không chỉ mặc y phục của bộ lạc mình bà còn am tường những điều bí mật xa xưa nhất của chủng tộc mình.

Khi Uylix cầm chiếc kéo làm vườn bước vào nhà, mẹ anh lại sai mang tới cho bà cốc nước thuốc uống lúc bốn giờ chiều đặt ở bàn bên cạnh. Anh vừa bưng cốc nước thuốc thì lập tức cốc và nước đều chuyển màu nhanh chóng. Sau đó vì vô ý tay lại chạm phải những chiếc cốc bên cạnh. Lập tức những chiếc cốc này cũng chuyển thành màu xanh. Bà mẹ chăm chú theo dõi anh và khi đã chắc chắn bằng sự thay đổi màu sắc một cách huyền bí này không phải do căn bệnh của mình gây nên, lúc ấy bà hỏi anh rằng tiếng nói của người thổ dân Anđiêng:

- Con có sự thay đổi màu này từ bao giờ?

- Từ khi con ở hoang mạc trở về. Sự thay đổi màu này chỉ xảy ra khi tay con chạm phải những đồ dùng bằng thủy tinh thôi mẹ ạ!

Để chứng minh lời mình nói, Uylix cầm hết chiếc cốc thủy tinh này đến chiếc cốc thủy tinh khác. Chiếc cốc nào cũng đổi màu sắc rất nhanh.

- Con có biết sự thay đổi màu sắc này chỉ xảy ra khi người ta đang yêu không?

Uylix không trả lời mẹ. Cha anh, vốn không biết tiếng người Anhđiêng, giữa lúc ấy cũng từ ngoài vườn bước vào nhà, tay cầm một cành cam.

- Các người đang nói chuyện gì vậy? – ông hỏi con trai bằng tiếng Hà Lan.

- Thưa cha, không có chuyện gì đặc biệt cả ạ!

Mẹ Uylix không biết tiếng Hà Lan. Khi thấy chồng đã bước vào trong phòng rồi, bà lại hỏi con trai:

- Cha con bảo con cái gì vậy?

- Không có gì đặc biệt cả đâu mẹ ạ!

Uylix không nhìn thấy cha mình khi lão bước vào phòng nhưng rồi ngay sau đó, anh lại thấy cha mình hiện ra ở văn phòng. Đợi cho tới khi chỉ còn lại hai mẹ con với nhau thôi, bà lại hỏi con trai:

- Hãy nói cho mẹ hay: con đã yêu ai?

- Con không yêu ai mẹ ạ!

Anh trả lời mẹ mình cho qua chuyện bởi anh đang mãi theo dõi những hoạt động của cha mình trong văn phòng. Anh thấy cha mình đặt những quả cam ấy vào trong két bạc. Trong lúc anh theo dõi cha thì mẹ anh lại theo dõi anh.

- Đã lâu mẹ không thấy con ăn bánh!

- Con ngán bánh mẹ ạ!

Khuôn mặt bà mẹ bỗng biến sắc. Bà trở nên nghiêm nghị. “Con nói dối mẹ” – bà nói – “Chỉ tại con thất tình thôi. Những ai thất tình thì mới biếng ăn”. Giọng của bà cũng như ánh mắt bà đều mang vẻ giận dữ.

- Tốt hơn hết là con hãy nói thực đi. Con yêu ai? Nếu không mẹ phải tầm tấy trần cho con đấy.

Trong văn phòng mình, lão Hà Lan mở két bạc rồi cẩn thận đặt những quả cam từ ngoài vườn vào đấy. Sau đó lão trở ra khóa trái cửa lại. Chỉ khi ấy Uylix mới rời mắt khỏi hình bóng của cha mình để cãi lại mẹ:

- Con đã nói để mẹ biết là con chưa yêu ai cả. Nếu không tin thì mẹ hãy hỏi cha con ấy!

Vừa hay lão Hà Lan xuất hiện ở cửa văn phòng, châm tẩu hút thuốc và dưới nách cắp một cuốn Kinh Thánh. Bà vợ hỏi chồng bằng tiếng Tây Ban Nha:

- Mình và con có quen ai ở ngoài hoang mạc không?

- Không quen ai cả! Nếu mình không tin hãy hỏi thẳng Uylix ấy!

Nói đoạn lão ngồi vào cuối phòng ăn cứ bậm môi rít thuốc cho tới khi thuốc cháy tọt nõ. Sau đó lão mở cuốn sách ra nguyện kinh trong hai giờ liền bằng tiếng Hà Lan trôi chảy và vang vọng.

Đã nửa đêm rồi, Uylix vẫn còn nghĩ ngợi mông lung đến mức không thể ngủ được. Anh đi nằm lại thêm một giờ nữa cố xua đi nỗi nhớ nhưng khắc khoải nhưng chính nó lại chấp cánh cho anh, tăng thêm sức mạnh cho anh, anh thấy mình cần phải hành động kiên quyết. Thế là anh vùng dậy mặc chiếc quần bò và chiếc áo sơ-mi kẻ sọc, đi đôi ủng cao ống. Nhảy qua cửa sổ, lên chiếc xe tải đã có sẵn mấy chiếc lồng chim, cho xe nổ máy, anh trốn gia đình mình. Khi xe chạy qua khu vườn cam anh ngắt liền ba quả cam. Đó là những quả cam anh không ăn cắp được trong buổi chiều qua.

Suốt đêm ấy anh cho xe vượt hoang mạc. Sáng ra, xe anh đã chạy qua các xóm nhà lá rồi qua các bản làng đông dân hơn. Anh hỏi thăm dân chúng hướng đi của Êrênhđira nhưng không một ai có thể trả lời đích xác được. Cuối cùng anh được tin rằng Êrênhđira đang đi theo đoàn vận động tuyển cử của ông nghị Ônêximô Xăngchết. Và có thể đoàn vận động của ông nghị hiện ở làng Tân Caxtida. Anh tới làng này nhưng không gặp, phải tới làng bên mới gặp đoàn của ông nghị. Nhưng bà cháu Êrênhđira đã không đi theo ông nghị nữa vì bà già đã xin được tờ chứng chỉ do chính tay ông nghị viết. Nhờ tờ chứng chỉ này bà già đã có thể vượt qua được những cửa ải khó khăn nhất của hoang mạc. Đến ngày thứ ba Uylix gặp được nhân viên bưu điện. Gã này chỉ cho anh hướng đi chính xác của Êrênhđira:

- Họ đi về phía biển đấy. – Gã bảo anh - Cậu phải nhanh lên mới kịp kẻo bà già đang định vượt biển đi sang đảo Aruba đấy!

Theo hướng ấy, sau một ngày phóng xe như gió, Uylix nhìn thấy một cái rạp rộng và đã hoen ố của một gánh xiếc phá sản mà bà già mua lại. Mụ mua rạp này để làm tiệm chơi. Bác phó nháy lưu động đã trở lại cùng làm ăn với bà già và bác phải thừa nhận rằng con đường làm ăn cũng không phải là dài rộng như bác đã tưởng. Bác dựng hiệu chụp ảnh của mình ngay bên cạnh cái tiệm chơi của bà già. Trong cửa hiệu của bác có bày những tấm phong vẽ cảnh điền viên. Một ban nhạc với những bản nhạc buồn đã quyến rũ khách làng chơi đến với Êrênhđira.

Uylix xếp hàng chờ lối lướt vào. Khi bước vào trong rạp anh nhận ra ngay cái vẻ ngăn nắp, gọn gàng và sạch sẽ của nó. Giường nằm của bà già đã lấy cái vẻ đường bệ phong lưu của kiểu giường bà phó vương. Bức tượng thánh được đặt đúng chỗ ở ngay cạnh chiếc hòm đựng hài cốt cha con Amadix. Ngoài ra còn có một chậu tắm bằng thiếc được đặt trên bốn chiếc chân sư tử quỳ. Êrênđira để trần, lạng lẽ nằm trên chiếc giường kiểu bà bá tước. Dưới ánh trăng lọc qua tấm vải bạt lợp rạp, Êrênđira hồng lên vẻ hồng hào thời thơ trẻ. Cô gái ngủ mà mắt vẫn mở to. Uylix đứng bên cạnh cầm những quả cam chín. Nhận ra cô gái đang nhìn mà không thấy mình, anh liền chìa tay ra trước mắt cô và gọi cô bằng cái tên anh phía ra trong lúc nghĩ tới cô:

- Êritnêrê!

Êrênđira tỉnh dậy. Cô thấy xấu hổ quá vì trước mặt Uylix mình không mặc quần áo. Cô gái khẽ kêu rồi kéo tấm vải trải giường lên kín đầu.

- Đừng nhìn em đi anh- Cô gái nói- Eo ơi, em sợ quá!

- Da em cứ hồng như màu cam chín ấy- Uylix nói, anh chìa những quả cam chín ra trước mặt Êrênđira để cô gái liên tưởng- Hãy xem này em!

Êrênđira gạt tấm vải xuống dưới để lộ hai con mắt. Cô nhìn và nhận rằng quả thật những quả cam này có màu y hệt nước da mình.

- Bây giờ em không muốn anh ở đây đâu!

- Anh vào chỉ cốt để em xem những quả cam này thôi. Hãy xem.

Dùng móng tay anh bóc vỏ cam rồi hai tay anh tách quả cam ra làm đôi. Anh cho cô bé xem hạt kim cương lóng lánh ghim ở giữa.

- Những quả cam này là hàng cha con anh mang tới biên giới.

- Nhưng đó là những quả cam tươi- Cô gái thốt lên vẻ ngạc nhiên.

- Đúng rồi, cha anh trồng thứ cam này mà!

Êrênđira không thể tin được điều đó. Cô gạt tấm vải xuống dưới hơn nữa để lộ hẳn khuôn mặt ra. Cầm lấy hạt kim cương cô ngạc nhiên ngăm ngía.

- Chỉ với ba hạt này thôi chúng mình có thể du lịch khắp thế giới, em ạ!

Êrênđira thản nhiên trả lại viên kim cương cho Uylix. Uylix cố gạ gẫm thêm:

- Anh còn có cả một chiếc xe tải nữa. Ngoài ra...còn... Hãy nhìn này, em!

Anh rút khẩu súng lục từ trong túi áo ra.

- Trong vòng mười năm tới em không thể bỏ đi được!

- Em sẽ đi mà. Đêm nay khi con cá voi ấy ngủ, anh đứng ngoài bắt chước tiếng cú rúc huýt gọi em.

Anh huýt thử cho cô gái nghe. Lần đầu tiên mắt cô bé sáng lên cười khi thấy tiếng huýt sáo ấy y hệt tiếng cú rúc.

- Chỉ tại bà em thôi! - cô gái nói.

- Con cú vọ phải không?

- Không phải, cái con cá voi ấy!

Cả hai cùng cười vẻ đặc chí vì sự hiểu lầm ấy. Êrênđira trở lại câu chuyện:

- Không ai có thể đi đâu được nếu không được phép của bà mình.

- Việc gì em phải nói với bà già nhỉ!

- Cái gì bà cũng biết hết. Luôn luôn bà em được báo mộng trước.

- Khi bà già được mộng báo thì chúng mình đã ở tận biên giới rồi. Chúng ta sẽ sống bên nhau như những người buôn lậu.

Rồi bắt chước bộ dạng của tài tử điện ảnh, Uylix tay như như khẩu súng lục miệng kêu "đoàng! đoàng!" y hết tiếng súng nổ thật để cù cho Êrênđira cười. Cô gái không nói không rằng nhưng đôi mắt cô lại tỏ vẻ sẵn sàng. Cô hôn tạm biệt anh. Uylix cảm động miệng khẽ reo:

- Chỉ ngày mai thôi là chúng mình sẽ được thấy tàu thủy đi trên biển, em thân yêu ạ!

Đêm ấy, trước lúc sáu giờ tối, khi Êrênđira đang chải tóc cho bà mình thì cơn gió bất hạnh đời cô lại nổi lên. Những người Anhđiêng làm thuê và người nhạc trưởng đứng ở ngoài rạp đợi bà già trả tiền công. Bà già đếm xong số tiền giấy đựng trên kết bạc và sau đó khi xem xong bảng thanh toán, mụ trả tiền công cho người đứng đầu bọn làm thuê người Anhđiêng.

- Tiền lương trong tuần của bọn anh cả thầy là hai mươi đồng pêxô. Nay trừ đi tám đồng tiền cơm, ba đồng tiền nước, và năm hào tiền thuê áo sơ mi mới. Vậy bọn anh còn được lĩnh cả thầy là tám đồng năm hào. Tiền đây, anh hãy đếm lại đi!

Người Anhđiêng đếm lại tiền. Xong xuôi đều đó bọn họ kéo nhau ra về không quên cảm ơn mụ:

- Xin đa tạ bà!

Người nhạc trưởng vào ngay sau đó. Bà già xem lại bảng thanh toán, rồi nhìn bác phó nháy, bác này đang hí hoáy sửa lại ống kính máy ảnh:

- Nào anh bạn có chịu trả một phần tư số tiền nhạc không?

Bác phó nháy, không ngẩng đầu lên, trả lời mụ.

- Nhạc không hiện hình trên ảnh của tôi chụp!

- Nhưng mà nhạc kêu gọi khách hàng thích chụp ảnh.

- Hoàn toàn ngược lại, bà ơi! Nhạc chỉ làm cho bọn khách hàng buồn thiu buồn thiu và khi họ hiện hình trên ảnh của tôi thì mắt cứ nhắm tít lại y như người đang ngủ. Thế là tôi lại phải chụp đèn cho họ.

Người nhạc trưởng lúc ấy cũng vui miệng tham gia:

- Nhạc không làm cho họ phải nhắm mắt lại đâu. Chính là ánh chớp của đèn chụp làm họ phải nhắm mắt lại đấy, anh bạn ạ!

- Chỉ tại cái thứ nhạc chết tiệt của nhà anh đấy thôi!

Bà già kết thúc cuộc cãi vã giữa hai người:

- Thôi đi, anh gàn bỏ mẹ đi ấy! - mụ nói với bác phó nháy- Anh thử xem ông nghị Ônêximô Xăngchết đấy. Ông gặp biết bao may mắn nhờ âm nhạc đã phụ giúp ông".

Rồi mụ kết thúc bằng biện pháp cứng rắn hơn:

- Hoặc là anh trả phần tiền thuộc về mình hoặc là anh đi kiếm ăn một mình. Thật vô lý cứ bắt con bé phải gánh chịu đủ thứ tổn kém.

- Thôi được, tôi sẽ đi làm ăn một mình vậy! – bác phó nháy nói – Dù thế nào đi nữa tôi vẫn cứ là cái thằng tôi, một người nghệ sĩ.

Bà già nhún vai vẻ khó chịu. Mụ quay sang nói với nhạc trưởng:

- Cửa anh có tất cả hai trăm năm mươi tư lần chơi nhạc bình thường, mỗi lần giá năm hào và ba mươi hai lần chơi nhạc vào chủ nhật và các buổi chợ, mỗi lần giá sáu hào. Vị chi anh được lĩnh tất cả là một trăm năm mươi sáu đồng hai hào.

Nhạc trưởng không chịu nhận tiền, nói:

- Tất cả là một trăm tám mươi hai đồng bốn hào kia, bà ời. Nhạc nhảy đắt tiền hơn.

- Vì sao?

- Vì đó là những bản nhạc buồn, rất buồn.

Tuy vậy bà già vẫn buộc được nhạc trưởng phải nhận tiền, mẹ nói:

- Tuần này mỗi điệu nhảy mà ta yêu cầu, anh hãy chơi hai bài nhạc vui. Như thế sẽ ổn thỏa hết.

Nhạc trưởng tuy chưa hiểu hết ý tứ của mẹ vẫn đành phải nhận tiền. Cũng chính trong lúc ấy cơn gió mạnh khủng khiếp suýt chút nữa giật đổ cả rạp. Trong lúc người nhạc trưởng lặng lẽ bước ra khỏi rạp thì từ bên ngoài vọng vào tiếng cú vọ rúc nghe náo nùng.

Êrênđi-ra đâm ra bối rối, không tài nào tự trấn tĩnh nổi mình. Cô gái khóa két bạc lại, giấu nó xuống gầm giường rồi đưa chùm chìa khóa cho bà mình. Bà già nhận thấy tay cháu mình run run khi đưa chùm chìa khóa. "Cháu đừng hoảng thế. Trong những đêm giông bão giờ cú vọ cũng rúc như thế đấy". Nhưng khi thấy bác phó nháy cặp máy ra đi thì mẹ lại dọa bác:

- Nếu muốn thì anh hãy ngủ lại đây. Đêm nay thần chết sẽ lảng vảng ngoài đường đấy. Vô phúc mà gặp phải nó thì khốn.

Bác phó nháy nghe thấy tiếng cú rúc nhưng không hề thay đổi sắc mặt.

- Thôi, hãy nghe ta, dầu chỉ là để tỏ lòng vì nể cái tình cảm của ta đối với anh, anh hãy ngủ lại đi.

- Nhưng tôi sẽ không trả tiền nhạc kia.

- Ồ không! Cái ấy thì không được. Anh phải trả tiền nhạc!

- Đấy bà xem: bà có thương ai đâu nào!

Bà già giận tái mặt:

- Thế thì xéo đi cho rảnh mắt. Đồ ăn cháo đá bát.

Bà già cảm thấy nhục nhã quá thế, miệng cứ lảm nhảm chửi bới bác phó nháy cho hả cơn tức trong lúc Êrênhđira giúp mụ nằm nghỉ: "Thằng mất dạy! Quân ăn cháo đá bát!". Êrênhđira không thèm để ý tới những lời thóa mạ của bà già bởi tiếng cú rúc giữa lúc cơn gió yếu đi càng rõ mồn một giục già cô và trong lúc này cô đang lúng túng chưa biết làm gì. Theo thói quen bà già vừa nằm xuống giường là đã nói mê. Trong lúc quạt cho bà mình cô cháu cố xua tan những dự cảm không tốt lành về điều sắp xảy ra để trở lại sống cuộc sống thực của mình, nghĩa là lại thở hít cái không khí ngọt ngào đang bao bọc quanh cô.

- Cháu phải dậy sớm đun cho bà nồi nước tắm trước khi khách tới nhé!

- Thưa bà vâng ạ!

- Khi rồi cháu giặt quần áo bẩn mà bọn Anhđiêng thay ra vất đấy. Như vậy tuần sau chúng ta đỡ tốn một khoản chi.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Cháu nhớ khi ngủ phải thở cho đều. Như thế mới ngủ ngon giấc kéo ngày mai là ngày thứ Năm, ngày vất vả nhất trong tuần.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Nhớ cho đà điều ăn đấy!

- Thưa bà, vâng ạ!

Cô cháu đặt cái quạt lông xuống giường, châm lửa hai ngọn nến đặt trên bàn thờ đối diện với cái hòm đựng hài cốt cha con Amadix. Lúc này bà già mới nhắc cháu mình:

- Thắp đèn cho cha con Amadix.

- Thưa bà, vâng ạ!

Êrenhđira biết rằng bà mình sẽ không thức dậy nữa bởi đã bắt đầu nói mê rồi. Cô đã nghe thấy tiếng gió sữa gầm gừ quanh nhà, nhưng cũng như lần trước, lần này cô cũng không nhận ra đó là cơn gió bất hạnh của đời mình đã nổi lên. Cô gái thò đầu ra ngoài sân đợi cho đến khi nghe thấy tiếng cú rúc vọng tới và lúc này ý muốn được tự do đã đứt đứt sợi dây tình cảm từng ràng buộc cô với bà mình.

Cô chỉ mới bước ra khỏi rạp khoảng năm bước thì gặp bác phó nháy đang hí hục buộc đồ nghề lên chiếc xe đạp. Nụ cười hóm hỉnh của bác làm cô gái yên tâm.

- Tôi không biết gì cả - bác nói - chẳng nhìn thấy gì và tôi cũng không trả tiền!

Cô gái tạm biệt bác, chạy một mạch vào hoang mạc và mất bóng trong cơn gió mù mịt bụi, cơn gió đang thổi tới tai cô tiếng cú rúc.

Lần này bà già chạy ngay tới kêu cửa nhà chức trách. Viên chỉ huy đơn vị bộ đội địa phương bật dậy khỏi giường vào lúc sáu giờ sáng cũng là lúc bà già trình trước ngài tờ chứng chỉ của ông nghị Ônêximô Xăngchết. Bố của Uylis cũng chờ ngoài cửa.

- Đồ con khếch... Lại còn bắt ta phải đọc thư nữa! Nào ta có biết đọc cho cam.

- Đó là thư của ông nghị Ônêximô Xăngchết đấy ạ!

Chẳng cần biết nếp tẻ gì hơn, viên chỉ huy với tay cầm lấy khẩu súng để ở đầu giường, rồi quát tháo ra lệnh cho bọn tùy tùng của mình. Chỉ năm phút sau, tất cả đều đã ngồi vào chiếc xe tải phóng như bay về phía biên giới. Nó phóng ngược chiều cơn gió đang xóa sạch dấu vết của những kẻ chạy trốn. Viên chỉ huy ngồi phía trước bên cạnh người lái xe. Phía sau là lão lái buôn người Hà Lan và bà già. Còn bọn lính tráng ngồi ở phía sau xe.

Ngay sát cạnh làng, bọn họ đã dừng một đoàn xe tải bịt bịt kín mít. Những người ẩn trên những thùng xe này đã vén bạt lên chìa họng súng máy và súng trường vào chiếc xe tải nhà binh có viên chỉ huy đang ngồi. Viên chỉ huy hỏi người tài xế ngồi trên ca-bin chiếc xe đầu tiên của đoàn xe nọ rằng họ đã gặp chiếc xe chở lồng chim cách đây bao lâu rồi.

Người lái xe mở máy trước khi trả lời:

- Chúng tôi không phải là quân mách lẻo mặt hạng. Bọn buôn lậu chính là chúng tôi đây!

Viên chỉ huy tận mắt nhìn thấy những họng súng đen ngòm lướt qua ngay trước mũi mình. Gã liền giơ hai tay lên và mỉm cười.

- Chỉ ít các người cũng thấy xấu hổ nếu không bắt được chiếc xe ấy ngay trưa nay- Ngài nói với đám quân lính của mình như vậy.

Chiếc xe tải đi sau cùng có một hàng chữ bằng phấn viết trên thành hậu thùng xe: Êrênhđira, anh nhớ em!

Càng lên phía bắc gió càng khô hơn, nóng càng gay gắt hơn và ngồi trong thùng xe tải người ta càng cảm thấy khó thở hơn trước cái không khí bụi bặm, nóng hầm hập ấy.

Bà già là người trước tiên phát hiện ra bác phó nháy, đầu vẫn đội một chiếc khăn, vật duy nhất che chở cho bác trước trước cái thiên nhiên hung bạo ấy, đang gò lưng đạp xe chạy cùng chiều với chiếc xe nhà binh.

- Đó! Nó đấy! Chính hắn là người đã gây ra chuyện rắc rối đấy ạ! Thăng đều!

Viên chỉ huy giao ngay cho một tên lính cái nhiệm vụ tóm cổ bác phó nháy.

-Hãy tóm cổ nó cho ta và đợi chúng ta ở đây, nghe chưa!

Người lính ấy nhảy xuống xe, hét bác phó nháy Đứng lại. Nhưng vì ngược gió bác chẳng nghe thấy gì. Khi chiếc xe nhà binh vượt xe bác, bà già làm dấu ra hiệu đe nẹt bác. Nhưng bác lại tưởng rằng bà già chào mình thế là bác mỉm cười, hươ hươ tay chào mụ. Trong lúc làm những động tác ấy, bác phó nháy không nghe thấy tiếng súng nổ ở phía sau mình. Bỗng bác nhảy chồm lên rồi ngã gục xuống chiếc xe đạp, sọ đầu vỡ tung do viên đạn súng trường bắn trúng mà bác sẽ chẳng bao giờ biết được nó từ đâu bắn tới.

Gần trưa, người ngồi trên chiếc xe tải nhà binh bắt đầu nhìn thấy lông chim. Đó là những chiếc lông mới xổ ra, bay bay theo gió dọc hai bên đường. Lão Hà Lan nhận ra ngay những chiếc lông chim quen thuộc ấy. Người lái xe cứ việc lẩn theo con đường có những chiếc lông chim mà nhấn hết ga cho xe chạy hết tốc độ. Chỉ một lát sau bọn họ nhìn thấy một chiếc xe ở tít nơi chân trời.

Khi Uylix, qua chiếc gương nhìn sau, thấy một chiếc xe nhà binh đang đuổi theo xe mình, liền tăng hết tốc độ. Nhưng xe chết máy. Hai người đã đi thâu đêm suốt sáng và hiện đang lã đi vì mệt và khát. Đang ngủ gục trên vai Uylix, Êrênhđira choàng thức dậy đầy hoảng hốt. Cô gái thấy chiếc xe nhà binh sắp đuổi kịp họ và với sự liều lĩnh không tính toán vớ ngay khẩu súng lục.

- Vô ích! – Uylix nói- Đó là đồ chơi của hãng Phrăngxi Đắc sản xuất đấy.

Cô bấm cò vài lần rồi vứt khẩu súng qua cửa xe. Chiếc xe nhà binh đuổi kịp xe họ và vượt lên phía trước, mở một vòng hẹp rồi đỗ lại ngay phía trước chận đường.

Thời kỳ ấy tôi có biết bà cháu cô gái này. Đây là thời kỳ hành nghề phát đạt nhất của họ dẫu rằng lúc ấy tôi chưa có được nhiều tài liệu về đời sống của cô gái như nhiều năm sau này. Nhưng khi nghe bài hát do nhạc sĩ Raphaen Excalôna sáng tác nói về đoạn kết tấn bi kịch đời cô, tôi đã nghĩ ngay rằng nếu viết về cô ta thì hay tuyệt. Thời ấy tôi đang lang thang khắp tỉnh Riôacha để bán rong từ điển bách khoa và các sách nói về y học. Anvarô Xêpêda Xamuđiê, cũng đang lang thang như tôi để bán máy ướp lạnh bia, đã mời tôi lên xe anh mang tôi theo cốt để có bạn đường cho vui. Ngồi trên xe, chúng tôi nói biết bao nhiêu chuyện, toàn chuyện trời ơi đất hỡi; chúng tôi uống không biết bao nhiêu chai bia đến nỗi khi xe chúng tôi đã vượt qua được hoang mạc và đã đưa chúng tôi tới miền biên giới này từ lúc nào và từ chỗ nào chúng tôi không hay biết. Tại đây một tiệm chơi được dựng lên với bảng quảng cáo viết trên những tấm lụa: Tuyệt trần Êrênhđira!, Êrênhđira đang chờ anh! Thật vô vị cuộc đời nào chưa biết Êrênhđira! Cái hàng người vòng vèo và vô tận kia gồm đàn ông đủ hạng: lính tráng có, công chức, dân buôn có, da trắng có, da màu cũng có. Nó giống như một con rắn khổng lồ. Đó là những người đàn ông ông ngủ vật vờ trong những xóm nhà lá, trên quảng trường, giữa những buổi chợ đông

đúc và ồn ào. Sau giấc ngủ tạm bợ ấy, bọn đàn ông này đổ ra các đường phố của thành phố biên giới ồn ào những lái buôn thập phương. Mỗi đường phố là một sông bạc công khai, mỗi căn nhà lá là một quầy hàng, sau mỗi cánh cửa là nơi ẩn nấu của bọn bụi đời. Âm nhạc ồn ào và tiếng rao hàng inh ỏi đã quyện vào nhau tạo thành hỗn độn đến rợn người trong không khí oi ả của hoang mạc.

Giữa đám đông lúc nhúc những kẻ vong quốc và những tên ăn bám nổi lên hình ảnh bác Blacamăng- chịu thử nghiệm trên da thịt nó thứ thuốc giải độc do bác sáng chế ra; nổi lên hình ảnh một người phụ nữ đã biến thành gái làng chơi vì tội không nghe lời cha mẹ - Thị cứ đứng ra để cho bọn mày râu sờ mó nếu họ trả cho thị năm hào, và thị sẽ nói về nỗi bất hạnh nếu họ hỏi; nổi lên hình ảnh lão thầy bói đang rao giảng về sự xuất hiện không thể tránh khỏi của con dơi sao khổng lồ mà chỉ riêng cái hơi thở nóng bỏng mùi lưu huỳnh của nó cũng đủ làm thay đổi trật tự của thiên nhiên và làm cho bao nhiêu điều bí huyền bí của biển phải nổi lên trên mặt nước.

Xóm thợ nhẵn nhục là nơi duy nhất vắng lặng của thành phố. Chỉ có hồi âm náo nhiệt của thành phố là vọng tới nơi đây thôi. Những người đàn bà tứ chiếng tới đây ngồi trong tiệm khiêu vũ và ngáp dài. Họ đã ngồi để ngủ trưa mà không một ma nào đánh thức họ dậy để làm tình. Không biết làm gì họ liền nghĩ tới sự xuất hiện của con dơi sao ấy dưới chiếc quạt bốn cánh hình chữ thập mắc trên trần nhà. Bỗng một người trong đám đàn bà ấy đứng dậy đi ra hàng hiên có trồng hoa bướm hướng thẳng ra đường. Hàng dãy khách hàng của Êrênhđira đang điếu qua đấy.

- Ở này các ông ơi! - Thị gọi- Con bé ấy có cái gì mà chúng tôi không có hả?

- Tờ chứng chỉ của ông nghị! – Một người đàn ông trong bọn đáp.

Bị lôi cuốn bởi tiếng cười ha hả và tiếng gào thét, những người đàn bà còn lại chạy ào ra hiên nhà.

- Đã mấy ngày nay rồi cái hàng người này vẫn dài như thế- người đàn bà khác nói- Hãy tưởng tượng mà xem những 50 đồng pêxô một lần kia đấy!

Người đàn bà ra đầu tiên nói với vẻ kiên quyết:

- Vậy tôi phải đi xem xem con bé quắt queo ấy có gì nào! Của nó bằng vàng chắc!

- Tôi cũng đi với- Người đàn bà khác nói- Thà như thế còn hơn ta cứ ngồi lì ở đây!

Trên đường đi còn có một số đàn bà khác nhập bọn. Khi tới tiệm chơi của Êrênhđira thì đoàn người ấy đã trở thành một đám rước ồn ào như ong vỡ tổ. Không thềm báo trước, bọn họ cứ mặc nhiên vào tiệm, dùng gối đập túi bụi để đuổi người đàn ông mà họ bắt gặp giữa lúc giữa lúc gã đang tận hưởng cái khoái lạc đê mê nhờ đồng tiền đã bỏ ra mua. Cứ để nguyên Êrênhđira nằm trên giường, bọn họ xúm lại khiêng cả người lẫn giường ra đường cái:

- Thật là quá quắt! – bà già gào lên- Đồ quỷ cái! – Sau đó mụ quay về phía bọn mày râu: - Còn các ông nữa! Mới chỉ có bọn đàn bà thôi mà các ông đã thụt dái lên tận cổ rồi, để mặc cho đám quỷ cái thả sức hành hạ con bé chân yếu tay mềm. Ôi! Các ông nhu nhược đến thế là cùng!

Mụ cứ gào thét cho tới khi đứt hơi, cứ việc phang cây ba-toong của đức Giáo chủ vào bất kể kẻ vô phúc nào ở trong tầm tay mụ. Cơn giận của mụ thật tức cười giữa tiếng thét, tiếng huýt sáo chế giễu của đám đông dân chúng đứng xem.

Êrênhđira xấu hổ quá không biết rúc đầu vào đâu cho khỏi dơ cái mặt bởi vì cô gái bị cái xích chó gìm chặt vào thành giường hậu. Từ khi bắt lại được cô, mụ già lấy chiếc xích chó xích cô vào đuôi giường. Bọn đàn bà không hề đánh đập cô. Để cô nằm nguyên như thế trên cái giường kiêu

giường bà bá tước mà rước khắp phố phường nhộn nhịp và sau đó đặt cô nằm tênh hênh trên bục xi măng nóng bỏng ở giữa quảng trường dưới trời nắng đang trưa. Êrênđira không khóc, nằm vận người dẫu mặt đi, lòng sôi lên nổi đau đớn và căm hận cái xích chó- biểu tượng cho số phận tủi nhục của mình. Cô gái cứ nằm nguyên như thế cho tới khi có người vì lòng thương hại đã lấy chiếc áo sơ-mi che mặt cho cô.

Đó là lần duy nhất tôi gặp bà cháu Êrênđira. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng bà cháu cô còn ở lại cái thành phố biên giới ấy cho tới khi kết bạc của bà già chật ních mới thôi. Chỉ khi đó bà cháu cô gái này mới từ bỏ thành phố biên giới để đi miền duyên hải. Chưa bao giờ người ta thấy một gia đình giàu nứt đổ vỡ vách giữa cái vương quốc cực kỳ khốn khổ và bần hàn ấy. Đó là một hàng dài xe bò chở những đồ vật còn sót lại sau vụ cháy nhà và không chỉ có những bức tượng bán thân tạc các đức hoàng đế Xeda, những chiếc đồng hồ cổ quái mà còn có cả cây đàn pianô, một chiếc máy hát với những đĩa nhạc buồn. Một đoàn người Anhđiêng lo việc chuyên chở đồ dùng. Một ban nhạc đi theo cử nhạc chào mừng mỗi khi đoàn của họ tới một làng nào đó để báo tin cho dân chúng.

Mụ già ngồi trên chiếc kiệu hoa lần đếm hạt ngũ cốc đựng trong túi để tính số tiền hiện có. Thân xác mụ vốn đồ sộ là thế càng đồ sộ hơn bởi bên trong chiếc áo blu mụ mặc thêm một chiếc áo trấn thủ may bằng vải bạt. Trong chiếc áo trấn thủ này, mụ nhồi nhét vàng lá vào như thể người ta đập bông ỹ. Êrênđira ngồi bên, ăn mặc rất lộng lẫy nhưng cổ chân cô vẫn mang chiếc xích chó.

- Giờ thì cháu hết ca thán rồi nhé! – Bà già nói với cô cháu khi bọn họ bắt đầu ra khỏi cái thành phố biên giới ấy- cháu có quần áo sang trọng của một hoàng hậu này, một chiếc giường quý phái này, một ban nhạc riêng này và cả 14 người hầu Anhđiêng nữa. Đời cháu như vậy là vương giả lắm rồi đấy, chứ còn mong gì hơn.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Già như ta có phải đi hầu Chúa thì cháu không phải sống nhờ bọn mày râu nữa. Cháu đã có nhà riêng của mình ở ngay giữa thành phố tráng lệ. Lúc ấy cháu sẽ được tự do và sung sướng.

Đó là một cái nhìn mới vào tương lai. Mụ già không dả động tới món nợ đời của cô cháu nữa. Bởi vì những tình tiết của nó đã trở nên nhàm chán lắm rồi và thời hạn phải thanh toán nó cứ ngày một tăng thêm khiến mụ lú lẫn trong khi cần phải tính toán con đường làm ăn. Mặc cho bà nói, Êrênhđira cố giữ vẻ thản nhiên, không hề thở dài nào nuốt để bà già khỏi nhận ra những suy tư sâu kín nhất của mình. Cô nghĩ tới cuộc đời nhọc nhằn của mình trên một chiếc giường lúc thì ở vùng mỏ diêm sinh lây lội, lúc thì ở trong làng bản những bộ tộc cổ xưa, lúc thì ở bên cạnh những giếng khai thác mỏ đã tan. Cô gái miên man nghĩ trong lúc bà nội tán tỉnh về một tương lai huy hoàng của mình như thể đọc chúng qua những lá bài tây. Một buổi chiều nọ, sau một ngày vất vả trèo đèo, bỗng họ gặp cơn gió lộng- cơn gió quen thuộc đối với mụ già, - nghe thấy tiếng ồn ào nói chuyện của dân Hamaica. Trước khung cảnh tự nhiên thoáng mát đầy sức sống ấy, cả hai bà cháu đều náo nức một cảm giác sống mãnh liệt hơn. Đó chính là lúc bà cháu Êrênhđira tới miền duyên hải.

- Cháu thấy chưa? Biển đấy! - Mụ già nói trong khi hít thở không khí trong lành và mắt nhìn ánh sáng vừa trong sáng vừa thoáng đặng của vùng Caribê mà đã một nửa đời người mụ không được hưởng- Cháu có thích không?

- Có ạ!

Bà cháu Êrênhđira dựng tiệm chơi ở đây. Đêm ấy mụ già ngủ yên giấc. Tuy mụ nói suốt đêm nhưng không nói mê. Thỉnh thoảng mụ có nhằm lẫn giữa những kỷ niệm xưa đầy lưu luyến với cái tương lai huy hoàng đang mở ra. Mụ dậy trưa hơn thường lệ với cảm giác dịu dàng trong tiếng gió thì thào của biển. Tuy nhiên, khi Êrênhđira tắm cho mụ, thì mụ lại tiếp tục tiên đoán tương lai cho cháu mình.

- Cháu sẽ là một bà mệnh phụ- Mụ nói- là một phu nhân dòng dõi, sẽ được sung sướng và vẻ vang nhờ những bậc quyền cao chức trọng mến yêu cháu. Từ các hải cảng trên thế giới, các vị thuyền trưởng sẽ gửi bưu thiếp hỏi thăm cháu.

Êrênđira không để ý nghe lời bà. Nước ấm thơm mùi kinh giới theo máng nước bắt từ ngoài chảy vào chậu tắm để trong nhà. Cô lấy vỏ quả bí ngô làm gáo múc thứ nước này tắm cho bà mình. Một tay cô bé xoa xà phòng khắp người mụ, tay kia múc nước dội cho hết bọt xà phòng. Cô gái làm nhanh tới không kịp thở nữa.

- Danh tiếng ngôi nhà của cháu sẽ bay từ miệng người này sang miệng người khác, lan từ quần đảo Angtidax sang tận nước Hà Lan xa xôi- Mụ già nói- Căn nhà của cháu còn quan trọng hơn cả dinh Tổng thống bởi tại đây những vấn đề của Nội các sẽ được bàn cãi và số phận của Quốc gia sẽ được định đoạt.

Bồn nước ấm trong máng cạn sạch. Êrênđira bước ra ngoài nhà để xem sao thì thấy người Anhđiêng chuyên đổ nước vào máng lúc ấy đang phải chẻ củi ở trong bếp.

- Thưa cô, đã hết nước rồi sao? - người hầu hỏi- Cô nhớ phải pha thêm nước lạnh vào nữa đấy.

Êrênđira vào bếp. Trên bếp lửa một chảo nước đang sôi sùng sục. Cô vớ lấy chiếc giẻ lau nhấc thử chảo nước thì thấy một mình mình cũng bùng nổi.

- Tránh ra- cô hét người hầu- Để tôi tự rót lấy nước!

Chờ cho người Anhđiêng ra khỏi bếp, Êrênđira rút bớt củi trong bếp, khệ nệ bưng chảo nước đang sôi lên ngang tầm máng nước. Cô rót nước vào máng. Giữa lúc ấy người bà trong nhà gọi to:

- Êrênhđira!

Như thế đang nhìn thấy bà mình, cô gái bị tiếng gọi giật của bà nội làm cho kinh hoàng, hồi hận không dám thực hiện nốt âm mưu của mình.

- Thừa bà cháu đang pha thêm nước lạnh đây ạ. Cháu vào ngay bây giờ đây ạ!

Đêm ấy Êrênhđira suy nghĩ mãi cho tới khuya trong lúc người bà đã ngủ ngon giấc, mình mặc chiếc áo trấn thủ nhồi đầy vàng lá. Như chú mèo ngồi trong bóng tối, Êrênhđira ngồi ở giường mình ngắm bà già. Sau đó, cô đi nằm, người mệt lử như kẻ bị ngạt, hai tay ôm lấy ngực, đôi mắt mở to thao láo. Với toàn bộ sức sống hiện có, cô gọi thầm:

- Uylix anh ơi!

Uylix giật mình tỉnh dậy trong ngôi nhà ở giữa vườn cam. Anh nghe rõ mồn một tiếng gọi của Êrênhđira đến nỗi anh tưởng cô gái đang ở trong phòng mình vội đi tìm khắp phòng. Sau một hồi suy nghĩ căng thẳng, anh đứng dậy đi thu dọn áp quần và giày tất rồi cuộn tròn chúng thành một gói. Một lần nữa anh lại bỏ nhà ra đi. Khi qua hiên anh giật mình nghe thấy tiếng cha mình gọi:

- Đi đâu đấy con?

Nhìn thấy cha mình đang tắm trong ánh trăng.

- Con đi đây cha ạ!

- Lần này tao không cấm mày. - lão Hà Lan nói- Nhưng tao nói cho mà biết: dù mày đi tới đâu thì lời nguyện rửa của cha mày sẽ theo tới đấy, nghe chưa!

- Dù có như vậy cũng chẳng sao hết cha ạ!

Trước giải pháp dứt khoát của con trai, lão cảm thấy ngạc nhiên và có phần tự hào chút ít. Lão cứ nhìn theo con trai mình đang đi trong vườn cam ngập ánh trăng. Đôi mắt lão dần dần nở một nụ cười. Bà vợ đứng ngay cạnh lão trong tư thái của một phụ nữ Anđiêng tuyệt đẹp. Khi Uylix, đóng cửa vườn cam lại, lão Hà Lan nói:

- Rồi mày sẽ bị cuộc đời dày vò và sẽ lại dẫn cái thân xác mày trở về nhà này nhanh hơn là mày tưởng.

- Thôi đi! Ông sao mà thô bạo thế! - bà nói- Con nó sẽ không bao giờ trở về đâu! Rồi đấy ông xem!

Lần này Uylix không cần phải hỏi đường của Êrênhđira. Anh trốn trong những chiếc xe tải gặp dọc đường để chúng đưa anh vượt qua hoang mạc từng chặng một. Anh ăn trộm để sống qua ngày. Cứ như thế anh đi cho tới khi gặp được tiệm chơi của Êrênhđira ở trong một làng bên bờ biển. Từ làng này có thể nhìn thấy những ngôi nhà cao tầng lộng lẫy của thành phố tráng lệ. Từ làng này cũng có thể nghe thấy tiếng còi tàu đêm hú để tiễn biệt thành phố cảng trong lúc nó nhổ neo đi đảo Aruba. Êrênhđira đang nằm ngủ, chân vẫn bị chiếc xích chó xích vào đuôi giường. Cô vẫn nằm với tư thế của kẻ bị ngạt thở, cái tư thế cô gọi anh đêm nọ. Không đánh thức cô gái, Uylix cứ đứng chiêm ngưỡng cô một lúc lâu. Nhưng vì anh ngấm cô, ngấm hoài và trong khi ngấm cô anh nghĩ về cô rất dữ nên Êrênhđira cũng phải thức dậy. Thế là trong bóng tối họ hôn nhau... họ tận hưởng những phút giây kì diệu của tình yêu xa nhau lâu ngày mới gặp lại.

Ở đầu bên kia, bà già đang ngủ bỗng chợt quay trở mình và bắt đầu nói nhảm:

- Điều đó xảy ra vào thời kỳ có chiếc tàu thủy của người Hy Lạp cập bến. - Mụ nói- Đó chính là một tai họa mà bọn lính thủy điên rồ gây ra cho chị em làng chơi. Chúng đến làm tình với người ta nhưng lại lấy con bọt biển sống thay tiền trả cho họ. Những con bọt biển này sau khi bò lồm

ngồm khắp nhà chúng rên rầm như người ốm nặng. Những con vật này sống bằng cách đe dọa trẻ em khóc để liếm nước mắt.

Bà già cự quậy mạnh rồi ngồi vực dậy:

- Chính lúc ấy ông ta đến. Trời ơi! - Mụ gào- So với Amadix thì ông ta to hơn, khỏe hơn và trời ơi! Sao mà dễ thương...

Cho tới lúc ấy Uylix vẫn không để ý tới cơn mê sảng của mụ. Nhưng khi thấy mụ ngồi vực dậy, anh định đi ẩn. Êrênđira khuyên anh yên tâm.

- Ngồi yên nào! Khi tới cái đoạn này thì bao giờ bà ngồi dậy nhưng vẫn không tỉnh ngủ đâu!

Uylix lại nằm xuống gối đầu lên tay cô gái.

- Đêm ấy ta đang cùng hát với bọn thủy thủ và ta nghĩ rằng việc ông ta đến là một sự kiện to lớn có thể so với trận động đất. - Mụ già lại tiếp tục cơn mê sảng của mình- Tất cả đều nghĩ như ta bởi bọn họ đều ù té chạy, vừa chạy vừa hát, vừa cười sảng sặc. Duy chỉ có ông ta đứng lại dưới mái hiên đài khí tượng. Ta nhớ rõ chuyện ấy như là chuyện vừa xảy ra ngày hôm qua. Khi ta hát những bài hát mà thời ấy mọi người đều hát thì đến cả những chú vẹt nuôi trong sân nhà cũng phải cất tiếng hát theo.

Và nhặt nhẻo làm sao bà già cất tiếng hát lại cái bài hát đắng cay của đời mình, cái bài hát được hát lại trong cơn mơ:

Hãy trả lại em tuổi thơ ngây.

Để hưởng cùng chàng mỗi tình đầu đắm say!

Chỉ lúc này Uylix mới thực sự cảm thấy thích thú cái nỗi buồn thương của bà già.

- Chàng ta đứng đó với con vệt đuôi dài đậu trên vai, với khẩu súng Etpinton sẵn kẻ ăn thịt đồng loại. Ta cảm thấy hơi thở sặc mùi người chết khi chàng đứng trước mặt ta và bảo ta: “Anh đã đi khắp thế giới hàng ngàn lần, đã nhìn thấy tất cả phụ nữ của mọi dân tộc, vì thế anh có quyền để nói với em rằng: em là cô gái kiều kỳ nhất đồng thời lại là cô gái đáng yêu nhất, em là cô gái đẹp nhất trần gian này”.

Bà già lại nằm xuống giường rồi gục mặt vào gối khóc nức nở. Uylix và Êrênđira ngồi lặng yên trong tranh tối tranh sáng. Tiếng thở khò khè của mụ khiến cả hai đều sợ run người. Bỗng Êrênđira hỏi anh một cách dứt khoát:

- Anh có dám giết bà ấy không?

Bị hỏi bất ngờ, Uylix không biết trả lời thế nào.

- Ai mà biết được! – anh trả lời- Em có dám không?

- Em chịu thôi vì đó là bà em!

Thế là Uylix lại quan sát một lần nữa cái cơ thể khổng lồ đang ngủ như thể anh đang tính xem cái sức sống tiềm ẩn trong đó, rồi quyết định:

- Vì em anh có thể làm được!

Uylix mua nửa cân thuốc chuột về trộn lẫn với kem sữa và mứt cam rồi nhét vào giữa chiếc bánh ngọt thay cho nhân của nó đã bị móc đi. Sau đó anh lấy thứ kem sữa khác đặc hơn và dùng cùi dĩa phết kem lên chiếc bánh, miết cho chúng đều chung quanh y như một chiếc bánh còn nguyên. Anh lấy 72 cây nến hồng cắm lên trên chiếc bánh ngọt.

Bà già ngồi trên chiếc ghế dựa có tay ngai, tay vung vẩy cây ba-toong vẻ hăm dọa khi nhìn thấy Uylix đang khệ nệ bưng chiếc bánh chúc mừng sinh nhật bước vào nhà mình:

- Rõ dơ cái mặt chưa! - mẹ thét- Người không biết xấu hổ sao? Thế mà còn dám bước chân tới nhà ta đây!

Lúc ấy, Uylis cố dấu con người thật của mình đi sau khuôn mặt thiên thần. Anh nói:

- Thưa mẹ! Hôm nay là sinh nhật của mẹ, vì thế cháu đến để xin mẹ tha tội cho ạ!

Mẹ bị Uylis lừa mà không biết, lại cứ tưởng anh thật bụng tới chúc mừng sinh nhật của mình nên ra lệnh bày bàn ăn như bày bàn tiệc. Mẹ bảo Uylis ngồi xuống ngay bên trái mình và sai Êrênđira hầu bàn. Sau khi thổi tắt 72 ngọn nến thắp trên cái bánh, mẹ cắt bánh làm ba phần bằng nhau. Mẹ đưa cho Uylis phần đầu tiên, nói:

- Người biết cách làm cho người khác phải bỏ giận làm lành với mình là người đã chinh phục được nửa thiên hạ đấy. Ta dành cho cháu phần đầu tiên là phần của hạnh phúc.

- Thưa mẹ, cháu không thích của ngọt ạ! Xin mẹ cứ tự nhiên cho ạ!

Mẹ cho Êrênđira phần khác. Cô gái mang nó vào trong nhà ném vào thùng rác.

Một mình bà già ăn tất cả phần còn lại. Mẹ cứ nhét từng miếng bánh to vào miệng rồi nuốt chửng, luôn miệng suýt xoa kêu ngon và đưa mắt nhìn Uylis vẻ sung sướng thật sự. Khi phần mình đã hết sạch sành sanh, mẹ ăn luôn phần mà Uylis chê. Trong lúc chép chép nhai miếng bánh cuối cùng, mẹ lấy ngón tay vớt nốt những vụn bánh rơi vãi trong đĩa rồi bỏ tất cả vào miệng.

Bà già đã ăn hết một lượng bả chuột bằng cả lượng dùng để diệt một thế hệ chuột. Ấy thế mà mẹ vẫn chơi piano, vẫn hát cho tới nửa đêm, vẫn đi

ngủ bình thường và ngủ ngon lành như mọi khi. Chỉ có khác mọi khi là đêm ấy mụ thở khò khè suốt đêm.

Từ chiếc giường của mình, Uylix và Êrênhđira theo dõi bà già, chỉ đợi mụ thở hắt ra. Nhưng không. Tiếng nói của mụ khỏe, đầy sức sống, cất lên oang oang khi mụ bắt đầu nói mê.

- Trời ơi! Ta lại điên, ta lại điên mất! Ta đã chen hai thang cửa để hắt đèn vào. Thêm vào đó ta còn mang tới cửa cả một cái bàn, một chiếc máy hát. Ta còn chồng cả mấy chiếc ghế lên chiếc bàn ấy. Thế mà chỉ một cái gõ nhẹ đã làm cho tường chắn cửa xô vỡ ra, những chiếc ghế rời khỏi mặt bàn, chiếc bàn và chiếc máy hát tự tách ra, rồi những chiếc thang chắn cửa cũng bung ra.

Êrênhđira và Uylix cứ mỗi lúc một ngạc nhiên hơn bởi cơn mê sáng của mụ ngày càng mang vẻ bi kịch hơn, giọng nói của mụ sôi nổi tha thiết hơn:

- Lúc ấy ta cảm thấy rằng mình sẽ chết. Người ta toát mồ hôi lạnh mà lòng thì khẩn thắm: Lạy chúa! Cánh cửa hãy mở mà đừng mở; hắt hãy vào mà đừng vào; rằng hắt sẽ chẳng bao giờ đi khỏi cái nhà này và cũng chẳng bao giờ hắt trở lại ngôi nhà này để khỏi phải giết hắt!

Trong vài giờ liền, mụ hồi tưởng lại tấn bi kịch của mình, y như thể nó đang sống lại trong giấc mơ của mụ. Trong lúc rạng sáng ít lâu, mụ trở mình rầm rầm trên giường và tiếng nói của mụ nghẹn lại trong tiếng khóc nức nở:

- Ta tiến gần lại hắt nhưng hắt lại cười. Ta lại tiến gần thêm và hắt lại cười cho tới khi hắt phải trợn ngược mắt lên đầy sợ hãi, nói: ôi, lạy Hoàng hậu! ôi, lạy Hoàng hậu! Cái tiếng van xin ấy không phát ra từ miệng hắt mà lại phát ra từ vết dao chém nơi cổ họng.

Kinh ngạc trước hành động tàn bạo của mụ, Uylix nắm chặt tay Êrênhđira, thét lên:

- Mụ già sát nhân!

Êrênđira không thèm để ý tới tiếng hét của anh, bởi lúc này trời đã hừng đông. Đồng hồ điểm năm giờ.

- Thôi anh đi đi! Bà già sẽ thức dậy bây giờ đấy!

- Bà ấy khỏe hơn cả voi. Thật kỳ quái.

Êrênđira nhìn anh thất vọng:

- Chỉ tại anh cả thôi. Đồ ăn hại!

Lời mắng mỏ của cô gái vang vọng khắp căn nhà khiến Uylix càng cảm khái. Êrênđira nhìn bà mình đang ngủ với một sự căm thù lạnh lẽ, với một sự tức giận vì thất bại, trong lúc ở bên ngoài mặt trời đã ló rạng, chim chóc cất tiếng hót líu lo. Bà già mở to mắt nhìn cháu mình với một nụ cười dễ thương.

- Lạy chúa! Chúa hãy cứu giúp cháu tôi.

Chỉ có một sự thay đổi đáng để ý là sự đảo lộn trật tự công việc trong một tuần. Hôm ấy là ngày thứ Tư nhưng bà già lại muốn diện bộ ngày Chủ nhật và bảo Êrênđira không tiếp khách trước lúc 11 giờ để nhuộm móng tay và chải tóc theo một ngày hội cho mình.

- Chưa bao giờ ta lại thêm chụp ảnh như bây giờ.

Êrênđira chải tóc cho bà mình. Nhưng khi cô vừa đưa lược vào gỡ tóc thì một mớ tóc bám ngay vào răng lược. Cô chìa cho mụ xem. Bà già cầm lấy xem rồi lấy ngón tay cuốn tóc lại giật thử một cái. Một mớ tóc khác nằm nguyên trong tay. Thế là lấy hai tay mụ tự dứt tóc mình, cười như nắc nẻ, rồi mụ tung những mớ tóc rụng ấy lên khoảng không với niềm vui kỳ

quái. Mụ cứ tự đứt tóc mình như thế cho tới khi đầu mụ rụng hết tóc nom y hệt chiếc bình vôi.

Hai tuần sau Êrênhđira mới lại thấy tấm hơi Uylix khi cô nghe thấy tiếng cú rúc. Lúc ấy bà già đang chơi pianô, đang đắm say trong nỗi u hoài luyện tiếc của mình đến nỗi không hay biết điều gì đang xảy ra chung quanh mình. Đầu mụ đội một bộ tóc giả lờm chờm.

Êrênhđira vội chạy ra nơi có tiếng gọi mình thì chỉ thấy một sợi dây cháy chậm lòi ra từ hộp đàn pianô rồi cứ dài ra lần trong cỏ dại, và mất hút trong bóng tối. Cô gái chạy tới nơi Uylix đứng, cùng anh ẩn trong lùm cây. Cả hai nín thở nhìn ngọn lửa xanh lè phụt ra từ đầu dây cháy chậm, cái ngọn lửa ấy chạy qua khoảng không tối mù rồi chui tuột vào trong nhà.

- Bịt tai lại! - Uylix bảo cô gái.

Cả hai cùng bịt tai mà lẽ ra chẳng cần phải làm như thế. Căn nhà bỗng rực sáng bởi ngọn lửa phụt cháy dữ dội mà không hề có tiếng nổ, hay nói đúng hơn quả mìn ấy đã nổ trong im lặng. Rồi ngọn lửa ấy lại tắt phụt đi trong đám khói dày đặc. Khi Êrênhđira bạo phổi bước vào trong nhà thì thấy bà mình vẫn sống khỏe mạnh hơn bao giờ hết, tay đang phẩy phẩy tấm vải để dập tắt lửa. Bộ tóc giả của mụ cháy xém gần hết. Chiếc áo sơ mi của mụ rách bươm. Thế mà cô gái cứ đinh ninh rằng lần này thì bà già phải nghèo rồi.

- Thật cứ y như chuyện ma quỷ ấy- Bà già nói- Không khi nào đàn pianô tự nhiên lại nổ cả.

Bà già cố đoán xem nguyên nhân của vụ hỏa hoạn vừa rồi là do đâu nhưng vì Êrênhđira khéo phỉnh phờ và cứ thần nhiên như không, nên mụ không biết đăng nào mà lần. Bà già hoàn toàn không bắt gặp một sự thất thố nào trong cung cách đối xử của Êrênhđira và cũng không nhớ rằng Uylix đang có mặt tại vùng này. Mụ ngồi tới khuya hết đoán thế nọ lại đoán

thế kia và tính đi tính lại những tài sản vừa bị thiệt hại. Mụ ngủ ít do đó trần trở hoài trên giường. Sáng hôm sau khi Êrênđira cởi giúp bà mình chiếc áo trần thủ độn vàng lá thì thấy những vết bóng trên vai và thấy ngực bà đỏ hon hồng. “ Hèn nào mà ta ngủ không ngon- mụ nói- và ta còn nằm mơ một giấc mơ kì quái”. Mụ cố gắng tập trung tư tưởng để nhớ lại giấc mơ cho tới khi nó rõ mồn một trong trí nhớ của mình:

- Một con công nằm trên chiếc võng trắng. - Mụ nói Êrênđira ngạc nhiên nhưng ngay lập tức cô lấy lại điệu bộ thản nhiên thường ngày:

- Đó là một điềm may bà ạ! Con công trong giấc mơ là điềm báo về cuộc đời trường thọ.

- Lạy chúa! Chúa hãy chứng giám lời cháu nói vì một lần nữa chúng ta lại phải bắt đầu từ đầu.

Êrênđira không cãi lại bà mình. Cô gái bước ra khỏi nhà tay cầm cuộn băng để mặc mụ già ngồi một mình trong tư thế để trần nửa người trên bôi lòng trắng trứng gà và cái đầu trọc tếu bôi loang lổ nước lá cây mù tạc. Êrênđira đứng dưới mái lợp lá cọ dùng tạm làm bếp đang đổ thêm lòng trắng trứng gà vào cuộn băng thì nhìn thấy đôi mắt Uylix ở đằng sau bếp lò như lần nào cô đã thấy chính những đôi mắt ấy ở sau giường mình nằm. Cô không hề giật mình, chỉ nói với anh bằng cái giọng mệt mỏi:

- Việc anh làm chẳng được cái tích sự gì, chỉ làm tôi thêm nợ.

Đôi mắt của Uylix càng lúng túng. Anh ngồi ngắm Êrênđira nhìn cô bừa những quả trứng gà. Cô gái giả bộ chăm chú làm việc không thèm để ý tới anh. Rõ ràng cô gái đã khinh anh ra mặt. Sau đó Uylix đảo mắt quanh bếp: những chiếc chảo móc quai vào tường, bát đĩa úp trong chạn, và một con dao bầu... Vốn làm việc lặt vặt, Uylix bước vào lấy con dao bầu ấy.

Êrênđira vẫn không thèm nhìn anh. Nhưng khi thấy Uylix cầm con dao bước ra khỏi nhà bếp, cô khẽ nói cho anh biết:

- Hãy cẩn thận kéo bà già vừa được báo mộng. Bà mơ thấy một con công nằm trong chiếc võng trắng.

Bà già nhìn thấy Uylix cầm con dao bầu bước vào trong nhà liền đứng bật dậy không cần phải chống chiếc ba-toong như mọi bận. Mụ giờ hai cánh tay lên:

- Mày điên rồi sao, thằng kia! - mụ thét.

Uylix đè lên người mụ đâm luôn cho một nhát dao bầu vào ngực. Mụ la lên thật to. Mụ lật người một cái nằm đè lên người Uylix. Với đôi tay lực lưỡng mụ định bóp cổ chàng thanh niên.

- Đồ đểu- mụ gầm gừ như con sư tử cái- Bây giờ ta mới biết mi có bộ mặt của quỷ Satăng.

Mụ không nói thêm được nữa. Uylix đã gỡ được cánh tay cầm dao bầu khỏi tay mụ, rồi đâm cho mụ một nhát nữa vào mạng sườn. Mụ rên rỉ yếu hơn và ôm ghì lấy kẻ thù của mình. Uylix lại đâm thêm cho mụ một nhát dao nữa. Một dòng máu phụt ra thật mạnh phun vào mặt anh. Đó là một thứ máu đặc sánh, óng ánh một màu xanh giống như thứ máu trong lòng ống còn tơ.

Êrênhđira tay cầm cuộn băng đứng ở cửa ra vào, theo dõi cuộc ẩu đả giữa hai người mà lòng rộn lên niềm thích thú- cái thích thú đầy tội ác.

Mụ già cứ ôm ghì lấy Uylix, đau đớn và tức giận, cứ gầm gừ như con sư tử cái. Mụ vạm vỡ như một tảng đá nguyên khối. Máu xanh đầm đìa khắp người mụ, từ tứ chi cho tới cả cái đầu trọc tếu của mụ. Tiếng thở khò khè của mụ vang khắp nhà. Lại một lần nữa, Uylix gỡ được cánh tay cầm dao bầu ra khỏi tay mụ, rạch một đường rõ dài trên bụng mụ. Máu ộc ra phun khắp người Uylix. Thế mà mụ vẫn cố gượng dậy. Nhưng lúc này mụ đã kiệt sức ngã vật ra sàn nhà. Uylix hoàn toàn thoát khỏi đôi tay lực lưỡng của mụ tha hồ băm vằm mụ.

Lúc này, Êrênhđira đặt cuộn băng xuống bàn, cúi nhìn mù già. Mày cô chau lại. Khi chắc chắn rằng mù già đã tắt thở, gương mặt cô bỗng trở thành gương mặt của người đứng tuổi đầy ưu tư, mặc dù cô chưa đầy 20 tuổi- những năm tháng cay đắng và bất hạnh. Thận trọng và nhanh nhẹn, Êrênhđira cúi xuống nhặt chiếc áo trấn thủ may bằng vải bạt nhồi toàn vàng lá rồi bước ra khỏi nhà.

Sau trận ẩu đả, Uylix mệt rũ ngồi bên cạnh cái cây ma. Càng muốn lau sạch mặt bao nhiêu thì mặt anh lại càng xanh lè cái thứ máu ấy như thể nó đang rò ra từ năm đầu ngón tay anh và vì vậy anh càng lau thì mặt anh càng xanh lè. Khi thấy Êrênhđira mang chiếc áo trấn thủ nhồi toàn vàng lá đi ra, chỉ lúc ấy Uylix mới nhận ra cái tình cảnh trở trêu của mình.

Anh gọi to mà mà không thấy cô gái trả lời. Anh bò lết ra tới cửa thấy Êrênhđira đang chạy như bay dọc theo bờ biển để lại sau lưng mình thành phố trắng lệ này. Anh lấy hết sức bình sinh đuổi theo cô gái, vừa chạy theo vừa gọi tên cô một cách thảm thiết. Tiếng gọi của anh lúc này không còn là tiếng gọi của người tình mà là tiếng gọi của đứa trẻ thơ gọi mẹ. Nhưng anh đã kiệt sức- cái sức trẻ trung tráng kiện anh đã dùng nó vào việc tiêu diệt mù già gian ác. Những người Anhđiêng giúp việc đã đuổi kịp anh, thấy anh nằm sắp đang khóc lóc thảm thiết.

Êrênhđira không nghe thấy tiếng anh khóc. Chạy ngược gió mà cô chạy nhanh hơn cả hươu nai và không một tiếng gọi nào của thế gian này có thể ghìm chân cô lại. Cô cầm đầu cúi cổ chạy trong không khí ngột ngạt của vùng mỏ diêm sinh, chạy bên miệng những chiếc giếng khai thác đá tan, chạy qua những làng bản thừa thớt người của người Anhđiêng. Cô cứ chạy như thế cho tới khi vượt ra ngoài bầu không khí oi nóng, ngột ngạt của miền hoang mạc. Nhưng rồi cô cũng chưa dừng lại ở đấy. Cô vẫn mang chiếc áo độn toàn vàng lá chạy vào sâu hơn nữa trong lòng hoang mạc nơi còn xa hơn cả nơi những cơn gió nóng hầm hập và những buổi chiều buồn dài lê thê tưởng như không bao giờ chấm dứt. Từ đó chẳng bao giờ người

ta nhận được thêm tin tức mới về cô gái và cũng chẳng được biết thêm những tình tiết bí mật của cái cuộc đời bất hạnh ấy.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Cụ Già Có Đôi Cánh Không Lờ

Trời mưa đến ngày thứ ba. Cua bị chết ở trong nhà rất nhiều đến nỗi Pê-la-đô phải lội qua sân nhà mình ngập nước để ra biển ném chúng đi, bởi vì đứa trẻ mới sinh cả đêm qua sốt cao quá và người ta liền nghĩ ngay rằng nó ốm là do nhiễm phải cái mùi khắm của xác những con vật chết. Ngay từ ngày thứ ba, khung cảnh làng thật buồn bã. Bầu trời và mặt biển đều xám màu tro. Các bãi biển mọi ngày cứ vàng rộm chói chang dưới ánh mặt trời nay biết thành những vũng nước nổi váng bùn và rác rưởi. Ngay lúc đang trưa ánh sáng cũng lơ mờ yếu ớt đến mức Pê-la-đô từ ngoài biển trở về phải lấy hết sức bình sinh mới nhìn ra ở cuối sân có một vật gì đó đang cựa quậy và rên rỉ. Anh ta buộc phải đến rất gần mới nhận ra được có một ông già ngã sấp trên mặt đất bùn và dù cố sức vùng vẫy đến đâu ông già cũng không đứng dậy nổi bởi hai cánh to, rất to cứ ghim cố lại.

T

Pê-la-đô rất kinh hoàng, vội chạy đi tìm Ê-li-xen-đa, vợ anh đang pha thuốc cho đứa trẻ ốm và lôi chị đến tận nơi có ông già. Hai người vừa lo sợ vừa chăm chú quan sát ông già. Quần áo của ông rách như tổ đĩa. Trên cái đầu hói bóng lơ thơ sót lại mấy sợi tóc bạc kéo từ thái dương ra sau gáy và hai hàm răng cũng chỉ còn lại mấy chiếc khấp khểnh. Trông ông già trong tình trạng ấy thật là thiếu não. Đôi cánh của ông già giống như cánh gà, bê bết bùn trụi gần hết lông, cứ dính chặt xuống đất bùn. Do ngấm nhìn ông già quá lâu và quá quan tâm lo lắng cho ông già, cả hai người không cảm thấy sợ nữa và bắt đầu cảm thấy ông già gần gũi với mình hơn. Thế là họ bạo dạn đến nói chuyện với ông già và ông già đã trả lời họ bằng thứ ngôn

ngữ địa phương khó hiểu nhưng giọng nói của ông sang sảng như giọng nói của thủy thủ. Thế là, không kể đôi cánh kia gây cho họ cảm giác khó chịu, ông già đem lại cho họ một ý nghĩ đúng đắn. Họ nghĩ, đó là một hành khách đi trên một chiếc tàu ngoại quốc bị cơn bão đánh đắm và ông già đã dạt vào đây. Tuy nhiên, bọn họ đã gọi bà hàng xóm thông hiểu nhiều chuyện đời và chuyện bí ẩn của thần chết cùng đến xem ông già. Chỉ cần nhìn thoáng một cái, bà ta đã nói để an ủi hai người:

- Đó là một vị thần. Ta tin chắc rằng ngài đến để chúc mừng đức trẻ mới đẻ nhưng vì quá già nên đã bị mưa bão đánh ngã.

Đến ngày hôm sau, cả bàn dân thiên hạ đều biết rằng trong nhà Pê-la-đô có một vị thần bằng xương bằng thịt. Theo quan điểm của bà hàng xóm thông hiểu mọi nhẽ thì trong thời kì ấy các vị thần đều là những kẻ sống sót và phải chạy trốn cuộc nổi loạn trên thiên đường, cho nên dân làng không đang tâm dùng gậy mà đập chết ông già. Suốt buổi chiều hôm ấy, từ nhà bếp, Pê-la-đô dùng chiếc dùi cui ngồi canh chừng ông già. Trước khi đi ngủ, anh ta lôi ông già trên đất bùn đến chuồng gà và nhốt ông già vào với bầy gà trong chuồng bưng lưới sắt. Đến nửa đêm, khi trời mưa tạnh, Pê-la-đô và Ê-li-xen-đa vẫn tiếp tục giết lũ cua bò trong nhà. Sau đó ít lâu, đứa trẻ thức giấc, hết sốt, đòi ăn. Thế là vợ chồng họ cảm thấy sung sướng và họ liền trở thành hào phóng, đã quyết định để ông già lên một chiếc máng cùng với nước uống và thức ăn trong ba ngày sẽ thả cụ ra ngoài biển phó mặc cho vận may rủi. Nhưng khi trời vừa hửng sáng hai vợ chồng ra sân thì thấy hàng xóm láng giềng kéo đến đông nghịt đứng trước chuồng gà mà trêu chọc vị thần già, mà ném cho ngài các thức ăn làm như thể vị thần già là một con người không bình thường mà chỉ là một con vật làm xiếc mà thôi.

Cha xứ Gông-xa-ra đến đây lúc bảy giờ. Cha được tin này, không chỉ có những người nhẹ dạ cả tin mà còn có những người chín chắn hơn cũng tò mò kéo đến nhà Pê-la-đô và họ thi nhau bình luận về tương lai của kẻ bị

nhất trong chuồng gà. Những người đồn đoán hơn cả thì nghĩ rằng có lẽ ông già sẽ được bổ nhiệm làm quan thị trưởng của cả thế giới. Những người khác, những người có tinh thần bi quan lại nghĩ rằng ông già sẽ được phong tước năm sao để chiến thắng tất cả các cuộc chiến tranh. Những kẻ hay mơ mộng hão lại nghĩ rằng ông già sẽ được bảo quản và giữ gìn cẩn thận như con vật giống để gieo rắc trên trái đất này một loại người có cánh và thông minh để lãnh đạo cả thế giới. Nhưng cha xứ Gông-xa-ra, trước khi là thầy tu đã là tay tiêu phu lực lưỡng, dù đang chăm chú nhìn qua lưới sắt vẫn ôn lại cuốn sách giáo lí vấn đáp của mình và vẫn tiếp tục đề nghị mở rộng cánh cửa hơn để đến gần ông già đáng thương mang dáng dấp giống một con gà cộc già nua khổng lồ đang đứng ở giữa bầy gà ngây ngô. Ông già đang nằm ở xó chuồng, giữa đám vỏ hoa quả và thức ăn mà người ta ném cho từ lúc sáng sớm, để phơi đôi cánh khổng lồ giăng ra dưới nắng. Khi cha xứ Gông-xa-ra bước vào chuồng gà và dùng tiếng La-tinh chào vị thần thì ông già vẫn giữ vẻ thờ ơ mặc cho đám đông tò mò đang đứng trước cửa chuồng gà và hầu như ông già cũng chỉ ngược mắt lên và lăm bầm điều gì bằng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu. Khi cha xứ biết rằng ông già này không biết ngôn ngữ La-tinh, ngôn ngữ của Thượng đế là cũng không biết chào hỏi những đại diện của mình ở hạ giới thì cha sinh nghi. Sau đó, càng quan sát kĩ, cha càng thấy ông già giống người nhiều hơn giống thần, cũng có mùi hôi ẩm trong trận bão, có râu xanh lè trong hai cánh, và những chiếc lông lớn cũng bị bão làm cho xơ xác và như vậy là không một biểu hiện bề ngoài nào của ông già này phù hợp với các thánh được vẽ trong tranh. Thế là đức cha ra khỏi chuồng gà rồi đức cha đọc một bài thuyết giảng văn tắt nhắc nhở những kẻ tò mò hãy cảnh giác trước những ý nghĩ nông cạn và chớ nên vội tin vào những điều mà mình nhìn thấy. Cha nhắc họ rằng quỷ dữ cũng thường ranh ma trá hình các thánh, trà trộn trong các vũ hội các-na-van để đánh lừa những kẻ nhẹ dạ cả tin. Cha còn lập lí rằng nếu đôi cánh kia không phải là yếu tố cơ bản để phân biệt con điều hâu với một chiếc máy bay thì lại càng không phải là điều kiện để thừa nhận ông già là một vị thần. Tuy nhiên, cha xứ hứa sẽ viết ngay một bức thư gửi lên đức giám mục báo cho ngài biết tin này để ngài viết thư lên đấng bề trên để

đăng bề trên của ngài lại viết thư lên đăng bề trên nữa cho đến khi nào tới tay Đức Giáo hoàng và nhờ thế mọi người ở đây sẽ được đọc lời phán xét cuối cùng của tòa thượng thẩm.

Sự cần trọng của cha xứ là vô ích. Tin tức về vị thần bị nhốt trong nhà Pê-la-đô được lan truyền đi rất nhanh đến mức chỉ sau ít đó mấy giờ, sân nhà Pê-la-đô đông (...) kéo họ làm đổ mất nhà. Ê-li-xen-đa, lưng còng hẳn đi vì phải cúi suốt ngày để quét rác chợ, lúc ấy liền nảy ra ý định rất đẹp: che sân nhà lại và bán vé với giá năm xu cho những ai muốn xem vị thần già có đôi cánh khổng lồ.

Những kẻ tò mò thích chuyện lạ từ đảo Mác-ti-ních cũng đến đây. Một gánh xiếc lưu động mang cả một gã làm trò nhào lộn cũng đến đây. Gã nhiều lần bay vù vù trên đầu đám dân chúng nhưng cũng không một ai thèm để ý vì đôi cánh của gã không phải là đôi cánh thiên thần mà chỉ là cánh của con dơi khổng lồ. Những người bất hạnh nhất của cả vùng biển Ca-ri-bê đến đến đây để mong được chữa bệnh: một người đàn bà bị bệnh tim ngay từ thời ấu thơ lúc nào cũng đếm nhịp tim mình và bà ta đã đếm được rất nhiều, tới mức không còn đủ con số cho bà ta đếm; một bác nông dân Ha-mai-ca không tài nào ngủ được vì tiếng động của các vì sao cứ làm bác khó chịu; một kẻ mộng du ban đêm cứ đi lại ồn ào không cho ai ngủ và rất nhiều những người bị bệnh khác. Trong hoàn cảnh ồn ào chen lấn đến ngộp thở kia, Pê-la-đô và Ê-li-xen-đa cực kì sung sướng vì chưa đầy một tuần, họ đã thu được rất nhiều tiền và nhét chặt vào các phòng ngủ và hàng người chờ xếp hàng đến lượt vào xem vẫn dài lê thê đến tận chân trời.

Chỉ có cụ già kia là không tham dự vào chính sự kiện do mình gây ra. Trong lúc thời gian qua đi, vị thần già tìm cách nằm thoải mái trong cái ổ người ta làm cho mình mà chịu đựng cái nóng khủng khiếp nơi hỏa ngục do những ngọn đèn dầu và nến thắp sáng ngay bên cạnh gây nên. Thoạt đầu mọi người tưởng rằng vị thần già sẽ ăn lá long não, mà theo như lời bà hàng xóm thông thái nọ đó là món ăn đặc biệt của các vị thần. Nhưng ngài

không thèm ăn, cũng như ngài không đụng đến các thức ăn trưa của Giáo hoàng do các tín đồ dâng lên mà chỉ ăn lá nôn cây bê-rê-nhê-na. Kiên nhẫn đó là đức tính nổi bật của ngài, nhất là trong những ngày đầu, ngài rất nhẫn nại, cứ mặc nhiên thầy kệ bọn gà thi nhau rủa sủa sâu bọ sinh sản trong đôi cánh ngài, thầy kệ bọn ốm đau nhổ lông ngài để phết lên những chỗ đau, thầy kệ những kẻ ném đá vào ngài để buộc ngài phải đứng dậy cho họ có dịp được nhìn ngắm toàn bộ thân hình ngài. Chỉ có một lần duy nhất họ khiến ngài phải đứng dậy ấy là khi bọn họ dùng một con dấu sắt nung đỏ ấn vào mạn sườn ngài, vì họ nghĩ rằng ngài đã chết rồi. Thế là ngài thức dậy đầy hoảng hốt, miệng vẫn lẩm nhẩm một thứ ngôn ngữ rất khó hiểu, nước mắt lưng tròng, rồi ngài vỗ cánh liền hai cái khiến cho bụi và phân gà trong chuồng bay lên tựa như một cơn lốc.

Nhiều người tin rằng sự phản ứng của ngài không phải do ngài giận dữ mà là do ngài đau đớn. Thế là từ đó trở đi, người ta chăm lo cho ngài cẩn thận hơn, vì phần lớn đều cho rằng sự nhẫn nại chịu đựng được mọi phiền toái của ngài không phải sự nhẫn nại của người anh hùng mà là trạng thái nghỉ ngơi sau bao gian truân trong bão táp.

Cha Gông-xa-ra dùng những lời lẽ ngọt ngào để thuyết phục đám dân chúng đừng đến đây nữa mà hãy chăm lo công việc gia đình trong lúc đợi sự phán quyết dứt khoát của đấng bề trên về bản thể của kẻ bị giam giữ. Nhưng đường thư Rô-ma có lẽ không còn ý thức trách nhiệm trước tính chất khẩn cấp của lá thư. Trong lúc thời gian trôi đi thì mọi người bận tâm tìm hiểu xem cái vị thần già giam giữ kia có trốn không, tiếng địa phương của ông già có phải là tiếng A-ra-mê-rô hay chỉ đơn giản ông già là một người Nê-ru-ê-gô có cánh mà thôi. Những bức thư chậm trễ ấy cứ việc đi rồi về cho đến tận cuối các thế kỉ nếu như không có một sự kiện hiển nhiên xảy ra kịp thời chấm dứt những tham vọng của đức vua.

Quả nhiên, trong những ngày ấy có một sự kiện độc đáo xảy ra. Giữa những gánh xiếc lưu động đến làng có một gánh xiếc trình diễn tiết mục về

một người con gái vì không nghe lời cha mẹ bị biến thành con nhện. Vé vào cửa chẳng những rẻ tiền hơn so với vé xem vị thần già mà còn trong khi xem người ta có thể hỏi rất nhiều điều về hoàn cảnh câu chuyện xảy ra. Người ta có thể phân tích kĩ càng câu chuyện cho đến khi nào không còn nghi ngờ gì về sự thật của nó. Đó là một con nhện khổng lồ to như con cừu và nó có bộ mặt trông như bộ mặt cô trinh nữ buồn tủi. Nhưng điều đáng thương tâm hơn cả là không phải cái hình thù xấu xí, nực cười của cô ả mà chính là thái độ ngây thơ chân thành trong khi cô ả kể lại chuyện đời mình với đầy đủ các chi tiết nhỏ nhặt nhất ngay từ khi còn là trẻ ranh, cô ả đã trốn cha mẹ để đi khiêu vũ. Sau một đêm khiêu vũ không được phép của cha mẹ, trên đường về cô ta bị một tiếng sấm nổ rạch đôi bầu trời và một tia chớp xanh lè bổ xuống biến cô ta thành con nhện. Thức ăn duy nhất của cô ả là những viên thịt băm người ta vui vẻ ném vào mồm ả. Một tích truyện như thế tự nó mang một sự thật nhân bản và một bài học đáng sợ, nó đã đánh bại một cách không thương tiếc cái trò đi xem vị thần già nua không làm được trò trống gì ngoài việc đủ can đảm nhìn vào cái chết. Ngoài ra, những phép màu hiếm hoi mà người ta cố gán cho vị thần già chẳng có sức thuyết phục, tỉ như phép màu mà ngài chữa bệnh cho một ông mù thì ông mù không lành mắt lại mọc thêm được ba răng, như phép màu ngài dùng để trị bệnh cho kẻ bị bại liệt thì kẻ này không khỏi bệnh mà lại suýt nữa trúng số độc đắc hoặc phép màu ngài dùng để trị bệnh cho một người hủi không lành bệnh mà lại thấy cây hướng dương mọc lên quanh những vết lở loét. Đúng ra những phép màu này giống như những lời đùa tếu bồng lơn đã đánh tan thanh danh của vị thần già khi gánh xiếc có người con gái bị biến thành nhện đến làng. Đó là nguyên nhân khiến đức cha khỏi bệnh lâm cầm, giúp cho sân nhà Pê-la-đô trở lại khung cảnh vắng vẻ như cái hồi mưa ba ngày liền khiến của thi nhau bò lồm cồm khắp các phòng trong ngôi nhà.

Chủ nhà chẳng có lí do gì để mà phải ca thán. Với số vốn lớn thu được họ làm một ngôi nhà hai tầng, có ban công và vườn hoa, chân nhà ốp gạch men để cho cua không thể bò được vào phòng trong những ngày mưa to gió lớn và tại các cửa sổ lưới thép được chăng lên để không một vị thần nào có

thể chui vào trong nhà. Pê-la-đô còn cho lập một trại nuôi thỏ ngay cạnh làng và xin thôi không làm trượng tuần nữa. Ê-li-xen-đa mua những đôi giày cao gót và khá nhiều váy lụa y hệt y phục các bà mệnh phụ thường dùng trong các ngày lễ tết. Chỉ riêng chuồng gà là nơi họ không thêm quan tâm. Nếu như có vài lần họ cọ rửa và xông lá thơm bên trong chuồng thì không phải là để thờ phụng vị thần già mà chính là để tẩy uế cái mùi hôi thối lớn vờn khắp ngôi nhà như một hồn ma và nó làm cho ngôi nhà ngày một cũ đi. Lúc đầu, khi đứa trẻ mới lững chững biết đi, họ chú ý chăm nom nó, không cho nó đến gần chuồng gà. Nhưng rồi họ cũng quên đi nỗi sợ hãi và bắt đầu làm quen với cái mùi hôi khó chịu kia và trước khi đứa trẻ thay răng sữa, nó đã vào chơi ngay trong chuồng gà làm cho sắt gỉ rơi lả tả từng mảng một. Vị thần khó chịu trước thằng bé hiếu động nhưng đã cố sức chịu đựng nó với tinh thần nhẫn nhục của một con chó đã rửa sạch mọi ảo tưởng. Cùng một lúc đứa trẻ và vị thần già đều bị bệnh thủy đậu. Viên bác sĩ lo điều trị cho đứa trẻ không thể kìm được lòng thương hại đã lấy ống nghe khám bệnh cho vị thần già và ông cũng cảm thấy rằng tim vị thần già đập nhanh quá và trong thận ông già có nhiều tiếng sôi khiến ông ta cảm thấy rằng vị thần già khó mà sống nổi. Tuy nhiên điều khiến ông ta ngạc nhiên hơn cả là tính chất logic của đôi cánh. Chúng rất tự nhiên trong cái bộ phận hoàn toàn người của vị thần già khiến bác sĩ không hiểu vì sao ở những người đàn ông khác lại không có cánh.

Khi đứa trẻ đi học, nắng mưa đã phá sập chuồng gà từ lâu. Vị thần già lê đôi cánh đi lại đây đó như một kẻ mộng du. Vợ chồng Pê-la-đô vừa đuổi vị thần già ra khỏi phòng ngủ thì ngay sau đó lại thấy ngài có mặt trong nhà bếp. Dường như cùng một lúc vị thần già có mặt ở khắp mọi nơi trong ngôi nhà địa ngục đầy ma quái. Vị thần già hầu như không ăn và đôi mắt trong của ngài lại ngẫu đục và thế là ngài đi mà cứ va vấp hoài vào cột nhà, đôi cánh ngài trụi hết lông. Pê-la-đô lấy chăn đắp lên lưng cho vị thần già và cho ngài nằm trong nhà và chỉ đến khi ấy anh ta mới nhận ra rằng ngài lên cơn sốt suốt đêm và trong lúc lên cơn sốt ngài lẩm bẩm nói tiếng khó hiểu của người Nê-ru-ê-gô cổ xưa. Đó là một trong những lần hiếm có họ phải

ngạc nhiên bởi ý nghĩ vị thần già sẽ chết và ngay cả bà hàng xóm thông thái cũng không thể bảo họ cần phải làm gì trước khi vị thần chết.

Tuy nhiên, vị thần già không những không chết trong ngày đông tháng giá mà còn tươi tỉnh khi mặt trời thức dậy. Nhiều ngày, ngài nằm im trong góc sân biệt lập, không mấy ai nhìn thấy ngài và vào những ngày tháng chạp bỗng trên đôi cánh ngài nở ra một ít lông to và cứng, đó là những chiếc lông của con chim già nua, chúng là biểu hiện của tuổi già lão. Nhưng có lẽ chính vị thần hiểu mình hơn ai hết về những lí do thay đổi ấy bởi vì ngài tự chăm lo mình cẩn thận hơn, để không một ai nhận ra ngài, để không một ai nghe thấy tiếng hát của những người đi biển mà đôi lúc họ như đang ca hát bên dưới các vì sao.

Một buổi sáng nọ trong lúc Ê-li-xen-đa đang ngồi thái hành chuẩn bị cho bữa cơm trưa thì nghe thấy một cơn gió hình như từ ngoài khơi lọt vào nhà bếp. Thế là Ê-li-xen-đa liền thò đầu qua cái cửa sổ và cô ngạc nhiên thấy vị thần già đang chuẩn bị cất cánh bay. Lúc đầu là những cú vỗ cánh hẫ hẫ còn ngượng nghịu cuốn bụi bay theo và suýt làm đổ cả mái hiên. Nhưng rồi cuối cùng, vị thần già đã bay được và ngày càng bay cao. Ê-li-xen-đa thở phào một cánh nhẹ nhõm khi chị ta nhìn thấy ngài hiên ngang vẫy đôi cánh vĩ đại của con đại bàng. Chị ta tiếp tục nhìn theo cho đến khi hình bóng vị thần già mất hút ở đường chân trời, ấy là khi chị thái hành xong, bởi vì lúc ấy không phải là lúc vất vả của đời chị mà đúng hơn lúc ấy là một điểm tưởng tượng trong đường chân trời ngoài biển cả mênh mông.

1968

(Trích trong Ga-bri-en Gác-xi-e Mác-két – 36 chuyện đặc sắc, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Một Ngày Bình Thường

Một buổi sáng thứ hai trời không mưa, bình minh ấm áp, Aurelio Escovar - một nha sĩ không bằng cấp, như thường lệ, dậy rất sớm và mở cửa phòng khám của mình lúc 6 giờ. Ông nhặt một vài cái răng giả vẫn còn bám trên những chiếc khuôn nhựa ra khỏi cái tủ kính và rải lên mặt bàn một dãy những dụng cụ được sắp xếp một cách tuần tự như thể chúng sắp sửa ra sân khấu. Ông bận một cái áo sơ mi kẻ ca rô có đính chiếc khuy mạ vàng ở cổ và một chiếc quần treo. Aurelio Escovar khăng khiu và gầy nhom, có cái nhìn vô cảm trước sự thế, y như cái nhìn của một người điếc.

M

Sau khi đã soạn các thứ ra mặt bàn, ông trải một tấm vải thô lên chiếc ghế khám bệnh và bắt đầu ngồi xuống, đánh bóng những cái răng giả. Ông làm việc như một cái máy, miệt mài, vô thức, hai chân cọ vào tấm vải thô một cách lơ đãng.

Hơn 8 giờ, Aurelio dừng lại một lúc và ngắm nhìn bầu trời qua khung cửa sổ nhỏ, có hai con chim ó đang rìa ráy dưới ánh mặt trời trên nóc nhà hàng xóm bên cạnh, ông nghĩ có thể trời sẽ mưa lại trước giờ nghỉ trưa. Tiếng gọi lạnh lạnh của đứa con trai 11 tuổi cắt ngang dòng suy nghĩ của ông.

- Bố ời.

- Gì thế?

- Ông thị trưởng muốn bố nhốt răng cho ông ấy.

- Bảo ông ấy là bố không có nhà.

Aurelio lại tiếp tục cầm cúi đánh bóng mấy cái răng giả bằng vàng. Ông đưa chúng ra xa, nheo mắt lại và bắt đầu ngẫm. Tiếng đứa con trai lại vang lên.

- Ông ấy bảo là bố có nhà vì ông ấy nghe thấy tiếng bố rồi.

Ông nha sĩ tiếp tục kiểm tra mấy cái răng giả đã được đánh bóng. Cho tới khi đặt chúng lên mặt bàn, ông mới lẩm bẫm:

- Tốt hơn rồi đây.

Ông sửa lại tấm vải thô và nhặt ra vài thứ từ thùng các tông đựng những thứ cần làm của ông rồi tiếp tục đánh bóng những cái răng vàng.

- Bố?

- Gì thế? - Ông vẫn không đổi giọng - Ông ấy bảo nếu bố không chịu nhốt răng, ông ấy sẽ bắn vỡ đầu bố đấy.

Không vội vã, Aurelio nhẹ nhàng rút chân ra khỏi tấm vải thô, tháo nó ra khỏi chiếc ghế, lôi cái ngăn kéo phía dưới của chiếc bàn ra, ở đó có một chiếc súng lục ổ quay. "Được rồi, bảo ông ta vào đây mà bắn bố".

Ông cuốn chiếc ghế lại và đặt đối diện với cái cửa ra vào. Tay ông đặt cạnh gờ của cái ngăn kéo. Ngài thị trưởng xuất hiện ở cửa. Khuôn mặt phía bên phải của ông khá nhẵn nhụi nhưng má trái sưng vù lên, râu ria phải đến 5 ngày không cạo. Người nha sĩ đọc thấy sự tuyệt vọng trong ánh mắt mờ đục của ông. Ông nhón đầu ngón trỏ đóng cái ngăn kéo lại và nhỏ nhẹ nói:

- Mời ngồi.

- Chào ông. - Ngài thị trưởng nói.

- Xin chào.

Trong khi chờ đợi nha sĩ đun nóng các dụng cụ, ông thị trưởng ngả đầu lên ghế và cảm thấy đã khá hơn. Hơi thở của ông ta lạnh giá. Đây là một phòng khám nghèo nàn: một chiếc ghế bằng gỗ cũ rích, một ngăn thủy tinh chứa những chai lọ bằng gốm, đối diện với chiếc ghế là một cửa sổ nhỏ với những tấm màn treo lơ lửng đến ngang vai. Khi cảm thấy nha sĩ đang bước đến gần, ngài thị trưởng giữ chặt bàn chân của mình và há rộng miệng.

Aurelio Escovar nghiêng đầu về phía ánh đèn. Sau khi kiểm tra chiếc răng bị nhiễm trùng của ngài thị trưởng, ông khẽ ra hiệu cho thị trưởng ngậm miệng lại và nói:

- Tôi phải xử lý cái răng này mà không gây tê.

- Tại sao?

- Vì ông đã bị áp xe.

Ngài thị trưởng nhìn thẳng vào mắt ông nha sĩ, cố gắng mỉm cười và nói: "Cũng được". Vị nha sĩ không cười đáp lại. Ông mang chiếc chậu đựng những dụng cụ khử trùng ra bàn làm việc, chậm rãi dùng kẹp vớt những vật dụng này ra khỏi chậu nước. Rồi ông đẩy cái ống nhổ về phía ngài thị trưởng bằng đầu mũi giày và đi tới bồn nước rửa tay. Ông cứ thế làm, không hề nhìn ngài thị trưởng còn ngài thị trưởng thì dường như không rời mắt khỏi người nha sĩ.

Đây là một chiếc răng khôn hàm dưới. Nha sĩ đứng dạng hai chân, giữ chặt cái răng bằng một chiếc kẹp. Ngài thị trưởng nắm chặt tay vào thành ghế, lấy hết sức lực giữ chặt hai chân của mình nhưng ông không hề kêu la.

Người nha sĩ chỉ cử động mỗi cổ tay của mình. Ông nói với một chút chua xót:

- Bây giờ thì ông phải cảm ơn 20 bệnh nhân đã chết của tôi.

Ngài thị trưởng nghe rõ tiếng lạo xạo bên trong quai hàm của mình. Mắt mũi ông nhòe nhoẹt nước, nhưng ông cố gắng nín thở cho tới khi chiếc răng được lôi ra. Rồi ông nhìn thấy nó qua hàng nước mắt. Trông nó thật kỳ lạ so với nỗi đau kinh khủng đã hành hạ ông trong suốt năm ngày vừa qua.

Cúi gập xuống cái ống nhổ, mồ hôi vật vã, thở hỗn hển, ông cởi cái khuy áo chèn của mình và quờ quạng tìm chiếc khăn tay trong túi áo. Người nha sĩ đưa cho ông ta một miếng vải sạch.

- Lau nước mắt đi, ông nói Ngài thị trưởng làm theo, run lẩy bẩy, trong lúc người nha sĩ đang rửa mặt, ông nhìn lên mảng trần nhà vỡ vụn chẳng chịt mạng nhện, trứng nhện và những côn trùng đã chết. Người nha sĩ quay lại, lau khô tay và nói: "Nghỉ ngơi và súc miệng bằng nước muối". Ngài thị trưởng đứng dậy, chào nha sĩ bằng lời chào của quân đội và sải chân về phía cửa, quên cả cài lại khuy áo chèn của mình.

- Cứ gửi hóa đơn nhé...

- Cho ông hay cho thành phố?

Ngài thị trưởng không thèm nhìn người nha sĩ. Ông đóng cửa và nói qua khung kính:

- Như nhau cả thôi.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Người Chết Cũ Phải Nhường Chỗ Cho Người Chết Mới Gabriel Garcia Márquez

C

1

Anh trở về nhà, đi dọc một phố của một thành phố nhỏ vùng Bohême nơi anh đã sống từ nhiều năm nay, buộc phải sống một cuộc đời không mấy vui thú, với những người hàng xóm lắm điều và với sự thô thiển đơn điệu vây bọc ở cơ quan, và anh bước đi, hờ hững đến nỗi (người ta vẫn thường như thế khi đi trên một con đường đã qua hàng trăm lần) suýt nữa không nhận ra bà. Nhưng bà đã nhận ra anh từ xa, và vừa đi đến gần bà nhìn anh cười, vào đúng phút cuối cùng khi anh đi ngang qua bà, nụ cười đó làm bật lên một lóe chớp trong ký ức anh và kéo anh ra khỏi sự uể oải.

"Tôi không nhận ra chị đấy", anh nói, nhưng đó là một lời xin lỗi vụng về khiến họ rơi ngay vào một đề tài khó chịu mà anh rất muốn tránh: mười lăm năm nay họ không gặp nhau và cả hai đã già đi. "Tôi thay đổi đến thế cơ à?", bà hỏi, anh trả lời là không, và mặc dù đó là một lời nói dối, thì nó cũng không hoàn toàn như thế, bởi vì nụ cười rụt rè đó (trong đó một khả năng hào hứng vĩnh cửu được thể hiện một cách ngượng ngùng và khiêm tốn) đã đến với anh qua khoảng cách nhiều năm, không hề bị thay đổi, và làm anh xáo động: bởi nụ cười đó gợi lên trong anh cái vẻ bên ngoài ngày xưa của người đàn bà, rõ ràng đến mức anh phải cố lắm mới quên được nụ cười để nhìn bà trong thực tế: bà gần như đã trở thành một bà già.

Anh hỏi bà đi đâu và bà có đang định làm gì không, và bà trả lời bà đến để giải quyết công chuyện và chỉ còn phải chờ tàu về Praha trong buổi tối. Anh nói gặp nhau bất ngờ thế này hay quá, và vì họ đồng ý (một cách đúng đắn) là hai quán cà phê gần đó bán thiêu và đông người quá, anh mời bà về căn hộ của mình ở không xa đó lắm, tại đó anh có thể mời bà uống trà hoặc cà phê, và nhất là họ sẽ có một chỗ sạch sẽ và yên tĩnh.

2

Ngày hôm nay với bà thật là tồi tệ. Chồng bà (cách đây ba mươi năm, họ đã sống ở thành phố này một thời gian khi còn là vợ chồng mới cưới, rồi họ lên Praha sống, chồng bà mất ở đó đã được mười năm) được chôn trong nghĩa trang của thành phố nhỏ này, theo ý muốn cuối cùng lạ lùng của ông. Bà đã phải mua một mảnh đất trong vòng mười năm, và cách đây mấy ngày, bà nhận ra mình đã quên không trả tiền khi đến hạn. Trước tiên bà định viết thư cho ban quản lý nghĩa trang, nhưng sau đó nhớ lại là tất cả mọi giao thiệp với chính quyền là một việc kéo dài dai dẳng và vô vọng, bà bèn đích thân tới nơi.

Dù biết rõ đường dẫn đến mộ chồng, ngày hôm đó bà có cảm giác nhìn thấy nghĩa trang lần đầu tiên. Bà không sao tìm được mộ chồng và nghĩ mình bị đi lạc. Cuối cùng thì bà hiểu: tại nơi ngày xưa có một công trình bằng đá xám ghi tên chồng bà bằng chữ mạ vàng, giờ đây (bà chắc chắn nhận ra hai ngôi mộ bên cạnh) là một công trình bằng đá đen với một cái tên hoàn toàn xa lạ mạ vàng.

Bà bối rối đi đến ban quản lý nghĩa trang. Tại đó, người ta nói với bà rằng khi hết thời hạn thuê đất những ngôi mộ sẽ tự động bị bốc đi. Bà trách họ không báo trước cho mình về thời hạn trả tiền, họ trả lời nghĩa trang có rất ít chỗ và những người chết cũ phải nhường chỗ cho những người chết mới. Bà nổi giận và nói với họ, khó khăn lắm mới tìm được không khóc òa lên, rằng họ không có ý thức về phẩm giá con người lẫn lòng kính trọng người khác, nhưng bà nhanh chóng hiểu ra rằng tranh luận là vô ích. Cũng

giống như khi bà không thể ngăn cái chết của chồng, giờ đây bà bất lực đứng nhìn cái chết thứ hai này, cái chết của một người chết cũ không có quyền được có một tồn tại sau khi chết.

Bà quay trở lại trung tâm thành phố, và nỗi buồn của bà hòa thêm với nỗi lo lắng không biết sẽ giải thích với con trai mình thế nào về vụ biến mất của ngôi mộ và xin lỗi nó về sự lơ là của mình. Sau đó, sự mệt mỏi ập đến: bà không biết phải làm gì trong suốt những giờ đồng hồ dài dặc chờ đợi cho đến khi tàu chuyển bánh về Praha, bởi vì bà không quen ai ở đây nữa cả, và thậm chí bà còn không muốn đi dạo một chuyến để tưởng niệm quá khứ, thành phố trong những năm qua đã thay đổi đến mức những nơi xưa kia thân thuộc giờ đã khoác một bộ mặt hoàn toàn xa lạ. Chính vì thế bà biết ơn mà đồng ý lời mời của người bạn cũ (suýt bị quên) mà bà vừa tình cờ gặp lại: bà có thể rửa tay trong phòng tắm và sau đó ngồi vào một chiếc ghế phớt mềm mại (bà bị đau chân), nhìn ngắm căn phòng và lắng nghe tiếng nước chảy phía sau vách ngăn góc bếp với căn phòng.

3

Anh vừa bước vào tuổi ba mươi và đột nhiên nhận ra tóc mình đã rụng đi một khoảng lớn trên đỉnh đầu. Chưa hoàn toàn bị hói, nhưng người ta đã có thể đoán được điều đó (tóc rơi làm da đầu hiện ra rõ ràng): nó hoàn toàn không thể đảo ngược và đã khá gần kề. Chắc chắn là rất lỗi bịch khi coi rụng tóc là một vấn đề sống còn, nhưng anh nhận ra là chứng hói đầu khiến khuôn mặt bị thay đổi và do đó cuộc sống của một trong những vẻ ngoài của anh (rõ ràng là cái đẹp nhất) phải chấm dứt.

Thế nên anh tự hỏi bảng tổng kết cuộc đời của nhân vật (người có tóc) đang dần dần chết đi đó như thế nào, những gì mà nhân vật đó đã thực tế trải qua và những niềm vui nào mà nhân vật đó đã thực tế cảm thấy, và anh kinh hoàng nhận ra những niềm vui đó thật là ít ỏi; anh cảm thấy đỏ hết mặt với ý nghĩ này; đúng, anh ngượng vì nó: bởi vì thật tệ khi đã sống lâu đến thế trên cõi đời mà mới trải qua ít thứ như thế.

Anh muốn nói chính xác điều gì khi nói anh trải qua ít thứ? Anh có nghĩ đến những chuyến đi, đến công việc, đến cuộc sống cộng đồng, đến thể thao, đến đàn bà không? Chắc chắn là anh nghĩ đến tất cả những điều đó, nhưng trước hết là đến đàn bà; bởi vì, nếu đời anh nghèo nàn đến thế trong các lĩnh vực khác, dĩ nhiên anh cũng thấy đau đớn lắm, nhưng anh không thể tự kết tội mình về sự nghèo nàn đó: dẫu sao cũng không phải là lỗi của anh nếu nghề của anh không có chút hứng thú nào và không chút tương lai nào; không phải là lỗi của anh nếu anh không thể đi du lịch, khi không có cả tiền lẫn giấy chứng nhận của lãnh đạo; không phải lỗi của anh nếu anh phải từ bỏ các môn thể thao mà anh thích. Nhưng ngược lại, với anh lĩnh vực đàn bà là nơi tồn tại một tự do tương đối, và ở đó anh không thể tìm đâu lời biện hộ được. Ở đó anh có thể chứng tỏ mình là ai, anh có thể thể hiện sự phong phú của mình; những người đàn bà với anh đã trở thành tiêu chí duy nhất của sự dày đặc sống còn.

Nhưng không có cơ may nào hết! Với đàn bà mọi việc chưa bao giờ tốt đẹp cả: cho đến tuổi hai mươi (dù đẹp trai), anh vẫn cứ chờ người lại vì sợ; tiếp sau đó anh yêu, anh cưới vợ, và trong suốt bảy năm, anh cố tự thuyết phục mình là người ta có thể tìm được ở một người phụ nữ duy nhất sự vô tận của tình dục; rồi anh ly dị, sự xưng tụng trò một vợ một chồng (ảo tưởng về vô tận) nhường chỗ cho một ham muốn đàn bà để chịu và táo bạo (về cái có hạn được trang trí bằng sự đông đảo của họ), nhưng thật chán vì ham muốn đó và sự táo bạo đó đã bị cản trở mạnh mẽ bởi tình hình tài chính khó khăn của anh (anh phải trả tiền chu cấp cho vợ cũ để nuôi đứa con mà anh được quyền đến thăm một hoặc hai lần mỗi năm) và vì lý do cuộc sống trong một thành phố nhỏ, nơi sự tò mò của hàng xóm láng giềng cũng vô tận ngang bằng với số lượng đàn bà ít ỏi để anh quyến rũ.

Sau đó, thời gian trôi đi, rất nhanh và, đột nhiên, anh đứng trước tấm gương hình ôvan đặt trên lavabô của phòng tắm, cầm trong tay phải một chiếc gương tròn nhỏ để phía trên đầu, và, khò người xuống, anh nhìn bệnh hói đầu đang dần phát sinh; ngay lập tức (không cần chuẩn bị) anh

hiếu ra một sự thật tầm thường: người ta không thể lấy lại được những gì đã đánh mất. Kể từ đó, anh chịu đựng nỗi khó chịu thường nhật và thậm chí đã có những lúc nghĩ đến việc tự tử. Chắc chắn (và phải nhấn mạnh điều này để không coi anh là một kẻ mắc chứng hystérie hay một kẻ ngu ngốc): anh có ý thức rằng những ý nghĩ đó thật hài hước và không bao giờ được phép thực hiện (anh cười trước viễn cảnh một lá thư vĩnh biệt: Tôi sẽ không bao giờ chấp nhận mình bị hói: vĩnh biệt!), nhưng chỉ cần những ý nghĩ đó, dù có mang chất Platon đến đâu, nảy đến với tâm trí của anh là đã đủ. Hãy cố để hiểu điều đó: những ý nghĩ đó đến với anh gần giống như xảy đến với một vận động viên chạy maratông cái ý muốn bỏ cuộc không thể cưỡng lại được khi anh ta nhận ra, trong cuộc đua, rằng mình sắp sửa thua (và hơn thế, vì chính lỗi lầm của anh ta). Cả anh, anh cũng coi rằng cuộc đua đã thất bại và anh không còn muốn chạy thêm nữa.

Và giờ đây, anh ngả người trên chiếc bàn nhỏ, đặt một tách cà phê trước divăng (nơi sau đó anh đến để ngồi xuống) và một tách khác trước chiếc ghế phôi mềm mại mà người khách đang ngồi, và anh tự nhủ thật là một sự oái oăm độc ác của số phận khi anh gặp lại người đàn bà này, người mà trước kia anh từng rất yêu và sau đó đã để vượt mất khỏi tay (vì lỗi lầm của chính anh), ngay vào lúc anh đang ở trong một tình trạng hết sức tồi tệ về tinh thần và không tài nào tóm lại được bất cứ cái gì.

4

Chắc chắn bà không đoán ra là trong mắt anh bà là người đã vượt mất; chắc hẳn bà vẫn luôn nhớ đến cái đêm hai người ngủ với nhau, bà nhớ lại vẻ ngoài của anh khi đó (anh mới hai mươi tuổi, không biết cách ăn mặc, hay đỏ mặt và khiến bà vui vẻ vì những thói trẻ con), bà cũng nhớ mình như thế nào khi đó (bà gần bốn mươi tuổi và đang ở trong một cơn khát cái đẹp nó đã ném bà vào vòng tay những người đàn ông xa lạ, nhưng bà đã giẫy khỏi anh ngay lập tức vì bà vẫn luôn nghĩ rằng đời mình phải giống

như một điệu nhảy tuyệt mỹ, và e ngại biến những cuộc trăng gió thành một thói quen xấu xa).

Đúng, bà tôn thờ cái đẹp, giống như những người khác tôn thờ một quyền lực đạo đức; chỉ cần nhìn thấy có vẻ xấu xí trong đời mình là bà có thể gục ngã trong thất vọng. Và, vì bà hiểu là người chủ nhà của mình hẳn phải thấy bà già nua sau mười lăm năm không gặp nhau (với tất cả những vẻ xấu xí mà tuổi tác ngấm mang), bà vội vã xòe ra trước mặt mình một chiếc quạt tường tượng, bà hỏi anh dồn dập: bà muốn biết tại sao anh lại đến ở thành phố này; bà hỏi anh về công việc; bà ca ngợi căn hộ của anh mà bà thấy rất dễ chịu, nhìn được cả xuống những mái ngói của thành phố (bà nói khung cảnh đó không đặc biệt gì lắm nhưng cũng tạo ra cảm giác tự do) ; bà kể tên các tác giả vài bức tranh chép treo tường của hội họa ẩn tượng (không có gì khó bởi vì có thể chắc chắn tìm được những bức tranh rẻ tiền đó ở nhà nhiều trí thức Séc khôn khéo), rồi bà đứng dậy, tay cầm tách cà phê, cúi người xuống bàn làm việc nhỏ của anh, nơi đặt nhiều bức ảnh lồng khung (bà nhận ra là không hề có ảnh phụ nữ trẻ) và hỏi người đàn bà trong một bức ảnh có phải là mẹ anh không (anh bảo là đúng).

Sau đó, anh hỏi bà công việc mà bà phải đến đây để giải quyết là gì, như lúc mới gặp nhau bà đã nói. Bà không hề muốn nói về cái nghĩa trang (ở đây, ở tầng năm tòa nhà này, dường như bà đang treo lơ lửng phía trên những mái ngói và vì thế, cảm giác còn dễ chịu hơn, phía trên cuộc đời bà) ; nhưng, vì anh cố hỏi, cuối cùng bà cũng phải thú nhận (nhưng rất ngắn gọn, vì sự ngượng ngùng về một sự thẳng thắn thái quá luôn xa lạ với bà) rằng ngày xưa bà đã từng ở tại thành phố này, cách đây nhiều năm rồi, rằng chồng bà đã được mai táng ở đây (bà không nói gì về chuyện ngôi mộ biến mất) và rằng năm nào bà cũng đến đây cùng con trai, dịp lễ Các Thánh.

"Năm nào cũng đến?" Biết được điều này anh cảm thấy buồn và lại nghĩ đến sự độc ác của số phận; nếu anh gặp được bà sáu năm trước, khi anh vừa

đến ở tại thành phố này, mọi việc hẳn là đã có thể: hẳn là bà đã không bị hẳn dấu vết tuổi tác đến mức này và không khác với hình ảnh người đàn bà mà anh từng yêu mười lăm năm trước đến thế; hẳn là anh đã có được sức mạnh để vượt qua sự khác biệt và hình dung được hai hình ảnh (hình ảnh hiện tại và hình ảnh quá khứ) như một. Nhưng giờ đây hai hình ảnh đó đã quá rời xa nhau mất rồi.

Bà uống cà phê, bà nói và anh cố hình dung thật chính xác mức độ của biến đổi này, vì đó mà bà sẽ vượt khỏi anh lần thứ hai: khuôn mặt đầy nếp nhăn (mà nhiều lớp phấn cũng không sao che giấu được) ; cái cổ tàn phai (bà cố giấu dưới một cái cổ áo dựng lên mà không nổi) ; đôi gò má chảy; mái tóc (nhưng cái đó thì gần như là đẹp!) màu muối tiêu. Tuy nhiên, điều thu hút anh nhiều nhất là đôi bàn tay (mà không phấn son nào có thể trang điểm được): hệ thống gân xanh chằng chịt hẳn lên khiến chúng giống những bàn tay của đàn ông.

Sự nuôi tiếc trong anh hòa lẫn với niềm giận dữ; anh muốn có rượu để quên đi cuộc gặp gỡ muộn màng này; anh hỏi bà có muốn uống cognac không (anh còn một chai đã mở trong tủ, sau vách tường) ; bà trả lời là không và anh nhớ là bà gần như không uống gì cách đây mười lăm năm, vì sợ rượu sẽ làm hỏng đi trò chơi mực thước đầy thẩm mỹ của mình. Và khi anh nhìn thấy cử chỉ nhẹ nhàng của bàn tay của bà để từ chối ly cognac, anh hiểu rằng sự duyên dáng đầy thẩm mỹ này, sự quyến rũ này, sự cao quý đã từng làm anh gục ngã này vẫn giữ nguyên như cũ dù cho có bị giấu dưới tấm mặt nạ tuổi tác, và vẫn luôn hấp dẫn như xưa, dù có ở đằng sau một bức hàng rào.

Khi anh tự nhủ rằng bức hàng rào đó là bức hàng rào tuổi tác, anh cảm thấy một sự thương hại lớn lao với bà, và sự thương hại này đưa bà lại gần anh hơn (người đàn bà tỏa sáng ngày xưa đó, người đã làm anh mất cả khả năng cất lời) và anh muốn chuyện gẫu với bà như giữa bạn bè với nhau, thật lâu, trong bầu không khí xanh nhạt của sự tức giận buồn bã. Và quả

thật, anh say sưa nói và ám chỉ để chấm dứt những ý nghĩ bi quan từ bấy lâu nay vẫn xâm chiếm anh. Dĩ nhiên, anh không nói gì về bệnh hói đầu đang nảy sinh của mình (cũng giống như bà không nói gì về ngôi mộ biển mất) ; viễn cảnh bệnh hói đầu đã bị chuyển hóa thành những câu nói mang tính triết học về chủ đề thời gian trôi quá nhanh khiến con người không sao theo kịp, về cuộc đời bị tan rã không tránh khỏi và nhiều câu tương tự, mà anh chờ đợi người khách hưởng ứng bằng một lời nhận xét đồng tình; nhưng không có gì cả.

"Tôi không thích nói về những chuyện đó," bà nói, gần như là nồng nhiệt, "tất cả những gì anh nói đó đều phiến diện kinh khủng."

6

Bà không muốn nghe người ta nói về già nua và cái chết, bởi vì trong những chuyện đó có hình ảnh của vẻ xấu xí bên ngoài mà bà kinh tởm. Bà nhiều lần nhắc đi nhắc lại với chủ nhà, gần như xúc động, rằng cách nhìn của anh thật phiến diện; bà nói, con người đáng giá nhiều hơn cái thể xác đang bị thoái hóa dần, bởi vì cái chính yếu là tác phẩm của con người, cái mà anh ta để lại cho người khác. Về phần bà cái lý luận đó không có gì là mới; bà đã từng phải vận dụng đến nó từ ba mươi năm trước đây, khi đem lòng yêu người chồng tương lai của mình, ông hơn bà đến mười chín tuổi; bà chưa bao giờ ngừng kính trọng ông một cách chân thành (dù cho tất cả những lần ngoại tình mà ông không biết hoặc không muốn biết) và cố tự thuyết phục bản thân mình rằng trí tuệ và vai trò người chồng đủ để đền bù cho gánh nặng tuổi tác mà ông mang trên vai.

"Tác phẩm nào kia chứ, tôi hỏi chị đấy! Chị muốn chúng ta để lại tác phẩm như thế nào!" - anh mỉm cười cay đắng trả lời.

Bà không muốn viện dẫn người chồng quá cố của mình nữa, dù bà tin như đinh đóng cột về giá trị lâu bền của những gì ông đã làm được; cho nên bà trả lời rằng tất cả loài người ở hạ giới này đều tạo ra được một tác phẩm,

dù cho khiêm tốn, và chính điều đó, chỉ điều đó, khiến anh ta có giá trị; bà say sưa nói về chính mình, về công việc của mình tại một nhà văn hóa ở ngoại ô Praha, về những cuộc hội thảo và những tối vui mà bà đã tổ chức; bà nói (với vẻ trịnh trọng có phần lạc lõng) về "những gương mặt biết ơn của đám đông" ; rồi bà nói thật là hay khi có một đứa con trai và nhìn thấy những đường nét của chính mình (con bà giống bà) thay đổi dần dần để trở thành một khuôn mặt đàn ông, thật là hay khi trao cho nó tất cả những gì một bà mẹ có thể trao cho đứa con trai rồi tan biến đi không chút tiếng động khỏi cuộc đời của nó. Nhưng người chủ nhà bỗng cúi xuống chiếc bàn thấp ngăn cách họ, vuốt ve tay bà và nói: "Xin lỗi nếu tôi nói toàn điều ngu xuẩn, chị vẫn biết là tôi luôn ngu ngốc mà."

7

Cuộc trò chuyện của họ không làm anh tức tối, ngược lại thì đúng hơn, người khách chỉ khẳng định thêm bản ngã của anh trong mắt của chính mình: trong sự phản đối của bà chống lại những lời bi quan của anh (nhưng trước hết, không phải nó là một phản đối chống lại cái xấu xí và sự dung tục ư?) anh tìm lại được người phụ nữ mà anh từng biết, đến mức con người bà và cuộc phiêu lưu của họ ngày xưa choán thêm chỗ trong suy nghĩ của anh, và anh chỉ còn muốn một điều, là không có gì xảy đến cắt đứt mất bầu không khí xanh nhạt rất thích hợp với trò chuyện này (chính vì thế anh đã vuốt ve tay bà và nói mình là một thằng ngu) và có thể nói với bà những gì giờ đây đối với anh là chính yếu: cuộc phiêu lưu của họ; bởi vì anh cho là mình đã có với bà một cái gì đó hết sức đặc biệt mà bà không mấy ý thức và vì nó anh phải tìm kiếm và tự tìm ra những từ thích hợp.

Thậm chí anh còn không nhớ nổi họ đã quen nhau thế nào, chắc là bà đã đi chơi cùng một nhóm bạn sinh viên, nhưng anh vẫn còn nhớ rất rõ cái quán bar Praha kín đáo nơi họ hẹn hò nhau lần đầu tiên: anh ngồi đối diện bà ở một bàn kín căng vải nhung đỏ, anh bối rối và im lặng, nhưng cùng lúc thực sự say vì những dấu hiệu tinh tế mà bà sử dụng để làm anh hiểu được

là bà thích anh. Anh cố tưởng tượng (mà không dám hy vọng biến giấc mơ đó thành hiện thực) bà sẽ thế nào nếu anh hôn bà, cởi quần áo bà và làm tình với bà, nhưng anh không thể. Đúng, thật là lạ: hàng nghìn lần anh cố tưởng tượng bà trong cảnh yêu đương xác thịt nhưng không nổi: khuôn mặt bà tiếp tục nhìn anh với nụ cười bình thản và dịu dàng và anh không thể nào (ngay cả khi cố gắng hình dung đến đâu) nhìn thấy ở đó cái nhản mặt khoái cảm tình dục của bà. Bà thoát hẳn khỏi tưởng tượng của anh.

Cái tình huống đó sẽ không bao giờ lặp lại trong đời anh: anh đã vấp phải cái không thể tưởng tượng. Anh vừa sống qua cái giai đoạn quá ngắn ngủi của cuộc đời (giai đoạn thần thánh) nơi trí tưởng tượng vẫn chưa được kinh nghiệm trợ sức, chưa trở thành thói quen, nơi người ta hiểu biết quá ít ỏi, đến nỗi cái không thể tưởng tượng vẫn còn tồn tại; và nếu cái không thể tưởng tượng chuẩn bị biến thành hiện thực (mà không qua trung gian là cái có thể tưởng tượng, không có nhịp cầu nối của các hình ảnh), thì người ta sợ hãi và chóng mặt. Và quả thực, anh bị chóng mặt khi, sau nhiều cuộc gặp không đi được đến đâu, bà hỏi anh chi tiết và với vẻ rất tò mò về căn phòng sinh viên mà anh có trong ký túc xá và gần như bắt anh phải mời bà đến đó.

Căn phòng trong khu ký túc xá mà anh ở cùng với một người bạn, người sau một ly rum không mất tiền hứa sẽ không về nhà trước nửa đêm hôm đó, không giống gì với căn hộ ngày hôm nay: hai chiếc giường sắt, hai chiếc ghế, một cái tủ, một ngọn đèn tuýp chói mắt không có chụp, một sự bừa bãi kinh người. Anh dọn dẹp phòng và vào lúc bảy giờ (bà luôn rất đúng giờ, đó là một trong những nhân tố tạo nên sự thanh lịch nơi bà) bà gõ cửa. Khi đó là tháng Chín và bóng tối đã bắt đầu buông xuống. Họ ngồi ở rìa chiếc giường sắt và hôn nhau. Sau đó trời mỗi lúc một tối thêm và anh không muốn bật đèn, bởi vì anh sung sướng khi họ không thể nhìn thấy mặt nhau thế này và hy vọng bóng tối sẽ làm giảm bớt sự ngượng ngùng mà chắc chắn anh sẽ cảm thấy khi phải cởi quần áo trước mặt bà. (Nếu anh có biết ít nhiều về việc cởi xuchiêng phụ nữ, thì anh cũng vẫn sẽ ngượng

ngừng cởi quần áo thật nhanh trước mặt họ.) Nhưng lần này, anh do dự rất lâu trước khi cởi chiếc cúc đầu tiên chiếc áo blouse của bà (anh tự nhủ cái hành động đầu tiên của việc cởi quần áo phải là một cử chỉ thanh nhã và tinh tế mà chỉ những người đàn ông có kinh nghiệm mới biết và anh sợ bà đoán được sự thiếu kinh nghiệm của anh), đến mức bà phải đứng lên và mỉm cười hỏi anh: "Có lẽ là để tôi cởi cái mai rùa này ra thì tốt hơn nhỉ? ...", và bà bắt đầu tự cởi quần áo; nhưng trời tối đen và anh chỉ nhìn thấy bóng những động tác của bà. Anh vội vã cởi quần áo và chỉ cảm thấy một sự đảm bảo nào đó khi họ đã bắt đầu làm tình (nhờ vào sự kiên nhẫn mà bà làm gương). Anh ngẩng nhìn khuôn mặt bà, nhưng trong bóng tối, vẻ mặt đó bị vuột đi, thậm chí anh còn không sao nhìn rõ các đường nét. Anh tiếc là đã không bật đèn, nhưng cũng thấy không thể nào đứng lên đi về phía cửa để bật công tắc; thế nên anh tiếp tục làm hại đôi mắt của mình một cách vô ích: anh không nhận ra bà; anh có cảm giác đang làm tình với một người khác; một nhân vật hư cấu, trừu tượng, không còn cá nhân tính.

Tiếp đó bà ngồi lên người anh (và ngay cả khi đó, anh cũng chỉ nhìn thấy cái bóng của bà) và, trong lúc uốn lượn thân hình, bà nói điều gì đó giọng nghệt lại, thì thầm, anh không thể chắc bà nói điều đó cho anh hay nói với chính mình. Anh không nghe rõ lời bà nói và hỏi bà nói gì. Bà tiếp tục thì thầm, và ngay cả khi anh ôm lấy bà sát vào người anh cũng không hiểu bà nói gì.

8

Bà lắng nghe chủ nhà nói và mỗi lúc một nhớ lại rõ hơn những chi tiết mà bà đã quên từ lâu nay: chẳng hạn, bộ quần áo màu xanh nhạt bằng vải nhẹ mùa hè, khi mặc bà giống với một thiên thần vô hình, anh nói (đúng, bà đã nhớ ra bộ quần áo đó), hay cái lược đồi mồi to bà gài trong tóc, anh nói, khiến bà mang một vẻ quý phái quá thời của một bà lớn, hay thói quen của bà, tại quán bar mà họ hay gặp nhau, gọi một cốc trà rum (tội lỗi duy nhất đáng đáng đến chất có cồn của bà), và tất cả những cái đó khiến bà thoát

được, một cách dễ chịu, khỏi cái nghĩa trang, khỏi ngôi mộ biến mất, cách xa đôi chân đau nhức, xa nhà văn hóa, xa cái nhìn không bằng lòng của đứa con trai. A, bà nghĩ, cứ như hiện tại thật là thoải mái, mình đã sống không uổng phí nếu một phần tuổi trẻ của mình vẫn tiếp tục sống trong ký ức của con người này; và sau đó bà tự nhủ đó là một lời khẳng định thêm nữa cho niềm tin của bà: mọi giá trị của con người đều nằm ở cái khả năng vượt qua, ở bên ngoài mình, được là người khác và tồn tại cho người khác.

Bà lắng nghe anh và không phản đối khi thỉnh thoảng anh vuốt ve tay bà; cử chỉ này rất thích hợp với bầu không khí thân tình của cuộc trò chuyện và anh đã tạo ra một sự mờ ảo thú vị bối rối (cử chỉ đó muốn nhằm đến ai? đến người đàn bà mà anh đang nói đến hay đến người đàn bà mà anh đang nói với?) ; mặt khác, bà thích người đàn ông đang vuốt ve tay bà này; thậm chí bà còn tự nhủ bà còn thích anh hơn chàng thanh niên của mười lăm năm trước, mà sự vụng về, nếu bà còn nhớ, gây thật nhiều khó chịu.

Khi chuyện đến đoạn cái bóng linh động của bà đang nằm ở trên người anh, và đến khi anh cố công hiểu lời bà nói mà không được, anh im lặng một lúc, và bà (một cách ngây thơ, như thể anh đã biết những lời đó và như thể anh muốn, sau nhiều năm đến vậy, nhắc lại cho bà như một bí mật bị lãng quên), dịu dàng hỏi anh: "Thế tôi đã nói gì?"

9

"Tôi không biết", anh trả lời. Quả là anh không biết thật; khi đó bà đã không chỉ vượt ra khỏi tưởng tượng của anh mà còn ra cả khỏi nhận thức của anh; với đôi mắt cũng như với đôi tai của anh. Khi anh bật đèn trong căn phòng nhỏ ở ký túc xá, bà đã mặc lại quần áo, tất cả trên người bà lại mướt bà, chói sáng, hoàn hảo, và anh tìm kiếm một cách vô vọng mối dây liên hệ giữa khuôn mặt đó và khuôn mặt mà anh đã tìm cách đoán trong bóng tối một lúc trước. Tối đó khi họ vẫn chưa tạm biệt nhau, anh đã kiếm tìm trong ký ức: anh cố tưởng tượng khuôn mặt của bà (chìm trong bóng

tối) và cơ thể bà (chìm trong bóng tối) một lúc trước, trong cuộc làm tình. Vô vọng; bà luôn vượt khỏi sự tưởng tượng của anh.

Anh tự hứa là lần tới sẽ làm tình trong ánh sáng. Nhưng không có lần sau. Bà khéo léo và lịch sự tránh mặt anh, và anh rơi vào nghi ngờ và tuyệt vọng: có thể là họ đã làm tình, nhưng anh cũng biết điều đó không thể đến mức nào, ngay từ trước đó, và anh xấu hổ vì điều đó; anh cảm thấy bị kết án, bởi vì bà đã tránh mặt anh, và anh không dám năn nỉ đòi gặp bà.

"Nói cho tôi đi, tại sao hồi đó chị lại tránh mặt tôi?"

"Tôi xin anh, - bà dịu dàng nói. - Chuyện xảy ra lâu lắm rồi. Tôi có thể biết được gì nào?", và, vì anh cứ cố hỏi, bà nói: "Không nên lúc nào cũng ngoái nhìn quá khứ như thế. Chỉ cái thời gian nghĩ về nó một cách không cố ý đã là quá đủ rồi!" Bà nói điều đó để anh thôi không năn nỉ (và câu cuối cùng đó được nói ra với một tiếng thở dài nhẹ chắc hẳn dẫn bà quay trở lại cái nghĩa trang). Nhưng anh lại nhìn nhận lời tuyên bố của bà theo cách khác: như là nó được dành để đột nhiên và cố ý làm anh hiểu ra (một việc hiển nhiên) rằng không hề có hai người đàn bà (người của hôm nay và người của ngày xưa), mà chỉ có một và chỉ một người đàn bà, người đã vượt khỏi anh mười lăm năm trước, giờ đây đang ở đây, ở trong tầm tay của anh.

"Chị có lý, hiện tại quan trọng hơn", anh nói, về đầy ý nghĩa, và khi nói xong anh nhìn thật chăm chú khuôn mặt tươi cười của bà, với cặp môi hé mở để lộ hàm răng; lúc đó, một kỷ niệm chợt trở lại trong tâm trí anh: tối hôm đó, trong căn phòng nhỏ ở ký túc xá, bà đã cầm lấy những ngón tay anh và cho vào miệng mình, bà đã cắn thật mạnh, đến mức làm anh đau, và trong suốt thời gian đó, anh dò dẫm phía bên trong miệng bà, và anh vẫn còn nhớ điều đó một cách rõ ràng; một mặt, bà bị mất vài cái răng ở phía trong (khi đó, phát hiện đó không làm anh thấy kinh tởm; ngược lại, cái khiếm khuyết nhỏ bé đó hòa hợp với tuổi tác của người tình của anh, cái tuổi hấp dẫn anh và làm anh phấn khích). Nhưng giờ đây, khi nhìn vào

khoảng giữa hàm răng và khoe miệng, anh có thể nhận ra là những cái răng quá trắng và không thiếu cái nào, và anh tức tối vì điều đó: một lần nữa, hai hình ảnh tách rời khỏi nhau, nhưng anh không muốn chấp nhận nó, anh muốn nhập chúng lại, bằng sức mạnh và bằng bạo lực, và anh nói: "Chị thực sự không muốn một ly cognac à?", và vì bà vẫn từ chối, cùng với một nụ cười duyên dáng và đôi lông mày hơi nhướng lên, anh đi ra đằng sau tường, rút chai cognac ra, ngửa nó vào miệng và uống thật nhanh. Sau đó, tự nhủ mình rất dễ bị phát hiện điều vừa làm lén lút thông qua hơi thở, anh cầm hai cái cốc cùng với chai rượu và mang vào phòng. Bà lại lắc đầu. "Chí ít thì cũng uống một cách tượng trưng đi", anh nói và rót rượu vào hai cốc. Anh chạm ly với bà: "Để tôi chỉ còn nói về chị ở thời hiện tại!" Anh uống cạn cốc của mình, bà nhắm ướm môi, anh ngồi xuống bên cạnh bà, trên tay nắm ghế phớtơi và cầm lấy tay bà.

10

Bà không hề nghi ngờ, khi nhận lời mời đi cùng anh về nhà, rằng một chuyện như thế có thể xảy ra, và đột nhiên bà thấy sợ; vì chuyện đó xảy ra trước khi bà kịp có thời gian chuẩn bị (cái trạng thái chuẩn bị thường xuyên mà người đàn bà trưởng thành nào cũng có, bà đã đánh mất từ lâu) ; (người ta có thể nhìn thấy trong sự sợ hãi ấy điều gì đó chung với nỗi sợ của đứa bé gái vừa hôn lần đầu, bởi nếu đứa bé gái chưa được chuẩn bị và nếu bà, người khách, không còn được chuẩn bị, cái "không còn" và "chưa" này gắn bó một cách bí ẩn như tuổi già gắn bó với tuổi thơ). Sau đó, anh đưa bà đến ngồi lên divăng, ôm lấy bà, vuốt ve khắp người bà, và bà cảm thấy mềm nhũn ra trong vòng tay anh (đúng, mềm nhũn: bởi vì cơ thể bà đã từ lâu mất đi cái cảm giác thống trị, cái cung cấp cho các cơ cái nhịp điệu của những co thắt và thả lỏng và hành động của hàng trăm cử động tinh tế.)

Nhưng nỗi sợ hãi của thời điểm đầu tiên nhanh chóng biến mất dưới những vuốt ve, và bà, dù không còn là một người đàn bà trưởng thành ngày xưa, giờ đây đang quay cuồng với vận tốc chóng mặt trong cái con người

đã mất đi đó, trong sự tỉnh táo, trong ý thức của nó, bà tìm thấy lại cái đảm bảo của người tình đầy kinh nghiệm ngày xưa, và vì không cảm thấy cái đó từ lâu nay, giờ đây bà cảm nhận nó mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong quá khứ; cơ thể bà chỉ mới lúc trước còn kinh ngạc, sợ hãi, bị động và mềm nhũn, giờ đây sống lại, đáp lại bằng những vuốt ve của chính mình, và bà cảm thấy độ chính xác và độ hiểu biết của những vuốt ve đó và điều này khiến bà thấy hạnh phúc đầy tràn; những vuốt ve đó, cái cách mà bà áp khuôn mặt lên cơ thể anh, những cử động tình tế qua đó nửa trên người bà đáp lại cái ôm siết, tất cả những cái đó bà đã tìm thấy lại không phải giống như một điều đã học được, một điều gì đó mà bà biết và giờ đây thực hiện với sự thỏa mãn lạnh lùng, mà giống như cái gì đó thuộc về bà một cách bản chất, với nó bà tan biến vào cơn say và sự nồng nàn, như thế bà tìm thấy lại được cái lực địa thân thiết (à, cái lực địa của cái đẹp!), mà bà đã từng bị cấm và giờ đây đang trang trọng quay về.

Lúc này, con trai bà ở rất xa; khi người chủ nhà ôm lấy bà, bà còn nhìn thấy anh đang trách móc bà ở một góc ý nghĩ, nhưng anh đã biến mất thật nhanh, và giờ đây, cách xa hàng trăm dặm, chỉ còn lại một mình bà và người đàn ông đang vuốt ve và ôm bà. Nhưng khi anh đặt miệng mình lên miệng bà, thử dùng lưỡi cạy môi bà ra, thì tất cả chợt thay đổi: bà quay trở về với thực tế. Bà cắn chặt răng (bà cảm thấy hàm răng giả của mình đang dính chặt vào vòm miệng, và có cảm giác nó ở đây trong miệng mình), rồi nhẹ nhàng đẩy anh ra. "Không. Thật đấy. Tôi xin anh. Không được đâu."

Và vì anh cứ cố, bà bèn nắm lấy cổ tay anh và nhắc lại là mình từ chối; rồi bà nói (bà nói khó nhọc, nhưng biết là phải nói nếu muốn anh nghe lời) rằng đã quá muộn để có thể làm tình; bà nhắc anh bà đã bao nhiêu tuổi; bà nói nếu họ làm tình, anh sẽ chỉ cảm thấy chán ngán, và bà sẽ thấy tuyệt vọng, bởi vì những gì anh đã nói về cuộc phiêu lưu của họ trước kia đẹp và quan trọng vô cùng đối với bà; cơ thể bà không bất tử và đang tan rã dần, nhưng giờ đây bà đã biết một phần của nó còn lại một cái gì đó phi vật chất, một cái gì đó giống với một tia sáng tiếp tục chói sáng cả sau khi ngôi

sao đã tàn lụi; và bà có già đi cũng không quan trọng gì nếu tuổi trẻ của bà vẫn còn nguyên vẹn ở trong một người khác. "Anh đã xây dựng cho tôi một công trình trong ký ức của anh. Chúng ta sẽ không thể để nó bị phá hủy. Hãy hiểu tôi, - bà nói để tự biện hộ. - Anh không có quyền, anh không có quyền làm thế."

11

Anh đảm bảo với bà rằng bà vẫn luôn đẹp, rằng trên thực tế không có gì thay đổi, rằng họ vẫn luôn như thế, nhưng anh biết là mình đang nói dối và bà có lý: anh biết quá rõ sự nhạy cảm thái quá của mình đối với những thứ thuộc về vật chất, sự kinh tởm mỗi năm một lần thêm lên, mà anh cảm thấy đối với các khiếm khuyết ở cơ thể phụ nữ, và cái đó mấy năm gần đây đã lôi kéo anh đến với những người phụ nữ ngày càng trẻ hơn, và anh đã cay đắng nhận ra là họ ngày càng trông rộng và ngu ngốc hơn; đúng, anh không thể tìm thấy ở đó một nghi ngờ nào cho vấn đề: nếu anh thuyết phục được bà làm tình, thì khi xong anh sẽ thấy chán ngán, và nỗi chán ngán đó sẽ chỉ có thể làm vấy bẩn không chỉ giây phút hiện tại mà còn cả hình ảnh người đàn bà yêu quý từ lâu nay, cái hình ảnh mà anh lưu giữ trong ký ức như một thứ đồ trang sức.

Anh biết tất cả những điều đó, nhưng tất cả những điều đó chỉ là những ý nghĩ, và những ý nghĩ không thể làm gì để chống lại ham muốn, cái chỉ biết duy nhất có một điều: người đàn bà mà tính bất khả với tới và bất khả nắm bắt đã hành hạ anh từ suốt mười lăm năm nay, người đàn bà đó giờ đang có ở đây; cuối cùng anh sẽ có thể được nhìn ngắm bà trong ánh sáng, cuối cùng anh sẽ có thể, trong cơ thể bà ngày hôm nay, giải mã được cái cơ thể ngày xưa, trong khuôn mặt ngày hôm nay giải mã khuôn mặt ngày xưa. Cuối cùng anh sẽ có thể khám phá ra cái cử chỉ tình ái không thể tưởng tượng của bà, cái cực khoái tình ái không thể tưởng tượng của bà.

Anh ôm choàng lấy vai bà và nhìn vào mắt bà: "Đừng chống cự. Không việc gì phải chống cự đâu."

Nhưng bà lắc đầu, bởi vì bà biết chống cự lại anh hoàn toàn không phải là điều gì đó phi lý, bà biết đàn ông và thái độ của họ đối với cơ thể phụ nữ, bà biết trong tình yêu ngay cả thứ duy tâm chủ nghĩa hăng hái nhất cũng không thể tước mất cái quyền lực khủng khiếp khỏi bề mặt một cơ thể; chắc chắn, bà vẫn còn một dáng hình khá ngon mắt, vẫn giữ được những tỉ lệ ngày xưa, và bà vẫn còn vẻ rất trẻ, nhất là khi bà ăn mặc đẹp, nhưng bà biết khi bỏ áo quần mình sẽ để lộ ra những nếp nhăn ở cổ và sẽ để lộ vết sẹo dài, kết quả của một phẫu thuật dạ dày mà bà phải trải qua mười năm trước.

Và, càng ý thức được vẻ ngoài hiện nay của mình, mà một lúc trước bà đã quên được, những sợ hãi của buổi sáng đã leo từ tận dưới phố lên cửa sổ của căn hộ (mà bà đã tưởng đủ cao để giúp bà tránh được cuộc đời mình), chúng choán đầy căn phòng, ngồi lên những bức tranh chếp lồng khung, lên chiếc ghế phôi, lên chiếc bàn, lên tách cà phê không, và khuôn mặt người con trai đi liền theo đó; ngay khi nhìn thấy anh, bà đỏ mặt và tìm chỗ trú ẩn đâu đó ở tận sâu trong người mình: điên rồ như bà, đã nhiều lần bà suýt chệch ra khỏi con đường mà anh đã vạch cho bà và cho đến lúc này bà vẫn vừa mỉm cười vừa nói những câu say mê vừa tiến bước trên con đường đó; bà những muốn (dù chỉ trong một lúc ngắn ngủi) chạy trốn và giờ đây bà phải ngoan ngoãn đi tiếp con đường của mình và nhận ra rằng đó là con đường duy nhất hợp với mình. Khuôn mặt người con trai châm biếm đến mức mà bà cảm thấy, trong nỗi ngượng ngùng của mình, ngày càng trở nên bé nhỏ trước anh, đến mức chỉ còn duy nhất, tột cùng của nỗi nhục nhã, cái vết sẹo phía ngoài dạ dày.

Người chủ nhà ôm lấy vai bà và nhắc lại: "Không cần gì phải chống cự đâu", và bà lắc đầu, nhưng một cách hoàn toàn máy móc, bởi vì đôi mắt bà không còn nhìn thấy khuôn mặt người chủ nhà, mà thay vì đó là khuôn mặt đứa con trai kẻ thù mà bà càng căm ghét hơn khi cảm thấy mình nhỏ bé đi

và thêm phần nhục nhã. Bà nghe tiếng anh đang trách cứ bà về chuyện ngôi mộ biến mất, và, từ trí nhớ hỗn loạn của bà, đi ngược lại mọi logic, chợt hiện lên câu nói mà bà giận dữ ném vào mặt anh: Người chết cũ phải nhường chỗ cho người chết mới, con trai bé bỏng ạ!

13

Anh không thể nghi ngờ chút nào rằng chuyện đó sẽ kết thúc bằng sự chán ngán, vì vào lúc này, ngay chỉ nhìn bà (cái nhìn thăm dò và thấu suốt) đã không tránh được chán ngán, nhưng thật lạ, anh không thấy phiền vì điều đó, điều đó kích thích anh và thúc đẩy anh, như thể anh thích muốn có sự chán ngán đó: trong anh cái ham muốn giao hợp xích lại gần với cái ham muốn sự chán ngán; ham muốn được làm vậy bản cái bí mật mới được giải mã hòa trộn với cái ham muốn đọc được trên cơ thể bà điều mà anh đã không biết trong suốt một khoảng thời gian dài đến thế.

Niềm ham mê đó đến từ đâu? Dù có ý thức hay không, anh đang đứng trước một cơ hội duy nhất: người khách của anh là hiện thân của tất cả những gì mà anh không có, tất cả những gì vượt khỏi tay anh, tất cả những gì anh thiếu, tất cả những gì mà sự vắng mặt khiến tuổi tác với những sợi tóc bắt đầu rụng và cái bản kiểm kê nghèo nàn trở nên không thể chịu đựng được; và anh, dù có ý thức rõ ràng nhất về điều đó hay chỉ nghi ngờ một cách mơ hồ, giờ đây anh đã có thể coi khinh tất cả những niềm vui từng từ chối anh đó (và những màu sắc chói khiến đời anh trở nên vô vị một cách đáng buồn như thế), anh có thể phát hiện là chúng hài hước, là chúng chỉ có vẻ ngoài và mất giá, chúng chỉ là bụi bay qua, anh có thể trả thù được chúng, làm nhục chúng, phá tan chúng.

"Đừng chống cự", anh nhắc lại, cố hết sức kéo bà về phía mình.

14

Trước mắt bà vẫn luôn có những đường nét nhạt bóng của đứa con trai và khi người chủ nhà kéo mạnh bà về phía anh, bà nói: "Xin anh đẩy, thả tôi ra một giây đi", và bà thoát ra khỏi anh; quả thật bà sợ cắt đứt sợi dây nối các ý nghĩ của mình: những người chết cũ phải nhường chỗ cho những người chết mới và các công trình không dùng để làm gì cả, ngay cả cái công trình ở trong ký ức mà người đàn ông giờ đang ở bên cạnh bà đã thờ phụng trong suốt mười lăm năm cũng không dùng để làm gì cả, tất cả các công trình đều không để làm gì cả, không để làm gì cả. Đó là điều bà nói với con trai mình trong ý nghĩ, và bà hài lòng hả hê nhìn khuôn mặt anh đang nhăn nhúm lại và hét lên với bà: "Mẹ chưa bao giờ nói thế!" Bà biết rõ điều đó, bà chưa bao giờ nói như thế, nhưng thời điểm này tràn đầy một ánh sáng, khiến cho mọi thứ trở nên sáng rõ một cách hoàn hảo:

Bà không có lý do nào để coi các công trình đó có vị trí cao hơn cuộc đời; công trình của chính bà giờ đây chỉ còn là một lẽ sống: bây giờ bà có thể lạm dụng nó, để làm điều gì đó tốt cho cơ thể bị khinh miệt của mình; bởi bà thích người đàn ông ngồi bên cạnh bà, anh ta còn trẻ và có khả năng (thậm chí gần như chắc chắn) là người đàn ông cuối cùng mà bà thích và có thể có được, và chỉ điều đó thôi cũng đã có nghĩa lắm rồi; nếu sau đó anh thấy chán ngán và làm sụp đổ cái công trình của chính bà trong anh ta, thì bà cũng mặc kệ, bởi vì cái công trình đó nằm bên ngoài bà, cũng như cái ý nghĩ và ký ức của người đàn ông này cũng nằm bên ngoài bà, và những gì nằm bên ngoài sẽ không có ý nghĩa gì hết. "Mẹ chưa bao giờ nói thế!" Bà nghe thấy câu nói của con trai mình, nhưng không còn để ý nữa. Bà mỉm cười.

"Anh có lý, tại sao tôi lại chống cự nhỉ?" bà dịu dàng nói và đứng lên. Rồi bà chậm chậm cởi bỏ chiếc váy. Bóng tối còn lâu mới đổ xuống. Lần này, căn phòng rất sáng.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Cái Chết Bất Biến Tình Yêu Cũng Không Làm Gì Được

BTruyện ngắn "Cái chết bất biến tình yêu cũng không làm gì được", dịch từ bản tiếng Anh "Death Constant Beyond Love" 1, được tuần báo Independent của Anh trong số tân niên đầu năm nay chọn đăng lại vì được xem là tiêu biểu nhất không chỉ của ông mà của tất cả những nhà văn đương thời, tuy rằng nó được viết từ năm 1970. Trong truyện này, Márquez, với con mắt phê phán, đã quan sát những tuồng chính trị, sự nghèo khổ của người dân, và tham nhũng của chính quyền ở những nước Nam Mỹ như là nguồn gốc sự lạc hậu của châu Mỹ La-tinh. Nó cho người đọc một cái nhìn về "sân sau" của nước Mỹ mà Washington chỉ thỉnh thoảng mới nhìn lại.

HNN

o o o

Cái chết bất biến tình yêu cũng không làm gì được Khi gặp được người đàn bà của đời mình, Nghị sĩ Onésimo Sanchez còn cách cái chết chỉ sáu tháng mười một ngày. Ông gặp cô gái tại Rosal del Virrey (Vườn hồng), một làng quê hẻo lánh hoặc vô chừng, ban đêm là một bến cảng cho tàu của dân buôn lậu trộm cắp, nhưng ban ngày nó giống như một cái vịnh vô dụng nhất trên sa mạc, nhìn ra biển cả khô hạn, mênh mông vô chừng, quá xa rời mọi vật. Không ai tin rằng ở đó lại có người nào có đủ sức thay đổi được cuộc đời của bất cứ ai. Ngay cái tên của địa phương này cũng khô hời, bởi vì cái hoa hồng duy nhất trong làng này chính là bông hồng nằm ở túi áo Nghị sĩ Onésimo Sanchez vào buổi chiều ông gặp Laura Farina.

Đó là một trạm ghé chân bắt buộc trong cuộc vận động bầu cử cứ bốn năm một lần ông phải đến. Đoàn xe diễu hành đã có mặt từ sáng sớm. Rồi đến những chuyến xe tải chở những người da đỏ vào thành phố, họ được thuê đến cho đông vui náo nhiệt ở những buổi lễ công cộng. Trước 11 giờ một tí, cùng với âm nhạc, pháo và các xe jeep của đoàn tùy tùng, chiếc xe của quan chức, màu nước dâu tươi, đến. Nghị sĩ Onésimo Sanchez ngồi thoải mái, không gió máy gì trong chiếc xe có máy lạnh; nhưng ngay khi mở cửa xuống xe, ông run lên như bị lửa đốt người, chiếc áo lụa xịn của ông ướt đẫm một chất lỏng nhợt nhạt và ông thấy mình già thêm nhiều tuổi và cô đơn hơn bao giờ cả. Thực sự thì ông vừa qua 42 tuổi, đã tốt nghiệp kỹ sư luyện kim trường Gottingen hạng danh dự, là một người đọc say mê, dù chẳng hiểu gì mấy, những bản dịch tồi tệ của các tác phẩm La-tinh cổ điển. Ông lấy một phụ nữ người Đức thông minh, cho ông năm người con, tất cả đều sống hạnh phúc dưới mái ấm gia đình, trong đó ông là người hạnh phúc nhất cho đến khi người ta cho ông biết, cách đây ba tháng, ông sẽ vĩnh viễn chết vào mùa giáng sinh năm tới.

Trong khi chờ đợi người ta chuẩn bị cuộc tiếp xúc công chúng, ông nghị sĩ sắp xếp để có một tiếng đồng hồ được ở một mình trong căn nhà người ta dành cho ông nghỉ ngơi. Trước khi nằm nghỉ, ông đặt trong một ly nước uống một đóa hồng mà ông đã giữ cho nó vẫn tươi khi đi ngang qua sa mạc, ăn trưa với ngũ cốc dinh dưỡng mà ông đem theo để tránh phải ăn mãi phần thịt dê rán đang sẵn sàng chờ đợi ông từ giờ đến tối, và ông dùng nhiều viên thuốc chống đau nhức sớm hơn giờ bác sĩ định để ông có thể phòng trước khi cơn đau nhức đến. Rồi ông đặt cái quạt máy gần cái văng và nằm ở trần trong mười lăm phút trong bóng của hoa hồng, cố gắng suy nghĩ chuyện khác để khỏi bận tâm với cái chết trong khi ông chớp mắt. Ngoài mấy ông bác sĩ, không ai biết là ông đã lãnh một bản án tù có thời hạn, bởi vì ông đã quyết định một mình chịu đựng sự bí mật này, vẫn sống bình thường như không có chuyện gì xảy ra, không phải vì tự hào mà vì xấu hổ.

Ông cảm thấy lại làm chủ được ý chí của mình khi một lần nữa xuất hiện trước công chúng vào ba giờ chiều hôm đó, khỏe khoắn và sạch sẽ, mặc một quần sọc rộng và một chiếc áo hoa lá càn nhè, đầu óc êm ả nhờ những viên thuốc chống đau nhức. Tuy nhiên, sự công phá của cái chết tai hại hơn ông tưởng, bởi vì khi bước lên bục, ông có cảm giác lạ lùng xem thường những người đang chen nhau tìm cách bắt tay ông, và ông cũng không còn cảm thấy ái ngại như ông vẫn thấy trước đây đối với những nhóm người thổ dân đi chân đất đang phải chịu đựng khổ sở mặt đất cát muối và nhựa trộn lẫn nóng muốn phỏng chân ở nơi công trường tiêu điều này. Ông ngưng các tràng pháo tay bằng một cái vẫy tay, hầu như có sự giận dữ ở trong, và ông bắt đầu nói mà không cử động gì, mắt nhìn xa xăm ra biển, cũng đang thở dài vì nóng. Giọng của ông chừng mực, thấp, giống như một mặt nước yên lặng, nhưng bài nói chuyện mà ông đã ghi trong đầu và nhai lui nhai tới nhiều lần đối với ông không có ý nghĩa nói lên sự thực mà còn nghịch lại lời phán quyết chết chóc của Marcus Aurelius trong cuốn thứ tư của bộ Meditations. 2 Ông bắt đầu, dù không mấy may tin điều ông nói:

"Chúng ta có mặt ở đây để khuất phục thiên nhiên. Chúng ta sẽ không còn là những đứa con hoang trên đất nước của mình, không còn là cô nhi của Thượng đế trong vương quốc của đói khát và khí hậu khắc nghiệt, không còn phải tự ép mình làm kẻ lưu đày trên chính quê hương của chính mình. Chúng ta sẽ là những con người khác, thừa quý bà, quý ông, chúng ta sẽ là những con người vĩ đại và hạnh phúc."

Có một bài bản sẵn trong đám xiếc đi theo ông. Khi ông nói, những người tùy tùng tung hàng loạt chim giấy lên trời và những sinh vật giả tạo này bắt đầu bay lượn khắp khán đài rồi trực chỉ ra biển. Cùng lúc, những người khác đưa ra vài cây giả có lá có cành từ những chiếc xe tải của đoàn và cắm cây lên lớp đất muối phía sau đám đông. Họ kết thúc bằng cách dựng một tấm phông lớn bằng gỗ cứng vẽ những ngôi nhà gạch đỏ, cửa sổ có kính, che khuất những căn lều tồi tàn có thực đằng sau.

Ông nghị sĩ kéo dài bài nói chuyện của mình bằng hai câu ngạn ngữ latin trong khi chờ đợi người ta dựng xong tường. Ông hứa máy làm mưa, cung cấp thú giống cho gia súc trong nhà, những loại dầu hạnh phúc sẽ làm cho rau cải mọc trên vùng đất mặn và cho những chậu lai giống hoa tím treo ở cửa sổ. Khi ông thấy cái thế giới tiểu thuyết của mình đã dựng xong, ông chỉ vào mặt họ và lớn giọng:

"Tương lai của chúng ta sẽ như thế đó, thưa quý ông, quý bà. Hãy xem đi, tương lai của chúng ta phải là như thế!"

Đám đông quay lại. Một chiếc tàu biển bằng giấy sơn màu từ từ đi qua đằng sau những ngôi nhà cũng bằng giấy, chiếc tàu này lớn hơn bất cứ tòa nhà lớn nào trong cái thành phố giả định này. Chỉ có ông nghị sĩ nhận ra một điều, bởi vì người ta đã dựng lên rồi tháo dỡ rồi đem nó đi từ nơi này qua nơi khác nhiều lần, nên cái thành phố bằng giấy bời này chịu biết bao thời tiết kinh khủng, nó trông cũng tươi tắn, nghèo nàn và bụi bặm không khác gì Rosal del Virrey.

Mười hai năm nay, đây là lần đầu Nelson Farina không đi chào ông nghị sĩ. Ông ta nghe bài nói chuyện từ chiếc văng của mình, giữa cơn ngủ trưa, dưới bóng cây mát mẻ của một ngôi nhà gồm mấy tấm ván chập vá mà ông ta đã dựng lên bằng đôi tay của mình, đôi bàn tay của một dược sĩ mà ông đã từng dùng để vẽ và ấp ủ người vợ đầu tiên của mình. Ông đã thoát khỏi Đảo Quỷ Sứ và xuất hiện ở Rosal del Virrey trên một chiếc tàu đầy những con chim két, với một người đàn bà da đen xinh đẹp và hạ lưu mà ông đã gặp ở Paramaribo và có một đứa con gái với bà này. Sau đó chẳng bao lâu thì bà chết vì những nguyên nhân hợp tự nhiên và bà đã không chịu số phận của người đàn bà kia — thân xác của người ấy đã thành phân bón cho mấy luống rau cải — mà bà lại được chôn toàn thây và với cái tên Hà Lan của bà trong nghĩa trang địa phương. Cô con gái đã thừa hưởng màu da của bà và nét mặt cùng với đôi mắt vàng và ngơ ngác của cha cô, và ông có đủ lý do để nghĩ rằng ông đang nuôi lớn khôn cô gái đẹp nhất trên trần gian.

Kể từ khi gặp nghị sĩ Onésimo Sanchez trong cuộc vận động tranh cử đầu tiên của ông này, Nelson Farina đã năn nỉ ông nghị sĩ giúp mình có một lý lịch giả đủ để qua mặt luật pháp. Ông nghị sĩ, thân thiện nhưng cương quyết, đã từ chối. Nelson Farina không hề bỏ cuộc, trong nhiều năm nay, khi nào có dịp, ông lại nhắc lời yêu cầu của mình với cách năn nỉ khác. Nhưng lần này ông nằm yên trên võng, chịu chết mục trong cái xó xỉnh nóng hầm của dân cướp biển. Khi nghe tràng vỗ tay hoan hô lần cuối, ông ngóc đầu dậy, nhìn qua những tấm ván của hàng rào, ông thấy mặt kia của tấn tuồng: những giàn gỗ chống khu nhà bằng giấy, cái giá để cho cây kiếng khỏi ngã, những người bị che khuất đang đẩy chiếc tàu đi biển. Ông nhớ một bãi nước miếng nhưng không thấy bức bối gì, miệng lẩm bẩm:

"Merde. C'est le Blacamán de la politique." 3

Sau bài diễn văn, theo thông lệ, ông nghị sĩ sẽ đi bộ qua các phố của thị trấn trong tiếng nhạc, tiếng pháo nổ và ông sẽ bị dân chúng vây quanh, nhao nhao nói cho ông nghe những thỉnh nguyện của mình. Ông nghị sĩ sẽ lắng nghe một cách vui vẻ, ông luôn luôn có cách an ủi mọi người mà không phải làm điều gì ân sủng đặc biệt cho bất cứ ai. Một người đàn bà đứng trên mái nhà với sáu đứa con nhỏ cố sức nói lớn cho ông nghị sĩ có thể nghe giữa những tiếng ồn ào và pháo đốt ầm ỉ chung quanh:

"Ông nghị sĩ, tôi chẳng xin điều gì lớn lao lắm đâu. Chỉ cho tôi một con lừa kéo nước từ Giếng Người Treo Cổ về đây!"

Ông nghị sĩ để ý thấy sáu đứa bé gầy ốm. Ông mới hỏi:

"Thế chồng chị đâu rồi?"

"Ông ta đi kiếm vàng kiếm bạc ở đảo Aruba," người đàn bà đáp giọng cười cợt, "nhưng ông ta chỉ kiếm được một bà nước ngoài, loại đàn bà đặt hột xoàn trên răng."

Câu trả lời làm cho mọi người cười rộ lên. Ông nghị sĩ quyết định:

"Được rồi. Tôi sẽ kiểm cho chị con lừa."

Chẳng mấy chốc, một người phụ tá của ông đưa đến nhà người đàn bà một con lừa đã thắng yên cương để chở đồ, ngang hông của nó có một khâu hiệu vận động bầu cử cho ông nghị sĩ được viết bằng loại sơn không tẩy được để không ai có thể quên đó là một món quà của ông nghị sĩ.

Dọc theo quãng đường ngắn, ông làm thêm nhiều cử chỉ khác, ít quan trọng hơn, ông còn hút một muống thuốc cho một người bệnh đang nằm trên giường được kéo ra đến cửa ra vào nhà để người bệnh có thể thấy ông nghị sĩ đi ngang qua. Ở góc đường cuối cùng đó, qua mấy tấm ván của hàng rào, ông thấy Nelson Farina nằm trên võng, trông mệt mỏi và không vui, nhưng ông nghị sĩ vẫn lên tiếng chào, không có một chút gì thiện cảm trong thái độ:

"Chào ông. Ông mạnh giỏi chứ?"

Nelson Farina ngồi xoay người lại trên võng, vẻ mặt buồn bã làm cho ông nghị sĩ ái ngại:

"Moi, vous savez." 4

Con gái của ông bước ra vườn khi nghe tiếng chào hỏi. Cô mặc một chiếc váy của người da đỏ Guajiro đã bạc màu và rẻ tiền, trên đầu cô đóm đáng vài cái nơ đủ màu, mặt cô sơn như thể để chống nắng, nhưng ngay cả áo quần, mặt mũi như thế người ta cũng có thể thấy chưa có ai trên đời này đẹp hơn cô. Ông nghị sĩ như đứng tim. Ông lăm thẳm trong miệng:

"Ta chỉ có chết. Ông trời chắc đã phát khùng!"

Đêm đó Nelson Farina cho con gái mặc thật đẹp và đưa cô ta đến gặp ông nghị sĩ. Hai người bảo vệ có trang bị súng ống đứng trong cái nóng của căn nhà được mượn, gật đầu, bảo cô gái chờ ở chiếc ghế duy nhất trong phòng ngoài.

Ông nghị sĩ đang ở phòng kế bên gặp những người quan trọng của Rosal del Virrey. Ông tập hợp họ để nói cho họ nghe những sự thật mà ông không nói đến trong những bài diễn văn của ông. Họ quá giống tất cả những người mà ông luôn luôn gặp tại những thành phố trong sa mạc đến độ ngay cả ông nghị sĩ cũng thấy chán nản, mệt mỏi với những phiên làm việc ban đêm liên tục này. Áo ông đầm mồ hôi, ông cố gắng làm khô người nhờ những luồng gió nóng từ chiếc quạt điện kêu vù vù như một con ngựa trời trong hơi nhiệt nặng nề của phòng. Ông nói:

"Dĩ nhiên, chúng ta không ăn những con chim giấy. Các ông và tôi đều rõ cái ngày có cây, có hoa trên đồng phân dê này, ngày mà ta có cá ngừ thay vì dòi bọ trong những hồ nước ven biển, ngày đó cả tôi và các ông sẽ chẳng còn ai trên đời này đâu. Tôi nói thế, các ông rõ ý tôi chưa?"

Không ai trả lời. Trong khi nói, ông nghị sĩ xé một tờ lịch và gấp một con bướm. Ông phóng nó lên mà không thực sự nhằm bất cứ mục tiêu gì và con bướm dật dờ trong luồng gió từ quạt trần và bay ra khỏi căn phòng để hờ một nửa. Ông nghị sĩ tiếp tục nói với dáng điệu tự chủ một phần nhờ ám ảnh của cái chết. Ông nói:

"Cho nên, tôi không phải nhắc lại ở đây những gì mà bà con đã biết quá rõ; tôi tái diễn cử là một thắng lợi lớn cho bà con hơn là cho tôi, bởi vì tôi đã quá chán ngán tình trạng nước nghèo, và mồ hôi của người thổ dân, trong khi bà con, mặt khác, lại sống nhờ vào đó."

Laura Farina nhìn thấy con bướm giấy bay ra. Chỉ có cô thấy con bướm bay ra bởi vì những người bảo vệ trong phòng ngoài này ngồi la liệt trên các nấc thang, gục lên gục xuống, tay ôm súng. Sau khi lượn vài vòng, con bướm lớn bung ra hoàn toàn, nằm mẹp sát tường và kẹt ở đó. Laura Farina cố dùng móng tay kéo nó ra. Một người lính gác, tỉnh dậy vì tiếng vỗ tay rào rào ở phòng bên, nhìn thấy cô loay hoay. Anh ta nài giọng ngái ngủ:

"Không lấy ra được đâu. Nó bị sơn dính vào tường rồi."

Laura Farina lại ngồi xuống khi mọi người lũ lượt rời nơi hội họp. Ông nghị sĩ đứng ở cửa ra vào, tay nắm lấy chốt cửa, ông chỉ để ý đến cô Laura Farina khi trong phòng không còn ai khác.

"Cô làm gì ở đây?"

"C'est de la part de mon père," 5 cô đáp.

Ông nghị sĩ hiểu. Ông nhìn dò xét mấy người lính ngủ gà ngủ gật, rồi ông quay qua nhìn Laura Farina, vẻ đẹp lạ kỳ của cô con gái làm ông thấy đau hơn nỗi đau của ông, và ông kết luận rằng cái chết đã quyết định giùm cho ông. Nên ông bảo:

"Vào đây!"

Laura Farina đứng thẳng thốt ở ngưỡng cửa ra vào. Hàng ngàn tờ giấy bạc đang bay lơ lửng trong phòng, dật dờ như những con bướm. Nhưng ông nghị sĩ đã tắt quạt và những đồng tiền lả tả đáp xuống, làm trắng cả một vùng trong phòng. Ông cười nói:

"Em thấy đấy, ngay cả đồng rác rưởi này cũng có thể bay được."

Laura Farina ngồi xuống trên một chiếc ghế học trò. Da của cô mềm mà chắc, cùng màu và cũng cùng độ đậm đặc như dầu thô hong dưới ánh mặt trời, tóc của cô là bờm của một con ngựa con, và đôi mắt lớn của cô sáng hơn ánh đèn. Ông nghị sĩ theo dõi tia nhìn của cô và cuối cùng tìm thấy đóa hoa hồng, bây giờ đã bị ố vì đất muối. Ông nói:

"Đó là một hoa hồng."

"Vâng," cô đáp, mặt thoáng vẻ bối rối, "em biết chúng ở Riohacha."

Ông nghị sĩ ngồi trên một chiếc ghế bố nhà binh, vừa nói về hoa hồng vừa cời nút áo. Trên phía mà ông nghĩ rằng trái tim của ông nằm bên trong

lồng ngực, ông có xăm hình một trái tim bị một mũi tên xuyên thủng. Ông ném chiếc áo ướm lên sàn nhà và yêu cầu Laura Farina phụ ông tháo giày ra.

Cô gái quì xuống trước chiếc ghế bố. Ông nghị sĩ tiếp tục nhìn cô chăm chăm, về suy nghĩ, và trong khi cô tháo sợi giây giày ra, ông tự hỏi ai là người sẽ gặp chuyện không may trong cuộc gặp gỡ này. Ông nói:

"Em chỉ là một bé gái."

"Ông biết không, thế mà đến tháng tư này em được 19 tuổi đấy."

Ông nghị sĩ trở nên tò mò. Ông hỏi:

"Ngày nào?"

"Ngày 11."

Ông nghị sĩ thấy dễ chịu hơn. Ông nói: "Tôi và em đều cùng tuổi dương cừ," rồi ông cười, nói thêm, "đó là dấu hiệu cô đơn."

Laura Farina không để ý nghe ông nói vì cô không biết phải làm gì với đôi giày cao cổ này. Về phần ông nghị sĩ, ông cũng chẳng biết phải làm gì với cô Laura Farina, bởi vì ông không quen những vụ tình ái đột nhiên này, và bên cạnh đó ông cũng biết người đang ở với ông đây có nguồn gốc là dân hạ lưu. Để có thêm thì giờ suy nghĩ, ông giữ Laura Farina chặt giữa hai đầu gối, ôm cô ngang hông, và nằm ngửa trên chiếc giường bố. Rồi ông nhận ra cô không mặc gì bên trong, vì thân thể của cô cho tỏa mùi ngọt ngào của một con thú trong rừng, nhưng con tim của cô sợ hãi và da của cô nhồn một thứ mồ hôi trơn trơn. Ông thở dài:

"Không ai thương chúng ta cả."

Laura Farina muốn nói một điều gì đó nhưng không cất tiếng được vì cảm thấy không khí như đọng lại. Ông ta đặt cô nằm cạnh ông để giúp cô,

ông tắt đèn và cả căn phòng chìm trong bóng của đóa hoa hồng. Cô để mặc cho số phận. Ông nghị sĩ chậm rãi vuốt ve cô, bàn tay tìm kiếm cô, chưa đụng được đến cô, nhưng ở nơi mà ông nghĩ sẽ tìm thấy cô, ông gặp phải một vật gì bằng sắt vướng tay ông.

"Em có cái gì ở đây thế?"

"Ổ khóa."

"Cái chó gì thế?" ông nghị sĩ giận dữ nói và hỏi một điều mà ông dư biết. "Chìa khóa đâu?"

Laura Farina thở ra nhẹ nhàng. Cô trả lời:

"Ba em giữ nó. Ba bảo là em nói với ông cho người đến lấy chìa khóa và đưa cho ba em một tờ giấy ông viết hứa với ba em là ông sẽ giúp ba em lo vụ giấy tờ."

Ông nghị sĩ trở nên căng thẳng. Ông tức giận, lâu bầu: "Thằng khốn." Rồi ông nhắm mắt lại để thư giãn và ông lại thấy mình trong bóng tối. Ông sức nhớ một điều, hãy nhớ rằng dù cho người đó là ta hay ai khác, cái chết sẽ chẳng lâu đâu và cũng chẳng lâu đâu cái tên tuổi còn để lại.

Chờ cho cơn rùng mình qua đi, ông mới hỏi:

"Nói cho tôi biết điều này, em nghe người ta nói gì về tôi?"

"Ông muốn nghe sự thật trước Chúa chứ?"

"Ừ, sự thật trước Chúa."

"Thế thì," Laura Farina dè dặt, "người ta nói ông tệ hơn những người kia vì ông khác họ."

Ông nghị sĩ không thấy bức bối. Ông yên lặng hồi lâu, hai mắt nhắm lại, và khi ông mở mắt trở lại ông dường như đã trở về từ những bản năng khéo che dấu nhất của ông.

"Ôi, mẹ kiếp," ông quyết định, "em bảo ông cha già dịch của em là ta sẽ lo vụ đó cho ông."

"Nếu ông muốn, em có thể đi lấy chìa khóa."

Ông nghị sĩ giữ cô lại. Ông nói:

"Bỏ chuyện cái chìa khóa đi. Nằm đây ngủ với ta một lát. Có người bên cạnh khi cô đơn cũng là điều hay."

Và cô đặt đầu của ông lên vai mình, mắt cô vẫn nhìn chăm chú vào đóa hồng. Ông nghị sĩ ôm lấy hông cô, vùi mặt vào vòng tay có mùi thú rừng, và buông xuôi trước nỗi sợ hãi. Sáu tháng và mười một ngày sau, ông sẽ chết trong cùng tư thế đó, trơ trọi và bị loại bỏ vì vụ tai tiếng với Laura Farina và tức tưởi đã chết mà không có cô.

1 Bản tiếng Anh "Death Constant Beyond Love" do Gregory Rabassa dịch. (Chú thích của Tiền Vệ)

2 Marcus Aurelius [tên gọi đầy đủ là Caesar Marcus Aurelius Antonius Augustus] là đại đế La-mã từ năm 161 đến năm 180, nổi tiếng với bộ Meditations, một tác phẩm về triết lý khắc kỷ. Ông là nhân vật biểu trưng cho thời Hoàng Kim của đế quốc La-mã. (Chú thích của Tiền Vệ)

3 "Mẹ kiếp. Trò chính trị nhố nhăng ". (Chú thích của người dịch)

4 "Tôi hả, ông biết rồi". (Chú thích của người dịch)

5 "Tôi thay mặt cha tôi". (Chú thích của người dịch)

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Đêm Nguyệt Thực

P

Lời người dịch: Mấy năm nay, Gabriel Marquez, Giải thưởng Nobel văn chương, đóng cửa viết hồi ký. Tập 1, Sống để thuật lại đã xuất bản và dịch ra tiếng nước ngoài. Tranh thủ những lúc nghỉ xả hơi, ông hoàn chỉnh tập truyện ngắn có đề chung Tháng tám, chúng mình sẽ lại gặp nhau. Tập truyện ngắn này gồm 6 truyện đọc riêng biệt, hoặc nhập lại có đầu có cuối giống tiểu thuyết. Dưới đây là truyện thứ ba trong tập.

Nhiều bí ẩn khác trong cái khách sạn lập dị này chẳng đơn giản chút nào với Ana Magdalena Bach. Vừa đánh một que diêm, căn phòng đã vang lên tiếng chuông reo và đèn bật sáng, rồi một giọng đầy quyền uy báo cho biết đây là phòng cấm hút thuốc lá - mà nó lại là căn phòng duy nhất nàng có để thuê được trong đêm hội này. Nàng phải gọi người hướng dẫn cho mới hiểu, có thể dùng luôn tấm thẻ chìa khóa phòng để bật đèn, mở tivi, điều chỉnh máy lạnh, khởi động dàn nhạc.

Người ta bày cho nàng cách sử dụng bàn phím điện tử gắn ở bờ cái bồn tắm hình tròn để chỉnh lý các vòi nước, vòi nào thư giãn vòi nào gợi tình... Tò mò đến cực độ, nàng cởi vội chiếc áo đầm mồ hôi nắng nóng nghĩa trang, chụp lên đầu cái túi bịt tóc rồi gieo mình xuống bể nước đang cuộn sóng bọt bông bênh. Hưng phấn quá, nàng bấm số điện thoại đường dài gọi về nhà, gào lên sự thật với đức ông chồng: “Anh hãy tưởng tượng lúc này em cần anh tới mức nào”. Giọng nàng phấn khích đến nỗi qua dây nói anh chồng nhận rõ sự bốc lửa thật sự của nàng trong bồn tắm.

- Đồ quý cái, rồi tôi sẽ cho cô một trận!

Nàng đã tính chuyện gọi thức gì nhấm nháp ngay trong cái tổ ấm tò vò này để đỡ phải mặc áo quần, song bảng giá phục vụ buộc nàng thân hành xuống quầy cà phê dùng bữa tối giống như một kẻ túi cạn sạch tiền. Chiếc áo lụa đen bó sát người, hơi dài một chút so với thời trang nhưng lại ăn với mái tóc. Áo hở cổ quá, gây cho nàng cảm giác như đang ở trần, nhưng chiếc vòng cổ, đôi hoa tai và chiếc nhẫn ngọc bích giả cũng giúp nàng giữ được tinh thần và làm ánh mắt nàng thêm long lanh.

Lúc nàng xuống dùng bữa, đã tám giờ tối. Nàng ăn vội vàng. Khó chịu vì tiếng gào khóc của trẻ con và âm nhạc chói chang, nàng quyết định trở về phòng xem nốt cuốn tiểu thuyết khởi đọc từ ba tháng trước. Sự yên tĩnh ở sảnh khách sạn làm nàng bình tâm dần. Đi ngang qua quầy rượu, nàng để ý một cặp nhảy chuyên nghiệp đang trình diễn bản Vũ khúc Hoàng đế với kỹ thuật cực kỳ điêu luyện. Bị cuốn hút, nàng dừng lại trước quầy rượu cho đến khi cặp nhảy rời khỏi sàn, nhường cho khách. Một giọng nói trai trẻ và dịu dàng thì thào sau lưng, kéo nàng ra khỏi cơn mơ:

- Chúng ta cùng nhảy chứ?

Hai người đứng sát nhau đến nỗi nàng cảm nhận một thoáng rụt rè ở chàng trai qua mùi nước xức sau cạo râu. Thế là nàng quay lại nhìn và tưởng mình ngọt thờ: “Xin lỗi, - nàng bối rối - tôi đang không dùng trang phục khiêu vũ”. Chàng trai đáp ngay tức khắc:

- Thì chính bà tự chọn trang phục cho mình, thưa bà.

Câu sáo ngữ gây ấn tượng. Một cách vô thức, nàng đưa tay lên đôi vú còn gọn gàng, vuốt hai cánh tay trần, lướt qua phần dưới eo vẫn săn giòn, để chắc chắn đây đúng là hình thể của mình. Rồi nàng quay lại, lần này không để nhận ra ai vừa nói mà nhắm sầm soi chàng trai có đôi mắt đẹp, nàng chưa bao giờ thấy ai có mắt đẹp đến thế.

- Ông thật lịch sự - nàng duyên dáng bảo. Ngày nay chẳng người đàn ông nào dùng những lời như ông vừa nói.

Chàng tiến sát nàng hơn và lặng im đưa tay lặp lại lời mời. Thế là Ana Magdalena Bach, đơn chiếc và tự do trên cô đảo, bám lấy bàn tay chìa ra với tất cả sức mạnh cuồng nhiệt, như thể nàng vừa từ trên bờ vực thẳm lao xuống đáy.

Họ nhảy ba bài valse theo lối cũ. Qua mấy bước đầu tiên, nhìn tài nghệ khéo léo gần như ma mãnh của chàng trai, nàng cho đây là một vũ công chuyên nghiệp các khách sạn vẫn thuê để nhảy thêm rôm rả, và thế là để mặc cho chàng kéo vào những vòng quay vô độ, trong khi vẫn giữ khoảng cách bằng đôi tay. Chàng nhìn thẳng vào mắt nàng, nói: “Bà nhảy đẹp như tiên”. Nàng biết chàng nói đúng sự thật, nhưng nàng cũng thừa biết cậu chàng bày tỏ lời khen ấy với bất cứ người đàn bà nào cậu có ý định gạ gẫm.

Bài nhảy thứ hai, chàng trai cố ý riết sát thân nàng, nhưng Ana vẫn kiềm được, buộc anh chàng giữ đúng khoảng cách. Thế là chàng chăm chú nhảy khéo tựa thiên thần, chỉ đỡ nhẹ người nàng bằng đầu các ngón tay, như thể nâng niu một bông hoa. Đến bài nhảy thứ ba, nàng có cảm giác như đã quen chàng tự thuở nào.

Nàng không thể hình dung một người đàn ông khiêu vũ lối cũ mà có vóc dáng đẹp đến vậy. Nước da chàng hơi tái, đôi mắt chàng bốc lửa dưới lông mày rậm, mái tóc huyền nhoáng keo dính của chàng rẽ đường ngôi hoàn hảo. Chiếc áo lễ phục may bằng hàng tropical lụa bó sát thân, càng tôn dáng công tử hào hoa. Cử chỉ điệu đà cũng như mọi thứ ở người đàn ông này toát ra sự giả tạo, tuy nhiên đôi mắt lại đắm say như đang khao khát thiết tha.

Sau mấy bài valse, chàng thân nhiên dẫn nàng đến một cái bàn đặt nơi riêng biệt mà chẳng buồn ngỏ lời mời. Thật ra cũng chẳng cần: nàng đã biết

điều gì khắc xảy ra, và hài lòng thấy chàng gọi sâm banh. Ánh sáng mờ ảo trong phòng trà thật dễ chịu, mỗi bàn lại có đủ khoảng cách riêng tư.

Ana nhấm tính anh chàng hẳn chưa quá tuổi ba mươi, bởi anh chẳng hề biết gì về điệu boléro. Nàng hướng dẫn chàng nhảy theo vũ điệu ấy cho đến khi chân chàng bắt đúng nhịp. Tuy nhiên nàng vẫn giữ khoảng cách để chàng không nhận ra máu trong huyết quản nàng đang sôi lên bởi hơi rượu sâm banh. Nhưng chàng ép, thoát đầu dúi dằng, sau đó với tất cả sức mạnh đôi tay ghì chặt thân nàng. Nàng chợt cảm thấy đùi mình chạm cái vật mà chàng trai cố ý cho nó chạm đúng vùng nhạy cảm nhất; và nàng tự nguyện rửa sao mạch mình đập nhanh đến vậy và hơi thở mình thì mỗi lúc mỗi gấp gáp. Dù vậy, nàng vẫn khước từ được chai sâm banh thứ hai. Chàng liền ngỏ ý mời nàng dạo chơi một vòng trên bãi biển. Nàng cố che giấu sự bối rối dưới một câu hỏi băng quơ ra vẻ thương hại:

- Ông có biết tôi bao nhiêu tuổi rồi không?
- Tôi không sao tưởng tượng ra tuổi bà.
- Xấp xỉ cái tuổi mà ông đoán định.

Chưa nói hết câu, nàng đã thấy chán ngấy bấy nhiêu điều dối trá, và quyết định đặt thể xác mình trước một lựa chọn tuyệt đỉnh: hoặc lúc này hoặc chẳng bao giờ. “Tôi lấy làm tiếc”, nàng nói và đứng lên. Chàng giãy nảy:

- Có việc gì vậy?
- Tôi phải về. Tôi không quen uống sâm banh.

Anh chàng cố đề nghị một vài chương trình khác vô thưởng vô phạt, có lẽ bởi chưa biết khi một phụ nữ đã quyết định ra về, không quyền uy nào của con người hay của thần linh có thể giữ chân. Cuối cùng, chàng nhượng bộ:

- Vậy cho phép tôi tiễn bà chứ?

- Không dám phiền. Và rất thật lòng, cảm ơn ông về buổi tối chẳng thể nào quên này.

Vừa bước vào thang máy, nàng đã hối tiếc. Nàng tự giận mình ghê gớm, nhưng lại được an ủi bởi cảm thấy mình vừa xử sự đúng mực. Vào phòng, nàng tháo giày, nằm ngửa lên giường và châm điều thuốc lá. Vừa lúc ấy có tiếng chuông réo. Nàng thầm rửa cái khách sạn này, đã bày đặt ra đủ thứ luật lệ hành hạ khách đến cả những chuyện thầm kín thiêng liêng của người ta. Nhưng không phải luật lệ réo gọi, đấy là chàng.

Trong ánh đèn nửa tối nửa sáng ở hành lang, chàng trai trông giống hệt người nặn bằng sáp bày trong viện bảo tàng. Nàng tay vẫn giữ quả đấm cửa, mắt nhìn thẳng vào anh chàng không chút thương hại, song cuối cùng vẫn để cho chàng vào. Chàng trai bước vào như chính đây là phòng mình.

- Cho tôi uống một thứ gì đi.

- Ông hãy tự phục vụ. Tôi hoàn toàn chẳng hiểu mô tê con tàu vũ trụ này nó vận hành thế nào.

Ngược lại, chàng ta biết tất. Chàng nhanh nhẹn hạ bớt ánh sáng, điều chỉnh nhạc nhỏ hơn, rồi lột hai ly sâm banh lấy ở minibar, cử chỉ thành thạo hệt một nhạc trưởng. Nàng sẵn sàng tham gia cuộc chơi, như thể không phải chính nàng vào cuộc mà đang sắm vai nàng. Hai người vừa nâng ly thì chuông điện thoại réo vang; nàng hoảng hốt nhắc máy. Một viên chức phụ trách an ninh của khách sạn, rất nhã nhặn, báo cho biết khách đến chơi không được phép ở lại trong phòng quá nửa đêm, nếu chưa đăng ký ở lễ tân.

- Không cần giải thích - nàng bối rối trả lời. Tôi xin lỗi.

Nàng đặt máy, mặt đỏ như gấc. Anh chàng như thể đã nghe rõ lời cảnh báo, nói: “Vớ vẩn”, rồi chẳng chút chờ đợi, mời nàng cùng xuống bãi biển ngắm cảnh nguyệt thực toàn phần. Tin này hoàn toàn mới mẻ đối với nàng. Từ tuổi thơ, nàng đã mê say xem nguyệt thực; mà sau cả một tối giằng co giữa nền nếp và cảm dỗ, lần này chẳng thể viện ra lý do đáng giá nào để khước từ.

- Đi đâu cho thoát. Số mệnh mà. - chàng nói.

Đã viện dẫn tới siêu nhiên thì còn gì nữa mà ngại ngùng. Vậy là họ lên chiếc xe tải nhỏ của chàng đi xem nguyệt thực, bên bờ một cái vịnh kín đáo, chung quanh có rừng cọ bao phủ, tịnh không dấu vết khách du lịch. Nhìn về phía chân trời, thấy hơi quang xa xăm của thành phố; trên bầu trời trong, lơ lửng nàng nguyệt buồn bã cô đơn. Chàng đỗ xe khuất trong bóng cọ, tháo giày, nới thắt lưng và hạ lưng ghế ngồi cho thoải mái. Lúc này nàng mới để ý chiếc xe tải nhỏ có độ hai ghế ngồi đằng trước; chỉ cần ấn một cái nút có thể biến thành giường nằm. Chỗ trống còn lại trong xe dành cho một cái minibar, một dàn nhạc hi-fi Fausto Papetti đang chơi kèn saxo, và một góc vệ sinh đặt cái chậu rửa di động sau tấm rèm đỏ sẫm. Nàng hiểu ra mọi thứ:

- Chẳng có nguyệt thực đâu. Nguyệt thực chỉ xảy ra hôm trăng tròn, mà hôm nay trăng khuyết.

Chàng vẫn tỉnh bơ:

- Thì chờ nhật thực vậy. Chúng ta còn chán thời gian.

Chẳng phải rào đón thêm. Cả hai cùng biết sẽ làm gì; nàng hiểu đấy chính là cái điều khác duy nhất mà chàng nghĩ ý hiễn dưng nàng ngay sau bài valse thứ nhất. Nàng ngạc nhiên trước cung cách khéo léo hết nhà làm ảo thuật khi chàng từ từ cởi bỏ trang phục của nàng bằng đầu các ngón tay, cởi từng chiếc một, nhấc từng mảnh một, kéo từng khóa rút một, nhẹ nhàng

như bóc một củ hành tây. Sau loạt đạn đầu của con bò tót, nàng gần như ngất xỉu vì đau đớn. Nàng cảm thấy vừa đớn đau vừa nhục nhã y như con gà mái đang bị xả thây từng mảnh. Nàng ngạt thở, mồ hôi lạnh vã ra thái dương, nhưng nàng cố sức vận dụng mọi bản năng sơ đẳng để khỏi cảm thấy mình quá kém cỏi, quá không ngang tầm; và thế là hai con người buông mình đắm đuối trong hoan lạc ái ân với sức mạnh những con thú. Ana Magdalena không quan tâm chàng là ai; nàng chẳng hề thử hỏi cho biết. Chỉ khoảng ba năm sau cái đêm không thể nào quên ấy, nàng mới nhận ra anh chàng qua bức chân dung cảnh sát phác họa con quỷ dâm loạn đang bị truy nã suốt cả vùng Caraibes về tội lừa đảo và làm ma cô, chuyên bám váy các bà nạ dòng cô đơn mà vui vẻ trẻ trung. Và cũng có thể chính y là thủ phạm đã sát hại một vài trong số các bà.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Gặp Gỡ Tháng Tám

Dịch giả: Nguyễn Mạnh Hùng D° ° °

Nàng trở lại đảo hôm thứ Sáu, 16 tháng Tám trên chuyến phà hai giờ trưa. Nàng mặc áo ca-rô, quần jeans, đi giày gót thấp, cầm dù sa-teng, và chỉ mang theo một hành lý duy nhất là cái túi đi biển. Một dãy xe taxi nằm chờ ở bến phà. Nàng đi thẳng đến một cái xe kiểu xưa mà thân xe đã bị muối biển găm nhấm lỗ chỗ. Người tài xế chào đón nàng như một người bạn cố tri rồi lái xe chở nàng qua những con đường gập ghềnh của một ngôi làng nghèo với những căn nhà tranh vách đất và những con đường cát trắng dẫn đến một cái biển nóng ngùn ngụt. Người tài xế phải nghiêng bên này tránh bên kia để khỏi đụng phải những con heo đi đủng đỉnh giữa đường và những đứa trẻ trần truồng nghịch ngợm vẹo người tránh xe theo kiểu những người đầu bò rừng. Chiếc taxi bỏ ngôi làng lại đằng sau rồi chạy dọc theo một đại lộ có những cây dừa lớn đứng dọc hai bên, nơi mà những bãi tắm và khách sạn dành cho du khách nằm giữa một bên là biển và bên kia là một hồ nước đầy những con diệc màu xanh. Cuối cùng người tài xế dừng xe trước một khách sạn cũ kỹ và đồ nát nhất.

Người gác cửa đứng chờ nàng với chùm chìa khóa của căn phòng duy nhất trên lầu hai quay mặt ra hồ nước. Nàng đi sải bước qua mấy bậc cầu thang tiến vào căn phòng ọp ẹp sặc mùi thuốc sát trùng trong đó kê một cái giường lớn choáng gần hết phòng. Nàng lấy túi đựng đồ trang sức ra khỏi cái túi đi biển và một quyển sách chưa đọc trang để lên trên bàn đầu giường ngủ, bên cạnh con dao dọc giấy bằng ngà. Nàng lấy ra cái áo ngủ lụa hồng để dưới gối. Rồi lấy ra một cái khăn lụa in hình những con chim vùng nhiệt

đôi, một cái áo cộc tay màu trắng, và một đôi giày tennis cũ, và mang tất cả những thứ đó cùng túi đồ trang sức vào phòng tắm.

Trước khi trang điểm nàng cởi cái áo ca-rô, chiếc khăn cưới, và cái đồng hồ đàn ông đeo bên tay phải, rồi phả nước lên mặt để rửa sạch bụi bặm bám vào trong lúc đi đường và xua đuổi sự mệt mỏi ban trưa. Sau khi đã lau khô mình, nàng nhìn vào gương và lấy tay nâng đôi vú vẫn còn cao và tròn trĩnh dù nàng đã hai lần sinh nở và sắp đi vào tuổi già. Nàng dùng sống tay vuốt má ra đằng sau để thử xem khuôn mặt mình hồi còn trẻ trông như thế nào. Nàng cho tay chạy qua những nếp nhăn đầu tiên trên cổ ồ nàng chẳng có cách gì chữa được những vết nhăn đó và nhe ra xem hàm răng đều đặn mà nàng đã đánh kỹ sau bữa cơm trưa trên phà. Nàng súc nước hoa vào nách và khoác lên người cái áo chemise vải có hàng chữ AMB thêu trên túi. Nàng chải suôi những lọn tóc chấm ngang vai rồi dùng cái khăn có in hình chim buộc túm tóc lại thành một cái đuôi gà. Cuối cùng nàng thoa pommade lên môi, liếm ngón tay trở miết vào đôi lông mày, xoa một chút nước hoa sau tai rồi nhìn vào thẳng vào gương đối diện với khuôn mặt của một người đàn bà đứng tuổi. Da dẻ của nàng, tuy không trang điểm, vẫn giữ được màu sắc ngày xưa, và đôi mắt trong vàng của nàng trông vẫn trẻ mãi dưới đôi mí mắt màu nâu đậm. Nàng nhìn lại dung nhan của mình thật kỹ lưỡng, phán xét một cách không khoan nhượng mà vẫn thấy mình trông còn tươi tốt. Chỉ đến khi đeo nhẫn vào tay nàng mới nhận thấy rằng nàng đã quá trễ: đã năm giờ kém sáu phút rồi. Tuy nhiên, nàng vẫn tự cho phép mình một giây phút hoài cảm ngắm nhìn những con diệp xanh lướt êm trên mặt hồ láng bóng và nóng hừng hực. Những tảng mây đen nặng nề báo cho nàng biết rằng trời sắp mưa và tốt hơn hết nàng nên mang theo một cái dù.

Chiếc xe taxi vẫn chờ nàng dưới hàng cây trước cửa khách sạn. Người tài xế lái xe đi dọc theo đại lộ hai bên có hai hàng dừa râm mát cho đến khi tới một khoảng sáng giữa các khách sạn nơi có một cái chợ trời, và dừng lại trước một sạp hàng hoa. Một người đàn bà da đen mập ú đang ngủ trưa giật mình tỉnh dậy, nhận ra người quen ngồi trên ghế sau xe taxi, vừa cười nói

vừa tiến đến trao cho nàng một bó hoa lay-ơn mà bà ta giữ sẵn cho nàng từ buổi sáng. Đi thêm một quãng đường nữa thì chiếc taxi quẹo vào một con đường hẹp khó đi chạy sát bờ vực tạo ra bởi những tảng đá nhọn hoắt. Qua bầu không khí bị loãng vì hơi nóng nàng có thể trông thấy những dãy du thuyền đậu trong cái bến dành cho du khách, những chiếc phà rời bến, cái hình dáng phía xa của thành phố nhô lên từ đám sương mù cuối chân trời, cả một vùng biển Ca-ri-bê rộng mở.

Nằm trên đỉnh đồi là cái nghĩa trang buồn thảm của người nghèo. Nàng đẩy cái cửa sắt rỉ sét dẫn vào nghĩa trang một cách dễ dàng. Tay cầm bó hoa, nàng bắt đầu bước dọc theo con đường mòn qua những nấm mồ phủ đầy cỏ dại, qua những mảnh ván quan tài gẫy và những mẫu xương bị mặt trời làm cháy xém. Những mộ bia cái nào trông cũng giống nhau trong cái nghĩa trang bị bỏ rơi ở giữa có một cây bông lớn cành lá xum xuê. Những hòn đá nhọn đâm nhói vào chân nàng mặc dù nàng đã đi đôi giày gót cao su, và mặt trời nóng bỏng chiếu xuyên qua lớp vải mỏng của chiếc dù. Một con kỳ nhông từ trong bụi rậm chạy ra, ngừng lại trước chân nàng, nhìn thẳng vào nàng một lúc rồi hốt hoảng bỏ chạy. Nàng đã phát quang được ba nấm mồ, đến khi mệt rũ rời và ướt đầm mồ hôi thì nàng tìm ra cái mộ bia đã ngả màu vàng trên đó ghi tên mẹ nàng cùng ngày chết của bà hai mươi chín năm về trước. Bao giờ đi thăm mộ nàng cũng cho mẹ biết mọi chuyện xảy ra trong nhà. Nàng từng kể chuyện riêng tư với bà để nhờ bà giúp ý kiến xem có nên lấy chồng hay không, và chỉ vài ngày sau nàng tin rằng nàng đã nhận được lời khuyên rõ rệt và khôn ngoan của mẹ trong một giấc mơ. Chuyện tương tự như vậy cũng xảy ra khi đứa con trai của nàng phải vật lộn giữa cái sống và cái chết trong suốt hai tuần sau khi nó bị đụng xe, chỉ khác là lần này câu trả lời không đến với nàng trong giấc mơ mà qua câu chuyện với một người đàn bà gặp tình cờ trong chợ. Nàng không mê tín nhưng tin rằng nàng vẫn tiếp tục giao cảm được với mẹ sau khi bà đã chết. Vì thế, nàng hỏi mẹ những câu hỏi cho năm nay, đặt hoa trên mộ, rồi ra về, tin tưởng rằng nàng sẽ nhận được những câu trả lời của mẹ trong những lúc bất ngờ nhất.

Công tác đã làm xong. Nàng đã thực hiện chuyến đi như thế này trong suốt hai mươi tám năm liền cứ mỗi năm đúng ngày 16 tháng Tám, cùng vào một thời khắc, cùng ở cái phòng ấy trong cái khách sạn ấy, với cái taxi và người bán hoa ấy, dưới mặt trời nóng bỏng trong cái nghĩa trang nghèo nàn ấy, để đặt một bó hoa lay-ơn tươi trên mộ mẹ. Và bây giờ thì nàng không có việc gì phải làm cho đến chín giờ sáng ngày hôm sau khi chuyến phà sẽ đưa nàng trở về nhà.

Tên nàng là Ana Magdalena Bach, nàng mới ăn mừng ngày sinh nhật thứ 52 và ngày kỷ niệm năm thứ hai mươi ba của một cuộc hôn nhân hòa thuận với một người đàn ông yêu nàng, một người mà lúc lấy làm chồng nàng chưa học hết chương trình cử nhân văn chương, khi nàng còn trinh trắng và chưa hề đính hôn với ai cả. Cha nàng là một giáo sư âm nhạc và, ở tuổi 82, ông vẫn tiếp tục điều khiển trường dạy âm nhạc của tỉnh. Mẹ nàng là một bà giáo có tiếng tại một trường tiểu học của dòng tu Montessori, nhưng dù bà đã tạo được những thành tích đáng kể trong việc dạy học, bà chẳng bao giờ muốn làm cái gì khác hơn là việc bà đang làm cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Ana Magdalena thừa hưởng của bà mẹ đôi mắt đẹp màu vàng, đức tính ít nói, và sự thông minh không để lộ cho người ta thấy cái cá tính mạnh mẽ của mình. Ba ngày trước khi nhắm mắt, mẹ nàng nói rằng bà muốn được chôn ở trên đảo. Ana Magdalena muốn đi theo quan tài mẹ ra đảo ngay từ lần đầu, nhưng mọi người cản lại bởi vì chính nàng cũng không nghĩ rằng nàng có thể sống qua khỏi được nỗi phiền muộn của mình. Ngày giỗ đầu của mẹ, cha nàng đưa nàng ra đảo để dựng cái bia đá vẫn còn thiếu trên mộ. Chuyến đi biển dài bốn tiếng đồng hồ bằng một cái thuyền nhỏ chạy bằng máy trên một mặt biển luôn luôn dậy sóng làm nàng khiếp sợ. Nhưng khi đến nơi thì nàng cảm thấy ngất ngây trước những bãi cát vàng mịn bên ven cái rừng hoang, trước tiếng ào ào của bầy chim vỗ cánh, trước cảnh bay lượn chập chờn của những con diệc xanh trên mặt hồ phẳng lặng. Nàng buồn rầu trước cảnh nghèo của cái làng nơi mà người dân phải ngủ ngoài

trời trên những cái võng căng giữa hai cây dừa, và trước quá nhiều người đánh cá da đen bị cụt tay vì những quả lựu đạn dùng để giết cá nỏ quá sớm. Nhưng khi thấy vẻ đẹp lộng lẫy của cảnh vật từ trên đỉnh nghĩa trang nhìn xuống, nàng mới hiểu ước nguyện của mẹ. Đó là giây phút nàng tự cho mình có bốn phận mỗi năm phải đem cho mẹ một bó hoa cho đến ngày nàng chết.

Tháng Tám là tháng nóng nhất trong năm và cũng là mùa hay có mưa lớn, nhưng đây là một bốn phận riêng mà nàng phải giữ, phải làm một mình. Đó là điều kiện duy nhất mà nàng đặt cho người chồng trước khi cưới, và ông chồng cũng hiểu rằng đó là điều vượt ngoài tầm kiểm soát của ông.

Cứ như thế, năm này qua năm khác, Ana Magdalena chứng kiến sự phát triển của các khách sạn cho du khách, đã thay đổi phương tiện ra đảo từ con thuyền gỗ chèo tay đến thuyền chạy bằng máy rồi đến đi phà, và nàng cho rằng nàng có lý do để tự cho mình là người dân làng lâu đời nhất.

Buổi trưa hôm ấy, khi trở lại khách sạn, nàng chỉ mặc quần lót ngả người nằm lên giường đọc tiếp quyển sách mà nàng đang đọc dở trong chuyến đi. Đó là cuốn "Ma Cà Rồng" nguyên tác của Bram Stoker. Nàng là người thích đọc sách. Nàng đọc rất kỹ những cuốn sách mà nàng thích nhất, thường thường là truyện ngắn bất cứ loại gì, như "Lazarillo de Tormes," "Ông Già và Biển Cả," "Người Khách Lạ." Những năm gần đây, khi nàng gần kề cái tuổi năm mươi, nàng lại say mê đọc truyện thần kỳ.

Truyện "Ma Cà Rồng" hấp dẫn nàng ngay từ đầu, nhưng buổi trưa hôm ấy, nàng chịu thua trước tiếng động ào ào như sấm của cái quạt trần và ngủ thiếp đi với quyển truyện nằm trên ngực. Hai giờ sau, nàng tỉnh dậy trong bóng tối, người ướt đầm mồ hôi, tâm hồn bức dọc, và bụng đói lả.

Điều này chẳng phải là một biệt lệ đối với thói quen của nàng trong nhiều năm qua. Quán rượu trong khách sạn mở cửa cho đến mười giờ tối,

và thỉnh thoảng nàng đã xuống đó ăn trước khi đi ngủ. Nàng thấy trong quán có nhiều khách hơn thường lệ vào giờ đó, và người bồi bàn lần này không phải là người bồi bàn đã hầu nàng lần trước. Nàng gọi một cái bánh mì kẹp thịt giăm bông, pho mát, và một ly cà phê sữa. Trong khi chờ thức ăn nàng nhận thấy chung quanh nàng là những người khách lớn tuổi, giống như nàng họ đã lai vãng nơi này từ khi nó còn là một khách sạn duy nhất, hay họ là những người có ít tiền. Một người con gái lai da đen đang ca những bản nhạc boleros thịnh hành, và chính nhạc sĩ Augustin Romero, nay đã già nua và mù lòa, nhẹ nhàng đệm nhạc theo trên cái dương cầm đã có ở đó từ ngày khách sạn mới được khai trương.

Nàng ăn vội vã, hổ thẹn vì phải ăn một mình, nhưng nàng thấy nhạc chơi thật hay mà người con gái lai da đen hát cũng khá. Khi nàng nhìn quanh mình một lần nữa thì thấy chỉ còn lại ba cặp ngồi rải rác các bàn khác nhau, và một người đàn ông không khác lạ - nàng không nhìn thấy ông ta đi vào - ngồi đối diện với bàn của nàng. Ông mặc bộ đồ nỉ trắng, như thời của cha nàng, có mái tóc màu bạch kim và một bộ râu mép vênh lên ở hai đầu. Trước một chai rượu mạnh và một cái ly với một nửa đặt trên bàn, ông ta trông như một người cô đơn nhất trên đời.

Tiếng đàn dương cầm bắt đầu chơi bài " Claire de Lune" của Debussy theo điệu bolero, và người con gái lai da đen cất lên tiếng hát thật tình tứ. Ana Magdalena cảm thấy xúc động. Nàng gọi một ly rượu gin pha với soda và nước đá, thứ rượu mà thỉnh thoảng nàng tự cho phép mình uống và nó rất hợp với khẩu vị của nàng. Nàng học được cách thưởng thức loại rượu này khi nàng đi chơi riêng với chồng, một người đàn ông chỉ uống rượu khi vui bạn và đối xử với nàng một cách lịch sự và chiều chuộng như một người yêu thầm lén.

Thế giới thay đổi hẳn khi nàng nhấp ngụm rượu đầu tiên. Nàng cảm thấy vui vẻ, yêu đời và có thể làm bất cứ điều gì; nàng là một người đàn bà được một hợp chất kỳ bí của nhạc và rượu làm cho đẹp hẳn ra. Nàng tưởng

rằng người đàn ông ngồi bàn đối diện không để ý đến nàng, nhưng khi nàng nhìn ông ta lần thứ hai sau ngụm rượu đầu tiên thì nàng bắt gặp ông ta nhìn nàng. Ông thẹn đỏ mặt. Nhưng mắt nàng không rời người đàn ông khi ông lấy trong túi ra cái đồng hồ, rồi lại cất nó đi một cách vội vã, nhìn ra cửa, rót cho mình thêm một ly rượu, và lúng túng vì biết nàng đang nhìn ông trân trân. Cuối cùng, ông nhìn thẳng vào mặt nàng. Nàng cười tự nhiên, và ông ta gật nhẹ đầu đáp lại. Nàng đứng dậy, tiến đến bàn của ông và tấn công với vũ khí của người đàn ông:

"Tôi có thể mời ông một ly rượu được không?"

Người đàn ông mềm nhũn.

"Đó là một điều hân hạnh cho tôi," ông trả lời.

"Nếu ông chỉ thấy thích thú thôi cũng làm cho tôi bằng lòng rồi," nàng bảo.

Chưa nói dứt lời nàng đã ngồi xuống bàn, rót một ly cho ông và một ly cho nàng. Nàng rót rượu khéo léo và điệu nghệ khiến cho ông không thể quờ tay lấy chai rượu mà phải rót rượu cho nàng. " Xin mừng ông," nàng nói. Người đàn ông làm theo nàng và hai người đều uống cạn ly một lượt. Ông bị nghẹn, cơn ho làm toàn thân ông rung động, nước mắt chảy dàn dụa. Ạng lấy ra một cái khăn mùi xoa tuyệt đẹp đượm chút nước hoa oải hương và nhìn nàng với con mắt ướt đầm. Họ yên lặng một hồi lâu cho đến khi ông dùng khăn lau khô mắt và lấy lại được giọng nói bình thường.

Nàng bạo dạn tiến vào trận địa với câu hỏi: " Ông có chắc là sẽ không có ai đến đây gặp ông không?"

"Không," ông trả lời không theo một lô-dích nào cả. " Đó chỉ là một cái hện về chuyện làm ăn buôn bán, nhưng bây giờ thì không có ai đến nữa."

Làm ra bộ không tin, nàng hỏi " Chuyện làm ăn buôn bán à?"

"Đó là điều duy nhất mà tôi có thể làm được trong thời buổi này." Ông trả lời tỉnh bơ để nàng khỏi tin. Và nàng, với một thái độ phũ phàng cố ý vốn không phải là bản tính của nàng, cắt đứt ông: " Chắc là buôn bán ở nhà."

Nàng tiếp tục tán tỉnh ông một cách nhẹ nhàng. Nàng chơi trò đoán tuổi ông và chỉ đoán sai một năm: ông ở tuổi bốn mươi sáu. Nàng chơi trò đoán sinh quán của ông căn cứ vào cách phát âm nhưng nói sai ba lần. Nàng thử đoán nghề nghiệp của ông, ông vội vã cho biết ông là kỹ sư cầu cống, và nàng nghi rằng đó là một cái mẹo để nàng khỏi tìm ra sự thật.

Họ nói về sự liễu lĩnh của ban nhạc dăm đôi một bản nhạc thần thánh của Debussy ra điệu bolero, nhưng thật ra ông không nhận ra điều đó. Àng thấy nàng rất am tường âm nhạc trong khi kiến thức âm nhạc của ông thì không vượt quá bài " Giòng Sông Xanh." Nàng bảo rằng nàng đang đọc truyện " Ma Cà Rồng." Ông nói rằng khi còn nhỏ đã đọc chuyện đó, nhưng chỉ đọc bản viết cho trẻ con mà thôi, và bây giờ vẫn còn ngạc nhiên với chuyện ông Quận Công xuống tàu ở Anh rồi biến thành con chó sói. Uống đến ly thứ hai, nàng cảm thấy như chất rượu mạnh của ông đọng mạnh với rượu gin của nàng ở một nơi nào đó trong trái tim nàng, và nàng cố tập trung tư tưởng để giữ cho đầu óc được minh mẫn. Buổi tấu nhạc chấm dứt lúc 11 giờ đêm, và trong quán rượu, người ta đang chờ cho hai người đi về để đóng cửa.

Tới lúc đó nàng đã hiểu người đàn ông như thế đã từng sống suốt đời với ông. Nàng biết ông là người kén chọn, ăn diện, và có đôi bàn tay vốn đã chẳng có gì đặc biệt mà còn bị những móng tay được tô lên một loại sơn móng tay không màu sắc làm cho xấu xí hơn. Nàng biết ông bị chế ngự bởi đôi mắt vàng to mà nàng nhìn chăm chú vào ông, và nàng biết rằng ông là một người tốt nhưng cũng là một người hèn nhát. Nàng cảm thấy nàng đã làm chủ được tình thế để có thể làm một điều mà suốt đời nàng chẳng bao giờ dám mơ tưởng đến. Nàng hỏi thẳng " Mình lên phòng chứ?"

Ông trả lời nhũn nhặn, " Tôi không ở khách sạn này."

Nhưng nàng không đợi cho ông dứt lời. Nàng đứng lên, lắc nhẹ đầu để chế ngự ảnh hưởng của rượu, đôi mắt nàng sáng lên.

"Ông trả tiền đi. Tôi lên phòng trước," nàng nói " Tôi ở lầu hai, phòng số 203, phía bên mặt cầu thang. Cứ vào, khỏi phải gõ cửa."

Nàng đi về phòng tràn ngập bởi một mối lo âu dịu ngọt mà nàng chưa thấy lại kể từ đêm cuối cùng khi nàng còn là một trinh nữ. Nàng mở quạt trần, nhưng không bật đèn; nàng cởi quần áo trong bóng tối, không ngừng nghỉ, và để một đồng quần áo trên sàn suốt từ ngoài cửa vào đến phòng tắm. Khi nàng bật đèn phòng tắm nàng phải nhắm mắt lại và hít mạnh để bớt hồi hộp và giữ cho bàn tay bớt run rẩy. Nàng tắm rửa vội vàng, từ bộ phận sinh dục, nách, đến những ngón chân bị bẹp bởi đôi giày đế cao su, vì mặc dầu buổi trưa bị đổ mồ hôi nhễ nhại, nàng vẫn không định tắm cho đến trước giờ đi ngủ. Không đủ thì giờ đánh răng, nàng bôi một chút kem đánh răng lên lưỡi rồi trở ra phòng ngủ trong ánh sáng mờ hắt ra từ phòng tắm.

Nàng không đợi cho ông khách đẩy cửa vào mà mở cửa từ bên trong khi nàng nghe thấy tiếng chân ông lại gần. Người đàn ông sững sốt thốt lên " Trời ơi!" Nhưng nàng không để cho ông bỏ phí một chút thời giờ nào trong bóng tối. Nàng mạnh tay cởi áo tây của ông ra, nàng cởi cravate, áo chemise, và vất tất cả quần áo của ông xuống đất. Trong khi nàng làm như vậy thì mùi ảo hương phát ra từ người đàn ông tràn ngập không gian. Thoạt đầu ông định giúp nàng, nhưng nàng chặn ông lại bằng cử chỉ bạo dạn và thành thạo của nàng. Khi nàng đã lột trần ông ra từ trên tới ngang lưng, nàng để ông ngồi lên giường rồi quỳ xuống cởi giày và vớ cho ông. Cùng lúc đó, người đàn ông cởi thắt lưng ra để nàng chỉ việc kéo một cái là quần của ông tuột ra, mặc kệ cho những cái chìa khóa và tiền bạc rơi ào ào xuống sàn nhà. Sau đó, nàng giúp ông kéo cái quần đùi xuống chân, và nàng thấy rằng cái của ông không to bằng của chồng nàng, người đàn ông

duy nhất mà nàng biết, nhưng ông không có vấn đề gì hết và dương vật của ông cứng lên.

Nàng không để cho người đàn ông chủ động. Nàng cười lên người ông và làm tình một cách say sưa, ngẫu nhiên hưởng trọn khoái cảm cho riêng mình, mà chẳng nghĩ gì đến ông, cho tới khi cả hai mệt nhoài, mồ hôi chảy ra như tắm. Nàng vẫn nằm trên, một mình phấn đấu với sự dẫn dắt của lương tâm dưới luồng gió nóng và tiếng động ồn ào của cái quạt trần, cánh tay của ông giang ra dưới sức nặng của thân thể nàng. Nàng bò xuống và nằm ngửa bên cạnh ông. Người đàn ông nằm yên cho đến khi thở được bình thường rồi hỏi " Tại sao cô chọn tôi?"

"Ông trông giống như một người đàn ông theo đúng nghĩa của nó," nàng nói.

"Được một người đàn bà như cô nói như thế, thì đó là một vinh dự."

"A," nàng đùa, " đó là một sự thích thú chứ?"

Ông không trả lời và cả hai nằm yên nghe tiếng động của ban đêm. Căn phòng trở nên êm dịu trong ánh sáng mờ ảo của cái hồ. Họ nghe tiếng chim vỗ cánh ở gần đó. Ông hỏi, "Cái gì đó?" Nàng nói cho ông nghe về thói quen ban đêm của những con diệc. Sau một giờ thăm thì những chuyện vu vơ nàng bắt đầu lấy tay mân mê ngực ông từ từ rồi kéo xuống phía dưới bụng người đàn ông. Nàng lấy chân cọ vào chân ông và thấy người ông có nhiều lông quăn và mềm làm nàng nhớ đến cỏ tháng Tư. Rồi nàng bắt đầu kích thích ông bằng những cái hôn vào tai, vào cổ, và lần đầu tiên họ hôn vào miệng nhau.. Đó là lúc mà ông tỏ cho nàng thấy rằng ông là người tình lý tưởng, từ tốn một cách điệu nghệ, đưa nàng lên tuyệt đỉnh của khoái lạc. Nàng ngạc nhiên không ngờ đôi bàn tay thiếu diễn cảm của ông lại có thể dịu dàng đến như thế. Nhưng đến khi ông lật ngửa nàng ra thì nàng cưỡng lại, sợ làm hư đi cái cảm giác kỳ diệu của lần đầu.. Nhưng ông cương quyết

áp đặt ý mình, ông xoay vần nàng theo ý ông và, với cách riêng của ông, ông làm nàng mê mẩn sung sướng.

Khoảng hơn hai giờ sáng thì nàng tỉnh giấc vì tiếng sấm làm rung chuyển khách sạn và gió mạnh làm tung cửa sổ. Nàng vội vàng đóng cửa sổ lại, và qua ánh sáng của một lần chớp nàng thấy nước hồ nổi sóng và những con diệc xanh vỗ cánh yếu ớt trong cơn gió táp.

Khi trở lại giường chân nàng bị vướng vào đồng quần áo. Nàng để yên đồng quần áo của nàng dưới đất định là sẽ nhặt lên sau, và treo cái Yoyo của ông lên ghế, rồi để áo chemise và cravate lên trên. Nàng cẩn thận gấp quần của ông cho khỏi bị nhăn rồi để lên trên chùm chìa khóa, con dao nhỏ, và đồng tiền rơi ra từ túi ông. Không khí trong phòng mát dịu trong cơn giông, và nàng khoác vào người cái áo ngủ màu hồng dệt bằng một thứ lụa mềm đến nỗi làm nàng nổi da gà. Người đàn ông nằm nghiêng, chân co lên trông như một đứa trẻ mồ côi khổng lồ, khiến trong lòng nàng nổi lên một nỗi thương cảm. Nàng nằm xuống bên cạnh, ôm ngang bụng ông, và cái mùi ngai ngái của thân thể đầm mồ hôi của người đàn ông làm tâm hồn nàng rung động. Người đàn ông thở mạnh và bắt đầu ngáy. Nàng ngủ thiếp đi và tỉnh giấc trong sự vắng lặng của quạt trần đứng yên vì điện tắt, và căn phòng tràn ngập ánh sáng xanh mờ ảo của cái hồ. Người đàn ông đang nằm ngáy o o. Nàng nghịch ngợm gõ tay lên lưng ông. Ông giật mình ngừng ngáy, và cái dương vật mềm xù của ông bắt đầu cứng lên. Nàng để yên ông nằm đó, cởi áo ngủ của mình ra. Nhưng đến khi nàng quay lại với ông thì mọi cố gắng của nàng đều trở nên vô ích, và nàng biết rằng ông giả vờ ngủ để khỏi phải làm tình lần thứ ba. Nàng lăn sang phía giường bên kia, mặc áo ngủ vào, rồi lăn ra ngủ mê mẩn chẳng biết trời trăng gì cả.

Nàng tự nhiên thức giấc lúc trời vừa sáng. Nàng nhắm mắt nằm mơ màng một lúc, không dám nhận rằng nàng đang bị đau nhói hai bên thái dương hay thấy đắng miệng vì cảm giác phiền muộn là có điều gì bất trắc đang chờ đợi nàng trong cuộc sống thật ngoài kia. Từ tiếng động của cái

quạt trần nàng biết rằng đã có điện trở lại và căn phòng hiện ra rõ rệt trong ánh sáng ban mai chiếu trên hồ.

Đột nhiên, như bị sét đánh, nàng phải đương đầu với nhận thức phũ phàng rằng, lần đầu tiên trong đời, nàng đã phạm tội thông dâm và ngủ với một người đàn ông không phải là chồng mình. Bàng hoàng, nàng quay lại nhìn người đàn ông thì không thấy ông ở đó. Ông cũng không ở trong buồng tắm. Nàng bật đèn lên, quần áo của ông không còn ở đó, chỉ còn quần áo của nàng mà đêm hôm trước nàng vất dưới sàn thì nay đã được gấp lại và để một cách trù mẩn lên trên ghế.. Cho đến lúc ấy nàng chưa nhận thức được rằng nàng không hề biết gì về người đàn ông, không biết cả tên ông, và tất cả những gì còn lại trong cái đêm điên cuồng đó là mùi nước hoa oải hương phảng phất trong bầu không khí đã được thanh lọc vì trận bão. Mãi tới khi nàng cầm quyển sách trên bàn cạnh giường ngủ để vào túi đi biển nàng mới thấy trong những trang sách đầy những chuyện khủng khiếp, người đàn ông đã để lại một tờ giấy hai-mươi Mỹ kim.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Giấc Ngủ Ngày Thứ Ba

Dịch giả: Nguyễn Văn Sâm D

Chiếc xe lửa chun ra khỏi hầm ngoằn ngoèo của cửa một vùng đá sa thạch, bắt đầu băng xuyên ngang qua giữa đồn điền chuối. Không khí từ đây trở nên ẩm ướt, họ không còn cảm nhận được những làn gió hây hây từ biển thổi tới nữa. Một đám khói ngộp ngựa hùn hục chui qua cửa sổ ủa vào trong toa. Trên con đường song song với đường xe lửa, mấy chiếc xe bò chở đầy chuối xanh đang di chuyển chậm chạp. Bên kia đường, nơi không trồng chuối, rải rác những văn phòng có trang bị quạt điện, những căn lầu ngói đỏ, nhà dân chúng có đặt mấy cái ghế mấy cái bàn nhỏ sơn trắng trước sân giữa những khóm hồng và vài cây dừa vương đầy bụi bặm. Bây giờ là mười một giờ trưa, nắng vẫn chưa lên.

"Hãy kéo cửa sổ lên," người đàn bà nói: " Tóc dính đầy bụi khói kia "

Đứa con gái cố gắng đóng mạnh cửa sổ lại, nhưng tấm màn màn không nhúc nhích vì rỉ sét. Họ là hai người hành khách đơn độc trong toa hạng ba duy nhất của chuyến xe lửa. Khói tiếp tục ủa vào toa, đứa con gái rời chỗ ngồi, bỏ những vật dụng ít ỏi họ mang theo xuống: một cái gói bằng nylon trong chứa chút ít thức ăn, một bó hoa bọc bằng giấy nhứt trình. Nó ngồi sang bên ghế đối diện, trước mặt mẹ, xa cửa sổ. Cả hai đều mặc áo tang rẻ tiền, màu ảm đạm. Đứa con gái chừng mười hai tuổi, lần đầu tiên đi xe lửa. Người đàn bà có vẻ như quá già để là mẹ nó. Những đường gân xanh trên mí mắt, thân hình nhỏ nhít, mảnh khảnh, trong bộ quần áo cắt may quá dài giống như áo chùng. Bà ngồi mà xương sống dán chặt vô chỗ

dựa lưng của cái ghế, hai tay nắm cái sắc tay bằng da đang để trên đùi. Bà mang dáng vẻ điềm tĩnh cam chịu của một người quen sống đời nghèo khổ.

Lúc mười hai giờ trưa thì cái nóng bắt đầu lên. Xe lửa ngừng mười phút để lấy nước ở một trạm nghỉ chơ vơ trên đường. Bên ngoài, trong cái tĩnh mịch bí mật của đồn điền, bóng nắng như sạch sẽ. Nhưng không khí đứng lặng trong toa tỏa ra mùi như mùi da chưa thuộc. Xe lửa chạy không gia tăng tốc độ, ngừng ở hai thành phố giống hệt nhau, với những căn nhà bằng cây sơn màu loè loẹt. Đầu người đàn bà gục xuống, bà đi vào giấc ngủ. Đứa con gái lột giày ra, đi vào phòng rửa mặt, nhúng nước bó hoại. Khi đứa bé trở về chỗ ngồi thì mẹ nó đang đợi để cùng ăn. Bà mẹ đưa cho đứa con một miếng bơ, nửa cái bánh bột bắp, rồi lấy trong túi nylon ra một phần tương tự như vậy cho mình. Xe lửa lúc này chạy chậm chậm qua một cái cầu sắt, lướt ngang một thành phố giống như những thành phố đã đi qua, chỉ khác là ở đây có một đám đông đang tụ họp trên quảng trường. Dàn nhạc đang chơi một điệu nhạc sinh động dưới ánh mặt trời gay gắt. Phía đối diện với thành phố, đồn điền chấm dứt bằng vùng đất rộng, nứt nẻ do trời nắng nóng bức. Người đàn bà ngừng ăn.

"Mang giày vô đi," bà nói.

Đứa con gái nhìn ra ngoài. Không gì hơn là đồng hoang. Xe lửa đang tăng tốc độ. Nó bỏ miếng bánh còn lại vô giỏ rồi lẹ làng mang giày. Người đàn bà đưa cho con cây lược.

"Chải đầu đi"

Còi xe huýt vang khi đứa nhỏ chải đầu. Người đàn bà lau mồ hôi cổ, chùi chất nhờn trên mặt bằng mấy ngón tay. Đứa nhỏ chải đầu xong thì xe lửa đã qua mấy dãy nhà ngoài viển thành phố. Thành phố rộng lớn nhưng buồn bã hơn những thành phố đã chạy qua trước đó.

"Nếu cần làm gì thì làm bây giờ đi, " bà nói " Lát nữa không được uống nước ở đâu hết nha, chết khát cũng phải chịu. Nhứt là không được khóc lóc."

Đứa nhỏ gật đầu. Một cơn gió khô khốc, khét nắng lùa qua cửa sổ cùng với tiếng hú của đầu máy và tiếng các toa xe nghiêng kót két. Người đàn bà xếp cái túi nylon chứa thức ăn còn lại, bỏ vào trong túi xách. Trong một lúc, hình ảnh đầy đủ của thành phố, vào ngày Thứ Ba tháng Tám trời trong, chiếu lên cửa sổ. Đứa con gái gói bó hoa vào mớ giấy nhứt trình đã tắm nước, nhích ra xa cửa sổ hơn chút nữa và đưa mắt nhìn mẹ. Cô bé nhận được một cái nhìn trù mẩn. Xe lửa bắt đầu huýt còi và giảm dần tốc lực. Một lúc ngắn sau đó xe ngừng hẳn. Không có ai ở sân trạm. Bên kia đường, cạnh lề dành cho khách bộ hành, dưới bóng mấy cây hạnh, chỉ có tiệm chơi bida là mở cửa. Thành phố đang đông đưa trong hơi nắng. Người đàn bà và đứa con gái bước xuống toa, băng ngang nhà trạm hoang phế-- đá lót nền bị nứt bể vì cỏ mọc lên ở giữa-- về phía có bóng mát của con đường. Đã gần hai giờ rồi. Giờ này, bị cơn buồn ngủ đè nặng, cả thành phố đang đi vào giấc ngủ trưa. Ở đây tiệm tùng, công sở, trường học đều đóng cửa lúc mười một giờ và chỉ mở lại lúc gần bốn giờ thôi, lúc xe lửa rời trạm. Chỉ có cái khách điểm, có quầy rượu và bàn bida, đối diện với nhà ga, và văn phòng điện tín, nằm ở một cạnh của quảng trường, là mở cửa thôi.

Nhà cửa, phần lớn cất theo kiểu mẫu của công ty đồn điền chuối, đóng kín, màn cửa hạ xuống. Trong nhà nóng quá, vài người ăn trưa ngoài hàng bẹ. Có người đem ghế ra dựa gốc cây hạnh, ngủ trưa ngay ngoài đường phố. Theo bóng mát của hàng cây, họ đi vào thành phố, không khuấy động giấc ngủ một ai. Họ đi thẳng vô nhà chung.

Người đàn bà lấy móng tay cào cào chấn song kim loại trên cửa, đợi một lát sau bà cào cào lần nữa. Có tiếng quạt máy chạy bên trong. Họ không nghe bước chân đi. Họ cũng khó nghe tiếng kéo kẹt thật mơ hồ của cánh cửa. Thành linh có tiếng hỏi giọng chăm chú, kể bên chấn song.

"Ai đó?"

Người đàn bà cố gắng nhìn qua chấn song.

"Tôi cần gặp vị linh mục," bà nói.

"Ngài đang ngủ."

"Đây là trường hợp khẩn cấp." người đàn bà nhấn mạnh. Giọng bà trầm tĩnh mà quyết liệt. Cánh cửa mở hé không một tiếng động. Một bà già béo ụt, da mặt trắng xanh, tóc màu sắt, hiện ra. Cặp mắt dường như quá nhỏ sau cặp kiếng dày cộm.

"Mời vào," bà nói rồi mở rộng cửa.

Họ vào trong một căn phòng vuông phẳng phất mùi hoa úa. Người đàn bà dẫn họ tới một cái ghế dài bằng cây, ra dấu biểu họ ngồi xuống. Đứa con gái ngồi xuống nhưng người mẹ vẫn đứng, trí mông lung, hai tay nắm chặt cái xách tay. Không một tiếng động nào ngoài tiếng quạt máy chạy. Người đàn bà kia hiện ra ở khung cửa đầu kia căn phòng.

"Ngài nói sau ba giờ bà hãy trở lại," bà ta nói thiệt nhỏ.

"Ngài ngả lưng mới được có năm phút."

"Xe lửa sẽ chạy lúc ba giờ rưỡi," người đàn bà nói. Câu trả lời chắc nịch và ngắn gọn, nhưng giọng vẫn giữ vẻ vui, thấp, trầm. Bà kia lần thứ nhất mỉm cười.

"Được rồi, "

Khi cánh cửa đằng đầu kia đóng lại lần nữa, người đàn bà ngồi xuống kế bên con gái. Phòng khách hẹp nhưng gọn gàng và sạch sẽ. Ở bên kia cái lan can thấp bằng cây chia hai gian phòng, có một cái bàn làm việc, bàn trống trơn phủ vải dầu, trên bàn để một cái máy đánh chữ cổ lỗ sĩ, kế bên là

một bình bông. Số khách viếng để ở đó. Ta có thể thấy ngay rằng đây là một văn phòng do một người đàn bà lỡ thời nào đó giữ cho ngăn nắp.

Cánh cửa đằng xa kia lại mở, lần này thì ông linh mục hiện ra, ông đang chùi kiếng bằng khăn mu-xoa. Khi đeo kiếng lên thì rõ ràng ông và người đàn bà nọ là anh em.

"Ta có thể giúp gì cho con?" ông hỏi.

"Chìa khóa nghĩa trang," người đàn bà nói. Đứa con gái vẫn còn ngồi, bó hoa đặt lên đùi, hai chân tréo nhau dưới gầm băng ghế. Vị linh mục ngó đứa trẻ rồi ngó người đàn bà, rồi ông nhìn qua lưới mắt cáo của cửa sổ. Bầu trời trong sáng, không một vân mây.

"Trong cái nắng này," ông nói " Con có thể đợi cho tới khi mặt trời xuống đây."

Người đàn bà lắc đầu, lặng thinh. Vị linh mục băng qua bên kia lan can, lấy trong tủ hồ sơ ra cuốn sổ bọc vải dầu, cây viết mực, bình mực rồi ngồi xuống bàn. Tay ông nhiều lông, nếu phải bù lại phần tóc trên đầu đã rụng, vẫn còn dư nhiều.

"Con muốn viếng mộ nào?" ông hỏi "Mộ của Carlos Centeno"

"Ai? "

"Carlos Centeno," người đàn bà lập lại..

Vị linh mục vẫn chưa hiểu.

"Nó là thằng ăn trộm bị giết chết tại đây tuần rồi," người đàn bà nói cùng một giọng và cùng âm điệu dùng này giờ. " Con là mẹ nó."

Vị linh mục ngó bà chằm bằm. Bà nhìn thẳng vào ông, lặng yên nhưng đầy tự chế. Vị cha xứ đỏ mặt. Ông cúi gằm xuống, bắt đầu viết. Khi điền

mẫu giấy, ông kêu người đàn bà xác định về mình, bà ta trả lời lưu loát, với nhiều chi tiết tỉ mỉ như là đang đọc những điều viết sẵn trên giấy. Vị cha xứ đổ mồ hôi hột.

Đứa con gái cởi khoen chiếc giày bên trái rồi rút gót ra để lên thành gát chân của băng ghế. Nó cũng làm như vậy với chân mặt. Chuyện xảy ra Thứ Hai tuần trước, vào lúc ba giờ sáng, cách đây chỉ mấy khu nhà thôi. Bà Rebecca, một bà góa, sống đơn độc trong căn nhà chứa đầy đồ lặt vặt cục lòn hòn của mình, nghe lẫn trong tiếng mưa bụi trên nóc còn có tiếng ai đó bên ngoài đang cố mở cửa vào nhà. Bà ngồi dậy, lục lọi cùng khắp tủ áo kiếm cây súng sáu cũ từ thời Đại Tá Rureliano Buendia tới giờ chưa được bắn lần nào. Bà đi thăm trở ra phòng khách, không vặn đèn. Tiếng động từ khóa cửa không ảnh hưởng trong vụ này bằng nỗi kinh hoàng sinh ra trong hai mươi tám năm sống lẻ loi. Bà tưởng tượng trong trí không phải chỉ vị trí cái cửa mà thôi, còn cả cái chiều cao chính xác của ổ khóa. Hai tay nắm chặt súng, nhắm mắt nhắm mũi bà bóp cò. Trong đời bà, đây là lần đầu tiên bà bắn súng. Ngay sau tiếng nổ bà không nghe gì hết ngoài tiếng mưa thì thăm trên mái nhà. Rồi bà nghe tiếng kim loại rớt trên thềm mái hiên tráng xi-măng, và một giọng thì thảo vui nhưng vô cùng yếu ớt, như là phều phào:

"Ôi, mẹ Ôi."

Sáng ra người ta thấy một thanh niên nằm chết trên hàng ba, mặt mũi nát bấy. Gã mặc chiếc áo nỉ mỏng có những lằn sọc màu, cái quần đã cũ, thắt lưng bằng một sợi dây lượt, đi chân trần. Không ai trong thành phố này biết gã.

"Vậy thì tên nó là Carlos Centeno," vị Cha Xứ nói nhỏ khi ông viết xong tờ giấy.

"Centeno Ayala," người đàn bà nói. " Nó là con trai độc nhất của tôi."

Vị linh mục đi về phía tủ hồ sơ Sau cánh cửa tủ có treo hai cái chìa khóa thiết bị đã rỉ sét; đứa con gái, cũng như mẹ nó ngày còn nhỏ-- và đôi khi vị linh mục nữa--từng tưởng tượng đây là chìa khóa của thánh Peter dùng mở cửa thiên đàng.

Ông đem xuống, đặt lên quyển sổ đang mở ra, nằm trên lan can, chỉ vào chỗ vừa mới viết trong khi ngó thẳng người đàn bà.

"Ký vào đây nè."

Người đàn bà viết ngoằn ngoèo tên mình, cái túi xách được cặp vô nách. Đứa con gái cầm bó hoa lên, đi đến gần mẹ, chân kéo lê trên mặt đất, nó nhìn mẹ nó chăm chú. Vị linh mục thở dài. " Con có bao giờ khuyên nó đi vào đường ngay nẻo chánh không?"

"Nó là một người tốt."

Người đàn bà trả lời khi ký tên xong. Vị linh mục nhìn bà ta rồi nhìn đứa con gái, rất kinh ngạc khi thấy họ không có vẻ gì muốn bật khóc. Người đàn bà tiếp theo bằng giọng nói như khi nãy:

" Con biếu nó đừng bao giờ ăn cắp những gì người ta cần để ăn, nó nghe lời. Mặt khác, trước đây, khi nó đã chôm thành thạo rồi, nó thường nằm liệt giường ba bốn ngày liền, bị đánh nhừ tử ấy mà!"

Đứa con gái xen vô:

"Răng cò ảnh rụng hết trơn."

"Vậy đó," Người đàn bà xác nhận. " Những lúc đó, mỗi miếng ăn tôi đều nghe mùi vị con mình bị đánh đập trong những đêm Thứ Bảy."

"Ý muốn của Thượng Đế thật khó hiểu," vị cha xứ nói.

Nhưng ông nói câu đó không với lòng xác tín bao nhiêu, một phần vì kinh nghiệm cho ông đôi chút hoài nghi, một phần vì trời oi bức quá. Ông khuyên họ che đầu để tránh ngã nắng. Ngáp dài, và bây giờ buồn ngủ tột độ, ông chỉ cho họ cách tìm tới chỗ nằm mờ của Carlos Centeno. Ông dặn họ khi trở lại, không cần gõ cửa, cứ việc để chìa khóa dưới cửa, và nếu có thể, hãy cúng cho Nhà Thờ chút ít. Người đàn bà chăm chú nghe ông chỉ dẫn, nhưng cảm ơn mà thiếu vắng nụ cười. Vị Cha Xứ thấy có người đang nhìn vào, mũi hần áp sát vào chấn song, ngay cả trước khi ông mở cửa ra đường. Bên ngoài là một nhóm trẻ con. Khi cửa mở rộng thì chúng chạy tán loạn. Thường ngày vào giờ này, đường phố không một bóng người. Bây giờ thì không phải chỉ trẻ con thôi. Có cả người lớn tùm năm tùm ba dưới mấy gốc hạnh. Vị Cha Xứ đảo mắt qua con đường đang lượn lờ trong hơi nóng. Ông hiểu ngay. Nhẹ nhàng ông đóng cửa lại..

"Đợi đây một lát,"

ông nói mà không nhìn mặt người đàn bà. Người chị của ông hiện ra nơi khung cửa đằng đầu kia, với một cái áo jacket đen mặc ngoài cái áo ngủ, tóc bà để xoa? xuống vai. Bà ta im lặng nhìn Cha Xứ.

"Chuyện gì vậy," ông hỏi.

"Dân chúng để ý rồi," bà chị thì thầm.

"Tốt hơn là bà đi ra theo cửa đằng patio," vị Cha Xứ nói.

"Phía đó cũng vậy thôi. Cửa sổ nào cũng có họ," người đàn bà kia nói.

Tới đây thì hình như người đàn bà kia đã hiểu. Bà ngó ra đường, xuyên qua chấn song. Bà đưa tay đỡ lấy bó hoa từ đứa con gái rồi bước ra phía cửa. Đứa con theo sau mẹ.

"Đợi mặt trời xuống đã nào!"

"Hai người sẽ bị chảy thành nước đó," bà kia tiếp theo trong khi vẫn đứng bất động từ phía đầu kia của gian phòng.

"Đợi! Tôi sẽ cho mượn cây dù."

"Cám ơn," người đàn bà trả lời. " Chúng tôi đi như thế này cũng được. Không sao. "

Bà nắm tay con, đi thẳng ra đường.

(Tháng 04/99, dịch theo bản tiếng Anh của J. S. Bernstein)

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Người Chết Trôi Đẹp Nhất Trần Gian

C

Thế là cả buổi chiều hôm ấy, chúng nghịch cái xác chết, hết đào lên lại chôn xuống cát. Bỗng có người nhìn thấy, kêu toáng lên cho mọi người hay biết, lúc ấy chúng mới chịu thôi. Những người đàn ông khiêng cái tử thi này về một ngôi nhà gần nhất đều kêu rằng, họ chưa hề khiêng một người chết nào nặng như thế và họ bảo với nhau rằng vì ngâm lâu dưới biển nên nước đã ngấm tới xương. Khi cái xác đã được đặt xuống sàn nhà, người ta nhận thấy đó là một cái xác to dùng chừa từng có bởi nó choáng gần hết gian nhà. Nhưng mọi người lại nghĩ rằng theo đặc tính tự nhiên của những tử thi chết trôi bao giờ nó cũng trương phình ra. chỉ có hình thù của nó cho phép người ta nhận ra đó là một cái thân người bởi vì da của nó được bao phủ bởi một lớp bùn mang màu xanh của biển.

Không cần phải rửa mặt cho anh ta cũng nhận ra anh là một người lạ mặt. Làng này chỉ có 20 nóc nhà lá, sân lung cùng những sỏi cùng đá chẳng có bồn hoa cũng không có cây ăn quả. Những ngôi nhà này được dựng trên một doi đất đã heo hút lại rất hẹp đến nỗi mỗi bận đi vắng, các bà mẹ đều lo gió thổi con mình ra biển. Làng hẹp đến nỗi không có đất để mai táng người chết và buộc phải ném tử thi xuống vực biển. nhưng biển ở đây rất hào hiệp và hiền lành đối với con người; vả lại đàn ông trong cái làng này không lấy gì làm đông lắm, chỉ cần 7 chiếc thuyền cũng vừa đủ chở họ. Do đó, khi có cái xác chết trôi này những người đàn ông trong làng đưa mắt nhìn nhau đã biết ngay trong số họ không thiếu một ai.

Đêm đó, đàn ông không đi biển. Họ vội tản đi các làng lân cận hỏi xem ở đó có người mất tích không. Đàn bà ở lại trông nom người chết trôi. họ lấy bã cối cọ thật sạch bùn cho người chết trôi, rồi lấy chiếc lược làm bằng đồi mồi gỡ hết rong biển bám vào tóc của anh ta. Trong lúc tắm gội cho người chết, các bà các chị thấy rằng rong rêu này là thứ chỉ có ở biển Thái Bình Dương và áo quần của anh ta rách bươm như thể anh ta đã bơi qua rừng san hô. Họ còn nhận ra rằng người chết trôi này rất kiêu hãnh bởi anh không mang biểu hiện cô đơn thường thấy ở những người chết trôi ngoài biển, cũng chẳng có biểu hiện gì là cầu cứu của những người chết đuối trong sông. Khi tắm gội cho người chết trôi này, mọi người bỗng nín thở im lặng vì nhận ra anh thuộc lớp người hiếm có không chỉ anh là người cao nhất, khéo nhất, dũng cảm nhất mà còn ngay khi ngắm nhìn anh, họ vẫn không tin được trong cuộc đời lại có người đàn ông đẹp đến thế...

Khắp cái làng này không có lấy một chiếc giường đủ rộng để anh nằm vừa, cũng chẳng có chiếc bàn nào chắc chắn đủ sức chịu nổi sức nặng của anh. Anh không mặc vừa quần áo của đàn ông làng này dù đó là quần diện ngày lễ của những người đàn ông cao to nhất, dù đó là sơ mi diện hằng ngày của những người đàn ông vạm vỡ nhất. Cả những đôi giày ngoại cỡ đóng đẹp nhất cũng không vừa chân anh. Cái cơ thể ngoại cỡ và đẹp đẽ đó của anh khiến các chị các cô khoái chí và thế là họ lấy luôn vải buồm may cho anh chiếc quần và một chiếc áo sơ mi để anh đi sang thế giới bên kia với tất cả niềm kiêu hãnh của mình. Ngồi thành vòng tròn, các chị vừa khâu quần áo, vừa ngắm nhìn anh và thốt nhiên nhận ra chưa bao giờ cơn gió lại gào thét như lúc này và biển Caribe cũng chưa bao giờ sôi động như đêm ấy, các chị đoán rằng những thay đổi bất thường của thiên nhiên là những điềm báo ít nhiều có liên quan đến người chết trôi này. Họ nghĩ rằng, nếu con người quý hóa ấy mà sống ở trong cái làng này thì nhà của anh hẳn phải có cửa rộng, trần cao, sàn chắc chắn nhất, giường nằm của anh hẳn phải rộng rãi vững chắc nhất và người vợ của anh hẳn phải là người phụ nữ hạnh phúc nhất. Họ lại nghĩ rằng anh là người có mãnh lực đến mức có thể gọi tên cá, cá phải nhảy lên khỏi biển; khơi dòng nước ngọt, nước ngọt phải

chảy ra ngay nơi chỉ có đá phèn, trồng hoa trên vách biển hoa phải nở... Họ thầm so sánh anh với chính các đức ông chồng của mình và cho rằng cái đám đàn ông ấy không có khả năng làm trong cả cái đời mình cái mà anh chỉ làm trong một đêm và tự đáy lòng mình các chị chán ngấy những con người đó, coi như họ là những sinh vật tởm lợm và vô vị trên mặt đất này. Bọn họ cứ mãi mê theo đuổi những ý nghĩ ma quái ấy cho tới khi có một cụ già nhất, mà vì là người già nhất nên cụ đã có thể bình tâm quan sát người chết trôi, bỗng thở dài nói:

- Người này có khuôn mặt của Êxtêban.

Đúng vậy, phần lớn chị em khi nghe nói nhìn lại người chết thêm một lần nữa đã không thể không nhận đó là Êxtêban. Nhưng các cô gái trẻ, vốn bướng bỉnh hơn, vẫn khẳng khẳng cho rằng nếu mặc quần áo tử tế cho anh, nếu đi giày màu vecni cho anh và nếu quàng cho anh rất nhiều hoa thì anh sẽ có cái tên là Lautêrô. Nhưng đó chỉ là ý tưởng tượng trống rỗng thôi. Do thiếu vải nên quần áo cắt cho anh đều không vừa. Chiếc quần đã cắt tồi lại may vụng nên anh mặc chật căng. Chiếc áo sơ mi vừa cài khuy xong thì cả hàng cúc đứt tung, dường như cái sức sống tiềm ẩn trong trái tim anh đã đứt đứt những chiếc cúc ấy. Sau nửa đêm, tiếng gió hú ngày một yếu dần và biển Caribe cũng ngày một lặng hơn. Trái lại căn phòng này bỗng trở nên ồn ào hơn bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa người chết trôi này chính là Êxtêban. Những chị đã mặc quần áo cho anh, những chị đã cắt móng tay cho anh, những chị đã chải đầu cho anh, không thể ghìm lòng mình được nữa khi buộc phải đặt anh xuống sàn nhà. Ngay lúc này, chị em mới hiểu rằng với tấm thân ngoại cỡ ấy, anh đã phải chịu bao nỗi bất hạnh, bất hạnh ngay cho đến khi đã chết.

Người ta buộc anh phải đi cửa bên khiến anh va phải bậc cửa đến bươu đầu, buộc anh phải đứng suốt buổi không biết làm gì với đôi bàn tay trắng hồng mềm mại khi bà chủ nhà tìm cái ghế đầu chắc chắn mời anh ngồi mà lòng thấp thỏm sợ ghế gãy: “Êtêban ơi! Hãy ngồi xuống đi! Làm ơn ngồi

xuống nào”, còn anh, lưng tựa vào tường, mặt mày hớn hờ: “ Bà ơi! Cứ để mặc cháu, cứ để cháu đứng thế này cũng được mà”, vẫn tựa lưng vào tường trên đôi chân đỏ hỏn và cái lưng đã chai ra do phải lạy đi lạy lại một động tác duy nhất trong tất cả các buổi thăm viếng hàng xóm, “ bà ơi! Bà đừng ngại, cứ để mặc cháu đứng thế này cũng được” ; mà hình như anh làm thế cốt để khỏi mang tiếng to xác ngồi gầy ghế nhà người ta và hầu như chẳng bao giờ anh để ý tới điều mà có những người khi đứng trước mặt anh thì mời mọc tha thiết: “Đừng đi vội Êxtêban nhé! Hãy đợi một lúc cho tới khi nào cà phê nóng đã”, nhưng khi anh vừa đi khỏi thì lại lẩm bẩm: “ thế là đã cút đi rồi cái thằng ngớ ngẩn to xác, sao mà tốt thế, cái thằng to đầu dễ thương”. Các bà nghĩ tới điều đó trước lúc trời gần sáng... Sau đó ít lâu, khi lấy khăn che mặt cho anh, các bà các chị thấy anh đã vĩnh viễn chết rồi, nom anh yếu ớt y hệt các đức ông chồng của mình và họ đã khóc anh bằng những dòng nước mắt chảy từ trái tim mình. Chính cô gái trẻ nhất đã khóc oà lên trước tiên. Những người đàn bà khác, do ảm ức mãi rồi, được thế cũng oà lên khóc theo, lúc đầu còn là những tiếng thở dài náo ruột sau đó là những tiếng than khóc, bởi cái người chết trôi ấy đối với họ ngày càng hiển nhiên là Êxtêban. Họ khóc anh mãi tới mức anh trở thành người cô đơn nhất thế gian, trở thành con người hiền lành nhất, con người tận tụy nhất, Êxtêban đáng thương! Họ cứ khóc rưng rức như vậy cho tới khi những người đàn ông trở về nói rằng: “ Người chết trôi này không phải là người của các làng lân cận. Thế là các bà, các chị, các cô cảm thấy một niềm vui lâng lâng giữa hai hàng nước mắt:

- Lạy chúa! - bọn họ nói - Đích thị là người của chúng ta rồi.

Những người đàn ông tin rằng đó chẳng qua chỉ là nỗi sợ thoáng qua của bọn đàn bà mà thôi. Đêm qua, do phải chạy đi hỏi các làng dân cận có người mất tích không, nên giờ đây họ đều mệt bã người. Họ chỉ mong trút bỏ ngay lập tức cảnh ồn ào như ong vỡ tổ do cái xác chết gầy ra trước lúc ông mặt trời lên cao tải nắng lửa xuống, nhất là trong cái ngày oi bức không một ngọn gió này. Bọn họ vội vàng lấy cột buồm buộc thành một cổ

đòn chắc chắn đảm bảo khiêng cái xác chết trôi này ra tới vực biển nơi làng thường “an táng” người chết của mình. Bọn họ còn muốn buộc thêm cái mỏ neo to vào củ khoai chân của xác chết để nó chìm hẳn xuống đáy biển, nơi cá phải mù mắt và những người thợ lặn giỏi nhất cũng không bao giờ lặn tới. Bằng cách này, họ nghĩ thế, dòng nước ngược không thể đẩy lại xác chết trở lại bãi biển như đã có một vài trường hợp trước đây từng xảy ra.

Song trong lúc đàn ông càng khẩn trương làm việc thì đàn bà bày vẽ đủ chuyện để làm mất thời gian. Hốt ha hốt hoảng như gà mẹ mất con, bọn đàn bà chạy tới lục trong rương hòm để tìm những chiếc bùa hộ mạng cho những người đi biển. Ở chỗ này mấy cô tranh nhau đeo cho anh những chiếc bùa cầu gió thuận, chỗ kia mấy bà tranh nhau đeo cho anh những chiếc vòng tay phước. Và sau nhiều lần quát tháo âm ỉ: hãy cút khỏi nơi đây, hãy tránh ra đằng kia, này, nhìn đây này, suýt nữa làm người ta ngã vào xác chết..., bọn đàn ông giận tràn hông và bắt đầu chửi bới vì sao lại đeo nhiều vòng quý cho người chết vô chủ này thế: à mà các bà không biết hẳn đeo nhiều như thế kia thì cá mập lại không biết đuổi theo rìa hết à. Mặc cho các ông muốn nói gì thì nói, các bà cứ tiếp tục đeo những trang sức quý của mình cho anh, cứ bằng nhặng đi qua lại va phải các ông. Lúc này các bà, các chị, các cô không khóc nữa mà chỉ đôi lúc bật ra những tiếng thở dài náo ruột. Chính điều này càng chọc tức bọn đàn ông hơn, khiến họ càng giận hơn, buộc họ phải nói: ở đây chưa từng có chuyện như thế chỉ vì một người chết trôi xa lạ, một cái xác vô chủ, một cửa thừa thiu thối. Ngay tức khắc, một bà không nén giận được, đã lật tung cái khăn che mặt của người chết và thế là cả đám đàn ông căm hòng im bật.

Đó là Êxtêban. Bọn đàn ông không thể nghi ngờ được nữa. Nếu như có ai đó nói với họ rằng đó là ngài Oantơ Ralix thì có lẽ chính họ hình dung ra ngài với thứ tiếng Anh nói giọng Mỹ của ngài, với khẩu súng săn và chú vẹt của ngài đậu trên vai, song đây lại là Êxtêban, một con người hiền lành trên thế gian này. Như con cá, anh nằm trên sàn nhà mặt chiếc quần chật ních, cái áo sơ mi phanh cúc, chân không quần xà cạp, móng chân anh thô

phải dùng dao mới cắt nổi. Chỉ cần nhìn mặt anh một lần là đã nhận ngay ra vẻ bên lề của anh, rằng anh không có tội gì ngoại trừ điều anh là người cao lớn quá, nặng quá, đẹp quá và nếu như anh biết trước sự thế sẽ diễn ra như thế này, anh đã tìm tới nơi thật bí mật để trầm mình, thật đấy, nói một cách nghiêm túc đấy. Sự hiện diện của anh là có thực, rất thực đến mức ngay cả những người đàn ông hay ngờ vực nhất, những người trong những đêm thanh vắng ở ngoài khơi đang héo ruột héo gan lo ở nhà vợ mình vì đợi họ no chán vẫn không thấy về, ao ước được chung chạ với những người chết trôi, chính những con người ấy và cả những người đàn ông sắt đá nhất cũng đã phải cúi lòng thật sự trước Êxtêban chân thành.

Rồi đám tang của Êxtêban được cử hành với nghi thức trọng thể nhất có thể có đối với một cái thây vô chủ. Những cô gái đi hái hoa ở các làng bên cạnh khi trở về đã mang theo một số bạn bè vốn không tin chuyện các cô kể; đến lượt những cô này, sau khi đã tận mắt nhìn thấy người chết trôi đẹp nhất trần gian, đi kiếm thêm hoa cho anh khi trở về lại kéo thêm nhiều cô khác.... cứ như vậy cho tới khi làng này đầy hoa và đông nghịt người đến nỗi không len chân nổi. Phút cuối cùng của tang lễ đã đến và mọi người không đành tâm đưa anh côi cút đi về thế giới bên kia nên làng chọn cho anh một ông bố và một bà mẹ trong số những cụ già được kính trọng nhất, một số người nhận là anh em ruột của anh, số khác nhận là chú, bác, cô, dì, cháu, chắt, là anh em họ với anh... Thế là nhờ đó có anh mà cả làng này bỗng chốc trở thành những người ruột thịt của nhau. Tít ngoài khơi xa, khi nghe thấy tiếng khóc đưa ma, có một số thủy thủ bỗng dưng mất phương hướng và người ta còn biết rằng trong số họ có một người khi nhớ tới câu chuyện những nàng tiên cá thưở xưa đã lấy thừng nhờ đồng đội trói mình vào cột buồm chính. Trong lúc tranh nhau khiêng người chết trôi đẹp nhất trần gian này, trước vẻ đẹp rực rỡ của anh, những người đàn ông, những người đàn bà lần đầu tiên cảm thấy những con đường chạy trong làng mình sao mà trống trải, nhận thấy những ước mơ của họ sao mà chật hẹp thế. Người ta ném người chết trôi xuống biển không cần buộc thêm mỏ neo để đề phòng khi anh muốn, hay khi nào anh muốn thì anh trở về với dân làng.

Chẳng cần phải nhìn nhau, dân làng cũng biết họ đã thiếu mất một người, rằng từ nay trở đi không bao giờ họ sẽ có anh bên cạnh. Nhưng họ lại nhận ra rằng, từ đây trở đi, tất thấy rồi sẽ khác đi, những ngôi nhà của họ rồi sẽ có cửa rộng, trần cao, sàn chắc để hồn Êxtêban dạo chơi khắp làng mà không va đầu vào bậu cửa, và trong tương lai sẽ không còn ai lăm bắm cái mồm, thế là đã chết rồi cái thằng ngổ to xác, thế là đã về châu tổ cái thằng ngổ xinh xinh, thật là đáng thương bởi chính họ sẽ là những người sơn quét lại tường nhà bằng những màu sắc vui mắt để mãi mãi kỷ niệm Êxtêban, và rồi chính họ sẽ phá hoang, khai dòng nước ngọt và trồng hoa trên vách đá vực biển, để một buổi mai nào đó, ngay giữa khơi, hành khách đi trên những con tàu khổng lồ bỗng thức dậy trong mùi hương nhài ngào ngạt, và chính cái sự kiện đó khiến vị thuyền trưởng trang trọng trong bộ đồng phục đắt tiền, ngực lấp lánh huân chương chiến công, một tay cầm ống nhòm, từ trên buồm chỉ huy bước xuống boong tàu, tay chỉ hòn cù lao nằm ở phía chân trời biển Caribê và nói bằng 14 thứ tiếng: hãy nhìn về phía đó, nơi mà lúc này cơn gió đang say ngủ dưới gập giường, ở đó, nơi mà giờ đây mặt trời đang chói chang toả rạng khiến hoa hướng dương phải lúng túng không biết hướng về ngả nào, chính nơi ấy là làng của Êxtêban.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Thiên Thần Gãy Cánh

Trịnh Tường chuyển ngữ T

Khi mưa đến ngày thứ ba, cua bò vào nhà nhiều đến nỗi Pelayo giết cũng không xuể nữa. Chàng phải lội qua khoảng sân trước nhà để ném chúng ra biển. Vì vợ chồng Pelayo mới sanh thằng con và họ nghi rằng chính vì mùi cua mà thằng bé bị sốt nặng cả đêm. Từ thứ Ba, thế giới buồn thảm đậm. Biển cũng như trời xám như tro, và bờ biển thường sáng long lanh trong những đêm tháng Ba, bây giờ nhầy nhụa những bùn và mùi cá chết. Dù giữa trưa, ánh sáng mặt trời cũng yếu ớt đến nỗi khi Pelayo sau khi ném lũ cua ra biển trở vào nhà cũng không nhận ra một đồng thù lù đang cựa quậy và rên rỉ ở sân sau. Chàng phải tiến lại thật gần mới nhận ra đó là một lão già lụ khụ đang nằm úp mặt xuống vũng bùn, và dù có cựa quậy thế nào đi nữa cũng không trở dậy nổi vì lão ta có một đôi cánh khổng lồ.

Kinh hoàng như gặp cơn ác mộng, Pelayo chạy vào gọi vợ, Elisenda, lúc đó đang đắp khăn ướt lên trán thằng nhỏ, ra xem. Hai vợ chồng đứng chờ ra nhìn hình thù quái lạ đang cựa quậy. Lão già trông như một người đi lượm rác. Đầu hói bóng, chỉ còn lưa thưa vài sợi tóc bạc, và vài chiếc răng lung lay còn sót lại. Trong tình trạng thảm hại này, nếu lão ta có được vẻ uy nghi nào thì cũng không còn nữa. Đôi cánh rộng như cánh chim ưng bắn thiu, cụp xuống, bị dính cứng vào đồng bùn. Cả hai vợ chồng đứng sững nhìn lão ta thật lâu và khi đã bình tĩnh trở lại, họ thấy ở lão ta một vẻ quen thuộc. Cả hai cùng cất tiếng hỏi, nhưng lão đáp lại bằng một thứ tiếng lạ, với giọng ồm ồm như những tay thủy thủ. Vợ chồng Pelayo cũng bớt sợ, và

cho rằng đây chỉ là một tay đi biển nào đó bị đắm tàu trôi dạt vào đây. Tuy vậy, họ cũng gọi bà hàng xóm thông thái của họ sang xem. Bà ta chỉ cần liếc qua là biết ngay họ đoán lầm.

"Thiên thần đấy," bà ta bảo họ với giọng quan trọng. "Chắc ông được phái xuống để chữa cho thằng nhỏ, nhưng chắc già yếu quá nên bị trận mưa làm cho rớt xuống đây luôn."

Ngày hôm sau, cả làng đều biết là có một thiên thần bằng xương bằng thịt đang bị nhốt trong nhà Pelayo. Dù bà hàng xóm cho biết là ngày nay thiên thần là những kẻ phạm tội trên thiên đình trốn đi, họ cũng không nhẫn tâm đập chết lão già. Cả buổi chiều hôm đó, chàng còn cẩn thận kéo lão ra khỏi đồng bùn, và nhốt vào chuồng gà. Cho đến nửa đêm, khi mưa dứt và cả hai vợ chồng Pelayo vẫn còn đang bận giết những con cua chạy lung tung trong nhà, bỗng thằng nhỏ tỉnh dậy, khoẻ khoắn như không, lại còn đòi ăn nữa. Hai vợ chồng bỗng thấy "lòng từ bi bất ngờ", và quyết định cho lão ta lên một chiếc bè với lương thực đủ cho ba ngày và thả lão ta ra đương đầu với biển cả. Nhưng khi sáng dậy, cả làng đã kéo đến bu quanh chuồng gà, vừa ngăm ngía vừa chọc ghẹo ông già không nể nang gì cả. Họ ném đồ ăn cho ông lão qua mắt lưới chuồng gà như đối với một con thú trong gánh xiệc, chứ không phải đối với một sinh vật siêu nhiên.

Linh mục Gonzaga đến trước bảy giờ sáng, vì ông cũng nghe được những tin đồn về sự việc lạ lùng vừa xảy ra. Vào lúc đó những kẻ hiếu kỳ lúc sớm đã bỏ đi hết, những người mới đến sau xúm lại bàn tán chỉ trỏ lung tung, người thì cho rằng lão nên được bầu làm chủ tịch của cả thế giới. Những người khác cho rằng ông ta phải làm một ông tướng năm sao để có thể thắng được mọi trận chiến. Vài kẻ mộng mơ lại nghĩ rằng nên cho ông già này vào lò ngựa giống để có thể tạo ra một giống người thông minh, có cánh để chinh phục thế giới. Nhưng cha Gonzaga, trước khi thành một linh mục, hành nghề thợ rừng cho nên rất thực tế, ông phải ngăm ngía xem nên dụng văn hay dụng võ. Song le, vì "cha là linh mục" cho nên khi đứng bên

chuồng gà ông duyệt lại bộ giáo luật và bảo đám người bu xung quanh mở chuồng cho ông "vào trận". Ông nhìn lão già đáng thương đang nằm như một con gà khổng lồ bình hoạn giữa đám gà con ngơ ngác. Lão ta nằm trong góc chuồng phơi đôi cánh giữa đồng vỏ trái cây và thức ăn sáng còn dư do những người đến từ sáng sớm ném vào. Lạc lõng với thế giới loài người, lão chỉ mở đôi mắt xanh ngắt màu nước biển, và lăm băm thứ tiếng lạ khi cha Gonzaga cất tiếng chào bằng tiếng La-tinh. Ông cha xứ bỗng dâm nghi cái hình thù trước mặt vì lão ta không hiểu được ngôn ngữ của Thượng Đế, và không biết cách chào vị chủ chăn chút nào hết. Càng nhìn kỹ, ông càng thấy ông già không có chút gì "thiên thần" hết: mùi hôi nồng nặc bốc lên vì nhiều ngày không tắm rửa, đôi cánh bị đầy bọ bám vào, và những chiếc lông vũ bị gió thổi làm xơ xác cả. Sau khi nghiên cứu xong ông bước ra và cảnh cáo đám dân hiếu kỳ không được tưởng tượng ra những điều quái lạ. Ông cũng nhắc cho họ nhớ là quỷ sứ thường mượn các trò như đoàn xiếc để lừa bịp dân khờ.

Ông lý luận rằng nếu đôi cánh không phải là yếu tố chính để phân biệt một con chim và một chiếc máy bay, thì cũng khó nhận ra được một thiên thần chỉ vì đôi cánh. Song le, ông cũng hứa sẽ viết thư cho Cha Bề Trên để Đức Cha sẽ chuyển lên dần cho đến Đức Giáo Hoàng để xem ngài phán như thế nào.

Sự cẩn thận của cha xứ cũng chỉ vô ích cũng như phúc âm gieo vào những kẻ cứng lòng. Tin một thiên thần bị bắt truyền đi mau lẹ, và chỉ trong vài giờ, sân trước nhà Pelayo đã biến thành một cái chợ ồn ào, huyên náo đến nỗi người ta phải gửi lính mang lưỡi lê đến giữ trật tự khi đám đông tràn vào như muốn xô xập căn nhà. Elisenda, sau khi phải còng lưng quét dọn rác, nẩy ra sáng kiến làm hàng rào quanh nhà, và bán vé vào cửa mỗi người 5 xu để xem thiên thần.

Những kẻ hiếu kỳ từ mọi nơi xa đều đến xem. Lúc đó có một đoàn xiếc từ xa đến, có màn trình diễn đu bay nhưng chẳng ai thèm xem cả vì cánh

bay của họ không phải là cánh thật. Những kẻ tàn tật, bất hạnh đến xin thuốc chữa bệnh: một người đàn bà nghèo bị bệnh cứ đếm nhịp tim của mình từ lúc mới sinh ra và đã đếm hết cả số rồi; một người Bồ Đào Nha bị mất ngủ vì âm thanh của những vì sao quá ồn ào; một kẻ mộng du cứ đêm đêm thức dậy phá hết những gì ban ngày hắn làm được; và còn nhiều những kẻ khác bị bệnh nhẹ hơn. Đoàn người hành hương hỗn độn, ồn ào khiến cho trái đất rung động, nhưng Pelayo và Elisenda vừa mệt vừa vui, vì chỉ trong vòng chưa đến một tuần họ đã chất tiền vô đầy nhà, trong khi đoàn hành hương vẫn còn dài dằng dặc cho đến mãi chân trời.

Trong lúc thiên hạ chen rộn, bọn bệu mua vé vào xem thiên thần như xem diễn viên đóng trò thì thiên thần vẫn mặc kệ. Ông dùng hết thì giờ cố làm sao cho được thoải mái trong "cõi tạm" chuồng gà nóng như quỷ vì những ngọn đèn dầu, và những ngọn nến thánh đặt dọc theo cửa chuồng. Lúc đầu họ thử cho lão ăn những cục long não, vì theo bà hàng xóm thông-thái, long não là thức ăn chính của thiên thần. Nhưng lão không chịu ăn, cũng như không ăn những thức ăn dành cho các bậc tu hành do những kẻ đang ăn năn tội lỗi mang tới. Và họ cũng không thể hiểu nổi không biết vì lão là thiên thần, hay chỉ là một ông già mà cuối cùng lão cũng chỉ ăn những nụ cà pháo. Lão dường như chỉ có một đức hạnh siêu nhiên ấy là sự kiên nhẫn chịu đựng, nhất là trong những ngày đầu khi những con gà mái mổ vào đôi cánh to sù của lão để tìm những con bọ chết bám đầy trong đó, và khi những kẻ tật nguyên kéo những chiếc lông cánh để thoa vào chỗ tật nguyên của họ; ngay cả khi có những tên độc ác ném đá vào mình lão cố làm cho lão đứng dậy để xem hình thù thế nào. Chỉ có một lần họ thành công khi dí một thanh sắt nung nóng, vì lão cứ nằm bất động trong hàng giờ khiến họ nghĩ rằng lão đã chết. Nhưng lão choàng tỉnh dậy, gừ lên những tiếng lạ, và đôi mắt thì đăm lẹ, rồi vỗ vỗ đôi cánh khiến cho một cơn trốt đầy phân gà, và bụi kèm theo một cơn gió kinh hoàng dường như chưa có trên quả đất bao giờ làm cho họ kinh hoàng. Mặc dù nhiều người cho rằng phản ứng này của lão chỉ vì đau chứ không phải vì giận, họ cũng cần

thận không dám chọc lão nữa, vì đa số hiểu rằng sự thụ động này không phải của một vị anh hùng sa cơ mà là của ngọn núi lửa đang bị đè nén.

Cha Gonzaga phải dùng chiêu chiều chuộng đám đông như một người tổ gái để ngăn đám đông đừng làm thêm những hành động bất kính, cho đến khi nhận được phán quyết cuối cùng của Giáo Hoàng về số phận của "lão thiên thần". Nhưng thư từ La-Mã không có gì lộ vẻ khẩn trương cả. Họ nhẩn nha tìm hiểu xem lão có lỗ rốn hay không, ngôn ngữ của lão có dính dáng đến tiếng Aramic, hay chỉ là một người Na-Uy có cánh. Những lá thư này có lẽ sẽ tiếp tục cho đến khi tận thế nếu không có một biến cố khác xảy ra cắt đi cái bệnh nhức đầu ông cha xứ mắc phải từ khi thiên thần mắc đọa.

Trong suốt thời gian đó, ngoài các gánh hát đến rồi đi, có một cuộc trình diễn của một người đàn bà bị biến thành một con nhện nhện vì không vâng lời cha mẹ. Vé vào cửa cũng bằng vé vào xem thiên-thần-mắc đọa, nhưng người ta được hỏi bà này và được sờ mó từ đầu đến chân để chứng thực là bà ta bị biến hình thật sự. Bà ta là một con nhện đầu người, to bằng một con cừu đực. Nhưng điều làm cho người ta náo lòng nhất không phải vì hình dáng của bà ta mà vì sự đau khổ thành khẩn khi bà ta kể lại chi tiết về nỗi bất hạnh bà phải chịu. Khi còn là một cô bé, cô ta đã trốn nhà đi "nhót". Khi về nhà, sau khi đã nhảy suốt đêm mà không xin phép cha mẹ, cô đi qua một cánh rừng, bỗng một tiếng sấm nổ vang vé bầu trời ra làm hai, và cô bị sét đánh hóa thành một con nhện. Thức ăn của bà ta bây giờ là những viên thịt mà những kẻ hảo tâm quăng vào miệng. Một cảnh tượng như thế, đầy chất "người", và mang một bài học đáng sợ đến thế gần gũi với loài người hơn, và dĩ nhiên, "show" thiên thần không ăn khách nữa. Thêm vào đó, một vài phép lạ xảy ra từ "lão thiên thần" cho thấy lão tâm trí không được bình thường. Một kẻ mù không sáng mắt được mà mọc ra ba cái răng mới, hoặc kẻ què không đi được lại trúng số, và người cùi không hết bệnh mà những vết loét lại trở những bông hoa hương dương. Những phép lạ này làm cho lão thần tiên mất hết tiếng tăm khi bà nhện xuất hiện. Khi đó cha Gonzaga

mới thực sự hết mất ngủ, và gia đình Pelayo mới trở lại bình thường, vắng vẻ như trong ba ngày mưa dầm với lũ cua bò lúc nhúc trong nhà.

Tuy vậy, chủ nhà cũng chẳng có gì tiếc nuối. Họ đã có đủ tiền để cất một căn nhà hai tầng có ban-công, có vườn, có hàng rào cao ngăn không cho lũ cua lọt vào nhà trong mùa đông, và cửa sổ có song sắt để ngăn không cho ông lão chui vào. Pelayo xây một trại nuôi thỏ gần phố, và bỏ nghề làm phú-lít vĩnh viễn. Elisenda cũng sắm sửa giày cao gót, áo sa-teng, quần lụa lèo để mặc trong những ngày chủ nhật như những người đàn bà khác thời bấy giờ. Chuồng gà là nơi duy nhất không được tu bổ gì hết. Nếu họ có quét dọn bằng dầu thơm, hay xông trầm đều đều, không phải vì họ kính nể gì ông già mà vì phân dính đầy tứ tung, mùi hôi thối không thể tả cứ ám vào căn nhà mới sẽ làm cho nó cũ đi. Nhưng dần dần họ hết sợ, và dần dần quen với mùi khó chịu đó. Trước khi thằng nhỏ mọc chiếc răng thứ hai, nó lẫm chẫm đi vào chuồng gà để chơi, vì các song chắn đã xiêu vẹo, rụng rơi cả rồi. Lão thiên thần cũng chả tỏ vẻ gì thân mật với nó hơn đối với những sinh vật khác, nhưng lão chấp nhận sự nghịch ngợm vô tư của thằng nhỏ với sự kiên nhẫn của một con chó không có một ảo tưởng nào cả. Cả hai đều bị bệnh đậu gà cùng một lúc. Vị bác sĩ chữa cho thằng nhỏ không ngăn được tính tò mò cố nghe tim thiên thần xem nó đập như thế nào, nhưng ông ta chỉ nghe được những tiếng kêu rù rù trong quả tim, và hàng chục thứ tiếng khác nhau trong trái thận, khiến ông không thể tin là lão có thể sống được. Điều làm cho vị bác sĩ ngạc nhiên nhất là đôi cánh. Nó dính vào xác thịt lão già một cách tự nhiên đến nỗi ông ta tự hỏi tại sao những người khác không thể có được.

Khi thằng nhỏ đến tuổi đi học, thời gian và mưa nắng làm cho chuồng gà sụp đổ. Lão ta đi lê thê trong vườn từ nơi này sang nơi nọ như một bóng ma trời. Thường sau khi dùng chổi quét lão ta từ trong buồng ngủ ra, lại thấy lão ở trống rỗng. Dường như lão có thể có mặt tại nhiều nơi trong cùng một lúc đến nỗi họ tin rằng lão có phép phân thân làm Elisenda khó chịu như phải sống trong một địa ngục đầy những thiên thần. Hầu như lão không

ăn uống gì cả, và đôi mắt màu xanh nước biển lúc nào cũng như phủ một lớp sương mờ làm cho lão ta hết va đầu vào cột này lại đâm đầu vào cột khác. Quần áo lão đã rách nát hết, chỉ còn trơ trọi những sợi lông khiến cho Pelayo phải cho lão một tấm mền và động lòng trắc ẩn cho lão ngủ trong nhà kho, và chỉ khi đó họ mới biết lão bị sốt về đêm, và cứ lâu lâu thứ tiếng khó nghe như của một lão già người Na Uy. Có đôi lần họ tưởng rằng lão "đi đứt rồi". Ngay cả bà hàng xóm thông-thái cũng không biết phải làm sao với một cái xác thiên thần.

Nhưng không những lão "qua hết một mùa đông" mà còn khoẻ ra trong những ngày nắng ấm. Lão vẫn nằm bất động trong vại ngày ở tận một góc vườn nơi ít người để ý. Khi tháng Chạp bắt đầu, một vài chiếc lông vũ mọc trở lại trên đôi cánh, những sợi lông cứng như lông quạ lại càng làm tăng thêm nỗi thảm hại trên một thân hình tiều tụy. Nhưng lão hẳn biết nguyên do của những sự thay đổi này, vì lão rất cẩn thận không để ai chú ý tới, cũng như bài hát về biển lão thường ngân nga dưới những vì sao. Một buổi sáng kia, khi Elisenda đang thái những củ hành cho bữa ăn trưa, thì một cơn gió dường như từ biển thổi vào trong bếp. Nàng chạy ra cửa sổ và bắt gặp lão đang vỗ cánh tập bay, nhưng rất vụng về vì khi té xuống móng tay lão cào thành những luống dài trên những liếp rau, đôi lần suýt nữa làm sụp luôn nhà kho vì đôi cánh chưa đủ sức cản gió. Nhưng sau một lúc lão bay lên được. Nàng thở ra một hơi nhẹ nhõm cho chính nàng, và cho cả lão nữa khi nàng thấy lão từ từ bay bay khuất khỏi những căn nhà cuối cùng với đôi cánh đập như cánh chim ưng. Nàng tiếp tục nhìn theo cho đến khi không còn nhìn thấy nữa, bởi vì lão không còn là một nỗi khó chịu trong đời nàng, mà chỉ như một chấm tường tượng ở cuối chân trời.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Những Người Hành Hương Kỳ Lạ

P

MỤC LỤC

Chúc Tổng Thống Thượng Lộ Bình An Vị Thánh Chờ Phong Người
Đẹp Ngủ Yên Suốt Chuyến Bay Dài Giữa Đời Đêm Bán Chiêm Bao "Tôi
Đến Đây Chỉ Để Gọi Điện Thoại Thôi Mà"

Bóng Ma Tháng Tám Maria Dos Prazeres Mười Bảy Người Anh Bị
Ngộ Độc Tramontana, Cơn Gió Chướng Lạ Kỳ Mùa Hè Hạnh Phúc Của Cô
Forbes Ánh Sáng Giống Như Làn Nước Dầu Máu Hồng Trên Tuyết Trắng
Từ Madrid Đến Paris

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Tự Ngôn

Tại sao tuyển tập này gồm 12 truyện ngắn với tựa đề Những người hành hương kì lạ?

T

Mười hai truyện ngắn trong tập sách này đã được viết ra trong khoảng mười tám năm vừa qua. Trước khi đạt đến hình dáng hiện nay, năm trong số các truyện này đã xuất hiện dưới hình thức các truyện ngắn trên nhật báo và các kịch bản; một truyện vốn là truyện phim truyền hình. Mười lăm năm trước, tôi kể lại một truyện khác trong một cuộc phỏng vấn thu âm cho một người bạn đã biên tập và xuất bản và bây giờ tôi viết lại truyện đó dựa trên bản văn của anh. Đây quả là một kinh nghiệm sáng tạo lạ lùng cần được giải thích, dầu chỉ để cho các cháu bé đang mơ ước lớn lên làm nhà văn, sẽ hiểu được phần nào cái thói quen và ham muốn viết lách nó cằn cỗi thô thiển và nghiệt ngã đối với người đã trót mang nghiệp dĩ, đến thế nào.

Ý tưởng cho truyện đầu tiên đến với tôi vào những năm đầu 1970, kết quả của một giấc mộng khai ngộ tôi đã gặp sau khi sống tại Barcelona trong năm năm. Tôi nằm mộng thấy mình đang dự đám tang của chính mình, cùng đi với một nhóm bạn mặc tang phục long trọng nhưng phong thái lại giống như đi vào ngày hội. Tất cả chúng tôi đều có vẻ hạnh phúc, vui thích được ở bên nhau. Nhất là tôi, càng thấy vui thích hơn bất kỳ người nào khác, bởi vì cơ may hiếm có nhờ cái chết đã cho tôi được gặp mặt tất cả bạn bè từ châu Mỹ La Tinh, các bạn bè cũ thân thiết nhất của tôi, những người mà từ lâu tôi không được gặp lại. Cuối cuộc tang lễ, khi họ

bắt đầu tản mát, tôi cũng định rời đi nhưng một người trong bọn cho tôi thấy với ý đồ dứt khoát, rõ ràng là đối với riêng phần tôi, cuộc vui đã qua rồi. "Anh là người duy nhất không được đi đâu" anh ta nói. Chỉ khi đó tôi mới hiểu rằng chết có nghĩa là không bao giờ gặp mặt bạn bè nữa.

Không biết sao, nhưng tôi đã giải thích giấc mộng tiêu biểu đó như là một cuộc rà soát ý thức về lý lịch của chính mình và tôi nghĩ, đây là một khởi điểm tốt để viết về những điều kỳ lạ đã xảy ra cho đám người châu Mỹ la tinh sống tại Châu Âu. Đó là một khám phá đầy khích lệ, bởi vì tôi vừa mới hoàn tất quyển Mùa thu của vị Trưởng lão, tác phẩm nhiều khó khăn và phiêu lưu nhất của tôi và tôi còn phân vân chưa biết nên đi đâu từ nơi đó.

Trong vòng hai năm tôi đã ghi chú về những đề tài truyện khi chúng chợt hiện đến trong đầu óc tôi nhưng đã không thể quyết định nên làm gì với chúng. Vì tôi không có một quyển sổ tay ghi chú để sẵn tại nhà trong cái đêm tôi quyết định khởi đầu đó các con tôi cho tôi mượn một trong các quyển tập của chúng. Và trong các cuộc du hành thường xuyên của chúng tôi, các con tôi đã mang cuốn sổ ghi chú đó trong cặp đi học của chúng, sợ nó có thể bị thất lạc. Tôi đã thu thập sáu mươi bốn ý tưởng với rất nhiều chú thích rất chi tiết đến độ tôi chỉ còn cần viết ra mà thôi Năm 1974, khi tôi từ Barcelona trở về Mexico, điều trở nên hiển nhiên đối với tôi là quyển sách đó không thể là một thiên tiểu thuyết như có vẻ là thế trong lúc đầu, mà đúng hơn là một tập hợp những truyện ngắn dựa trên những sự kiện thu thập từ báo chí, có thể được cứu rỗi khỏi số phận tử vong bằng những phương cách ảo diệu của thi ca. Tôi đã xuất bản ba tập truyện ngắn nhưng không có tập nào được thai nghén và sáng tác như một toàn bộ. Trái lại, mỗi truyện đều đã là một mảnh rời, tự lập và tình cờ ngẫu hứng. Và do đó, việc viết ra sáu mươi bốn ý tưởng về các câu truyện đó hẳn đã là một cuộc phiêu lưu đầy hứng thú nếu tôi có thể viết ra một mạch tất cả những truyện đó, với một tính nhất quán nội tại trong văn điệu và văn phong có thể làm cho chúng trở thành bất khả phân ly trong trí nhớ của độc giả.

Tôi sáng tác hai truyện đầu - "Dấu máu của nàng trên tuyết" và "Mùa hè hạnh phúc của cô Forbes" - năm 1976 và liền sau đó cho đăng trên nhiều phụ trang văn chương tại nhiều nước. Tiếp tục làm việc không ngừng nghỉ, nhưng giữa chừng truyện thứ ba, truyện về đám tang của chính mình, tôi cảm thấy mệt mỏi nhiều hơn là nếu tôi để công sức vào một quyển tiểu thuyết. Điều đó cũng xảy ra với truyện thứ tư. Thật ra tôi không còn đủ sức lực để hoàn tất chúng. Bây giờ tôi biết tại sao: Cố gắng cần có để viết một truyện ngắn cũng mãnh liệt như bắt đầu một tiểu thuyết, nơi mà tất cả mọi điều đều cần phải được xác định ngay trong dòng đầu tiên: cấu trúc, văn điệu, văn phong, ngữ điệu, độ dài, và đôi khi cả tính cách của nhân vật. Tất cả cái còn lại chỉ là niềm vui của viết lách, niềm vui thân thiết nhất và cô đơn nhất mà con người có thể tưởng tượng được và nếu suốt cả phần còn lại của một đời người không được dùng để chữa đi chữa lại một cuốn tiểu thuyết, chính là vì cái đòi hỏi phải kết thúc một thiên truyện cũng còn cào thô thúc như cái đòi hỏi phải khởi đầu nó. Nhưng một câu truyện lại không có khởi đầu, cũng không có kết thúc. Nó trót lọt hay không, thế thôi. Và nếu coi mọi nó không trót lọt thì kinh nghiệm viết văn của tôi cũng như kinh nghiệm của nhiều người khác, chỉ ra rằng trong đa số trường hợp, tốt hơn là ta nên bắt đầu lại theo một hướng khác, hoặc là ném truyện đó vào sọt rác. Có ai đó, tôi không nhớ tên, đã phát ngôn một câu rất đáng khích lệ "Các nhà văn hay thường được đánh giá qua những gì họ xé bỏ hơn là qua những gì họ in ra ra". Đúng là tôi đã không xé bỏ những bản thảo và ghi chú lúc đầu, nhưng tôi đã làm một việc còn tệ hơn: Tôi ném chúng vào trong quên lãng. Chẳng một dấu vết nào. Lời giải thích duy nhất có thể chấp nhận được, có thể là trong những chiến dịch hủy diệt ba cái đám giấy má hổ lốn thường xuyên của tôi, quyển tập bất hạnh kia đã lưu lạc vào đám giấy phế liệu mất tiêu rồi.

Phản ứng của chính mình khiến tôi ngạc nhiên: Đề tài tôi đã bỏ quên gần bốn năm qua lại trở thành một vấn đề danh dự. Trong một toan tính thu hồi lại chúng bằng bất cứ giá nào và lao động đầy nhiệt tình như khi viết lách, tôi cố xoay xở để kiến tạo lại các ghi chú cho ba mươi truyện ngắn.

Bởi vì sự cố gắng căng thẳng để nhớ lại đã tác động như một cuộc thử thách nơi luyện ngục để thanh lọc, tôi đã loại bỏ không thương xót những cái nào xét ra không đáng được cứu rỗi và sau khi sàng lọc chỉ còn lại mười tám. Lần này tôi quyết định viết không ngừng nghỉ, nhưng tôi sớm nhận ra rằng tôi đã đánh mất nhiệt tình đối với chúng.

Và ngược lại với điều tôi thường khuyên các nhà văn trẻ, tôi đã không vất chúng đi. Thay vì thế, tôi xếp lại hồ sơ của chúng thôi. Chính là trường hợp ở đây.

Khi tôi bắt đầu viết ký sự về một cái chết được báo trước, năm 1979, tôi xác định sự kiện là trong những khoảng thời gian xả hơi giữa các quyển sách, tôi dễ bị mất đi thói quen viết lách và càng lúc càng trở nên khó hơn cho tôi để bắt đầu trở lại. Đó là lý do tại sao, trong khoảng giữa 1980 và tháng ba 1984 tôi bị bắt buộc phải viết hàng tuần một bài xã luận cho các tờ báo tại nhiều quốc gia khác nhau, như một thứ kỷ luật, để luôn giữ cho vũ khí của mình còn sắc bén. Rồi tôi lại nhận thấy là trong cuộc chiến đấu với chất liệu trong quyển sổ ghi chú đó vẫn còn một vấn đề về các thể loại văn chương và đúng ra chúng nên là các bài báo, chứ không phải truyện. Trừ một điều là sau khi in năm bài, căn cứ trên quyển sổ ghi chú đó, tôi lại đổi ý một lần nữa. Mấy bài đó đem viết thành truyện phim có lẽ hay hơn. Năm kịch bản và một truyện phim truyền hình nhiều kỳ đã được soạn ra bằng cách đó.

Điều tôi không hề tiên liệu đó là việc làm báo và phim đã thay đổi một vài ý tưởng của tôi về các truyện đó, đến nỗi giờ đây khi tôi viết chúng trong hình thức cuối cùng này, tôi phải rất thận trọng tách rời các ý tưởng của chính tôi, bằng một cái nhíp, với những ý tưởng từ các vĩ giám đốc kia đã gợi ra cho tôi trong khi tôi viết các kịch bản. Trong thực tế, việc tôi cộng tác cùng lúc với năm người sáng tạo khác nhau đã gợi ra một phương pháp khác để viết truyện. Tôi nên khởi đầu một truyện khi tôi có thời gian để

làm, ngừng lại để đó, khi tôi cảm thấy mệt mỏi hoặc một dự án bất ngờ nào chợt xuất hiện, và rồi bắt đầu một truyện khác.

Trong khoảng chừng một năm, sáu trong số mười tám đề tài đã rơi vào sọt rác, trong số đó có truyện về đám tang của tôi, bởi vì tôi đã không bao giờ tái tạo được cái không khí liên hoan chè chén từng bừng như từng xuất hiện trong giấc mộng của tôi. Các truyện còn lại, tuy thế, lại có vẻ hứa hẹn sẵn sàng bắt đầu một đời sống dài lâu.

Đó là mười hai truyện trong sách này. Tháng chín vừa qua, sau thêm hai năm làm việc liên tục, chúng đã sẵn sàng để chào đời. Và thế là cuộc hành hương hầu như vô tận của chúng lui tới các sọt giấy vụn đã có thể kết thúc nếu tôi không bị gặm nhấm bởi mối nghi ngờ cuối cùng ở giờ thứ mười một. Vì tôi đã mô tả các đô thị ở châu Âu - bối cảnh cho các truyện xảy ra - từ trí nhớ đã khá xa xôi, tôi muốn kiểm chứng lại tính chính xác trong hồi ức của tôi sau hai mươi năm xa cách, và tôi đã làm một cuộc hành trình nhanh chóng để làm quen lại với Barcelona, Geneva, Rome và Paris.

Không một nơi nào trong các đô thị đó còn liên quan đến các hồi tưởng của tôi. Qua bao tang thương dâu bể, tất cả các đô thị đó, cũng như cá châu Âu ngày nay, đã trở nên lạ lẫm. Những hồi ức thực sự hình như đã trở nên những bóng ma trong khi những hồi tưởng giả trá lại đầy sức thuyết phục đến độ chúng thay thế cho thực tại. Điều này có nghĩa là tôi đã không thể nhìn rõ được lẫn ranh phân cách giữa ảo mộng chán chường và niềm hoài niệm quá khứ. Đây là một giải pháp dứt khoát.

Cuối cùng tôi đã tìm được điều tôi cần thiết để hoàn thành tác phẩm, điều duy nhất mà sự trôi qua của bao năm tháng có thể đem lại một viễn tượng về thời gian.

truyện từ đầu trong tám tháng lên cơn sốt và nhờ vào lòng nghi ngờ hữu ích rằng có lẽ không có cái gì mà tôi đã trải qua trong hai mươi năm trước ở châu Âu là thực, tôi đã không phải tự hỏi nơi đâu cuộc đời kết thúc và

tưởng tượng bắt đầu. Rồi thì viết lách trở nên trơn tuột đến độ đôi khi tôi cảm thấy như tôi đang viết chỉ vì tôi thích kể lại một câu truyện, có thể là về thân phận con người, rất giống với việc bay lên lơ lửng bằng sức mạnh siêu nhiên. Vì tôi làm việc với tất cả các truyện cùng lúc và cảm thấy mình tự do nhảy tới nhảy lui từ truyện này đến truyện khác, tôi đạt đến tia nhìn tổng quan; điều đó đã cứu thoát tôi khỏi sự rã rời phải bắt đầu mãi lại từ đầu và giúp tôi theo dấu những khoảng nhàn cư vô bổ và những mâu thuẫn chết người. Điều này, theo tôi nghĩ, đã giúp tôi kết thúc tập truyện theo sát nhất với câu truyện mà tôi vẫn mong viết ra.

Giờ đây món ăn tinh thần này đã sẵn sàng để được dọn ra bàn sao khi lang thang hết nơi này đến nơi khác, đấu tranh để tồn tại với bao nhiêu cảnh bất trắc. Tất cả các truyện, trừ hai truyện đầu, đều được hoàn tất cùng lúc và mỗi truyện mang ngày tháng tôi bắt đầu viết. Thứ tự các truyện trong lần xuất bản này giống như thứ tự xuất hiện trong sổ ghi chú.

Tôi vẫn thường nghĩ rằng mỗi phiên bản sau của một truyện phải tốt hơn phiên bản trước đó. Nếu thế thì làm sao ta biết được phiên bản nào là phiên bản cuối cùng, hoàn hảo nhất? Cũng giống như cách người đầu bếp biết lúc nào món xúp vừa ăn nhất, đây là một bí quyết nghề nghiệp không tuân theo qui luật của lý trí nhưng theo một thứ ma thuật của bản năng. Tuy nhiên, trong trường hợp này, tôi sẽ không đọc lại chúng, giống như tôi chưa hề đọc lại bất cứ tác phẩm nào khác của mình vì sợ rằng mình sẽ ân hận. Những độc giả mới sẽ biết nên làm gì với chúng. May mắn là, đối với những người hành hương kỳ lạ này, kết thúc cuộc đời nơi giỏ rác cũng giống như niềm vui trở lại quê nhà.

Khi tôi trở về từ cuộc hành trình may mắn đó, tôi viết lại tất cả các truyện từ đầu trong tám tháng lên cơn sốt và nhờ vào lòng nghi ngờ hữu ích rằng có lẽ không có cái gì mà tôi đã trải qua trong hai mươi năm trước ở Châu Âu là thực tôi đã không phải tự hỏi nơi đâu cuộc đời kết thúc và tưởng tượng bắt đầu. Rồi thì viết lách trở nên trơn tuột đến độ đôi khi tôi

cảm thấy như tôi đang viết chỉ vì tôi thích kể lại một câu truyện, có thể là về thân phận con người, rất giống với việc bay lên lơ lửng bằng sức mạnh siêu nhiên. Vì tôi làm việc với tất cả các truyện cùng lúc và cảm thấy mình tự do nhảy tới nhảy lui từ truyện này đến truyện khác, tôi đạt đến tia nhìn tổng quan; điều đó đã cứu thoát tôi khỏi sự rã rời phải bắt đầu mãi lại từ đầu và giúp tôi theo dấu những khoảng nhàn cư vô bổ và những mâu thuẫn chết người. Điều này, theo tôi nghĩ, đã giúp tôi kết thúc tập truyện theo sát nhất với câu truyện mà tôi vẫn mong viết ra.

Giờ đây món ăn tinh thần này đã sẵn sàng để được dọn ra bàn sau khi lang thang hết nơi này đến nơi khác, đấu tranh để tồn tại với bao nhiêu cảnh bất trắc. Tất cả các truyện, trừ hai truyện đầu, đều được hoàn tất cùng lúc và mỗi truyện mang ngày tháng tôi bắt đầu viết. Thứ tự các truyện trong lần xuất bản này giống như thứ tự xuất hiện trong sổ ghi chú.

Tôi vẫn thường nghĩ rằng mỗi phiên bản sau của một truyện phải tốt hơn phiên bản trước đó. Nếu thế thì làm sao ta biết được phiên bản nào là phiên bản cuối cùng, hoàn hảo nhất? Cũng giống như cách người đầu bếp biết lúc nào món xúp vừa ăn nhất, đây là một bí quyết nghề nghiệp không tuân theo qui luật của lý trí nhưng theo một thứ ma thuật của bản năng. Tuy nhiên, trong trường hợp này, tôi sẽ không đọc lại chúng, giống như tôi chưa hề đọc lại bất cứ tác phẩm nào khác của mình vì sợ rằng mình sẽ ân hận. Những độc giả mới sẽ biết nên làm gì với chúng. May mắn là, đối với những người hành hương kỳ lạ này, kết thúc cuộc đời nơi giỏ rác cũng giống như niềm vui trở lại quê nhà.

Gabriel Garcia Marquez Cartagena de Indas Tháng tư 1992

Một cựu tổng thống vùng Caribe bệnh tật, sống ẩn dật ở Geneva, được một tài xế xe cứu thương đầy tham vọng và bà vợ cứng đầu của anh ta làm bạn.

Anh chàng Margarito Duarte từ vùng rừng núi Andes xứ Colombia đến Rome với một cái hộp có hình dáng và kích thước của một cái đựng cây trung hồ cầm để dâng lên đức Giáo Hoàng những gì đựng trong đó.

Một người đàn bà mang chiếc nhẫn hình rắn với mắt màu ngọc bích kiểu Ai Cập và chỉ được biết qua cái tên cô Frieda do đám sinh viên châu Mỹ La tinh đặt cho, sống bằng nghề rao bán các giấc mộng của mình cho các gia đình giàu có.

Một cô ca sĩ Mẽ Tây Cơ xinh đẹp trên đường về thành phố Barcelona, xe bị hỏng và do những ngẫu nhiên lạ lùng của số mệnh, đã phải kết thúc cuộc đời trong một bệnh viện tâm thần.

Ở Toscane, một gia đình đi nghỉ hè đến thăm một lâu đài thời Phục Hưng bây giờ do một nhà văn danh tiếng Venezuela sở hữu và đã gặp bóng ma của người chủ lâu đài mấy trăm năm trước, một hiệp sĩ đã tự tìm lấy cái chết thê thảm do tuyệt vọng vì tình.

Maria dos Prazeres, một thời từng là nàng kiêu nữ giang hồ quyến rũ nhất ở Barcelona, nằm mộng thấy thần chết xuất hiện, vì thế bà ta bắt đầu hoạch định kế hoạch cho đám tang của chính mình.

Một góa phụ trang phục theo kiểu Thánh Francis, dong thuyền từ Argentina đến Rome để gặp đức Giáo Hoàng.

Một cậu thiếu niên đến trai vùng Caribê hóa điên nơi đất Tây Ban Nha.

Một cô gia sư người Đức đã hủy hoại mùa hè vì những qui luật khắc khe do cô đặt ra và rồi đã tự hủy hoại chính mình.

Billy Sanchez mang bà vợ có bầu với vết thương trên ngón tay đeo nhẫn, đến nhà thương và rồi chẳng bao giờ thấy lại nàng.

Một lần nữa, qua tuyển tập truyện ngắn đầy lôi cuốn này, Gabriel Garcia Marquez mời gọi chúng ta đi vào những thế giới uy nghiêm và huyền ảo đầy tính ma thuật, từ đó chúng ta trôi lên nhưng vẫn mãi bị vướng vẩn bởi bao khoảng thời gian mông lung hòa quyện vào nhau.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Chúc Tổng Thống Thượng Lộ Bình An

Ông ta ngồi trên chiếc băng gỗ dưới những tán lá vàng của một công viên vắng người, ngắm nhìn những con thiên nga lấm bụi, với cả đôi tay tì lên chỗ tay cầm bịt bạc của cây can và trầm tư về nỗi chết. Nhớ lại lần đầu ông đến Geneva, nước hồ vẫn tịch nhiên, trong vắt, với những chú chim mòng biển dạn dĩ đến mổ thức ăn trên tay người và những phụ nữ cho thuê thân xác, giống những bóng ma vào lúc sáu giờ chiều với trang phục vải phin sóng và dù lụa cầm tay. Giờ đây, người phụ nữ duy nhất mà ông nhìn thấy là cô gái bán hoa trên cầu tàu hoang vắng. Thật khó tin rằng thời gian có thể tạo nên bao hoang phế đến thế, chẳng những cho đời ông mà còn cho cả cõi trần gian.

Đã có một thời ông mai danh ẩn tích hơn bây giờ, nơi một thành phố đầy những kẻ mai danh ẩn tích từng lừng danh thiên hạ. Ông mặc bộ đồ xanh sậm có sọc, áo veste có hoa văn kim tuyến và đội mũ nhọn của một quan tòa về hưu. Ông ta có bộ râu ngạo mạn của một chàng ngự lâm quân, tóc xanh đen dày dợn sóng trông đầy vẻ lãng mạn, đôi bàn tay của nhạc sĩ hạc cầm với chiếc nhẫn cưới ở ngón tay đeo nhẫn bên trái và đôi mắt ánh lên vẻ tươi vui. Chỉ có làn da khô mét đã phản trắc tố cáo tình trạng sức khỏe của ông. Dầu thế, ở tuổi bảy mươi ba, vẻ thanh lịch nơi ông vẫn còn đầy phong độ. Nhưng sáng hôm đó, ông cảm thấy vượt xa khỏi mọi cám dỗ phù hoa. Những năm tháng vinh quang và quyền lực đã vĩnh viễn rơi lại sau lưng; giờ đây, chỉ còn lại những năm tháng đợi chờ cái chết.

Ông đã phải trở lại Geneva sau hai cuộc thế chiến để tìm câu trả lời dứt khoát cho căn bệnh lạ của mình mà các bác sĩ ở Martinique đã không chẩn

đoán được. Ông đã dự định chỉ ở lại nhiều lắm là hai tuần, nhưng đã mất đi gần sáu tuần lễ cho những cuộc chẩn bệnh quá mức mệt mỏi mà không đưa đến kết luận dứt khoát nào và trước mắt chưa thể thấy lúc nào kết thúc.

Đám thầy thuốc tìm căn bệnh của ông nổi giận, nơi mặt, nơi thận, nơi tuyến tụy rồi tuyến tiền liệt, bất cứ nơi nào mà chẳng biết chắc được nơi đâu. Cho đến cái ngày thứ năm đầy cay đắng đó, khi ông có cuộc hẹn lúc 9 giờ sáng ở khoa thần kinh liệu pháp với vị bác sĩ kém danh tiếng nhất trong số bao nhiêu bác sĩ đã chẩn bệnh cho ông.

Phòng mạch giống như phòng tĩnh tâm của một thầy tu; vị bác sĩ nhỏ người và trang nghiêm đeo một vòng đúc kim loại ở ngón tay cái bị gãy nơi tay phải của ông. Khi ánh sáng tắt đi, tia X quang rọi cột sống được chiếu sáng lên màn hình, nhưng ông đã không nhận ra đó là cột sống của chính mình cho đến khi vị bác sĩ dùng que chỉ vào chỗ nối giữa hai đốt sống dưới ngực ông.

"Ông đau ở đây nè" bác sĩ phán.

Nhưng ông đâu thấy có chuyện đơn giản như thế. Cơn đau của ông thường bất chợt và xảo quyệt; có lúc như ở nơi xương sườn bên phải, có lúc như ở bụng dưới và thường khi chộp bắt lấy ông với vết đâm bất ngờ nơi háng. Bác sĩ lặng yên nghe ông nói, que chỉ bất động trên màn hình. "Đó là lý do tại sao nó tránh né chúng ta lâu đến thế" ông ta nói. "Nhưng bây giờ thì ta biết nó ở đây". Rồi bác sĩ đặt ngón tay trở vào trán mình và tuyên bố một cách chính xác:

"Nói một cách chặt chẽ nhất, thưa Tổng thống, ông đau ở đây".

Phong cách điều dưỡng của ông đầy kịch tính đến độ câu phán quyết cuối cùng có vẻ đầy lòng trắc ẩn: Ngài Tổng thống phải qua một cuộc phẫu thuật nguy hiểm, nhưng không thể không làm. Ông hỏi có bao nhiêu phần

rủi ro và vị thầy thuốc già bao bọc ông trong ánh sáng mờ lung: "Chúng ta không thể nói chắc", bác sĩ trả lời.

Cho đến một khoảng thời gian ngắn mới đây thôi, ông giải thích, mức độ rủi ro của những sự cố có tính định mệnh là khá lớn và ngay cả sự nguy hiểm của các loại thuốc mê ở các mức độ khác nhau càng lớn hơn. Nhưng với những tiến bộ y học được thực hiện trong hai cuộc thế chiến, những lo sợ đó đã thuộc về quá khứ.

"Đừng lo lắng quá", bác sĩ kết luận. "Thu xếp mọi việc của Ngài cho đâu ra đấy rồi hãy đến gặp chúng tôi. Nhưng đừng quên nhé, càng sớm càng tốt".

Ngày hôm đó chẳng phải là một buổi sáng đẹp trời để dễ tiêu hóa cái tin dữ ấy, một điều tồi tệ nhất có thể xảy đến. Ông đã rời khách sạn rất sớm mà không mang áo khoác, vì ông thấy một mặt trời rực rỡ chói chang qua cửa sổ và ông đã tản bộ bằng những bước đều đặn từ Con Đường Nắng Đẹp (Chemin du Beau Soleil - tiếng Pháp trong nguyên tác) nơi có bệnh viện, đến chỗ trú ẩn cho các đôi tình nhân lén lút, vườn hoa Ăng Lê. Ông đã ở đó hơn một tiếng đồng hồ, chẳng nghĩ về điều gì khác hơn là cái chết, khi mùa thu bắt đầu. Mặt hồ trở nên xao động như mặt biển cuồn cuộn và một cơn gió dữ xua bầy chim mòng biển bay tan tác trong kinh hoàng và giật tung những chiếc lá cuối cùng. Ngài Tổng Thống đứng lên và thay vì mua một bông cúc dại nơi người bán hoa, ông lại ngắt một đóa hoa từ vườn hoa công cộng để cài vào ve áo. Cô bán hoa bắt gặp quả tang hành vi bất chính đó của ông ta.

"Hoa đó đâu phải của chùa, thưa ông", cô ta nói đầy tức giận. "Đó là tài sản của thành phố".

Ông lờ đi và sải bước nhẹ để lãng ra xa, nắm cái can ở đoạn giữa và thỉnh thoảng xoay xoay nó với vẻ phóng khoáng nhàn du. Trên cầu Bạch Sơn (Pont du Mont Blanc), hiệu kỳ của các Hội Đoàn vật vã quay cuồng vì

một cơn gió giật bất ngờ, đang được gấp rút hạ xuống; dòng suối phun duyên dáng mang vương miện sỏi bọt đã bị cho ngừng phun sớm hơn thường lệ. Ngài Tổng thống không nhận ra được cái quán cà phê quen thuộc trên cầu tàu nữa, vì họ đã buông tấm bạt màu xanh phủ xuống lối vào và cái sân thượng đầy hoa trong mùa hè đã được khép kín. Bên trong, ánh sáng được thả lên giữa ban ngày, một ban tứ tấu đàn dây đang chơi một nhạc khúc mang đầy tính linh cảm của Mozart. Ngài Tổng thống rút một tờ nhật báo từ giá sách báo dành cho khách hàng, treo mũ và cây cần trên móc treo, để cặp kiếng gọng vàng ở cái bàn hẻo lánh nhất; xong đâu đấy, ông mới chợt nhận thấy rằng mùa thu đã đến tự bao giờ.

Ông bắt đầu đọc trang thời sự quốc tế, nơi thỉnh thoảng ông bắt gặp một mẩu tin hiếm hoi từ các quốc gia châu Mỹ và ông tiếp tục đọc lại từ cuối bài lên đầu bài cho đến khi cô tiếp viên mang đến cho ông chai nước khoáng Evian hàng ngày. Tuân theo lời dặn của bác sĩ, ông đã bỏ thói quen uống cà phê từ hơn ba mươi năm nay, nhưng ông lại nói: "Nếu mà biết chắc rằng mình sắp đi châu ông bà ông vải thì có lẽ mình đã uống cà phê lại từ lâu".

Có lẽ cũng đã đến thời điểm rồi đấy.

"Cho tôi ly cà phê nữa" ông gọi bằng một thứ tiếng Pháp sành sỏi. Và nêu rõ đặc điểm mà không lưu ý đến ý nghĩa mập mờ nước đôi trong lời nói của mình. "Kiểu Ý nhé, đủ mạnh để đánh thức dậy người chết".

Ông uống cà phê không đường, từng ngụm nhỏ, xong dốc ngược cốc xuống đĩa để cặn cà phê có đủ thời gian viết ra định mệnh đời ông, sau bao nhiêu năm lãng quên nghi thức đó. Cái hương vị xa xưa chợt tìm lại được trong một lúc đã cứu ông thoát khỏi những ý tưởng ảm đạm. Khoảnh khắc tiếp sau đó, như thể do tác động của cùng một thứ ma lực, ông linh cảm có một người nào đó đang nhìn mình. Ông lật trang báo và một động tác bình thường, rồi liếc mắt qua phía trên tròng kính, thấy một gã đàn ông xanh

xao, có vẻ bất an, đội mũ thể thao và mặt áo jacket bằng da cừu; gã ta tức thời nhìn lảng qua phía khác, khiến ánh mắt đôi bên không chạm nhau.

Khuôn mặt gã trông quen quen. Hai người đã từng gặp nhau nhiều lần ở phòng đợi của bệnh viện, ông đã từng có dịp gặp gã ấy cỡi xe mô tô trên đường dạo quanh bờ hồ khi ông đang ngắm đàn thiên nga, nhưng chưa bao giờ ông cảm thấy là mình bị nhận diện. Tuy nhiên, ông vẫn không loại trừ ý tưởng rằng đó là một trong những ảo giác dẫn vật của kiếp lưu đày.

Ông ung dung đọc hết tờ báo, thả hồn bênh bồng trên những tấu khúc trung hồ cầm diễm lệ của Brahms cho đến khi cơn đau đớn mạnh hơn tính gây mê của âm nhạc. Lúc đó ông nhìn vào cái đồng hồ quả quýt bằng vàng mà ông mang trong túi áo veste, lấy ra hai viên thuốc an thần, uống với ngụm nước khoáng Evian cuối cùng. Trước khi cất cặp kính lão, ông giải đoán số mệnh mình trên vết cặn cà phê, chợt cảm thấy một thoáng rung mình lạnh buốt: ông nhìn thấy điềm bất trắc nơi đó. Cuối cùng ông trả tiền, để lại tí tiền còm "pourboire"; lấy can và mũ khỏi giá treo, và đi ra đường, không nhìn gã kia, kẻ đang chăm chăm theo dõi ông. Ông đi xa dần bằng bước tản bộ nhàn du quanh các luống hoa bị cơn gió dập vùi và nghĩ mình đã thoát khỏi ma lực của điềm gỡ. Nhưng đúng lúc đó, ông nghe tiếng bước chân sau lưng mình rồi dừng lại, khi ông vòng đến một ngã tư và đang xoay người nửa vòng. Gã đàn ông đang đi theo ông phải khựng lại để tránh va chạm và đôi mắt ngờ ngàng của y nhìn ông chỉ cách trong gang tấc.

"Thưa Tổng thống", y thì thầm.

"Hãy nói với những kẻ chi tiền cho anh rằng chúng đừng vội mừng", ngài Tổng thống bảo, không mất đi nụ cười và vẻ duyên dáng trong lời nói. "Sức khỏe của ta tuyệt lắm".

"Không ai biết điều đó rõ hơn tôi đây" gã kia đáp, bị sụm xuống bởi sức nặng của vẻ uy nghi đường bệ toát ra từ ngài Tổng thống. "Tôi làm việc ở bệnh viện mà".

Cách phát âm, nhịp điệu giọng nói, và ngay cả vẻ rụt rè nơi y, đặc mùi Caribê.

"Người không nói với ta người là bác sĩ đấy chứ", ngài Tổng thống nói mỉa.

"Không dám đâu, thưa Tổng thống. Tôi chỉ là một tài xế xe cứu thương".

"Ồ, ta xin lỗi", Tổng thống đáp lời, biết chắc là mình lầm.

"Chắc công việc đó cực nhọc lắm".

"Đâu có thấm gì so với trọng trách của ngài, thưa Tổng thống" Ông nhìn thẳng vào hân ta, tì cả hai tay lên cây can và thật tình lưu tâm hỏi y:

"Anh từ đâu đến?".

"Từ vùng Caribê".

"Ta biết điều ấy rồi", Tổng thống nói. "Nhưng mà từ xứ nào?".

"Cùng xứ sở với ngài, thưa Tổng thống" y nói và lễ phép đưa tay ra. "Tên tôi là Homero Rey".

Ngài Tổng thống ngắt lời y trong sự ngạc nhiên, không rời bàn tay anh ta.

"Chà" ông nói "Cái tên nghe hay quá".

Homero thở phào nhẹ nhõm.

"Đúng ra là" y nói tiếp "Homero Rey de la Casa - Tôi là Homero, vua trong nhà tôi".

Một ngọn gió lạnh như dao cắt ập vào người họ, lơ lửng giữa đường phố. Ngài Tổng thống run rẩy buốt thấu xương và biết rằng nếu không có áo khoác, ông sẽ không thể đi qua hết hai dãy phố để đến nhà hàng bình dân, nơi ông thường dùng bữa.

"Anh bạn ăn trưa chưa?" ông hỏi.

"Tôi không bao giờ ăn trưa" Homero trả lời "Tôi chỉ ăn một bữa tối tại nhà tôi".

"Hôm nay phá lệ một bữa vậy" ông ta nói, cố gây cảm tình.

"Tôi mời anh hôm nay nhé".

Ông dắt tay anh ta đi về nhà hàng ăn bên kia đường, với bảng hiệu mạ vàng tên tấm bạt che: Le Boeuf Couronné (Con Bò Mang Vương Miện). Bên trong chật hẹp nhưng ấm cúng và có vẻ như không còn bàn trống. Homero Rey ngạc nhiên vì không ai nhận ra ngài Tổng thống, anh đi sâu vào trong tìm người giúp cho chỗ ngồi.

"Có phải ông ta là Quyền Tổng thống không?" ông chủ quán hỏi.

"Không" Homero đáp. "Đã bị lật đổ".

Chủ quán mỉm cười đồng tình.

"Đối với các quý vị đó, tôi luôn luôn có một bàn đặc biệt dành cho họ".

Chủ quán dẫn họ đến một cái bàn biệt lập phía sau phòng, nơi họ có thể nói chuyện riêng tư tùy thích. Tổng thống cảm ơn ông ta.

"Không mấy ai nhận thức được như Ngài về phẩm cách của kiếp lưu vong" ông ta nói.

Món đặc biệt của quán là Sườn bò nướng vỉ. Ngài Tổng thống và vị khách mới liếc nhìn xung quanh và thấy những miếng sườn to tướng nướng cháy sém cạnh với mỡ bao quanh ở các bàn kia. "Món này hầu xực đây", Tổng thống thì thầm.

" Nhưng tôi không được phép xơi nó". Ông nhìn Homero với đôi mắt tinh nghịch và đổi giọng:

"Thực ra, tôi không được phép xơi bất cứ thứ gì".

"Bác sĩ cũng cấm ngài uống cà phê nữa cơ mà", Homero nói, "nhưng ngài vẫn cứ uống đấy".

"Anh có nhận thấy điều ấy à?" Tổng thống nói. "Nhưng hôm nay mình phá lệ vì là một ngày đặc biệt mà".

Cà phê không phải là chuyện phá lệ duy nhất của ông ta ngày hôm đó. Ông còn kê món sườn bò nướng vỉ, một đĩa xà lách tươi trộn với một ít dầu ô liu. Người khách của ông cũng kê cùng món đó và nửa bình rượu chát. "Tôi nhớ cái này rõ lắm", ông nói "Dầu chuyện này như là đã xảy ra cả ngàn năm trước đây; bức ảnh này chụp ở buồng lái máy bay đang bay trên bầu trời San Cristobal de Las Cesas".

"Đó là thành phố quê hương của tôi" Homero nói, và gã chỉ vào hình của mình trong đám đông. "Tôi đây nè".

Ngài Tổng thống nhận ra gã.

"Lúc đó anh hãy còn là một chú nhóc".

"Gần như thế", gã nói "Tôi theo ngài suốt cuộc vận động tranh cử ở miền Nam, với tư cách là người cầm đầu tổng đoàn sinh viên".

Ngài Tổng thống dự kiến cách tiếp cận.

"Tiếc rằng tôi lại đã chẳng lưu ý đến anh lúc đó" ông nói.

"Không hề chi, ngài tử tế quá", Homero đáp. "Bởi vì chúng tôi đông thế, làm sao ngài có thể nhớ hết".

"Và rồi sau đó?".

"Ngài biết điều đó rõ hơn ai mà", Homero nói. "Sau cú binh biến, điều kỳ diệu là cả hai chúng ta lại ngồi đây, sẵn sàng để ngốn hết nửa con bò. Không mấy người được may mắn như chúng ta đâu". Đúng lúc đó thức ăn được mang đến bàn họ.

Tổng thống thắt cái khăn ăn lên cổ, giống như trẻ con mang yếm và nhận ra vẻ ngạc nhiên thầm lặng nơi người khách.

"Nếu tôi không làm thế này, tôi sẽ làm hỏng một chiếc cà vạt ở mỗi bữa ăn" ông giải thích. Trước khi bắt đầu, ông thưởng thức mùi gia vị của món ăn, gật gù tỏ vẻ hài lòng, rồi trở lại câu chuyện đề tài bỏ dở.

"Điều tôi không hiểu", ông nói "là tại sao anh không tiếp cận tôi sớm hơn, thay vì theo dấu tôi như một con chó săn".

Homero bảo rằng gã đã nhận ra ông từ lúc thấy ông đi vào bệnh viện qua cánh cửa dành riêng cho những ca thật đặc biệt.

Đó là lúc vào giữa mùa hè và ông đang mặc một bộ complet ba mảnh bằng dạ vùng Antilles, mang giày đen trắng, một bông cúc đại trên ve áo và mái tóc đẹp của ông bông bênh trong gió.

Homero biết được rằng, ông ở một mình tại Geneva, không một ai giúp đỡ, vì ngài Tổng thống biết rõ thành phố này, nơi ông đã từng theo học và tốt nghiệp khoa Luật. Theo yêu cầu của ông, ban quản lý bệnh viện đã có những biện pháp nội bộ cần thiết để bảo đảm sự ẩn danh tuyệt đối cho ông.

Chính trong đêm đó, Homero và vợ y đồng lòng cảm thông với ông. Và trong năm tuần lễ, y đã theo sát ông, chờ dịp thuận tiện, và có lẽ đã không dám nói, nếu ngài Tổng thống không chạm trán y.

"Tôi vui mừng được như vậy mặc dầu sự thật là tôi thấy ở một mình cũng chẳng có gì phiền".

"Không phải thế đâu".

"Tại sao?" Tổng thống hỏi một cách thành thực "Chiến thắng vĩ đại nhất đời tôi là đã làm mọi người quên tôi đi".

"Chúng tôi còn nhớ ngài hơn là ngài tư ở ng" Homero nói, không giấu vẻ xúc động. "Thật là vui khi thấy ngài như vậy, vẫn trẻ và khỏe".

"Và tuy thế" ông nói mà không làm ra vẻ bi kịch "Mọi sự đều chứng tỏ là tôi sắp đi t oong ngày một ngày hai đây?".

"Cơ hội bình phục của ngài có rất nhiều hy vọng mà" Homero nói.

Ngài Tổng thống thoáng ngạc nhiên, nhưng không đánh mất ý thức hài hước.

"Ồ i trời!" Ông than thở "Bộ điều lệ về bí mật y học đã bị bãi bỏ ở cái đất nước Thụy Sĩ xinh đẹp này rồi hay sao?".

"Chẳng có bí mật nào cả đối với một tài xế xe cứu thương, ở bất cứ bệnh viện nào, bất cứ nơi đâu trên thế giới này cả, thưa Ngài." Homero nói.

"Ồ, điều tôi biết đây, tôi đã moi ra cách đây đúng hai giờ từ miệng của người duy nhất có thể biết được điều đó".

"Dẫu sao đi nữa, ngài cũng sẽ không chết một cách vô ích" Homero nói "Sẽ có người phục hưng Ngài vào đúng vị trí cao cả của Ngài, như một biểu tượng của Danh dự".

Ngài Tổng thống làm bộ ngạc nhiên, khôì hài:

"Cám ơn đã sưởi ấm lòng ta" ông nói.

Ông ăn uống cũng giống như ông làm mọi việc khác: không hấp tấp vội vã, rất cẩn trọng. Khi làm như thế, ông nhìn thẳng vào mắt Homero và anh chàng trẻ tuổi có ấn tượng như là có thể thấy được người lớn tuổi của mình đang nghĩ gì. Sau một cuộc đối thoại đầy những gợi cảm hoài hương, nụ cười của Ngài Tổng thống bỗng trở nên ma mĩnh.

"Tôi đã hạ quyết tâm là đừng có băn khoăn gì về cái tử thi của mình" ông nói "nhưng giờ đây, tôi thấy rằng tôi phải lưu tâm kỹ như trong một truyện trinh thám, để giữ kín chuyện đó"

"Chuyện đó chẳng có lợi gì đâu" đến lượt Homero đùa "ở bệnh viện, chẳng có bí ẩn nào được giữ kín quá một tiếng đồng hồ".

Khi uống hết cà phê. Tổng thống đọc ở đáy ly và ông lại rùng mình - Thông điệp vẫn như cũ - Và chẳng cách biểu hiện của ông cũng không thay đổi - ông trả tiền, bằng tiền mặt, nhưng cẩn thận kiểm tra lại tổng số tiền đến năm lần bảy lượt, đếm tới đếm lui tiền của mình với sự thận trọng quá đáng và để lại tiền "pourboire" chỉ vừa đáng để người hầu bàn khịt mũi, nhăn mặt.

"Thật là vui", ông kết luận khi từ biệt Homero. "Tôi chưa hẹn sẽ giải phẫu ngày nào và tôi cũng chưa quyết định xem có nên giải phẫu hay không. Nhưng nếu mọi chuyện xuôi chèo mát mái thì chúng ta sẽ lại gặp nhau".

"Và tại sao chúng ta lại không gặp nhau trước lúc đó?".

Homero nói: "Lazara, vợ tôi, thường nấu ăn cho những người giàu có. Không ai làm món cơm tôm ngon lành hơn cô ta. Chúng tôi rất hân hạnh mời Ngài đến nhà dùng cơm tối trong một ngày gần đây thôi".

"Tôi không được phép dùng nó, nhưng tôi sẽ rất sung sướng được ăn món đó", ông nói: "Cho tôi biết lúc nào đi".

"Thứ năm hàng tuần tôi được nghỉ" Homero đáp.

"Tuyệt đấy" Ngài Tổng thống nói.

"Thứ năm lúc bảy giờ tối, tôi sẽ có mặt tại nhà anh. Sẽ vui lắm đấy".

"Tôi sẽ đến đón Ngài" Homero nói: "Nhà Khách Quý Bà, số 14, đường Công Nghiệp. Đằng sau nhà ga. Đồng ý chứ?".

"Đồng ý!" Tổng thống nói và đứng dậy, trông duyên dáng hơn bao giờ hết. "Có vẻ như anh còn biết cả kích cỡ giày của tôi nữa".

"Tất nhiên, thưa Ngài". Homero nói với vẻ thích thú "Cỡ bốn mươi mốt".

Có điều Homero Rey không nói cho ngài Tổng thống biết, nhưng sau đó nhiều năm, y lại kể rành mạch cho bất kỳ ai muốn nghe, đó là, ý định ban đầu của y chẳng phải gây thơ vô tội tí nào. Cũng giống như những tài xế xe cứu thương khác, y cũng thu xếp với mấy đám nhà táng và các công ty bảo hiểm nhân thọ để bán dịch vụ trong bệnh viện, nhất là với các bệnh nhân nước ngoài mà tình trạng tài chính có phần eo hẹp. Mỗi lợi nhỏ nhoi thôi mà còn phải chia năm xẻ bảy với đám nhân viên khác luôn rình mò quanh hồ sơ mật của những bệnh nhân nguy kịch. Nhưng dầu sao thì cũng có còn hơn không đối với một kẻ sống lưu vong, không tương lai, phải xoay xở để nuôi sống một vợ hai con bằng đồng lương mạt hạng (rẻ như bèo).

Lazara Davis, vợ anh ta, có đầu óc thực tế hơn. Là một cô gái lai ở San Juan, Puerto Rico, cô ta nhỏ người nhưng rắn chắc, da màu nước đường trắng, đôi mắt chồn cái biểu lộ rõ nét tính tình của cô ta. Họ đã gặp nhau tại phòng cứu tế của bệnh viện, nơi cô ta đã làm việc như người trợ lý tổng vụ

cho một nhà tài chánh đồng hương của mình; ông này đang mang cô theo đến Geneva để làm điều dưỡng viên, đã bỏ cô trôi dạt trong thành phố này. Cô và Homero đã kết hôn theo lễ nghi Công giáo, mặc dầu cô vốn là một công chúa của Yoruhan và họ đã sống trong một căn hộ có hai phòng ngủ ở tầng thứ tám của một building không có thang máy, phần lớn người cư ngụ là đám di dân từ các nước Phi Châu - Barbara, đưa con gái đầu lòng lên chín tuổi và Lazaro, đưa con trai bảy tuổi của họ có vài dấu hiệu trí tuệ ở dạng còn nhẹ.

Lazara Davis thông minh, tính tình cáu bẳn, nhưng nàng có trái tim dịu dàng. Cô ta tự coi mình là một mạng Kim Ngưu điển hình và tin tưởng mù quáng vào những diềm triệu đầy mê tín. Tuy vậy, nàng vẫn chưa hề có thể thực hiện được ước mơ kiếm sống bằng cách là một chiêm tinh gia cho các nhà tỉ phú.

Nhưng mặt khác, thỉnh thoảng nàng cũng đem lại những đóng góp tài chánh cho gia đình, đôi khi cũng là một khoản tiền đáng kể, nhờ nấu tiệc cho các bà chủ giàu muốn gây ấn tượng cho thực khách bằng cách cho họ tưởng rằng chính các bà đã nấu nướng các món ăn lạ miệng kiểu Antilles. Sự rụt rè của Homero làm anh ta khốn khổ, nhưng anh ta cũng chẳng có tham vọng nào hơn ngoài khoản tiền nhỏ nhoi mà anh kiếm được, song Lazara không thể quan niệm đời sống thiếu chàng ta vì sự hồn nhiên của tâm hồn chàng và sự ân ái của chàng. Mọi chuyện đã suôn sẻ đối với họ, nhưng cuộc sống mỗi năm càng khó khăn hơn và các đứa trẻ ngày càng lớn. Vào thời Tổng thống mới đến đây, họ đã phải moi số tiền tiết kiệm dành dụm được từ năm năm ra để chi tiêu. Vì thế, khi Homero Rey khám phá ra ngài Tổng thống trong số các bệnh nhân ẩn danh của bệnh viện thì họ nhen nhúm hy vọng.

Họ chưa biết đích xác, họ sẽ yêu cầu cái gì hay là nhân danh quyền gì để đòi hỏi. Lúc đầu, họ định chào hàng với ông khoản dịch vụ mai táng toàn bộ, kể cả việc ướp xác và đưa di hài về cố hương. Nhưng dần dần họ

nhận thấy là cái chết của ông ta chưa có vẻ gì vội đến như lúc đầu họ đã tưởng. Vào ngày có hẹn cùng dùng bữa ăn trưa tại nhà với ngài Tổng thống, hai vợ chồng nhà này càng bối rối với bao điều nghi hoặc.

Sự thật là Homero chẳng hề bao giờ là thủ lĩnh của tổng đoàn sinh viên hay bất cứ cái quái quỷ gì khác và cái vai trò duy nhất mà gã đã đóng trong cuộc vận động tranh cử chỉ là cố xen vào để được chụp hình, tấm hình đó họ đã tìm được như nhờ phép lạ, dưới đồng giấy báo cũ để dùng trong cầu tiêu. Nhưng lòng nhiệt tình của anh ta thì quả có đúng thật. Một điều khác nữa cũng đúng, đó là anh ta đã bị buộc phải chuồn khỏi xứ sở vì anh ta đã từng tham dự vào các cuộc biểu tình chống lại cuộc đảo chính quân sự, dầu rằng lý do duy nhất khiến anh ta vẫn còn sống ở Geneva sau bao nhiêu năm lâu đến thế, chỉ là do sự nghèo nàn trí tuệ của anh ta mà thôi. Dầu có nói dối đôi chút cũng chẳng hề chi, để chiếm cảm tình của ngài Tổng thống.

Điều ngạc nhiên đầu tiên đối với họ, đó là kẻ lưu vong lừng lẫy kia lại sống trong một khách sạn hạng tư, tại khu phố Les Grottes buồn hiu và ngồi ăn một mình nơi các quán ăn rẻ tiền, trong khi ở Geneva đầy những căn nhà sang trọng cho các nhà chính khách thất sủng. Ngày qua ngày, Homero thấy ông ta lặp lại những hành vi của ngày hôm đó. Gã dõi mắt trông theo ông, đôi khi với một khoảng cách thiếu thận trọng, trong những cuộc du hành ban đêm giữa những bức tường tang chế và ngắt các đóa hoa chuông của thành phố cổ kính. Gã đã thấy ông trầm tư hàng giờ trước pho tượng của Calvin. Nín thở với hương nồng của hoa lài, gã đã theo ông từng bước leo lên các bậc thang bằng đá để đi đến đỉnh đồi Bourg de Four, ngắm ánh hoàng hôn mùa hạ chậm chậm buông rơi. Một đêm nọ, gã thấy ông trong cơn mưa đầu mùa, không mặc áo mưa, cũng chẳng mang dù, đứng sấp hàng với đám sinh viên để chờ nghe cuộc hòa nhạc của Rubinstein. "Tôi chẳng hiểu sao mà ông ta lại không bị viêm phổi", Homero sau đó đã nói với vợ như thế. Vào ngày thứ bảy trước đó, khi thời tiết bắt đầu đổi thay, gã đã thấy ông mua một áo khoác mùa thu với cổ áo lông chồn giả,

không phải nơi các cửa tiệm sáng lấp lánh dọc theo phố sông Rhône, nơi các vị tiểu vương ả Rập lưu vong thường đi mua sắm, mà ở chợ trời.

"Nếu thế thì bọn mình chẳng có gì để mà chờ mong đâu" Lazara than thở, khi Homero kể với nàng chuyện đó. "Ông ta chỉ là một kẻ bần cùng sẽ mãi nguyện xa lìa cuộc đời nhờ đám tang từ thiện và sẽ được mai táng vào nấm mồ lạnh lẽo của kẻ bần hàn. Bọn mình sẽ chẳng bao giờ kiểm soát được gì nơi ông ta đâu".

"Có lẽ ông ta nghèo thật" Homero nhận định, "sau bao nhiêu năm thất nghiệp".

"Bé cưng ơi, mang tuổi Song Ngư là một chuyện và làm một chàng ngốc khốn khổ lại là một chuyện khác" Lazara nói. "Ai cũng biết ông ta chuồn đi với hàng tấn vàng của công khố và là kẻ lưu vong giàu nhất đến từ Martinique".

Homero lớn hơn vợ mười tuổi, đã lớn lên và chịu ảnh hưởng bởi các bài báo muốn tạo cho dân chúng ý nghĩ là ngài Tổng thống kính yêu của họ trong thời còn là sinh viên du học ở Geneva, đã tự kiếm sống bằng cách, ngoài giờ học, đi làm công nhân xây dựng. Lazara trái lại, đã lớn lên giữa những lời chỉ trích gay gắt của báo chí phe đối lập, càng được thổi phồng ở các gia đình thuộc phe chống đối mà nàng từng giúp việc như một nữ điều dưỡng khi nàng còn con gái. Do đó, vào cái đêm Homero về nhà, nín thở vì hân hoan đã được ngài Tổng thống mời ăn trưa, nàng không tin ông ta đã mời gã đến một nhà hàng đắt tiền. Nàng thật buồn lòng vì Homero đã không xin xỏ được gì trong vô số những điều mà họ từng mơ ước, nào là học bổng cho con cái, nào là một việc làm khá hơn ở bệnh viện, v.. v... Quyết định của ngài Tổng thống muốn bỏ mặc cho tấm thân mình ra sao thì ra sau khi chết, thay vì dùng tiền của để lo cho có một đám tang xứng đáng với một cuộc di hài trọng thể về cố hương, càng khiến nàng nghi ngờ. Nhưng cái cọng rơm cuối cùng làm gãy lưng con lạc đà là cái tin mà

Homero giữ vào phút chót mới tiết lộ, là chuyện gã đã mời ngài Tổng thống dùng bữa cơm tôm tại nhà, vào tối thứ năm sắp tới.

"Chúng ta cần điều đó lắm ư!" Lazara hét toáng lên, "rước lão ấy về đây, mời lão nhét đầy cơm tôm vào bao tử đến nỗi bội thực ngã lăn quay ra chết, rồi chúng ta phải đập ống heo của mấy đứa nhỏ móc tiền ra lo đám ma cho lão ấy chắc?".

Nói thế, nhưng cuối cùng vốn thương chồng, chẳng nỡ để chồng mất thể diện, nàng cũng chiều ý. Nàng chạy đi mượn ba bộ đồ ăn bằng bạc và một đĩa đựng xà lách bằng pha lê nơi một bà láng giềng, một bình pha cà phê bằng điện nơi một cái nhà khác và cái khăn bàn thêu với bộ ấm tách sứ Trung Quốc nơi nhà thứ ba. Nàng kéo các tấm màn che cũ xuống, móc các màn che mới lên và lột các tấm bọc ghế nệm ra. Nàng dành trọn một ngày để lau chùi sàn nhà, quét sạch bụi bặm, sắp xếp đồ đạc cho gọn gàng thơm mát đâu ra đấy, mong tạo cho khách cảm tưởng giấy rách phải giữ lấy lề, dầu hèn cũng thế.

Vào tối thứ năm hôm đó, khi đã mệt đứt hơi vì leo các bậc cầu thang lên mãi tận lầu tám, ngài Tổng thống xuất hiện ở cửa với chiếc áo khoác tuy cũ nhưng mới được giặt ủi tinh thơm, cái mũ quả dưa, thời trang của những năm xưa năm xưa và duy chỉ một đóa hồng tặng Lazara. Nàng bị đập mạnh bởi ấn tượng về vẻ đỉnh đạc trượng phu và phong thái như ông hoàng của ngài Tổng thống, nhưng đằng sau tất cả những cái ấy, nàng thấy được điều mà nàng đã dự đoán "một tên đàn ông dối trá và tham lam, keo kiệt". Nàng nghĩ ông ta hơi khiếm nhã, bởi vì nàng đã làm bếp với các cánh cửa sổ mở rộng để cho mùi tôm không quyện lại trong nhà, và động tác đầu tiên của ông ta khi mới bước vào phòng là hít một hơi dài như thể gặp sự sáng khoái bất ngờ và ông đã thốt lên với đôi mắt lim dim và vòng tay mở rộng. "Ồ, đúng là hương vị biển cả nơi xứ sở yêu dấu của chúng ta!". Nàng nghĩ ông thật bủn xỉn vì chỉ mang lại cho nàng đúng một bông hồng duy nhất, chắc là xoáy được ở một công viên nào đó. Nàng nghĩ, ông ta có vẻ ngạo mạn

khi nhìn những mảnh cắt từ các tờ báo với các hình ảnh và dòng chữ nói về sự vinh quang trong thời làm Tổng thống của ông: nào cờ xí, biểu ngữ rợp trời trong cuộc vận động tranh cử mà Homero đã chăm chú dán lên tường nơi phòng khách.

Nàng nghĩ, ông ta cứng rắn thiếu tình cảm, bởi vì ông chẳng hề chào lại Barbara và Lazaro, chúng đã biếu ông một món quà lưu niệm, và trong bữa ăn, ông ám chỉ đến hai điều mà ông không chịu nổi, đó là chó và trẻ con. Nàng ghét ông ta.

Tuy thế, lòng hiếu khách của dân Caribê nơi nàng đã vượt lên những thành kiến đó. Nàng đã mặc áo dài kiểu Phi châu mà nàng chỉ khoác lên người vào những dịp đặc biệt, mang vòng hạt cườm và xuyên vàng và trong suốt bữa ăn, nàng không hề làm một động tác vô ích nào hay nói một lời phù phiếm nào.

Nàng thật khôi ngô trong cung cách tiếp khách, nàng thật hoàn hảo.

Sự thật là món cơm tôm chưa hẳn đã là thành tựu xuất sắc nhất trong nghệ thuật nấu nướng của nàng, nhưng nàng đã làm món đó với tất cả thiện chí và vì thế món cơm tôm đó rất ngon. Ngài Tổng thống ăn hết hai bát cơm và không tiếc lời khen ngợi; ông khoái cả món rau mã đề thái nhỏ và món sà lách avocado, dầu ông không san sẻ nổi hoài hương của họ.

Lazara chỉ yên lặng nghe cho đến lúc ăn món tráng miệng, khi bỗng dừng chẳng biết cái gì xui khiến, Homero lại rơi vào bẫy của vấn đề không lối thoát, vấn đề Thượng Đế hiện hữu hay không hiện hữu.

"Tôi tin chắc là Thượng Đế hiện hữu", ngài Tổng thống nói, "nhưng Người chẳng hơi đâu thèm để ý đến chuyện trần gian. Người còn khối việc vĩ đại hơn để phải bận tâm".

"Còn tôi chỉ tin vào các ngôi sao chiếu mệnh", Lazara nói và nàng dò xét phản ứng của ngài Tổng thống. "Ngài sinh ngày nào?".

"Ngày mười một tháng ba".

"Tôi biết ngay mà", Lazara reo lên vẻ đắc thắng và hỏi lại bằng giọng ngọt ngào "Ngài có nghĩ là hai tuổi Song Ngư cùng trên một bàn ăn là quá nhiều?".

Hai người đàn ông còn ngồi tiếp tục tranh luận về sự hiện hữu của Thượng Đế khi nàng đứng dậy đi vào bếp để pha cà phê. Nàng đã dọn sạch bàn ăn và rất mong sao cho bữa tối kết thúc tốt đẹp. Trên đường trở lại phòng khách với khay cà phê, nàng bắt gặp một nhận định thoáng qua của ngài Tổng thống, khiến nàng ngạc nhiên.

"Không nghi ngờ gì nữa, các bạn ạ. Nếu tôi còn làm Tổng thống, có lẽ đó là một điều tồi tệ nhất cho xứ sở chúng ta".

Homero thấy Lazara ở cánh cửa với bộ ấm tách sứ Trung Quốc, bình pha cà phê, và nghĩ nàng sắp ngất xỉu khi nghe mấy lời vàng ngọc đó từ chính miệng ngài Tổng thống thốt ra.

Tổng thống cũng nhận thấy điều ấy. "Đừng nhìn tôi như thế, thưa bà" ông nói với giọng thân mật. "Tôi nói thật lòng đấy mà". Rồi quay về phía Homero, ông kết luận:

"Đúng là tôi đang phải trả giá đắt cho sự ngông cuồng rồ dại của mình".

Lazara rót cà phê ra mời và tắt bớt đèn phía trên bàn vì ánh sáng chói chang quá, không hợp cho buổi chuyện trò, và căn phòng trở nên mờ mờ, thân mật. Lần đầu tiên, nàng thật sự quan tâm đến người khách mà sự thông minh sắc sảo không che giấu được vẻ muộn phiền. Lòng hiếu kỳ của Lazara càng tăng thêm khi ông khách uống cạn tách cà phê và lật ngược cái tách xuống đĩa, để cặn cà phê rơi xuống.

Tổng thống bảo với họ là trước kia, ông đã chọn đảo Martinique làm nơi sống kiếp lưu vong, vì tình bạn đối với nhà thơ Aimé Césaire, vào thời bấy

giờ đã xuất bản tập thơ Cahier d'un retour au pays natal (Bút ký ngày về cố hương) và đã giúp cho ông bắt đầu một cuộc đời mới. Với chút tài sản còn lại từ thừa kế của vợ, ngài Tổng thống mua một căn nhà bằng gỗ quý trên ngọn đồi thành phố cảng Fort de France với màn che cửa sổ và sân thượng nhìn ra biển, đủ các loại hoa hoang dã. Thật thú vị khi ngủ nơi đó trong âm thanh của tiếng bóng cricket và làn gió biển mang mùi rượu rum mật mía từ các nhà máy đường dạt tới. Nơi đó ông đã sống với bà vợ lớn hơn ông mười bốn tuổi và đã trở nên tàn phế từ sau khi sinh đứa con duy nhất; ông được tăng thêm nghị lực để chống lại số mệnh bởi việc thường xuyên đọc lại các tác phẩm cổ điển La tinh bằng nguyên tác và bởi niềm xác tín rằng, đó là hành vi cuối cùng trong đời mình. Đã bao năm rồi ông phải chống lại sự cám dỗ của đủ kiểu hành động phiêu lưu mà các ủng hộ viên của ông, cay cú vì thất bại và ý muốn phục thù, đã đề nghị với ông.

"Nhưng tôi chẳng bao giờ đọc các bức thư ấy", ông nói.

"Không bao giờ nữa, một khi tôi đã khám phá ra rằng, ngay cả những điều khẩn cấp nhất cũng bớt vẻ khẩn cấp sau một tuần lễ và rằng trong vòng hai tháng, người ta sẽ quên các bức thư ấy cũng như quên người viết ra chúng".

Ông nhìn Lazara trong bóng mờ chập chờn khi nàng đốt điếu thuốc và lấy thuốc từ môi nàng với cử động khao khát từ mỗi ngón tay. Sau một hơi rít dài, ông ém khói lại trong cổ họng. Sừng sốt, Lazara lấy gói thuốc và hộp quẹt, đốt một điếu khác, nhưng ông đã trả lại điếu thuốc đang cháy đỏ cho nàng.

"Trông cô hút ngon lành quá, khiến tôi phát thèm phải rít một hơi thôi", ông nói. Rồi ông phải nhả khói ra vì ông bắt đầu ho.

"Tôi đã bỏ thói quen hút thuốc từ nhiều năm rồi, nhưng nó chẳng chịu bỏ tôi". Ông nói. "Gặp dịp, nó lại đánh ngã tôi. Như bây giờ đây".

Cơ ho còn hành ông hai lần nữa. Cơ đau trở lại. Tổng thống nhìn đồng hồ, lấy ra hai viên thuốc cho liều buổi tối.

Rồi ông chăm chú nhìn vào đáy cốc, không có gì thay đổi cả, nhưng lần này ông không rùng mình.

"Một vài người trước kia ủng hộ tôi, đã trở thành Tổng thống kế vị tôi", ông nói. "Tất cả chúng tôi đã tiếm đoạt một vinh dự mà chúng tôi không xứng đáng, giành lấy một trọng trách mà không biết cách làm thế nào để chu toàn. Vài người chỉ vì đeo đuổi quyền lực, còn đa số chỉ trông tìm một chỗ làm, hay tệ hơn".

Lazara nổi sùng.

"Ông biết họ nói gì về ông không?" nàng hỏi gằn.

Homero hoảng hốt can thiệp:

"Chỉ là những điều bịa đặt dối trá thôi".

"Những điều dối trá, vâng, nhưng không hẳn chỉ là những điều dối trá", ngài Tổng thống nói với vẻ bình thản, thoát tục.

Đối với một Tổng thống, những điều dễ tiện nhất có thể vừa là chuyện thật, vừa là chuyện giả, hư hư thực thực, ai biết đâu vào đâu." Ông đã sống ở Martinique trọn chuỗi ngày lưu vong, chỉ còn liên hệ với thế giới bên ngoài qua một vài dòng tin tức trong công báo. Ông đã phải kiếm sống bằng cách dạy tiếng Tây Ban Nha và tiếng La tinh tại một trường Trung học công lập, và dịch một số hài mà nhà thơ Aimé Césaire thỉnh thoảng nhờ ông. Cái nóng tháng tám thật khó chịu, ông cứ muốn nằm trên vông cho đến trưa, đọc sách trong tiếng quay đều đều của cánh quạt trần nơi phòng ngủ. Ngay cả vào những thời điểm nóng nhất trong ngày, bà vợ ông cũng trông nom các con chim bà nuôi vẫn để cho bay nhảy tự do ngoài lồng; bà đội một mũ rơm rộng vành để tránh nắng, chiếc mũ được trang

điểm với hoa giả bằng vải phin. Những lúc tiết trời dễ chịu, ông thích ngồi trên sân thượng với không khí mát lạnh dịu dịu, đôi mắt đắm đắm nhìn về đại dương mênh mông cho tới khi chiều tím thẫm hoàng hôn. Còn bà ngồi vào chiếc ghế mây nhún, đầu đội chiếc mũ sồn rách, trên mỗi ngón tay đều đeo nhẫn gắn bảo thạch lấp lánh, ngắm nhìn tàu thuyền trên khắp thế giới qua lại. "Chiếc tàu kia chắc là đi về Puerto Santo" bà lẩm bẩm. "Còn chiếc tàu nọ, gần như không nhúc nhích nổi vì chở đầy ắp chuối mang đi từ Puerto Santo", bà lại lẩm bẩm. Bởi vì hầu như bà không thể nghĩ rằng có một con tàu nào ngang qua đây mà lại không xuất hành từ xứ sở quê hương bà. ông vờ như không nghe bà nói gì, mặc dù về lâu về dài bà mau quên hơn ông, vì bà đã mất trí nhớ. Có lẽ họ đã ngồi yên như thế cho đến khi những buổi hoàng hôn náo động đi dần vào yên ả tịch liêu và phải đi vào nhà để tránh muỗi.

Trong một buổi tối tháng tám, khi đang ngồi đọc báo trên sân thượng, ngài Tổng thống gây ngạc nhiên khi thốt lên:

"Tôi bị đày đọa rồi", ông cất tiếng than. "Tôi đã chết ở Estoril".

Phu nhân của ngài, đang lơ mơ trong cơn buồn ngủ vật vờ, kinh hoàng bật dậy vì cái tin quái gở đó. Bài báo gồm khoảng sáu dòng trên trang thứ năm, được in ở một góc nơi thỉnh thoảng vẫn đăng những bài dịch của chính ông và ông quản lý thỉnh thoảng vẫn đến thăm ông. Và giờ đây, chính cái tờ báo mắc dịch đó lại tung tin rằng ông đã chết ở Estoril de Lisboa, nơi ẩn trú và an dưỡng của Âu châu thoái hóa suy tàn; nơi đó, ông chưa hề một lần đặt chân tới và có lẽ là nơi duy nhất trên hành tinh này ông không muốn gởi lại nấm xương tàn. Phu nhân Tổng thống đã chết một năm sau đó, bị dẫn vật bởi hoài niệm cuối cùng còn sót lại nơi tâm trí bà: hoài niệm về đứa con duy nhất của họ đã tham gia vào cuộc binh biến để lật đổ chính bố ruột mình và sau đó lại bị chính những kẻ đồng lõa với mình bắn bỏ.

Ngài Tổng thống thở dài: "Đấy, số phận của chúng ta là thế và không gì cứu nổi chúng ta", ông nói. "Một tiểu lục địa tạo nên từ lớp đất cát bột bèo,

chẳng có chút yêu thương; những đứa hẻ bị bắt cóc hay được sinh ra từ sự cường dâm, sự tạp giao, sự tuyệt vọng, sự phối chủng giữa những kẻ thù với những kẻ thù". Ông chạm tia mắt Phi châu huyền bí man dã của Lazara đang dò xét ông không chút xót thương và ông cố vượt thẳng đôi mắt đó bằng sự hùng hiện của một bậc thầy lão luyện.

"Pha trộn chủng tộc có nghĩa là, pha trộn nước mắt với máu rỉ ra trong uất hờn. Người ta có thể chờ đợi cái gì nơi thứ bùa yêu quái dị đó?".

Lazara gắn chặt ông vào chỗ ngồi bằng sự im lặng chết chóc. Nhưng nàng lấy lại tự chủ, trước nửa đêm một chút và chào từ biệt ông với một cái hôn theo nghi thức. Tổng thống từ chối không để Homero tiễn chân ông về lại khách sạn, nhưng dù sao cũng không ngần y giúp ông kiếm chiếc taxi.

Khi Homero trở về thì vợ y đang nổi cơn tam bành.

"Cái lão Tổng thống đó có bị lật đổ cũng là đáng đời", nàng nói. "Thật là đồ chó đẻ".

Mặc dù Homero cố gắng xoa dịu nàng, đôi vợ chồng vẫn trải qua một đêm khủng khiếp, mất ngủ. Lazara thừa nhận ông ta là một trong số những người đàn ông đẹp trai nhất mà nàng đã thấy, với một quyền năng hấp dẫn đầy sức tàn phá và vẻ trượng phu hùng dũng của một chàng ngựa giống. "Ngay cả như hiện trạng bây giờ của lão ta, già cả và bệnh tật, nhưng hẳn là lão ta vẫn còn là một con cạp trên giường ngủ", nàng nói. Nhưng nàng nghĩ, ông ta đã hoang phí những ân điển của Chúa để phụng sự cho thói kênh kiệu phù hoa. Nàng không thể chịu đựng nổi những lời khoe khoang khoác lác khi ông ta tự phong mình là vị Tổng thống tối tể nhất của xứ sở mình, là một vị nguyên thủ quốc gia tối tể nhất chưa từng thấy trong lịch sử. Nàng cũng không chịu nổi vẻ khổ hạnh của ông khi nàng tin chắc rằng ông ta chỉ làm một nửa số đồn điền trồng mía tại Martinique. Hoặc vẻ đạo đức giả trong sự khinh miệt quyền lực của ông ta, trong khi hiển nhiên là

ông ta sẵn sàng đánh đổi bất cứ thứ gì để trở lại chức Tổng thống một thời gian khá lâu đủ để ông ta đưa những kẻ thù của mình đi ăn đất.

"Và tất cả những chuyện đó", nàng kết luận, "chỉ để cho chúng ta quì mọp tôn thờ lão ta".

"Ông ta cần chuyện đó làm chi nữa?" Homero hỏi.

"Chẳng để làm quái gì cả" nàng nói. "Nhưng sự thực, nổi si mê muốn mình làm người hấp dẫn, lôi cuốn, thật chẳng bao giờ được thỏa mãn trọn vẹn".

Cơ cuồng nộ của nàng ghê gớm quá, khiến Homero không còn chịu nổi chuyện nằm chung giường với nàng và suốt phần đêm còn lại, gã cuộn mình trong chăn nằm chèo queo trên ghế sofa nơi phòng khách. Lazara cũng thức dậy lúc nửa đêm, trần truồng từ đầu đến chân - tình trạng bình thường của nàng khi ngủ hoặc ở phòng riêng - và lăm bằm một mình cuộc độc thoại về một đề tài duy nhất. Chỉ một mạch, nàng đã xóa sạch khỏi mọi trí nhớ mọi dấu vết của bữa ăn tối đáng ghét. Rạng sáng hôm sau, nàng mang trả lại các đồ đạc nàng đã mượn, thay lại bức màn mới bằng bức màn cũ và trả lại mọi đồ vật về vị trí cũ để căn nhà trở lại vẻ nghèo nàn, thanh đạm như trước. Rồi nàng giặt mấy mẫu báo xuống, những chân dung, cờ xí trong chiến dịch tranh cử ghê tởm kia, ném tất cả vào sọt rác với câu hét tối hậu: "Xuống địa ngục hết đi, ba cái đồ thổ tả." Một tuần sau bữa ăn tối, Homero gặp ngài Tổng thống đợi anh ta khi anh ta rời bệnh viện, ông yêu cầu anh ta đi cùng ông về khách sạn. Họ trèo 3 tầng cầu thang để đến căn gác xếp sát mái, chỉ có một khoảng sáng nhìn ra khung trời xám tro. Có một giường đôi chiếm hết nửa không gian, một chiếc ghế thô, một góc vệ sinh và chậu rửa hậu môn, một tủ đựng quần áo nhỏ với kiếng mờ đục. Ngài Tổng thống quan sát phản ứng của Homero.

"Đây là cái hang thỏ mà tôi đã sống khi tôi còn là một du học sinh", ông ta nói như để xin lỗi "Tôi đã đặt phòng từ Fort de France".

Từ trong một cái túi nhung, ông lục soạn và bày ra trên giường những di tích cuối cùng của sự giàu sang: Năm ba cái vòng vàng trang điểm với đủ loại đá quý, một sợi dây chuyền đeo cổ ba vòng bằng ngọc trai và hai sợi bằng vàng và đá quý, ba dây chuyền có hình các thánh, một cặp hoa tai bằng vàng và ngọc bích, một cặp khác bằng vàng và kim cương, một cặp thứ ba bằng vàng và hồng ngọc, một hòm đựng thánh tích và một tủ ngăn nhỏ, mười một cái nhẫn với đủ loại đá quý trang hoàng mặt nhẫn và một mũ triều thiên đính đầy kim cương xứng đáng để đội lên đầu một bà hoàng hậu. Từ một cái hòm nhỏ, ông lôi ra ba bộ đồ ăn bằng bạc và hai bộ bằng vàng, một đồng hồ bỏ túi bằng bạch kim. Rồi ông lôi ra sáu bộ huân chương từ một hộp đựng giấy: hai cái bằng vàng, hai cái bằng bạc, những cái còn lại bằng kim loại thường.

"Đó là tất cả tài sản còn sót lại trong đời của tôi" ông nói.

Ông không còn cách nào khác hơn là bán tất cả những thứ đó để trang trải tiền chữa bệnh và ông nhờ Homero vui lòng làm giúp ông điều đó và giữ kín tuyệt đối. Nhưng Homero bảo rằng y không thể chu toàn điều ông ủy thác nếu không có những biên nhận hợp thức của những món đồ ấy.

Tổng thống giải thích rằng đó là những đồ tư trang của vợ ông, một món thừa kế từ bà nội đã sống từ thời thuộc địa và đã thừa hưởng từ phần cổ đông trong một mỏ vàng xứ Colombia. Còn cái đồng hồ, bộ đồ ăn và kim cài cà vạt là của ông. Các bộ huân chương dĩ nhiên là chưa thuộc về ai trước khi về tay ông.

"Tôi không tin là có bất kỳ người nào lại có được biên nhận cho những món đồ như thế này" ông nói.

Homero vẫn kiên định trong nguyên tắc.

"Trong trường hợp đó" Tổng thống suy nghĩ "Tôi không còn cách nào khác hơn là tự mình lo liệu lấy chuyện này".

Ông bắt đầu thu thập các đồ trang sức với sự bình thản có tính toán. "Tôi xin anh thứ lỗi, bạn Homero thân mến ạ, nhưng nói thực là không có sự cùng khổ nào tệ hại hơn là sự cùng khổ của một Tổng thống đã đến bước đường cùng" ông nói - "Ngay cả sống sót cũng bị coi là đáng khinh". Chính vào lúc đó Homero thấy được trái tim của ông, ông đã buông rơi tất cả mọi vũ khí.

Lazara tối đó về nhà muộn. Từ cánh cửa, nàng thấy các đồ nữ trang lấp lánh trên bàn dưới ánh sáng đèn thủy ngân, điều đó làm nàng giật bắn người lên như thể nàng bỗng thấy một con bò cạp trên giường ngủ của mình.

"Đừng ngu ngốc thế mình ạ", nàng nói, rung mình kinh hãi. Tại sao những thứ này ở đây?".

Lời giải thích của Homero càng làm cho nàng rối trí hơn.

Nàng ngồi xuống xem xét các đồ vật đó, từng món một, với sự tỉ mỉ của một người thợ kim hoàn. Đến một điểm nào đó, nàng thở dài và nói "Những thứ này hẳn phải đáng giá cả một gia tài". Cuối cùng nàng ngồi xuống nhìn Homero và không thể tìm thấy lối thoát cho tình trạng tiến thoái lưỡng nan này.

"Ồi chà", nàng nói "Làm thế nào chúng ta có thể biết được mọi điều lão ấy nói là sự thật?".

"Sao lại không thật?" Homero nói. "Tôi vừa trông thấy ông ấy tự giặt quần áo và phơi trên cái dây căng trong phòng, cũng giống như bọn mình thôi".

"Ồi, lão ấy muốn mà mắt thiên hạ thấy mà", Lazara nói.

"Ồi, phải khốn khổ thế sao!" Homero nói. Lazara xem xét các đồ nữ trang một lần nữa, nhưng lần này ít chú tâm hơn, vì chính nàng cũng đã bị

thuyết phục. Thế là sáng hôm sau, nàng lên bộ cánh đẹp nhất, lựa những món nữ trang mà nàng nghĩ là đắt giá nhất, để trang điểm, đeo nhẫn đầy kín các ngón tay, cả ở ngón cái và tất cả các vòng vừa với cổ tay rồi đi ra ngoài tìm chỗ để bán. "Để coi có ai hỏi Lazara Davis này phải có biên nhận hay không" nàng tự nhủ khi ra khỏi nhà, vừa thích chí cười. Nàng chọn ngay tiệm kim hoàn bên tay phải, một tiệm phô trương khoác lác nhiều hơn là uy tín thực, nơi đó nàng biết họ mua bán mà không hỏi tới hỏi lui gì nhiều. Và nàng bước vào với bước chân vững chãi dù trong lòng có hơi ngần ngại.

Một tay bán hàng người hơi gầy, mặt hơi mét, trong bộ trang phục buổi tối, cúi khom người chào nàng với cung cách kịch trường khi hôn tay nàng và hỏi có thể làm gì để giúp nàng. Do các cửa kiếng phản chiếu ánh đèn rực rỡ choáng ngợp, bên trong cửa hàng sáng choang hơn cả ban ngày và cả cửa hàng như được làm bằng kim cương. Lazara gần như không nhìn người thư ký bán hàng, vì e anh ta có thể nhìn ra được trò hề nàng đang đóng, nàng lặng lẽ đi theo anh ta vào phía sau cửa hàng.

Anh ta mời nàng ngồi một trong ba cái bàn viết kiểu Louis XIV, được dùng như quầy cá nhân, trên đó đã trải một cái khăn trắng tinh tươm. Rồi anh ta ngồi đối diện Lazara, chờ đợi.

"Tôi có thể giúp gì cho bà?".

Nàng cười nhẵn, vòng, dây chuyền, hoa tai... tất cả những thứ nàng mang trên người và bắt đầu đặt chúng lên bàn, giống như sắp một ván cờ. Điều nàng muốn, nàng bảo, là biết giá trị thực của những món đồ đó.

Người buôn bán kim hoàn mang một miếng kính vào mắt trái và bắt đầu xem xét từng món trong sự yên lặng như ở bệnh viện. Sau một lúc lâu, trong khi vẫn không ngừng xem xét, anh ta hỏi:

"Bà từ xứ nào đến đây?" Lazara đã không dự kiến câu hỏi đó.

"Ồ, thưa ông", nàng thở dài, "ở xa lắm".

"Tôi cũng nghĩ thế" anh ta nói.

Anh ta lại yên lặng, trong khi đôi mắt màu vàng khủng khiếp của Lazara dò xét anh ta không chút từ tâm. Người buôn kim hoàn đặc biệt chú ý đến chiếc mũ triều thiên bằng kim cương và để nó riêng ra với các món đồ trang sức khác.

Lazara thở dài.

"Ông hoàn toàn đúng là mạng Xử Nữ", nàng nói.

Người buôn kim hoàn cũng không dừng xem xét.

"Sao bà biết điều ấy?".

"Qua cách ứng xử của ông?" Lazara nói.

Anh ta không bình luận gì cho đến khi làm xong việc và anh ta trao đổi với nàng với cùng sự dò xét như lúc khởi đầu.

"Tất cả những thứ này từ đâu bà có?".

"Đó là di sản của bà ngoại tôi" Lazara nói bằng một giọng căng thẳng - "Bà cụ chết năm rồi ở Paramaribo, lúc cụ chín mươi bảy tuổi".

Người buôn kim hoàn nhìn vào mắt nàng. "Tôi thành thật xin lỗi", anh ta nói. "nhưng giá trị của chúng chỉ tính bằng trọng lượng vàng". Anh ta nhắc cái vương miện kim cương lên bằng đầu ngón tay và xoay xoay cho nó chiếu lấp lánh dưới ánh sáng rực rỡ.

"Trừ món này", anh ta nói: "Đây là một đồ cổ hiếm thấy, có lẽ từ thời các vương triều Ai Cập và có thể quý vô ngần nếu các viên kim cương không bị mờ đục như vậy. Dầu sao nó cũng có một giá trị lịch sử nào đấy". Nhưng các viên đá gắn ở các món khác, các viên thạch anh tím, bích ngọc, hồng ngọc, opal - tất cả không có loại lệ - đều giả. Chắc rằng các viên gốc

là bảo thạch thật", người buôn kim hoàn nói, khi anh ta gom các đồ để trả lại cho nàng. "Nhưng vì đã được chuyển tay qua quá nhiều thế hệ, nên các viên bảo thạch chính gốc đã rơi lạc trên suốt quãng đường dài từ lịch sử xa xăm ấy và đã được thay thế bằng thủy tinh thể" Lazara cảm thấy buồn nôn, hít một hơi thở thật lâu và kìm lại sự kinh hoàng. Người bán hàng an ủi nàng "Bà đừng buồn, điều đó vẫn thường xảy ra".

"Tôi biết", Lazara nói, có vẻ nhẹ nhõm "Vì thế tôi muốn tổng khứ chúng đi cho rồi".

Lúc đó nàng cảm thấy nàng đã vượt qua trò hề và trở lại với chính bản ngã mình. Không còn chần chừ gì nữa, nàng rút các bộ đồ ăn, cái đồng hồ quả quít, các kim cài cà vạt, các đồ trang hoàng bằng vàng và bạc và các món trang sức rẻ tiền khác của Tổng thống ra khỏi túi xách tay và đặt tất cả lên bàn.

"Cả những món này nữa?" người lái buôn hỏi.

" Vâng, tất cả" Lazara đáp.

Nàng được trả bằng những tờ giấy bạc franc Thụy Sĩ mới tinh, khiến nàng sợ rằng các đầu ngón tay mình bị dính mực còn ướt. Nàng nhận các tờ giấy bạc mà không đếm và lối chào từ biệt của người buôn kim hoàn, ngay ở cánh cửa, cũng đầy vẻ long trọng kiểu cách như lối chào đón khách mới tới của anh ta. Khi đứng giữ cho cánh cửa kính mở cho nàng đi ra, anh ta giữ nàng lại một lát.

"Lời cuối cùng, thưa bà", anh ta nói "Tôi mạng Bảo Bình".

Ngay chiều hôm đó, Homero và Lazara mang tiền đến khách sạn. Sau một hồi tính toán họ thấy cần có thêm một ít tiền nữa mới đủ. Và thế là Tổng thống bắt đầu lục soạn và đặt lên giường cả nhẫn cưới, cả đồng hồ, dây chuyền và cả kim cài cà vạt đang mang trên người.

Lazara đưa trả lại chiếc nhẫn cưới.

"Cái này không được", nàng nói. "Vật kỷ niệm thiêng liêng này không thể đem bán".

Ngài Tổng thống thừa nhận nàng nói đúng và đeo lại chiếc nhẫn vào ngón tay mình. Lazara cũng trả lại cái đồng hồ và sợi xích vàng. "Cái này cũng không được", nàng nói.

Tổng thống không đồng ý, nhưng nàng đã đặt ông ngồi yên tại chỗ.

"Ai lại đi bán đồng hồ cho người Thụy Sĩ?".

"Chúng ta đã từng làm chuyện đó", Tổng thống nói.

"Phải, nhưng không phải là bán đồng hồ. Chúng ta chỉ bán vàng trên cái đồng hồ thôi".

"Cái này cũng bằng vàng đấy", Tổng thống nói.

"Vâng", Lazara đáp. "Ngài có thể khỏi bệnh mà không cần đến phẫu thuật, nhưng ngài cần phải biết bây giờ là mấy giờ".

Nàng cũng không lấy gập kính gọng vàng đầu ông ta có một cặp kính khác gọng đồi mồi. Nàng cầm mọi món đồ trên tay và chấm dứt mọi nghi ngại của ông.

"Vả lại", nàng bảo "chùng này là đủ rồi".

Trước khi rời đi, nàng lấy mấy bộ đồ còn ướt của ông mà không cần hỏi ý ông, để đem về nhà phơi khô rồi ủi cho ông.

Homero chở vợ về nhà; Lazara ngồi phía sau, vòng tay ôm ngực chồng. Đèn đường vừa bật sáng lên trong ánh hoàng hôn tím thẫm. Gió thổi tung các chiếc lá cuối cùng bay xa và cây cối trông giống như những bộ xương

thóa thạch trở trụ từ thuở hồng hoang. Một chiếc xe tải chạy dọc sông Rhône, chiếc radio trên xe mở hết âm lượng, để lại một giòng nhạc dọc theo các đường phố. Georges Brassens đang hát:

Mon amour tiens bien la barre, le temps va passer par là, et le temps un barbare dans le genre d'Attila, par, par là où son cheval passe, l'amour ne repousse pas.

(Ôi tình yêu của ta, hãy giữ chặt chấn song. Thời gian sẽ vụt ngang qua. Và thời gian là một tên man rợ chẳng khác nào Attila. Nơi nào vó ngựa nó đi qua, Tình yêu chẳng còn mọc lại nổi. Tiếng Pháp trong nguyên bản).

Homero và Lazara chạy xe trong yên lặng, như bị nhiễm độc bởi lời ca và mùi hương hoài vọng của hoa dạ lan. Sau một lúc lâu, nàng như thức dậy từ giấc ngủ dài.

"Thôi chết rồi!" nàng bỗng thốt lên.

"Ông già tội nghiệp", Lazara nói. "Thật là một cuộc đời bất hạnh, chẳng ra làm sao".

Vào thứ sáu tiếp sau đó, ngày bảy tháng mười, Tổng thống trải qua một cuộc giải phẫu trong năm giờ liền, nhưng mọi chuyện vẫn còn mù mờ như trước. Theo nghĩa chặt chẽ nhất, điều an ủi duy nhất là biết rằng ông vẫn còn sống. Sau mười ngày, ông được đưa qua phòng bình thường với các bệnh nhân khác; lúc đó Homero và Lazara có thể thăm viếng ông. Ông đã là một con người khác: tâm trí đã lạc hướng, người gầy rộc đi, tóc lưa thưa, đụng vào là rụng xuống gối. Sự hiện diện trước đây của ông chỉ còn sót lại nơi vẻ mềm mại xinh xắn của đôi bàn tay. Lần đầu ông tập đi trở lại với đôi nạng cặp hai bên nách trông thật náo lòng. Lazara ở lại nuôi và ngủ bên cạnh giường bệnh của ông để tiết kiệm cho ông khoản tiền chi cho một người điều dưỡng riêng. Một trong các bệnh nhân cùng phòng đã kêu than

suốt đêm đầu tiên vì kinh hoàng tưởng mình sắp chết. Những đêm dài vô tận đó đã làm cạn kiệt những sinh lực cuối cùng của Lazara.

Bốn tháng sau khi đến Geneva, Tổng thống ra khỏi nhà thương. Homero, nhà quản lý tỉ mỉ cái quỹ ít ỏi của ngài Tổng thống đã trả tiền viện phí và mang ông về nhà trên xe tải thương với các nhân viên bệnh viện giúp mang ông lên tầng thứ tám của nhà trọ. Họ đặt ông vào phòng ngủ của đám trẻ con mà ông thực ra chẳng bao giờ nhận biết được chúng, và dần dần ông quay về với thực tại. Ông cố công luyện tập để hồi phục theo một kỷ luật nhà binh và đã đi lại được với cây cane. Nhưng ngay cả với trang phục tươi tắn của ngày xa xưa, ông cũng không còn là con người cũ trong dáng vẻ cũng như trong phong cách ứng xử. Sợ mùa đông sắp đến hứa hẹn sẽ rất khắc nghiệt và thực tế đã trở nên một mùa đông buốt giá nhất của thế kỷ, ông đã quyết định, ngược với lời khuyên của các bác sĩ muốn giữ ông lại để chăm sóc và theo dõi tình trạng sức khỏe của ông một thời gian nữa, ông trở về nhà mình trên một con tàu rời Marseilles vào ngày 13 tháng chạp. Đến phút cuối, ông không còn đủ tiền cho cuộc hồi hương và Lazara không nói cho chồng hay, tính toán phần còn thiếu, đã móc tiền tiết kiệm của mấy đứa con, nhưng nàng thấy ít hơn nàng mong đợi. Lúc đó Homero thú nhận rằng anh ta đã dùng một phần lớn số tiền đó để thanh toán nốt phần viện phí, mà đã không nói cho nàng biết.

"Thôi được" Lazara nhẩm nhọc nói. "Chúng ta hãy xem ông ta như là đứa con cả của chúng ta vậy".

Vào ngày 11 tháng chạp năm ấy, họ đưa ông đến chuyển xe lửa đi Marseilles trong cơn bão tuyết mịt trời, và chỉ đến lúc về nhà họ mới bắt gặp một bức thư từ biệt trên bàn mấy đứa nhỏ, trên đó ông để lại chiếc nhẫn cưới của ông cho Lazara, cùng với chiếc nhẫn cưới của bà vợ quá cố, mà ông không bao giờ thử đem bán, cùng cái đồng hồ và sợi xích vàng cho Lazara. Vì hôm đó là ngày Chủ nhật, vài người láng giềng gốc Caribê, biết được chuyện bí mật, đã kéo đến nhà ga Cornavin với một ban nhạc gốc ở

Veracruz. Tổng thống đang há hốc mồm để thở hỗn hển trong cái áo khoác hào nhoáng và cái khăn quàng nhiều màu sắc sở vốn của Lazara đưa cho ông, nhưng tuy thế, ông vẫn đứng chỗ khoảng trống của toa xe cuối cùng, và tay cầm mũ vẫy chào từ biệt trong làn gió rét cắt da.

Chuyến tàu đã bắt đầu tăng tốc, Homero mới chợt nhận ra rằng anh ta còn cầm cây can của ông. Anh ta chạy đến cuối sân ga và ném cây can đủ mạnh để Tổng thống có thể bắt lấy nhưng cây can lại rớt xuống dưới các bánh xe và liền bị nghiền nát. Thật là thời điểm kinh hoàng. Điều cuối cùng Lazara thấy là bàn tay run rẩy của Tổng thống vươn ra để nắm lấy cây can mà không bao giờ chộp bắt được và người hướng dẫn tàu đã cố níu ông già phủ đầy tuyết đó lại bằng cách túm lấy cái khăn choàng của ông và cứu ông không rời khỏi con tàu đang chạy. Lazara vừa chạy vừa la lên kinh hoàng, lao về phía chông, cố cười sau màn lệ.

"Ôi lạy Chúa!" nàng thét lên, "Không có gì có thể giết được con người ấy".

Ông đã về đến nhà an toàn, theo như bức điện báo khá dài ông gửi đến hai người để cảm ơn. Không được tin gì hơn về ông cả hơn một năm sau đó. Cuối cùng, họ nhận được một bức thư viết tay dài sáu trang, trong đó thật khó nhận ra ông được nữa. Cơn đau đã trở lại, mãnh liệt và đúng cỡ như trước kia, nhưng ông quyết định lờ nó đi và sống, chấp nhận cuộc đời. Nhà thơ Aimé Césaire đã cho ông một cây can khác có cần ngọc trai, nhưng ông đã quyết định không dùng nó. Trong sáu tháng ông đã ăn thịt và mọi thứ ngêu sò ốc hến và đã uống hàng ngày đến khoảng hai mươi cốc cà phê đắng ngắt.

Nhưng ông đã thôi không còn đọc ở đây cốc, bởi vì những điều tiên đoán chẳng bao giờ thành sự thật. Vào ngày ông hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, ông uống ít ly rượu rum Martinique thật ngon, rất hợp gu của ông và bắt đầu hút thuốc trở lại. Ông không cảm thấy khá hơn, dĩ nhiên, nhưng cũng chẳng cảm thấy tệ hơn. Tuy nhiên, lý do thực sự khiến

ông viết thư cho họ là cho họ biết rằng ông cảm thấy bị cám dỗ bởi ý muốn trở về cố hương như là người lãnh đạo phong trào Đổi Mới - một chính nghĩa vì danh dự của quốc gia - dẫu chuyện đã chỉ đem lại cho ông niềm vinh quang khiêm nhường không phải chết vì tuổi già trên giường bệnh. Theo ý nghĩa đó, bức thư kết luận, cuộc hành trình đến Geneva năm đó của ông đã mang tính thiên mệnh quan phòng.

Tháng 6 /1979

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Vị Thánh Chờ Phong

Tôi gặp lại Margarito Duarte sau hai mươi năm, tại một trong các con đường nhỏ hẹp đầy bí ẩn ở Trastevere; lúc đầu tôi hơi ngỡ ngợ không nhận ra ông ngay, bởi vì ông ta nói một thứ tiếng Tây Ban Nha hơi ngắc ngứ ngập ngừng và có dáng vẻ như một người Cổ La Mã. Tóc ông bạc, thưa và không có gì lưu lại từ phong cách long trọng với quần áo tang chế của một người trí thức xứ Andea quê ông, lần đầu ông đến Rome; nhưng qua cuộc chuyện trò, tôi dần dần nhận dạng lại ông, qua thăng trầm của năm tháng, và thấy lại con người ông trước kia: kín đáo, khó đoán trước và rất mực kiên trì như một người thợ dẻo đá. Trước khi nhấp ly cà phê thứ hai nơi một trong các quán ngày xưa chúng tôi vẫn thường ngồi, tôi đánh bạo thốt ra nỗi nghi vấn đang dày dò trong tôi.

T

"Rồi điều gì xảy ra với vị Thánh?".

"Vị Thánh kia kìa", ông trả lời "vẫn đợi đấy để chờ phong".

Chỉ có chàng ca sĩ giọng tenor Rafael Ribero Silva và tôi mới có thể hiểu được sức nặng nhân bản ghê gớm trong câu trả lời của ông mà thôi. Chúng tôi biết rõ bi kịch của ông đến độ trong hàng bao năm trời tôi đã nghĩ Margarito Duarte là một nhân vật đang đi tìm tác giả, và chúng tôi, những người viết tiểu thuyết, chờ đợi cả đời để được gặp và nếu tôi đã không bao giờ để ông tìm ra tôi, chính bởi vì đoạn kết chuyện đời ông có vẻ như ngoài sức tưởng tượng.

Ông ta đã đến Rome trong mùa xuân rạng rỡ năm xưa khi những đóa hồng mới cắt đã được tẩm liệm cho cô bé. Tuy nhiên, điều đáng kinh ngạc hơn, đó là thi thể cô bé nhẹ tênh, không trọng lượng.

Hàng trăm kẻ hiếu kỳ, bị lôi cuốn bởi tin đồn vang dội về phép lạ, ùn ùn đổ về làng quê đó. Không còn nghi ngờ gì nữa: Sự bất khả diệt của thi thể là một dấu hiệu không thể nghi ngờ về tính thánh thiện và ngay cả vị Giám mục của giáo khu cũng nhận định rằng một điều kỳ diệu như thế cần được đệ trình lên Tòa thánh Vatican phán xét. Và thế là họ kêu gọi toàn giáo dân quyên góp cho Margarito Duarte có thể đi đến Rome để đấu tranh cho chính nghĩa, bây giờ không chỉ còn là của riêng ông hay chỉ giới hạn trong lũy tre làng chật hẹp của miền quê vùng cao hẻo lánh kia nữa mà đã trở thành một vấn đề quốc tế.

Margarito Duarte đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của ông nơi nhà trọ tại quận Panoli yên tĩnh; ông đã bốc mộ con gái và giở nắp quan tài lên như thế nào. Qua đó, chàng ca sĩ tenor Riberto Silva và tôi đã tham dự vào phép lạ. Di hài cô bé không giống những cái xác khô quắt thường thấy tại rất nhiều viện bảo tàng trên khắp thế giới, mà là một bé gái ăn mặc như cô dâu trong ngày cưới, nằm ngủ bình thản sau một thời gian dài dưới mộ sâu. Làn da cô mềm mại, ấm áp và đôi mắt mở ra của cô thật trong trẻo, tạo nên cái ấn tượng rờn rợn là đôi mắt đó đang nhìn ta từ cõi chết. Những đóa hoa cam giả bằng sa tanh trên vương miện đã không đứng vững nổi trước bao khắc nghiệt của thời gian, như làn da của cô, nhưng những đóa hồng đặt vào tay cô thì vẫn còn tươi nguyên, sinh động. Và cũng đúng thực là trọng lượng của cái hộp gỗ thông ấy cũng không thay đổi khi chúng tôi dời thi hài cô bé.

Margarito Duarte bắt đầu cuộc thương thuyết ngay trong ngày hôm sau khi mới đến Rome, trước tiên, với sự trợ giúp của các nhân viên ngoại giao, nhiều cảm tình nhưng không mấy hiệu nghiệm; sau đó bằng bất kỳ chiến lược nào mà ông có thể nghĩ ra để tránh né vô số các rào cản được dựng lên

bởi Tòa thánh Vatican. Ông ta luôn luôn rất kín đáo về những biện pháp ông đang thi hành, song chúng tôi cũng biết được rằng các biện pháp đó nhiều lắm và chưa có biện pháp nào hiệu nghiệm.

Ông liên hệ với các hội đoàn tôn giáo và các tổ chức từ thiện, họ chăm chú nghe ông mà không ngạc nhiên và đều hứa tiến hành tức thời những cuộc vận động chẳng bao giờ được thực hiện. Sự thật, lúc đó không phải là thời điểm thích hợp lắm. Mọi chuyện liên quan đến việc diện kiến Đức Thánh Cha đều phải bị hoãn lại cho đến khi Giáo Hoàng vượt qua được những cuộc tấn công của các tròng nắc cụt đang dai dẳng đề kháng lại cả các kỹ thuật tinh vi của y khoa chính thống lẫn mọi thứ thần phương diệu thuật được cung tiến cho Ngài từ khắp mọi nơi trên trái đất. Cuối cùng, trong tháng bảy, Giáo Hoàng Pius XII bình phục và đến Castel Gandolfo để an dưỡng trong mùa hè. Margarito mang Thánh thể đến cuộc diện kiến ban phước lành hàng tuần của Ngài, hy vọng mình có thể trình diện thi thể của con cho Đức Thánh Cha, ngài xuất hiện ở sân trong, trên ban công rất thấp, khiến Margarito có thể thấy các móng tay được dũa bóng của Ngài và người được mùi nước hoa Lavender từ người Ngài.

Ngài không đi lại giữa đám du khách đến từ khắp các quốc gia để diện kiến Ngài, như Margarito đã tiên liệu, mà Ngài chỉ lặp lại một bài phát biểu bằng sáu thứ tiếng và kết thúc bằng một lời chúc phúc chung chung.

Sau nhiều lần trì hoãn, Marganto quyết định tự tay nắm lấy vấn đề, và ông ta đã thảo ra và gởi đi một bức thư dài khoảng sáu mươi trang đến Phủ Đặc Uy Giáo Vụ Văn Thư, nhưng không nhận được hồi âm nào. Ông đã tiên liệu điều này, bởi vì người phụ trách văn thư khi nhận bức thư viết tay của ông với đầy đủ nghi thức nhưng chẳng thèm hạ cố nhìn qua thi hài con bé, dầu chỉ là một cái liếc mắt; các viên thư ký đi ngang qua nhìn sơ một tí, song cũng chẳng hề chú tâm. Một người trong bọn còn cho ông biết rằng năm trước đó họ đã nhận hơn tám trăm bức thư thỉnh nguyện phong thánh cho các di hài còn nguyện vẹn ở khắp mọi nơi trên hành tinh này. Cuối

cùng, Margarito yêu cầu rằng tính vô trọng lượng của thi thể cô bé cần được chứng thực. Viên chức phụ trách kiểm chứng điều đó khước từ việc thị thực.

"Hẳn đây là một trường hợp ám thị tập thể", ông nói.

Trong những giờ nhàn rỗi hiếm hoi, vào những ngày chủ nhật khô ráo của mùa hè, Margarito ngồi lại trong phòng, ngẫu nhiên quyển sách nào có vẻ liên quan đến mục tiêu của ông ta.

Cuối mỗi tháng, theo sáng kiến của mình; ông thảo ra bảng tính toán chi tiết liệt kê các khoản chi phí của mình vào một quyển tập, chăm chút vận dụng thuật viết chữ đẹp toàn hảo của một viên thư ký trưởng để cung cấp cho quý vị hảo tâm quyên góp nơi làng quê ông, với bảng chiết tính rất chặt chẽ và luôn cập nhật hóa. Chưa đầy một năm, ông đã biết rõ các ngóc ngách mê lộ của thành phố Rome như thể ông đã sinh trưởng nơi đó từ bé, nói trôi chảy tiếng Ý, ngắn gọn rõ ràng như nói tiếng Tây Ban Nha vùng Andea của ông vậy và ông cũng biết nhiều như bất cứ ai, về tiến trình phong thánh. Nhưng bao nhiêu thời gian đã trôi qua trước khi ông thay đổi bộ tang phục, áo veste và cái mũ quan tòa, vào thời ấy ở Rome là điển hình cho một vài hội kín nào đó với những mục tiêu không tiết lộ cho ai. Ông đi ra đường rất sớm với cái hộp đựng vị Thánh và đôi khi ông trở về rất trễ ban đêm, kiệt sức và buồn bã nhưng luôn luôn có một tia sáng cho lòng ông tràn ngập hân hoan tiếp sức cho ông ngày hôm sau.

"Các vị Thánh sống khoảng thời gian riêng của các vị ấy", có lẽ ông tự nhủ thế.

Đây là thời kỳ đầu tôi đến Rome, khi tôi thôi học ở Trung tâm Điện ảnh Thực nghiệm và tôi cùng đi con đường Thánh giá của ông với lòng cuồng nhiệt không thể nào quên. Nhà trọ của chúng tôi, trong thực tế là một căn hộ tân tiến chỉ cách biệt thự Borghese vài bước. Bà chủ nhà giữ hai phòng để ở còn bốn phòng kia cho các sinh viên nước ngoài thuê. Chúng tôi gọi

bà là Bella Marie, và trong độ chín muồi của mùa thu, nhan sắc bà ta trông cũng mận mà, duyên dáng chán và luôn luôn đáng tin cậy đối với cái quy luật thiên liêng: mỗi người thuê phòng là một ông vua trong căn phòng riêng của họ. Người thực sự phải mang gánh nặng của sinh hoạt thường ngày là bà chị già của bà ta, dì Antonietta, một thiên thần không cánh, làm việc hết giờ này qua giờ nọ, suốt ngày đi qua các căn phòng với xô nước và bàn chải chà láng sàn nhà bằng đá cẩm thạch, sạch bóng hết chỗ chê. Chính bà ấy đã tập cho chúng tôi ăn các con chim hót hay mà chồng bà, Bartolino đã bắt được - một thói quen xấu sót lại từ thời chiến - và bà đã cho Margarito ở nhờ nhà bà khi ông ta không còn đủ sức trả tiền nhà cho Bella Maria nữa.

Không có cái gì lại ít thích hợp với bản chất của Margarito hơn là cái căn nhà vô chính phủ đó. Mỗi giờ đều có vài chuyện ngạc nhiên dành cho chúng tôi, ngay cả khi mới rạng sáng, chúng tôi bị đánh thức bởi tiếng gầm đáng sợ của con sư tử nơi vườn thú trong biệt thự Borghese. Chàng ca sĩ giọng tenor Riberto Silva đã được một đặc ân: Người dân La Mã không ghét những buổi luyện giọng vào ban sáng của anh ta. Anh ta thức dậy lúc sáu giờ sáng, tắm nước lạnh theo một phương pháp y học nào đó, cạo tia hàng ria và lông mi theo kiểu quỷ Mephistopheles và chỉ khi đã sẵn sàng, mặc áo choàng tắm kiểu dân Tartare, quần khăn choàng lụa Trung Quốc, xịt lên người nước hoa Cologne, lúc đó anh ta mới để cả thân xác và tâm hồn vào những bài tập luyện giọng. Anh ta muốn mở toang các cửa sổ trong phòng, ngay cả khi các ngôi sao mùa đông còn lấp lánh trên bầu trời lạnh giá, và làm nóng người lên bằng những tràng âm thanh cao dần lên của các tình khúc aria vĩ đại cho đến khi anh ta lên giọng đến hết bậc thang âm. Hàng ngày, mọi người chờ đợi khi anh lên đến "tông đô" ở cuối thang âm, thì con sư tử ở biệt thự Borghese sẽ trả lời anh bằng tiếng gầm rung cả đất.

"Cậu đúng là hiện thân của Thánh Mark, cậu ca sĩ ạ", dì Antonietta kêu lên với nỗi ngạc nhiên thật sự "Chỉ có ông thánh đó có thể trò chuyện với sư tử".

Một sáng mai nọ, không phải tiếng gầm của con sủ tử trả lời như thường lệ, chàng ca sĩ tenor vừa cất tiếng hát bài song ca tình tứ trong vở kịch Othello - "Già nella notte densa s'estingue ogni clamor" - thì bỗng từ cuối sân, chúng tôi nghe tiếng hát đáp, bằng một giọng kim nữ (soprano) tuyệt vời.

Giọng kim nam (tenor) tiếp tục và hai giọng hòa ca toàn bộ khúc hát khiến mọi người chung quanh mê mẩn, tất cả cửa sổ mở rộng để thánh hóa nơi ở của mình với dòng thác của tình yêu không cưỡng được đó. Chàng ca sĩ tenor gần như ngất xỉu khi biết rằng nàng Desdemona vô hình của chàng ta không ai khác hơn là nữ danh ca Maria Caniglia.

Tôi có cảm tưởng là tình tiết đó đã đem lại cho Margarito Duarte một lý do vững chắc để quyến luyến đeo đẳng đời sống trong căn nhà đó. Từ đây trở đi ông ta ngồi với chúng tôi tại bàn ăn chung chứ không phải như lúc đầu ông ta ngồi trong nhà bếp nơi dì Antonietta hầu như mỗi ngày vẫn cho ông ta ăn món chim hầm ngon tuyệt của bà. Khi bữa ăn xong, Bella Maria đọc lớn mấy tờ báo hàng ngày để dạy tiếng Ý cho chúng tôi và bình luận thời sự với sự dí dỏm độc đáo mang lại vui thích cho người nghe. Một ngày kia, với ẩn ý nói bóng gió về vị Thánh, bà ta kể cho chúng tôi rằng ở thành phố Palermo có một viện bảo tàng rất lớn lưu trữ nhiều thi hài không hư nát của đàn ông, đàn bà, trẻ con và của cả một số Giám mục; tất cả đều được đào lên từ nghĩa trang Capuchina. Tin ấy làm Margarito bối rối đến độ ông ta không còn lúc nào thanh thản cho đến khi chúng tôi cùng đến Palermo. Nhưng chỉ cần nhìn thoáng qua các dãy hành lang đầy những cái xác ướp chẳng vẻ vang gì kia đã đủ để ông tự an ủi:

"Những cái này chẳng giống tí nào đâu ông nói - "Các bạn có thể nói ngay rằng họ đã chết".

Sau bữa ăn trưa, thành phố Rome thường rơi vào cơn lơ mơ của tiết trời tháng tám. Mặt trời chiều vẫn bất động giữa bầu trời và trong cái yên ắng của hai giờ chiều, người ta không nghe âm thanh nào khác hơn tiếng nước

róc rách, đó là âm thanh quen thuộc của Rome. Nhưng đến khoảng bảy giờ, các cửa sổ đều mở toang để mời gọi làn gió mát bắt đầu thổi, và một đám đông vui nhộn đổ ra các đường phố để hòa mình vào cuộc sống, giữa những chiếc xe gắn máy với đèn chiếu hậu nhấp nháy, tiếng rao hàng inh ỏi của những người bán dưa hấu, những khúc tình ca giữa vô vàn bông hoa nơi các sân thượng.

Chàng ca sĩ và tôi không ngủ trưa. Chúng tôi chờ nhau trên xe Vespa, chàng ta lái, tôi ngồi sau, mang kem và sôcôlat cho các cô điểm nhỏ mùa hè đang nhớn nơ như bướm lượn dưới các tầng nguyệt quế hàng trăm năm và chờ đón các du khách mất ngủ trong ánh mặt trời chói sáng. Các cô thường đẹp, nghèo nhưng dồi dào tình cảm như đa số phụ nữ Ý thời đó; các cô mặc vải phin dợn sóng xanh da trời, vải pôpôlin hồng, đen, xanh lá cây và che nắng bằng những chiếc dù bị lỗ chỗ thủng bởi những tròng mưa đạn trong cuộc chiến vừa qua. Các cô không phải là lý do để chúng tôi mang Margarito Duarte đến villa Borghese. Chúng tôi muốn ông ta đi xem sư tử. Con sư tử đó không bị giam trong lồng, nó sống trên một tiểu đảo ở giữa một hào nước sâu và vừa mới nhìn thấy chúng tôi từ bờ xa, nó đã bắt đầu gầm thét vang động làm người canh giữ nó phải ngạc nhiên. Các khách đến tham quan túm tụm lại với nhau, ngơ ngác. Chàng ca sĩ tenor cố gắng đồng hóa mình với âm "đô" cực cao buổi sáng, thế nhưng chàng sư tử cứ ngoảnh mặt làm ngơ. Có vẻ như chàng ta gầm thét với tất cả chúng tôi chứ chẳng có biệt nhãn với riêng ai, song người canh giữ lại biết ngay rằng sư tử chỉ gầm rống vì Margarito. Thật thế: Ông ta đi đến đâu thì con sư tử cũng di chuyển theo hướng đó và ngay khi ông khuất khỏi tầm nhìn thì sư tử cũng ngưng gầm thét. Người canh giữ thú đã từng đỗ Tiến sĩ Văn học Cổ điển ở Đại học Siena, nghĩ rằng chắc là do Margarito đã ở gần các con sư tử khác trong ngày đó và còn vương hơi hướm của chúng. Ngoài cách lập luận đó ra, thực sự không xác đáng lắm, ông không thể nghĩ ra cách giải thích nào khác.

"Nhưng đầu sao", ông nó "đó là những tiếng gấm rỗng thoát ra từ lòng thương xót chứ không phải tiếng gấm thét xung trận."

Vả lại, điều khiến cho chàng ca sĩ Ribero Silva xúc động nhất không phải là cái phân đoạn siêu nhiên vừa rồi, mà là sự bối rối của Margarito khi họ ngừng chuyện trò với các cô gái trong công viên. Anh ta đưa ra nhận xét đó khi ngồi vào bàn, và tất cả chúng tôi đều đồng ý - vài người vì muốn đùa nghịch, những người khác vì cảm tình - rằng có lẽ là một ý kiến hay nếu chúng tôi giúp được cho Margarito thoát khỏi cảnh đơn độc phòng không chiếc bóng. Xúc động vì tấm lòng dịu dàng của chúng tôi, Bella Maria áp đôi tay mang đầy nhẫn với ngọc thạch giả lên bộ ngực đáng giá của một bà từ mẫu trong thánh kinh:

"Tôi muốn làm điều đó vì lòng bác ái", nàng nói "trừ một điều là tôi lại không chịu được mấy người đàn ông lúc nào cũng mặc đồ veste".

Đó là lý do tại sao chàng ca sĩ chạy xe vespa đến khu biệt thự Borghese vào lúc hai giờ chiều và quay về với một nàng bướm nhỏ mà anh ta nghĩ rằng có thể đem lại cho Margarito Duarte một giờ bầu bạn thoải mái vui vẻ. Chàng ta bảo nàng hãy cởi bỏ hết quần áo trong phòng mình, tắm cho nàng bằng xà bông thơm, lau khô cho nàng, xịt nước hoa cho nàng, thoa phấn khắp người nàng bằng loại phấn có long não dùng sau khi cạo râu của đàn ông. Rồi chàng ta chỉ cho nàng theo khoảng thời gian họ đã trải qua cộng thêm một giờ nữa và dặn dò nàng, từng bước một, phải làm gì trong khoảng thời gian đó.

Người đẹp trần truồng đi nhón gót qua căn nhà mờ mờ, như trong giấc mộng trưa hè, gõ nhẹ vào cửa sau buồng ngủ, và Margarito Duarte xuất hiện, chân trần và không mặc áo.

"Buona sera, giovanotto" nàng cất lời chào với giọng điệu của một cô nữ sinh bé bỏng. "Mimanda il tenore" (Cháu muốn gặp anh ca sĩ).

Margarito xử lý tình huống bất ngờ đó với một phong thái chững chạc đường hoàng. Ông mở rộng cửa đón nàng vào và nàng nhào ngay lên giường nằm đợi trong khi ông vội vã mặc áo vào, mang giày vớ cẩn thận để đón nàng với tất cả nghi thức trọng thị đúng mức. Rồi ông ngồi vào chiếc ghế cạnh bên nàng và bắt đầu cuộc trò chuyện. Cô gái bảo ông gấp lên vì họ chỉ có một giờ thôi. Ông ngỡ ngàng không hiểu.

Cô gái sau đó đã nói với chúng tôi là đầu sao đi nữa cô cũng ở cùng với ông ta bao lâu mà ông thích và không đòi hỏi ông lấy một xu bởi vì không thể có người đàn ông nào cư xử tốt đẹp, đáng mến hơn trên đời này như ông. Trong thời gian đó, không biết làm gì, cô bé nhìn quanh quần căn phòng và bắt gặp cái hộp gỗ gần bên lò sưởi. Cô hỏi có phải đó là cây kèn saxophone hay không. Margarito không trả lời, chỉ vén tấm màn màn lên để một chút ánh sáng lọt vào, mang cái hộp lại giường và dỡ nắp lên. Cô gái định cố nói một điều gì đó, nhưng hàm của cô cứ há hốc ra. Như sau đó cô kể lại với chúng tôi "Tôi sợ cóng cả người". Cô chạy vụt ra khỏi phòng, la lên thất thanh, nhưng cô lạc đường, chạy đâm sầm vào dì Antonietta, dì đang đi đến phòng tôi để thay cái bóng đèn. Cả hai người đều kinh hoàng đến độ cô gái không dám rời căn Dì Antonietta không bao giờ biết được chuyện gì xảy ra.

Dì đi vào phòng tôi, sợ hãi đến nỗi không vận được cái bóng đèn cũ để tháo ra vì tay dì cứ run lấy bầy. Tôi hỏi dì làm sao thế. "Có ma trong nhà này", dì nói "Mà ngay giữa ban ngày ban mặt đấy". Dì kể lại cho tôi nghe, bằng giọng rất tin tưởng, là trong thời kỳ chiến tranh, một sĩ quan Đức đã cắt cổ tình nhân của anh ta ngay trong phòng anh chàng ca sĩ đang ở.

Những lúc làm việc lau chùi nhà dì vẫn thường thấy bóng ma của nạn nhân xinh đẹp đó đi đi lại lại dọc theo hành lang.

"Tôi vừa thấy cô ấy đi lại trần truồng qua các phòng", dì nói. "Cô ấy trông vẫn như thế".

Thành phố đi vào thông lệ mùa thu. Các sân thượng đầy hoa của mùa hè giờ khép lại với cơn gió đầu thu; chàng ca sĩ tenor và tôi quay về chốn cũ ở Trastevere, nơi chúng tôi ăn tối với các học viên thanh nhạc của Bá tước Carlo Calcagni và vài người bạn đồng lớp của tôi từ trường điện ảnh, trong số đó người đáng tin cậy nhất là Lakis, một anh chàng Hy Lạp thông minh và dễ mến, chỉ có khuyết điểm duy nhất là ưa thuyết giáo về bất công xã hội khiến người nghe dễ buồn ngủ.

Cũng may cho chúng tôi là các giọng kim nam (tenor) và các giọng kim nữ (soprano) hầu như lúc nào cũng chìm các bài thuyết giáo buồn ngủ của anh ta bằng những tuyển khúc opéra mà họ hát ở thang âm cao nhất nhưng không hề làm ai phiền lòng, ngay cả sau nửa đêm. Trái lại, đôi người khách vắng lai trong đêm muộn còn thích nhập vào dàn hợp xướng và lắng giềng cùng mở cửa sổ để vỗ tay cổ vũ rất nhiệt tình.

Một đêm nọ, trong khi chúng tôi đang hát, Margarito đi nhón gót vào, nhằm không làm kinh động chúng tôi. Ông mang vào cái thùng gỗ mà ông đã không có đủ thì giờ để lại nơi nhà trọ sau khi trình vị Thánh cho linh mục giáo khu ở nhà thờ Giovani, giáo xứ Laterano, một vị chức sắc rất có ảnh hưởng với Hội thánh Nghi lễ. Từ khước mắt mình, tôi liếc nhìn thấy ông đang đặt cái hộp dưới cái bàn ở riêng một góc, nơi ông ngồi yên cho đến khi chúng tôi ngưng hát. Như thường lệ, ngay sau nửa đêm khi phòng họp bắt đầu thừa người dần, chúng tôi đẩy các bàn kê lại sát bên nhau và ngồi chung quanh một nhóm, người này hát, kẻ kia nói chuyện phim ảnh, chuyện bạn bè và giữa đám họ, Margarito Duarte, được mọi người ở đó biết đến như là một người Colombia lạnh lẽ, ưu sầu với cuộc đời đầy bí ẩn. Lakis tọc mạch hỏi ông ta có chơi trung vĩ cầm (cello) không. Tôi thấy nhột nhạt, phật ý với câu hỏi hơi sỗ sàng đó. Chàng ca sĩ cũng thấy khó chịu và không biết làm gì để cứu vãn tình thế. Chỉ duy có Margarito đã trả lời câu hỏi một cách rất tự nhiên, hoàn toàn tự nhiên như nhiên.

"Đó không phải là cây đàn cello" - "Đó là vị Thánh".

Ông đặt cái hộp lên bàn, mở khóa, dở nắp lên. Một cơn gió giật sững sờ làm rung động cả quán ăn. Các người khách khác, các người hầu bàn, ngay cả những người trong bếp với khăn tạp dề còn dây máu, quây quần lại vì kinh ngạc, để xem phép lạ. Vài người làm dấu thánh giá. Một bà bếp trong cơn run rẩy cuồng nhiệt, khụy gối xuống tay chấp lại, yên lặng nguyện cầu.

Và cả khi cơn chấn động ban đầu qua đi, chúng tôi còn mắc mớ vào những lập luận ôn ào vì sự thiếu vắng tính thánh thiện ở thời đại hiện nay. Lakis, như thường lệ, tỏ ra nhiệt thành đến mức cực đoan. Cuối cuộc tranh luận, anh ta quyết định dứt khoát sẽ sáng tác một kịch bản bi thống về vị Thánh.

"Tôi chắc là", anh ta nói, "thầy Cesar sẽ không bao giờ bỏ qua đề tài này".

"Ồi, trời đất!" thầy gầm lên vang động khắp cả làng trên xóm dưới: "Đó là điều khiến ta không chịu nổi bọn Stalinist: Bọn người giáo điều đó chẳng chịu tin vào thực tại".

Mười lăm năm tiếp theo sau đó, như lời ông kể lại với tôi, Margarito vẫn mang vị Thánh đến Castel Gandolfo, may ra có dịp để trình bày bằng chứng. Tại một buổi diện kiến với khoảng vài trăm giáo dân hành hương đến từ châu Mỹ La tinh, ông ta xoay sở cách nào đó để kể câu chuyện của mình, giữa những cú xô đẩy và la hét, cho Đức Giáo hoàng John XIII độ lượng. Nhưng ông ta đã không thể trình kiến cô bé cho Đức Thánh Cha bởi vì, để phòng ngừa mọi mưu toan ám sát Đức Thánh Cha, người ta đã bắt buộc ông phải để cái hộp gỗ tại cửa vào cùng với đám ba lô, túi xách của các hành hương khác. Giáo hoàng nghe ông nói, với tất cả sự chú tâm có thể được giữa đám đông chộn rộn đó, và vỗ vào má ông để khích lệ.

"Hoan hô, con yêu dấu của ta", người nói. "Chúa sẽ ân hưởng cho lòng kiên định của con".

Nhưng chính là dưới triều đại chóng qua của Đức Giáo hoàng luôn tươi cười Albino Luciani, Margarito thực sự cảm thấy suýt nữa thực hiện được giấc mơ của mình. Một trong những thân nhân của Đức Giáo hoàng, xúc động bởi câu chuyện của Margarito, đã hứa sẽ can thiệp. Không ai để ý lắm đến ông ta. Nhưng hai ngày sau, trong khi ngồi ăn trưa ở nhà trọ, có người gọi điện thoại cho Margarito với lời nhắn đơn giản, văn tắt: Đừng rời Rome đi đâu hết, bởi vì khoảng một vài ngày trước thứ năm, có thể ông sẽ được triệu đến điện Vatican để hội kiến riêng.

Không ai biết được đó có phải là một trò đùa hay chuyện thật. Margarito không nghĩ thế và luôn ở tư thế sẵn sàng.

Ông ta không rời khỏi nhà nửa bước. Nếu phải đi vào phòng tắm, ông cũng dặn hờ: "Tôi sắp đi tắm đây nhé". Bella Maria vẫn còn dí dỏm trong buổi quá độ vào mùa đông nhan sắc, cười toáng lên với nụ cười tinh quái của một bà nà dòng phóng khoáng.

"Chúng tôi biết mà, Margarito", bà la to lên "Nếu người gọi, tôi sẽ vào lôi ông ra ngay".

Buổi sáng sớm của một ngày trong tuần sau đó, Margarito gần như sụi xuống khi ông bắt gặp cái tiêu đề trên báo được tuồn vào cửa: "Đức Thánh Cha vừa mới băng hà". Trong một lúc, ông ta đã cố bám vào ảo tưởng rằng đó là một tờ báo cũ được phát nhầm, bởi vì thật khó tin được rằng mỗi tháng lại có một giáo hoàng chết đi. Nhưng đó là sự thật: Đức Giáo hoàng luôn tươi cười Albino Luciani, mới được bầu lên đúng ba mươi ba ngày trước đó, đã về châu Chúa trong giấc ngủ êm đềm.

Tôi trở lại Rome hai mươi hai năm sau lần đầu tiên gặp Margarito Duarte, và có lẽ tôi đã không còn nghĩ gì về ông, nếu chúng tôi không tình cờ gặp nhau ngoài phố. Tôi đang xuống tinh thần vì gặp lúc thời tiết khắc nghiệt, chẳng còn muốn nghĩ đến ai. Một cơn mưa bụi giống như món xúp âm ẩm cứ rơi xuống lầy nhầy không ngừng, ánh sáng trong vắt kim cương

của ngày hè đã biến thành xám xịt buồn lầy và những nơi chốn một thời thân thiết với tôi và níu kéo bao hoài niệm, nay bỗng dừng xa cách lạnh lùng. Cái building với cái nhà trọ nơi chúng tôi sống ngày xưa vẫn còn đó. Không thay đổi, nhưng không ai biết gì về Bella Maria nữa. Không có ai trả lời cho số điện thoại mà chàng ca sĩ Ribero Silva đã cho tôi từ nhiều năm trước. Khi ngồi ăn trưa với những học viên kịch nghệ điện ảnh mới, tôi gọi lại kỷ niệm về người thầy cũ của chúng tôi và một sự im lặng bất ngờ bao trùm cả bàn ăn một lúc lâu cho đến khi có người lên tiếng:

"Zavattini à? Biệt tăm biệt tích từ lâu rồi".

Thật thế: Chẳng có ai nghe nói gì về ông ta từ lâu. Các hàng cây trong biệt thự Borghese nghiêng ngã dưới mưa, con đường phi ngựa của những nàng công chúa sầu muộn đã bị cỏ dại mọc tràn lấp, không còn bóng dáng một đóa hoa và những nàng bướm xinh đẹp ngày xưa đã bay về đâu, giờ đây là những nàng ái nam ái nữ với dáng vẻ lực sĩ mặc quần áo sáng chói theo một nửa gái nửa trai. Trong số những thú hoang gần tuyệt chủng chỉ còn chú sư tử già sống sót, rên rỉ đau đớn vì bệnh ghẻ lở và buốt đầu, đứng đơn độc nơi hòn đảo lơ lửng, bao bọc chung quanh bởi làn nước cạn khô. Không còn ai hát về tình yêu hay chết cho tình yêu nữa nơi quảng trường Piazza di Spagna. Bởi thành Rome trong tưởng niệm của chúng tôi giờ đây cũng đã trở nên một thành Rome cổ xưa trong lòng thành Rome cổ đại của các hoàng đế César. Bỗng một giọng nói như vọng về từ cõi xa xăm vô hình nào khiến tôi đứng sững lại với đôi chân tê buốt, nơi đường phố hẹp ở Trastevere.

"Chào Nhà Thơ" Chính là ông, già cả và mệt mỏi. Bốn vị Giáo hoàng đã qua đời, thành Rome vĩnh cửu đã lộ ra những dấu hiệu suy tàn, băng hoại và tuy thế, ông vẫn đứng chờ như hòn đá vọng phu. "Tôi đã chờ quá lâu rồi, không thể nào lâu hơn", ông nói với tôi như thế khi từ biệt tôi sau gần bốn giờ tâm sự hoài cổ.

"Có thể chỉ cần vài tháng nữa thôi". Ông lê bước xuống đường, chân mang giày trận và đầu đội cái mũ bạc màu của người La Mã cổ đại, chẳng thèm để ý đến mưa rơi, qua làn mưa, ánh sáng trở nên đục lờ mờ.

Tôi không còn chút nghi ngờ, không bao giờ còn nghi ngờ gì nữa: vị Thánh, chính là Margarito. Dù không nhận ra điều ấy, nhưng qua di thể bất hoại của con gái ông và trong khi vẫn còn sống, ông đã trải qua hai mươi năm chiến đấu không mệt mỏi cho chính nghĩa thánh hóa tự thân.

Tháng tám, 1981

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Người Đẹp Ngủ Yên Suốt Chuyến Bay Dài

Nàng đẹp và linh hoạt với làn da mịn màu bánh mì và đôi mắt hạnh đào xanh; làn tóc sẫm đen nhánh xõa ngang vai; nơi nàng toát ra vầng hào quang nguyên sơ có thể là từ xứ Indonesia xa xăm hay từ vùng Andem hoang dã. Nàng ăn mặc với kiểu trang phục tinh tế: Một áo jacket bằng lông linh miêu, áo bờ lu bằng lụa thô với những bông hoa trang nhã, quần dạ thiên nhiên và giày có sọc hẹp màu hoa giấy. "Đây là người đàn bà xinh đẹp nhất mà ta chưa hề thấy", tôi nghĩ thế khi thấy nàng sải bước ngang qua êm ru như dáng bước một nàng sư tử cái trong khi tôi đứng chờ trong dãy người đi vào phi trường Charles de Gaulle ở Paris, chờ chuyến bay đi New York. Nàng là một xuất hiện siêu nhiên chỉ hiện hữu trong khoảnh khắc và tan biến vào đám đông ở ga cuối.

N

Lúc đó là chín giờ sáng. Suốt đêm trước, trời đổ tuyết liên miên, sự lưu thông trở nên khó khăn hơn thường lệ nơi các đường phố và càng chậm hơn trên các xa lộ, nơi các xe tải sắp hàng sát vai nhau và xe hơi tỏa hơi nóng trong tuyết.

Tuy nhiên bên trong ga cuối của phi trường, thời tiết vẫn còn đang mùa xuân.

Tôi đứng sau một bà Hà Lan lớn tuổi cầu nhàu suốt buổi về sự nặng nề cồng kềnh của mười một cái vali bà mang theo bên mình. Tôi đã bắt đầu thấy nản thì bỗng thấy sự xuất hiện thoáng chốc khiến tôi ngừng thở và vì

thế tôi đã không hề chú ý đến sự xung đột đã chấm dứt như thế nào. Rồi thì người bán vé đã kéo tôi từ trên các tầng mây xuống bằng lời trách móc sự đãng trí của tôi. Bằng cách ngỏ lời xin lỗi trước, tôi hỏi cô có tin vào tình yêu ngay tia nhìn đầu tiên hay không. "Dĩ nhiên là tin" cô trả lời "Những loại tình yêu khác đều không thực". Cô ta vẫn dán mắt vào màn hình máy vi tính và hỏi tôi muốn chỗ ngồi ở nơi được hút thuốc hay không hút thuốc.

"Chẳng thành vấn đề" tôi nói với vẻ ranh mãnh cố ý "miễn là tôi không vướng víu với mười một cái valy".

Cô biểu lộ sự đánh giá của mình bằng một nụ cười doanh thương nhưng tia nhìn không rời khỏi màn hình lấp lánh sáng.

"Hãy chọn một con số" cô bảo tôi. "Ba, bốn hoặc bảy".

"Số bốn".

Nụ cười cô ánh lên tia chiến thắng.

"Trong suốt. mười lăm năm tôi làm việc tại đây" cô nói "anh là người đầu tiên không chọn số bảy".

Cô ta viết số ghế ngồi vào thẻ lên tàu của tôi và trả lại cho tôi cùng tất cả các giấy tờ liên quan, nhìn tôi lần đầu tiên với đôi mắt màu nho, một điều an ủi cho đến khi tôi thấy lại Người Đẹp. Chỉ khi đó nàng mới thông báo cho tôi rằng phi trường vừa đóng cửa và mọi chuyến bay đều hoãn lại.

"Bao lâu?".

"Điều đó tùy ở Chúa" cô nói với nụ cười. "Đài phát thanh thông báo sáng nay rằng có thể đây là trận bão tuyết lớn nhất trong năm".

Cô đã lầm: Đây là trận bão tuyết lớn nhất thế kỷ. Nhưng trong phòng đợi vé hạng nhất, mùa xuân vẫn hiện diện tràn đầy với hoa hồng tươi trong

lọ, nhạc thính phòng vẫn tuyệt diệu và ru êm tâm hồn, đúng như ý hướng của các nhà soạn nhạc đã sáng tạo ra nó. Tất cả bỗng nhiên khiến tôi nghĩ rằng đây là nơi trú ẩn thích hợp cho Người Đẹp và tôi tìm nàng ở các chỗ đợi khác, bước chân bị cuốn theo sự táo bạo của mình. Nhưng phần đông ở đây là các vị đàn ông trong đời thực đang đọc báo tiếng Anh trong khi quý phu nhân của họ đang nghĩ về một anh chàng nào khác, khi các bà, qua khung cửa kính lớn, nhìn mấy chiếc máy bay chết dí trong tuyết, các cơ xưởng băng giá, những cánh đồng mênh mông xứ Roissy bị tàn phá bởi bầu sư tử hung hãn. Đến giữa trưa thì không còn chỗ để ngồi và cái nóng trở nên oi nồng khó chịu đến nỗi tôi phải thoát ra tìm một chút không khí để thở.

Bên ngoài, tôi thấy một cảnh tượng tràn ngập. Mọi người chen chúc vào các phòng đợi và chôn chân nơi các hành lang ngột ngạt và cả các bậc thang, ngổn ngang trên sàn với các con thú cưng của họ, với con cái, với hành lý. Việc liên lạc với thành phố đã bị cắt đứt và tòa nhà bằng chất nhựa trong giống một cái hộp không gian bị vây khốn trong bão tố. Tôi không thể ngăn được ý nghĩ rằng Người Đẹp cũng phải ở một nơi nào đó giữa các bầu đàn đã được thuần hóa và tính ngông ngạo đã gây cảm hứng cho tôi với một lòng can đảm mới để chờ đợi.

Vào bữa ăn trưa, chúng tôi đã nhận ra rằng chúng tôi đã đắm tàu. Các hàng người nối đuôi vô tận bên ngoài bảy nhà hàng ăn, các quán cà phê, các bar rượu và trong khoảng non ba tiếng đồng hồ, tất cả các nơi này phải đóng cửa vì không còn gì để ăn hay uống. Các đứa bé, một lúc nào đó trông cũng giống như mọi đứa bé khác trên đời, bắt đầu đồng loạt khóc vang lên, và mùi bầu đàn bắt đầu bốc lên từ đám đông. Đó là thời điểm của bản năng. Trong cái đám tranh giành hỗn độn đó, món duy nhất tôi tìm được để ăn là hai cốc kem va-ni cuối cùng trong một quán nhỏ cho trẻ em. Những người hầu bàn đặt ghế lên bàn khi những người chủ đã đi, trong khi tôi chậm rãi ăn ở quầy, tự ngắm mình trong gương với cốc kem nhỏ cuối cùng, muống kem nhỏ cuối cùng và nghĩ về Người Đẹp.

Chuyến bay đến New York, lúc đầu được dự tính vào lúc mười một giờ sáng, đã rời phi đạo vào lúc tám giờ tối. Vào lúc tôi xoay sở để lên tàu, các hành khách hạng nhất khác đã sẵn sàng rời chỗ ngồi và một tiếp viên hàng không dẫn tôi lại chỗ của tôi. Tim tôi ngừng đập.

Sát chỗ ngồi của tôi, Người Đẹp chiếm hữu khoảng không gian của mình với sự uy nghi của một nhà du hành lão luyện.

"Nếu tôi có viết điều này cũng chẳng ai tin tôi" tôi nghĩ vậy.

Tôi cố ấp úng thốt ra một lời chào mơ hồ mà nàng như chẳng hề nghe.

Nàng an tọa như nàng sắp sống nơi đó hàng năm trời, sắp đặt mỗi vật vào đúng chỗ, ngăn nắp trật tự cho đến khi chỗ ngồi của nàng được sắp xếp giống một căn nhà lý tưởng, nơi mọi vật đều trong tầm tay với. Trong thời gian đó, một tiếp viên mang đến cho chúng tôi cốc sâm banh chiêu đãi. Tôi cầm một ly mời nàng nhưng nghĩ tốt hơn nếu rượu được đưa đúng lúc, mời đúng người. Vì nàng chỉ muốn một ly nước lã và nàng yêu cầu tiếp viên, lần đầu bằng một thứ tiếng Pháp khó ai hiểu nổi, rồi sau đó bằng một thứ tiếng Anh cũng chỉ gọi là lưu loát hơn một tí, đừng đánh thức nàng vì bất cứ lý do gì trong suốt chuyến bay. Giọng nàng ấm áp nghiêm trang và hòa lẫn với nỗi buồn phương Đông vời vời.

Khi tiếp viên mang lại ly nước, nàng đặt hộp điểm trang với bốn góc viền đồng lên gói hành lý xách tay, lấy hai viên màu vàng từ một cái hộp đựng nhiều viên khác đủ màu. Nàng làm mọi việc theo một cung cách long trọng và có phương pháp như thể không có điều gì bất ngờ xảy ra từ khi nàng chào đời. Cuối cùng, nàng kéo tấm màn che cửa sổ xuống, vặn thật thấp phần dựa ghế ngồi, trùm chắn đến tận ngang ngực mà không cởi giày, mang chiếc mặt nạ ngủ, quay lưng về phía tôi, rồi ngủ một mạch, không một tiếng thở dài, không hề thay đổi tư thế, suốt tám tiếng đồng hồ đằng đẳng và mười hai phút thêm, trên chuyến bay đến New York.

Thật là một cuộc hành trình khiến tôi nồng ấm cả tâm hồn. Tôi vẫn luôn nghĩ rằng trong thiên nhiên không có gì đẹp hơn người đàn bà đẹp và tôi chẳng thể thoát khỏi, dù chỉ trong khoảnh khắc, hình tượng thanh thoát của một "thư trung hữu nữ nhan như ngọc" đang chìm đắm trong giấc điệp êm đềm bên cạnh tôi. Người tiếp viên nam biến đi ngay sau lúc phi cơ cất cánh; một tiếp viên khác với đầu óc rất duy lý đến thay phiên, đã cố gắng đánh thức Người Đẹp dậy để đưa cho nàng hộp đựng đồ toa lét và một bộ trợ thính (earphones) để nghe nhạc. Tôi lặp lại lời dặn của nàng cho người tiếp viên trước đây, nhưng anh chàng mới thay này nhấn mạnh ý muốn nghe từ chính miệng Người Đẹp, rằng nàng cũng chẳng muốn dùng món xúp. Anh chàng tiếp viên cho rằng lời dặn của nàng cần được xác nhận và anh ta trách tôi bởi vì Người Đẹp không đeo tấm bảng "Xin đừng làm phiền" quanh cổ nàng.

Tôi ăn món xúp trong đơn độc, tự nhủ thăm mọi việc mà có lẽ tôi đã nói với nàng nếu nàng tỉnh giấc. Giấc ngủ của nàng thật sâu lắng đến độ tôi lo lắng nghĩ rằng nàng đã uống thuốc tự tử chứ không phải để ngủ. Mỗi lần uống, tôi nâng ly chúc nàng:

"Chúc sức khỏe Người Đẹp".

Khi xong món xúp, đèn trong khoang mờ đi và một bộ phim được chiếu lên màn ảnh, nhưng chẳng có ai xem và hai chúng tôi lẻ loi trong bóng tối chật chùng của thế giới bao la.

Cơn bão tuyết lớn nhất thế kỷ đã qua đi, đêm trên Đại Tây Dương thật mênh mông trong vắt và chiếc phi cơ như lững lờ bất động giữa trời sao. Tôi chiêm ngưỡng nàng, từng phân, từng ly, trong hàng giờ liền và dấu hiệu đời sống duy nhất tôi có thể khám phá đó là bóng mờ của giấc mộng thoáng qua trên trán nàng như phản ảnh của các đám mây trên mặt nước hồ tĩnh lặng trong veo. Quanh cổ nàng mang một sợi dây chuyền thật trang nhã, mảnh mai đến gần như vô hình, hòa lẫn với làn da vàng ánh của nàng, đôi tai hoàn hảo không xỏ lỗ tai, móng chân, móng tay hồng nhuận chứng tỏ

một sức khỏe tốt và trên tay trái nàng đeo một chiếc nhẫn trơn. Vì nàng trông chưa quá tuổi đôi mươi, tôi tự an ủi với ý nghĩ rằng đó không phải là nhẫn cưới mà chỉ là dấu hiệu của một đính ước phù du "Biết em đang ngủ, thanh thản, tinh khiết, thật gần gũi đến thế trong vòng tay bị xiềng xích của ta". Tôi nghĩ trên đầu bọt sóng champagne, lặp lại những vần thơ bậc thầy của Gerardo Diego.

Rồi tôi hạ thấp lưng tựa ghế ngồi của mình ngang với ghế ngồi của nàng, và chúng tôi cùng nằm bên nhau, gần sát nhau như thể chúng tôi đang cùng nằm trên giường tân hôn.

Không khí từ hơi thở của nàng cũng giống làn hơi từ giọng nói của nàng và làn da nàng toát ra hơi thở diệu kỳ của mùi hương nhan sắc. Thật hầu như khó tin: Mùa xuân năm trước tôi đã đọc một cuốn tiểu thuyết hay tuyệt của Yasunari Kawabata viết về các vị hào phú thời xưa ở cố đô Kyoto đã dám vung tay hàng khối tiền rất lớn để chi cho một đêm được nhìn ngắm những cô gái đẹp nhất trong thành phố, khóa thân và lơ mơ vì thuốc, khi họ mê đắm với ân tình trong một chiếc giường. Các vị không thể đánh thức các nàng dậy hay đụng chạm vào các nàng mà họ cũng không muốn làm thế, bởi vì tinh túy của niềm lạc thú nơi họ là nhìn các nàng say sưa trong giấc điệp. Đêm đó, khi nhìn ngắm Người Đẹp ngủ, tôi không chỉ "ngộ" được nét tinh tế xa xưa đó mà còn "sống" với nó trọn vẹn.

"Ai có thể nghĩ được rằng", tôi tự nhủ, với lòng phù phiếm bốc đồng do men champagne "rằng ta đã trở thành một tay phong lưu công tử Nhật Bản thời xa xưa vào một thời điểm muộn màng như bây giờ".

Tôi nghĩ mình đã ngủ trong nhiều giờ, bị ngấm men champagne và tiếng nổ câm lặng của màn ảnh, khi thức giấc, đầu tôi nhức như búa bổ. Tôi đi vào phòng tắm. Sau chỗ tôi ngồi hai ghế, bà già với mười một cái valy, nằm trong một tư thế dạng người trông thật ghê khiếp, giống một tử thi đang phơi thây nơi chiến địa. Đôi kính lão của bà ta với dây vòng hạt cườm màu

rơi trên sàn giữa lối đi và, trong một lúc tôi tự cho mình niềm thích thú ranh mãnh lơ đi, không nhặt chúng lên cho bà ta.

Sau khi thoát khỏi ảnh hưởng của champagne, tôi tự nhìn ngắm mình trong gương, thật xấu xí, đáng khinh và ngạc nhiên khi nhận ra sự tàn phá của tình yêu có thể khủng khiếp đến thế. Máy bay mất độ cao mà không thông báo, nhưng viên phi công đã khéo léo điều chỉnh bay thẳng trở lại và tiếp tục phóng hết tốc độ về phía trước. Dấu hiệu "Trở về chỗ ngồi" bật sáng lên. Tôi nôn nao với niềm hy vọng rằng cơn cuồng đảo của Chúa có thể đánh thức Người Đẹp dậy và nàng sẽ phải tìm chỗ ẩn trú trong vòng tay tôi để tránh nổi kinh hoàng. Trong lúc vội vã về chỗ ngồi, tôi suýt dẫm lên đôi kính của bà già Hà Lan và có lẽ tôi đã thấy thích thú nếu việc đó xảy ra. Nhưng tôi đã quay bước, nhặt đôi kính đặt lên túi xách của bà với lòng biết ơn chột đến vì bà ta đã không chọn ghế ngồi số bốn trước khi tôi chọn.

Giấc ngủ của Người Đẹp thật triền miên. Khi phi cơ ổn định lại, tôi phải cố cưỡng lại sự cám dỗ muốn lay nàng dậy vì một cái cớ nào đó, bởi vì điều tôi thiết tha muốn trong giờ cuối của chuyến bay, là được thấy nàng thức giấc, ngay cả nếu nàng giận dữ, để tôi có thể tìm lại tự do và có lẽ cả tuổi trẻ của tôi. Nhưng tôi đã không làm được điều đó. "Quí quái thật" tôi tự nhủ với lòng khinh miệt "Tại sao mình lại không được sinh ra dưới dấu hiệu Kim Ngưu".

Nàng tự thức giấc lúc đèn đáp xuống phi đạo bật sáng lên. Nàng xinh đẹp và tươi mát như đã trải qua một giấc ngủ êm đềm nơi vườn hồng. Đó là lúc tôi nhận ra rằng, giống các cặp vợ chồng già, những người ngồi gần nhau trên cùng các chuyến bay không chào nhau buổi sáng khi họ thức giấc.

Nàng cũng thế. Nàng gờ mặt nạ ra, mở đôi mắt rạng rỡ, nâng thẳng lưng tựa ghế ngồi, dẹp chần đấp qua một bên, lắc nhẹ mái tóc cho buông lơi xuống tự nhiên, đặt hộp trang điểm lên đôi đầu gối và sửa soạn một cách nhanh chóng - và không cần thiết, tôi nghĩ - vừa đủ hết khoảng thời gian để

nàng không hề nhìn đến tôi cho đến khi cánh cửa máy bay mở ra. Rồi nàng khoác áo jacket lông linh miêu vào người, vượt qua tôi với lời xin lỗi ước lệ bằng thứ tiếng Tây Ban Nha châu Mỹ La tinh thuần khiết, rời xa mà chẳng một lời từ giã hay ít ra cũng cảm ơn tôi về tất cả những gì tôi đã làm để biến cái đêm chúng tôi ngồi gần bên nhau thành một đêm hạnh phúc. Rồi nàng biến đi như giọt sương lung linh huyền ảo dưới ánh nắng chói chang của rừng rậm Amazone là cái thành phố New York vĩ đại mà vô hồn kia.

Tháng sáu 1982

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Giữa Đời Dem Bán Chiêm Bao

Một buổi sáng mai nọ, vào lúc chín giờ, trong khi chúng tôi đang ngồi dùng điểm tâm trên sân thượng của khách sạn Havana Riviera trong ánh nắng rực rỡ, một ngọn sóng khổng lồ cuốn tung lên mấy chiếc xe đang chạy trên đại lộ dọc theo bức tường chắn sóng hay đang đỗ lại trên vỉa hè và hất tung một chiếc về phía khách sạn. Như một tiếng nổ của quả mìn, điều đó tạo nên nỗi kinh hoàng suốt hai mươi tầng của tòa nhà và biến cánh cửa lớn vào đại sảnh của khách sạn thành cát bụi. Rất nhiều du khách đang ngồi nơi phòng đợi bị ném tung lên không cùng lúc với bàn ghế, đồ đạc và vài người còn bị cắt nát bởi các mảnh kính vỡ. Ngọn sóng hẳn là rất cuồng bạo vì đã tràn qua con phố rộng hai chiều giữa bức tường chắn sóng và khách sạn, và còn đủ mạnh để làm vỡ tung cánh cửa.

M

Các thanh niên chí nguyện nhiệt tình của Cuba, hiệp lực với phòng chữa cháy đã dọn dẹp các đồng đồ nát trong vòng sáu tiếng đồng hồ và bít lối cổng đi ra biển, làm một cổng khác, và rồi mọi sự trở lại bình thường. Trong buổi sáng không còn ai bận tâm về chiếc xe hơi bị ghim dính vào tường vì mọi người nghĩ rằng đó là một trong những chiếc xe đã đỗ lại trên vỉa hè.

Nhưng khi chiếc xe cầu câu chiếc xe đó ra khỏi chỗ, thi thể một người đàn bà hiện ra, còn dính vào tay lái nhờ sợi dây đai buộc vòng chỗ ngồi. Cú đập hẳn là thật tàn bạo đến nỗi không còn một mảnh xương nào của bà ta còn nguyên vẹn. Khuôn mặt bà ta bị hủy hoại, đôi ủng bị rách bươm, quần

áo thành những mảnh vụn. Bà ta đeo một chiếc nhẫn vàng hình con rắn với đôi mắt ngọc bích. Cảnh sát truy ra bà ta là người quản gia của viên Đại sứ Bồ Đào Nha và phu nhân, vừa mới đến nhậm chức.

Bà ta đã đến Havana cùng với gia đình ngài Đại sứ hai tuần trước đây và sáng hôm đó bà đã lái một chiếc xe hơi mới để ra chợ. Tên của bà ta chẳng có ý nghĩa gì với tôi khi tôi đọc được nó trên báo, nhưng tôi lại vướng vất với chiếc nhẫn hình con rắn và đôi mắt ngọc bích. Tuy thế, tôi lại không thể biết được bà ta đã đeo chiếc nhẫn ở ngón tay nào.

Điều này hẳn là một thông tin rất trọng yếu, bởi vì tôi e rằng bà ta hẳn phải là người đàn bà không thể nào quên mà tôi chẳng bao giờ biết được tên thật vì người đàn bà đó cũng đeo một chiếc nhẫn giống như thế ở ngón trỏ tay phải, một điều mà thời ấy người ta còn coi là rất bình thường hơn là bây giờ. Tôi đã gặp bà ấy ba mươi bốn năm trước, tại Vienna (Kinh đô áo quốc), ăn xúc xích với khoai luộc và uống bia cốc, nơi cái quán bình dân mà đám sinh viên châu Mỹ La Tinh hay lui tới. Sáng hôm đó, tôi từ Rome đến và tôi còn nhớ ấn tượng đầu tiên nơi tôi đối với bộ ngực của một giọng nữ kim (soprano) tuyệt vời, những chùm lông đuôi chồn buông rũ nơi cổ áo khoác và chiếc nhẫn Ai Cập mang hình con rắn của nàng. Nàng nói một thứ tiếng Tây Ban Nha sơ cấp bằng giọng kim lạnh lót không hề ngừng để thở và tôi đã nghĩ nàng là người áo duy nhất ngồi ở cái bàn gỗ dài đó. Nhưng không phải, nàng sinh ra ở Colombia và đã đến nước áo trong khoảng thời gian giữa hai cuộc thế chiến, khi còn bé tí xiu, để học cầm nhạc và thanh nhạc. Nàng khoảng ba mươi tuổi nhưng trông không hợp với số tuổi của mình, bởi vì nàng chưa bao giờ xinh đẹp và đã bắt đầu già trước tuổi. Nhưng nàng là một con người có sức lôi cuốn và gợi lên lòng kính nể. "Tôi rao bán những điềm mộng" Thực tế, đó là nghề duy nhất của nàng. Nàng là con thứ ba trong số mười một người con của một chủ tiệm tạp hóa ăn nên làm ra ở xứ Caldas, và lúc nàng vừa mới biết nói, nàng đã tạo nên một tập quán ngồ ngộ cho gia đình là kể lại các giấc mơ trước mỗi bữa điểm tâm, khoảng thời gian mà tính cách sấm truyền của các giấc chiêm bao còn được

giữ ở trạng thái thuần khiết nhất. Khi nàng lên bảy tuổi, nàng nằm mộng thấy một trong các anh em trai bị nước lũ cuốn trôi. Mẹ nàng, một người vừa mê tín vừa rất sùng đạo, đã cấm cậu con trai bơi lội nơi khe lạch, một thú vui thích nhất của cậu ta. Nhưng cô Frieda luôn sẵn có một hệ thống tiên đoán riêng của cô.

"Điều giấc mộng đó tiên báo", cô nói, "Không có nghĩa là thằng bé đó sắp chết đuối, mà là thằng bé không nên ăn kẹo".

Lỗi giải đoán của cô hình như là một điều sỉ nhục đối với cậu bé năm tuổi, cảm thấy không sống được nếu thiếu những mẩu bánh kẹo vào ngày chủ nhật. Bà mẹ, rất tin vào tài năng tiên đoán của cô con gái, đã tăng cường lời khuyến cáo với một bàn tay sắt. Nhưng chỉ một lần bất cẩn của bà mẹ, cậu con trai đã bị hóc vì miếng kẹo caramel mà cậu đang ăn vụng và thế là không còn gì cứu nổi cậu ta.

Cô Frieda chưa hề nghĩ là mình có thể kiếm sống bằng tài tiên tri của mình cho đến khi đời sống siết cổ cô trong những mùa đông khắc nghiệt ở Vienne. Lúc đó cô đang kiếm việc làm ở bất kỳ căn nhà nào cô có thể sống được và khi người ta hỏi cô có thể làm được việc gì, cô đã nói sự thật "Tôi chỉ biết nằm mộng". Cô chỉ cần giải thích và vắn tắt với bà chủ nhà và cô đã được thuê mướn với đồng lương vừa đủ cho những chi tiêu tằn tiện của cô, nhưng cô được ở một căn phòng xinh xắn và được ba bữa ăn mỗi ngày - đặc biệt là bữa điểm tâm khi cả gia đình ngồi xuống để được biết tương lai gần gũi của mỗi thành viên trong gia đình: ông bố, một nhà tài chánh lịch lãm; bà mẹ: một người đàn bà vui tính, say mê nhạc thính phòng lãng mạn; và hai đứa con, mười một và chín tuổi. Họ đều sùng đạo và do đó hướng về những niềm mê tín cổ xưa, và họ vui sướng vì đã có được cô Frieda, với nghĩa vụ duy nhất là phải đoán số mệnh hằng ngày của gia đình qua các giấc mộng của cô.

Cô làm việc đó khá thành công qua một thời gian dài, nhất là trong những năm chiến tranh, khi cuộc sống thực tại còn bi thảm hơn cả những

cơ ác mộng. Chỉ có cô có thể quyết định, vào bữa điểm tâm, mỗi người nên làm cái gì trong ngày đó, và điều đó nên được thực hiện như thế nào, đến nỗi những lời tiên đoán của cô đã trở thành uy quyền nhất trong nhà. Sự kiểm soát của cô đối với gia đình trở thành tuyệt đối: Ngay cả tiếng thờ dài nhẹ cũng phải theo lệnh của cô. Ông chủ nhà chết vào khoảng thời gian tôi ở Vienna và đã lịch sự di tặng lại cô một phần tài sản với điều kiện là cô tiếp tục nằm mộng cho gia đình ông cho đến khi nào cô thôi không nằm mộng nữa.

Tôi sống ở Vienne hơn một tháng, chia sẻ hoàn cảnh thiếu thốn với các sinh viên khác, trong khi tôi chờ tiền gửi chẳng bao giờ đến. Những lần đến thăm bất ngờ và độ lượng của cô Frieda tại quán bình dân giống như những buổi yến tiệc đối với cái chế độ ăn uống kham khổ của chúng tôi. Một đêm, trong buổi chè chén với bia bọt, cô đã thì thầm bên tai tôi với sự xác tín không cho phép chậm trễ:

"Tôi chỉ đến đây để bảo với bạn là tôi đã nằm mộng về bạn tối qua", cô nói, "Bạn phải rời xa nơi đây và đừng trở lại Vienne trong vòng năm năm tới" Sự xác tín của cô đầy tính hiện thực và thuyết phục đến nỗi tôi đã vội nhảy vọt lên chuyển xe cuối cùng đến Rome ngay trong đêm hôm đó. Về phần tôi, tôi bị ảnh hưởng bởi điều cô nói đến nỗi từ dạo ấy trở đi, tôi đã tự coi mình là một người sống sót, thoát khỏi một tai ương ghê gớm nào đó mà tôi chưa từng trải qua. Tôi vẫn còn chưa dám trở lại Vienne.

Trước lúc xảy ra cơn tai biến ở Havana, tôi đã gặp cô Frieda ở Barcelona trong một tình huống thật bất ngờ và ngẫu nhiên, hầu như là một huyền nhiệm đối với tôi. Điều đó xảy ra vào đúng ngày nhà thơ Pablo Neruda bước chân lên đất Tây Ban Nha lần đầu tiên kể từ khi xảy ra cuộc Nội chiến, nhân một cuộc dừng chân tạm trong chuyến hải hành dài ngày đến Valparaiso. Ông qua một buổi sáng với chúng tôi để săn đuổi một trò chơi lớn trong những cửa hàng sách cũ và tại tiệm Porter ông đã mua được một cuốn sách cũ, lề cong, gáy rách mà ông đã phải trả với số tiền bằng cả

hai tháng lương làm Lãnh sự ở Rangoon. Ông di chuyển bằng qua đám đông giống như một con voi tịt nguyền, với tính hiếu kỳ của một trẻ thơ nhìn vào những gì xảy ra bên trong của mỗi sự vật, bởi thế giới hiện tại với ông như một thứ đồ chơi vĩ đại, đầy khiêu khích, qua đó đời sống khải lộ tự thể lung linh của mình.

Tôi chưa từng thấy một người nào gần giống với ý tưởng mà ta nghĩ về một vị Giáo hoàng thời Phục Hưng đến thế: ông ta vừa phàm ăn lại vừa rất thanh tao. Dầu là trái ý với mình, ông ta lại luôn luôn chủ tọa bàn ăn. Vợ ông, bà Matilde, thường phải quàng quanh cổ ông một chiếc khăn giống như khi người ta ngồi ở tiệm hớt tóc hơn là ngồi ở bàn ăn, nhưng đó là cách duy nhất để ngăn ông không tắm trong món sauce. Ngày đó, ở Carvalleira thật điển hình. Ông ăn cả ba con tôm hùm, mổ xẻ chúng với sự khéo léo của một nhà phẫu thuật và đồng thời như muốn ngẫu nhiên đĩa ăn của các thực khách khác bằng đôi mắt hau háu và thưởng thức mỗi đĩa một tí một cách khoái trá, khiến sự thèm ăn trở thành truyền nhiễm: món trai từ Galicia, món sò từ Cantabria, món tôm từ Alicante, món hải sâm từ Costa Brava. Trong thời gian đó, giống như người Pháp, ông không nói điều gì khác ngoài những khoái khẩu tinh tế trong nghệ thuật ẩm thực, đặc biệt là món sò thời tiền sử của xứ Chi Lê mà ông luôn canh cánh bên lòng. Bỗng dưng ông ngừng ăn, vâng vâng sợi râu con tôm hùm và nói với tôi bằng một giọng trầm tĩnh:

"Có người nào đó sau lưng tôi cứ nhìn chăm chăm vào tôi tự này giờ đây" Tôi liếc nhìn qua vai ông và thấy quả đúng như thế. Cách chúng tôi ba bàn, một người đàn bà gan lì đang ngồi, đầu đội mũ kiểu xưa với một khăn quàng màu tím thẫm, đang chậm rãi ăn và nhìn trừng trừng vào ông. Tôi nhận ra bà ta ngay tức thời. Bà ta đã già và béo ra, nhưng chính là cô Frieda ngày xưa với chiếc nhẫn hình rắn trên ngón tay trỏ.

Bà đã du hành từ Naples trên cùng chuyến tàu với Neruda và bà vợ, nhưng họ không nhìn thấy nhau suốt chuyến đi đó.

Chúng tôi mời bà ta sang dùng cà phê ở bàn chúng tôi, và tôi khuyến khích bà nói về những giấc mộng của mình, với dụng ý gây ngạc nhiên cho nhà thơ. Ông ta chẳng hề chú tâm, vì ngay từ đầu, ông đã tuyên bố rằng ông chẳng hề tin ba cái chuyện đoán điềm giải mộng lãng nhăng tí nào.

"Chỉ có thi ca là minh thị" ông nói.

Sau buổi ăn trưa, trong khi đi dạo phố Ramblas, tôi chậm bước lại đằng sau với Frau Frieda để chúng tôi có thể cùng ôn lại những hoài niệm mà không sợ lọt tai người khác. Bà bảo tôi là bà đã bán điền sản ở Áo quốc và lui về ở Oporto, xứ Bồ Đào Nha, nơi bà sống trong một căn nhà mà bà mô tả như một lâu đài trên ngọn đồi, từ đó người ta có thể nhìn mọi hải trình xuyên đại dương để đến các nước Châu Mỹ. Dầu bà không nói thế, nhưng qua câu chuyện của bà biểu lộ rằng, qua từng giấc mộng, bà đã thu thập toàn bộ tài sản của những người chủ của bà ở Vienne. Điều đó cũng chẳng hề làm cho tôi ngạc nhiên, bởi vì tôi vẫn luôn luôn nghĩ rằng những chuyện đoán điềm giải mộng của bà chẳng qua chỉ là một kế mưu sinh thoát hiểm mà thôi. Và tôi đã bảo với bà ta như thế.

Bà ta cười với nụ cười không cưỡng lại được. "Anh vẫn cứ bố láo như thuở nào", bà nói. Rồi không nói gì nữa, bởi vì cả đám đã đứng lại chờ Neruda kết thúc cuộc nói chuyện bằng tiếng lóng xứ Chi Lê với những con vẹt, dọc theo phố Rambla delos Pajaros. Khi chúng tôi kết thúc cuộc đàm thoại, Frau Frieda đổi đề tài: "Nhân tiện, xin nói là giờ đây anh có thể trở lại Vienna".

Chỉ khi đó tôi mới chợt nhận ra rằng mười ba năm đã trôi qua kể từ lần đầu chúng tôi gặp nhau.

"Ngay cả nếu các giấc mộng của bà sai bét, thì tôi cũng sẽ chẳng bao giờ trở lại nơi đó", tôi bảo với bà "Chính thế đấy".

Vào lúc ba giờ chiều, chúng tôi từ biệt bà để đi theo Neruda vào giấc ngủ trưa thiêng liêng của ông, giấc ngủ trong một tiếng đồng hồ mà ông chuẩn bị rất trọng thể khiến ta liên tưởng đến một buổi trà đạo của người Nhật. Một vài cửa sổ cần được khép lại, vài cửa sổ khác cần được mở ra để tạo ra độ ẩm toàn hảo và cần một loại ánh sáng nào đó, từ một hướng nào đó, trong sự yên lặng tuyệt đối, Neruda rơi ngay vào giấc ngủ, và thức giấc mười phút sau, giống như trẻ con, lúc chúng ta ít chờ đợi nhất. Ông xuất hiện nơi phòng khách, tươi tỉnh với dấu hằn của mép gối trên má.

"Tôi đã nằm mộng về người đàn bà chuyên nằm mộng đó" ông nói.

Bà Matilde muốn ông kể lại cho bà nghe giấc mộng của ông.

"Tôi mộng thấy bà ta đang nằm mộng về tôi" ông nói.

"Nghe đúng như trong truyện của Borges!" tôi bảo.

Ông nhìn tôi với vẻ thất vọng.

"Ông ấy đã viết như thế thật à?".

"Nếu ông ấy chưa viết thì một lúc nào đó ông cũng sẽ viết", tôi nói "Đó sẽ là một trong những mê cung của ông ta".

Vừa lúc lên tàu vào sáu giờ chiều hôm ấy, Neruda cáo từ chúng tôi, ngồi xuống một cái bàn riêng và bắt đầu tuôn trào thi hứng qua dòng mực xanh mà ông thường dùng để vẽ hoa, cá và chim khi ông đề tặng các tác phẩm của mình. Khi nghe tiếng "Tất cả lên bờ", chúng tôi tìm Frau Frieda và cuối cùng thấy bà ở quầy du khách đúng lúc chúng tôi sắp xa nhau mà không nói lời từ biệt. Bà ta cũng đã đánh một giấc ngủ trưa.

"Tôi đã nằm mộng về nhà thơ" bà nói.

Ngạc nhiên, tôi yêu cầu bà kể cho tôi nghe về giấc mộng đó.

"Tôi nằm mộng thấy ông ta nằm mộng về tôi" bà nói, và cái nhìn ngạc nhiên của tôi làm bà sững sờ "Bạn chờ đợi điều gì? Nhiều khi với những giấc mộng của tôi, người ta trượt vào đó mà chẳng thấy có gì liên quan đến đời thực".

Từ lúc đó tôi chẳng hề gặp lại bà ta mà cũng chẳng bận tâm thắc mắc về bà cho đến khi tôi nghe về chiếc nhẫn hình rắn nơi người đàn bà chết trong vụ tai biến ở Havana Riviera. Và tôi đã không thể cưỡng lại sự cám dỗ muốn hỏi vị Đại sứ Bồ Đào Nha, khi chúng tôi tình cờ gặp nhau mấy tháng sau đó, trong một buổi tiếp tân ngoại giao. Vị Đại sứ nói về bà ta đầy sôi nổi và ngưỡng mộ "Bạn có thể tưởng tượng nổi bà ta phi thường đến thế nào", ông nói "Chắc bạn phải viết một truyện về bà ta".

Và ông ta nói tiếp bằng cùng giọng đó, với những tình tiết đáng ngạc nhiên, nhưng chẳng có manh mối nào có thể cho phép tôi đi đến một kết luận dứt khoát.

"Nói cách cụ thể" tôi hỏi "Bà ấy đã làm gì?"

"Chẳng làm gì cả" ông nói, với vẻ tỉnh mộng chán chường "Bà ấy chỉ nằm mộng"

Tháng ba, 1980

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

"Tôi Đến Đây Chỉ Để Gọi Điện Thoại Thôi Mà"

Một chiều mưa mùa xuân năm ấy khi Maria de la Luz Cervantes đang lái xe một mình trở về Barcelona, chiếc xe hơi thuê xe của nàng bị hỏng hóc nơi sa mạc Monegros. Nàng lúc ấy hai mươi bảy tuổi, là một phụ nữ Mỹ Tây Cơ xinh đẹp, có đầu óc và cũng có tí danh vọng như một nghệ sĩ ca nhạc; từ mấy năm trước, nàng kết hôn với một nhà ảo thuật chuyên trình diễn nơi các quán rượu mà nàng gặp trong ngày nàng đến thăm mấy người bà con ở Zaragoza.

M

Trong cả tiếng đồng hồ, nàng vẫy gọi một cách tuyệt vọng các xe hơi và xe tải vùn vụt lướt qua nàng trong cơn bão cho đến khi một người tài xế của một chiếc xe buýt tả tơi thương hại cho nàng quá giang. Thế nhưng ông ta cũng cho nàng hay là ông ta không đi xa lắm.

"Không sao" Maria nói "Tôi chỉ cần đến chỗ nào có thể gọi điện thoại được thôi".

Điều đó đúng, nàng cần điện thoại để cho chồng nàng biết rằng nàng không thể về nhà trước bảy giờ tối hôm đó. Mang một chiếc áo khoác kiểu sinh viên và giày đi biển vào giữa tiết tháng tư, nàng trông giống con chim nhỏ mắc mưa và nàng rối trí khi gặp rủi ro đến độ nàng quên không mang theo chìa khóa xe. Một người đàn bà có dáng dân nhà bình đang ngồi cạnh tài xế, đưa cho Maria một khăn mặt, một tấm chăn, và thu xếp chỗ ngồi cho nàng. Maria rũ bớt nước mưa rồi ngồi xuống, quần người trong chăn, cổ

gắng đánh diêm đốt một điếu thuốc, nhưng diêm quẹt của nàng ứt hết. Người đàn bà chia chỗ ngồi cho nàng đã mời lửa cho nàng và hỏi xin một điếu trong số những điếu thuốc ít ỏi còn khô. Trong lúc hút thuốc, Maria bỗng thấy thêm bực bội tâm tình và lên cao giọng để át tiếng mưa và tiếng lọc cọc của chiếc xe buýt cà tàng. Người đàn bà ngắt lời nàng bằng cách đặt một ngón tay trở lên môi nàng.

"Họ đang ngủ" bà ta thì thầm.

Maria nhìn qua vai bà ta và thấy chiếc xe buýt đầy nghẹt những người đàn bà với nhiều lứa tuổi và cảnh ngộ khác nhau đang ngủ, người trùm kín trong chăn cũng giống như tấm chăn của nàng. Vẻ thanh thản của họ truyền lan sang nàng và Maria co người lại trên ghế, thả hồn vào âm thanh đều đặn của những giọt mưa rơi. Khi nàng thức giấc, trời đã tối và cơn bão đã qua đi, biến thành cơn mưa phùn bụi mỏng lạnh buốt. Nàng không còn ý tưởng nào về việc mình đã ngủ trong bao lâu hay tất cả sẽ đi đến nơi nào trong thế giới bao la này. Người đàn bà ngồi cạnh nàng có vẻ đang nhìn ngắm một cái gì.

"Chúng ta đang ở đâu?" Maria hỏi.

"Chúng ta đã đến nơi" người đàn bà trả lời.

Chiếc xe buýt đang đi vào cái sân âm u của một tòa nhà khổng lồ, ảm đạm, có vẻ giống một nữ tu viện nằm trong một khu rừng với những cây đại thụ. Các hành khách, thoáng thấy lờ mờ trong ánh sáng lù mù của ngọn đèn treo trong sân, ngồi bất động cho đến khi người đàn bà có dáng vẻ nhà binh ra lệnh cho họ rời khỏi xe bằng kiểu ra lệnh thường được dùng ở trường mẫu giáo. Những người kia đều là các bà luống tuổi và sự di chuyển của họ có vẻ rất bơ thờ trong ánh sáng lờ mờ nơi sân, đến độ trông họ giống như những ảnh tượng trong giấc mơ. Maria bước xuống sau cùng, đã nghĩ rằng mấy người đàn bà kia là các nữ tu. Nàng không còn chắc như thế nữa khi nàng thấy nhiều người đàn bà khác mặc đồng phục đến tiếp quản mấy

người đàn bà kia, từ cửa xe buýt, kéo tấm chăn lên trùm đầu họ cho đỡ bị ướt và sắp họ thành hàng một, điều khiển họ không phải bằng lời nói mà bằng cách vỗ tay nhịp nhàng và quả quyết. Maria chào từ biệt và xin gởi lại tấm chăn cho người đàn bà ngồi chung ghế, nhưng bà ta bảo cô hãy dùng tấm chăn đó để trùm đầu trong khi băng qua sân rồi hãy trả lại cho phòng trực.

"Ở đây có điện thoại không?" Maria hỏi.

"Tất nhiên là có" bà ta trả lời. "Họ sẽ chỉ cho cô điện thoại ở đâu".

Bà ta xin một điều thuốc nữa và Maria trao cho bà ta tất cả số thuốc còn lại trong gói thuốc ẩm ướt. "Mấy điều thuốc đó sẽ khô dần" nàng nói. Bà ấy vẫy tay chào và gọi lớn "Chúc may mắn" bằng một giọng gần như tiếng hét. Chiếc xe buýt chạy đi xa không cho nàng có thời gian để nói thêm điều gì khác. Maria chạy về hướng cánh cửa lớn của tòa nhà. Một bà quản giáo tìm cách ngăn cô lại bằng những cú vỗ tay mạnh mẽ, kiên quyết nhưng vô hiệu, nên đã hét lên, đầy tức giận:

"Dừng lại! Tao bảo dừng lại!" Maria hé tấm chăn trùm đầu nhìn ra ngoài và thấy đôi mắt lạnh như băng với một ngón tay trở chỉ thẳng vào nàng bắt phải đi vào hàng. Nàng đành tuân lệnh. Khi bước vào bên trong hành lang, nàng rời nhóm và hỏi người tạp vụ điện thoại ở đâu. Một trong các bà quản giáo khiến nàng trở vào hàng với những cái vỗ nhẹ trên vai và một giọng ngọt như đường.

"Lối này cứng ạ, điện thoại ở phía này nè".

Maria đi cùng mấy người đàn bà kia xuống một hành lang tối lờ mờ đến khi họ vào tới một phòng ngủ chung. Đến đó mấy bà quản giáo thu lại chăn mền và chỉ định giường nằm cho mỗi người. Mấy bà quản giáo khác, có vẻ nhân đạo hơn và ở cấp cao hơn, theo Maria nghĩ, bước xuống hàng người, đối chiếu danh sách với tên từng người viết trên tấm thẻ bài dính trên vạt áo

của những người mới tới. Khi gặp Maria, bà ta ngạc nhiên thấy nàng không mang thể nhận dạng của mình.

"Tôi chỉ đến để gọi điện thoại thôi" Maria nói với bà.

Nàng vội vã giải thích rằng chiếc xe nàng bị hư dọc đường. Chồng nàng, người biểu diễn các trò ảo thuật cho các tiệc liên hoan, đang chờ nàng ở Barcelona bởi vì họ đã nhận biểu diễn ba nơi trước nửa đêm và nàng muốn cho chồng biết rằng nàng không thể có mặt đúng hẹn để đi cùng với chồng. Đã gần bảy giờ tối. Chồng nàng phải rời nhà trong vòng mười phút nữa và nàng e rằng chàng phải hủy bỏ mọi chuyện vì nàng về trễ. Bà quản giáo có vẻ chăm chú nghe nàng.

"Tên cô là gì?" bà ta hỏi.

Maria nói tên nàng với tiếng thở phào nhẹ nhõm, nhưng bà kia không nhận thấy điều ấy sau khi dò lại bảng danh sách nhiều lần. Hơi hoảng, bà hỏi một bà quản giáo khác, bà ta cũng chẳng biết nói gì, chỉ nhún vai.

"Nhưng tôi chỉ đến để gọi điện thoại thôi mà" Maria biện bạch.

"Chắc là thế, cưng ạ" bà bẽ trên bảo nàng và đưa nàng vào giường với giọng ngọt ngào.

"Nếu con ngoan, con sẽ được phép gọi điện thoại cho bất cứ ai con muốn. Nhưng ngày mai kia, chứ bây giờ chưa được".

Một tia chớp thoáng qua đầu óc Maria và nàng chợt hiểu tại sao mấy người đàn bà trong xe buýt di động giống như họ đang lượn lờ trong đáy hồ cá. Thực ra họ đã bị cho uống thuốc an thần, và tòa nhà tắm tối với những bức tường đá dày cùng những bậc cầu thang giá buốt kia trên thực tế là một bệnh viện cho các bệnh nhân tâm thần nữ. Nàng bỏ chạy ra khỏi phòng ngủ, tinh thần hoảng loạn, nhưng trước khi nàng có thể chạy đến được cánh cửa chính, một bà quản giáo khổng lồ mặc bộ đồ trùm kín của thợ cơ khí

chận đứng nàng lại bằng một cái tát đích đáng với bàn tay hộ pháp và giữ nàng bất động trên sàn nhà bằng khóa tay. Maria, chết khiếp vì kinh hoàng, nhìn dáo dác chung quanh.

"Ôi lạy Chúa", nàng nói "Tôi thề có hương hồn mẹ tôi rằng tôi chỉ đến đây để gọi điện thoại thôi mà".

Chỉ một tia nhìn vào mặt bà ta cũng đủ cho Maria biết rằng không một lời biện hộ nào có thể làm động lòng con mụ khủng trong bộ áo giáp trùm kín đó, con mụ được mệnh danh là Herculina, vì sức mạnh phi thường, như thần Hercule của mụ ta. Mụ ta được giao đảm nhận những ca khó khăn và hai bệnh nhân nội trú đã bị siết cổ đến chết bởi cánh tay gấu Bắc Cực của mụ ta, rất thành thạo trong nghệ thuật giết người, do lầm lẫn. Ca tử vong đầu tiên đã được kết luận là một sự cố kỹ thuật. Ca tử vong thứ nhì hơi mập mờ, không có kết luận dứt khoát và mụ Herculina chỉ bị khiển trách và cảnh báo rằng một lần nữa nếu còn chuyện đó xảy ra thì mụ sẽ bị điều tra cẩn thận hơn đây. Chuyện đó cuối cùng đã được kết thúc hồ sơ là: con cừu đen của cái gia đình danh giá lâu đời kia đã có tiền sự khả nghi đầy những tai nạn đáng ngờ nơi những bệnh viện tâm thần khắp xứ Tây Ban Nha.

Họ đã phải tiêm cho Maria một liều thuốc an thần để nàng ngủ yên trong đêm đầu tiên. Khi cơn thèm thuốc lá đánh thức nàng dậy lúc bình minh, nàng bị cột cổ tay và khuỷu chân vào thành giường. Nàng la hét nhưng chẳng có ai thềm đến. Buổi sáng, trong khi chồng nàng không tìm được dấu vết nào của nàng ở Barcelona, nàng bị đem đến nhà thương vì bọn họ thấy nàng bất tỉnh trong đồng ẩm ướt bày nhầy.

Khi tỉnh lại, nàng không biết thời gian đã trôi qua bao lâu. Nhưng giờ đây thế giới có vẻ là nơi trú ẩn của tình yêu. Cạnh giường nàng, một ông già to lớn với những bước chân bách bộ nhẹ nhàng và nụ cười bình thản đã đem lại cho nàng niềm vui thấy mình còn sống với hai cái võ tay đầy uy quyền của ông. Đây là bác sĩ giám đốc của dưỡng đường.

Trước khi nói lời nào với ông ta, ngay cả một lời chào xã giao thông thường cũng không, Maria mở miệng xin ngay một liều thuốc. Ông rút ra một liều trao cho nàng, cùng với cả gói thuốc lá còn đầy. Maria không cảm được nước mắt.

"Bây giờ là lúc con có thể khóc cho vơi bớt nỗi đau", bác sĩ nói với giọng vỗ về. "Nước mắt là liều thuốc thần diệu nhất".

Maria trút đi nỗi khổ tâm không chút e dè, như nàng chưa hề làm được điều đó với các người tình thoáng qua trong những khoảng thời gian trống sau các cuộc làm tình. Nghe nàng khóc kể, bác sĩ dùng mấy ngón tay vuốt nhẹ tóc nàng, xếp lại gối cho nàng nằm dễ thở hơn, dẫn dắt nàng đi qua mê lộ của lòng hoang mang với sự khôn ngoan và lòng âu yếm ngọt ngào nàng chưa bao giờ mơ có được. Đó là lần đầu tiên trong đời nàng gặp phép lạ được thông cảm bởi một người đàn ông chịu lắng nghe nàng với tất cả tấm lòng mà không chờ mong sẽ cùng được lên giường với nàng như một phần thưởng. Cuối một giờ đằng đằng, khi nàng đã tát cạn tận chiều sâu tâm hồn, nàng xin phép được nói chuyện cùng chồng qua điện thoại.

Bác sĩ đứng lên với tất cả vẻ tôn nghiêm trong tư thế. "Chưa được, công chúa" ông nói, vỗ má nàng với sự âu yếm dịu dàng từ trước đến giờ nàng chưa hề cảm thấy. "Mọi chuyện, đều phải đúng lúc, đúng nơi". Ông ta chúc phúc cho nàng với cung cách của một vị giám mục, bảo nàng hãy tin tưởng nơi ông rồi biến đi, mãi mãi.

Cùng chiều ngày đó, Maria "được" nhận lại vào bệnh viện tâm thần, "được" mang sổ thẻ bệnh nhân và những lời bình phẩm hời hợt về sự bí ẩn nàng đến từ đâu và những nghi ngờ về lý lịch của nàng. Bên lề tờ bệnh án, bác sĩ giám đốc dưỡng đường viết lời nhận xét bằng chính thủ bút của ông: "Tâm thần dao động".

Đúng như Maria đã tiêu liệu, chồng nàng đã rời căn hộ khiêm tốn của họ ở quận Horta nửa giờ sau thời khóa biểu đã định để đi đến ba buổi diễn

mà anh ta đã nhận lời trước đó. Đó là lần đầu tiên mà nàng về trễ trong suốt gần hai năm họ chung sống tự nguyện và rất hòa hợp với nhau và chàng đã nghĩ rằng chắc là tại trận mưa bão nặng đã tàn phá cả tỉnh vào ngày cuối tuần hôm đó. Trước khi ra đi, chàng ghim lại một bức thư ngắn ở cửa chỉ rõ hành trình của chàng trong đêm đó.

Ở party đầu, khi mọi đứa trẻ dự hội đều mặc trang phục Kangaroo, chàng đã bỏ qua không biểu diễn màn ảo thuật hay nhất, màn con cá vô hình, bởi vì chàng không thể biểu diễn màn đó nếu không có nàng trợ viện. Buổi diễn thứ nhì của chàng tại nhà một bà già chín mươi ba tuổi ngồi xe lăn, bà hãnh diện vì đã ăn mừng ba mươi lần sinh nhật sau cùng của bà, mỗi lần với một nhà ảo thuật khác. Chàng quá bối rối vì sự vắng mặt của Maria, đến nỗi chàng không thể tập trung làm được trò nào dù đơn giản nhất. Đến buổi diễn thứ ba, sô diễn hàng đêm của chàng ở một quán cà phê trên đường Ramblas, chàng đã làm một màn diễn vô vị cho một nhóm các du khách Pháp, các du khách này không thể tin điều họ thấy vì họ chẳng hề tin vào ma thuật. Sau mỗi sô diễn, chàng gọi điện thoại về nhà và trông chờ Maria trả lời một cách tuyệt vọng. Sau khi gọi lần cuối, chàng không còn kìm được nỗi lo lắng là có điều bất trắc đã xảy đến cho nàng.

Trên đường về nhà, trong chiếc xe tải nhẹ được cải tiến thành sân khấu công cộng, chàng nhìn thấy vẻ huy hoàng của mùa xuân nơi những cây cọ dầu dọc đường Paseo de Gracia và chàng rung mình với tư tưởng ảm đạm là cả thành phố sẽ trở nên hoang vắng thê lương đến thế nào đối với chàng nếu như không có Maria trong đời chàng. Hy vọng cuối cùng của chàng tan biến khi chàng thấy tờ thư của chàng vẫn còn gấn nơi cửa. Chàng bồn loạn tinh thần đến nỗi quên cả cho con mèo ăn.

Giờ đây, khi ngồi viết lại câu chuyện này, tôi mới nhận ra rằng tôi chưa hề biết tên thực của chàng vì ở Barcelona chúng tôi chỉ biết anh ta qua cái tên nghề nghiệp: Ảo thuật gia Saturno. Anh ta là người tính tình kỳ quái và rất khó ưa trong giao tiếp xã hội, nhưng Maria thì lại rất tinh tế và khả ái.

Nàng đã cầm tay dẫn dắt chàng qua cộng đồng xã hội với bao điều bí ẩn kia, nơi không một người đàn ông nào có thể mơ tưởng việc gọi điện thoại sau lúc nửa đêm để tìm vợ mình. Saturno đã làm thế, ngay sau khi về đến nhà, và chàng muốn quên đi ý nghĩ về điều bất trắc. Và thế là đêm đó chàng gọi điện thoại đến Zaragosa; một bà ngoại đang còn ngái ngủ đã bảo anh ta với giọng bình thản là Maria đã từ giã bà sau bữa ăn trưa. Chàng chỉ chớp mắt được khoảng một tiếng lúc rạng sáng. Chàng trải qua một giấc mơ lộn xộn, trong đó chàng thấy Maria mặc một áo dài cưới tả tơi, lấm đốm vết máu và chàng thức giấc với niềm xác tín đầy lo âu rằng lần này nàng sẽ bỏ chàng vĩnh viễn, chàng phải đối mặt với cuộc đời bao la mà không có nàng bên chàng.

Nàng đã bỏ ba người đàn ông, kể cả chàng trong vòng năm năm qua. Nàng đã bỏ chàng ở Mexico City sáu tháng sau ngày gặp nhau, khi họ còn trong cơn yêu dấu nồng nàn, những lần ái ân mê đắm trong căn phòng hợp căn ở quận Anzures. Một sáng nọ, sau một đêm phóng đảng ngông cuồng, Maria đã bỏ đi.

Nàng đã bỏ lại sau lưng mọi thứ của nàng, ngay cả chiếc nhẫn cưới của lần đính hôn trước cùng với bức thư nàng viết là nàng không thể sống nổi trong sự dẫn dắt của tình yêu hoang dại kia. Saturno đã nghĩ là nàng trở lại với người chồng đầu tiên, một bạn cùng lớp thời trung học, nàng đã lén gia đình lấy anh ta khi còn vị thành niên và đã bỏ rơi sau đó để theo người khác sau hai năm chung sống không có tình yêu. Nhưng không phải thế. Nàng đã trở về nhà bố mẹ và Saturno đã theo chân để đem nàng về lại với mình, bất kể bao hao tổn về tiền bạc, công sức, thời gian. Chàng đã thề hứa đủ điều, một cách vô điều kiện, không còn biết có giữ nổi lời thề của mình hay không, nhưng chàng đung đầu vào một sự quyết đoán không lay chuyển. Nàng bảo chàng: "Có những cuộc tình ngắn ngủi và những mối tình dài lâu". Và nàng kết luận với một câu phũ phàng. Tính chất bất khoan nhượng của nàng bắt buộc chàng phải chấp nhận thất bại.

Thế nhưng, trong buổi sớm mai của ngày lễ Các Thánh, khi chàng trở về căn phòng đơn côi của mình sau gần một năm cố tìm quên lãng, chàng thấy nàng nằm ngủ trên chiếc ghế sofa nơi phòng khách với vòng vương miện hoa cam trên đầu và tà áo cưới dài thậm thượt của các cô dâu trinh trắng.

Maria kể lại sự thật với chàng. Vị hôn phu mới của nàng, một người đàn ông góa không con với đời sống ổn định và đầu óc muốn kết hôn theo nghi thức Giáo hội Thiên chúa giáo La mã, đã bỏ nàng chơ vơ trong bộ áo cô dâu đứng đợi nơi bàn thờ làm lễ. Bố mẹ nàng đã quyết định cứ tiến hành cuộc lễ và nàng cũng đóng trò với họ, nàng nhảy múa, ca hát, uống rượu thật nhiều trong tâm trạng hoảng loạn của sự hối hận muộn màng, nàng đã bỏ nhà đi lúc nửa đêm để tìm lại Saturno.

Chàng không có ở nhà, nhưng nàng đã tìm được chìa khóa trong chậu hoa tiền sảnh, nơi họ thường giấu chìa khóa. Bây giờ nàng là người đầu hàng vô điều kiện. "Lần này thì bao lâu?" chàng hỏi. Nàng trả lời bằng một dòng thơ của Vinicius de Moraes:

Tình yêu bất diệt thiên thu Bao lâu tình vẫn giam tù hồn ta Hai năm sau đó cuộc tình của họ vẫn còn nồng thắm.

Maria có vẻ trưởng thành, chín chắn hơn. Nàng đã khước từ giấc mộng thành diễn viên lừng danh và tự nguyện dâng hiến trọn vẹn cho chàng, trong nghề nghiệp cũng như trên giường ngủ. Cuối năm ngoái, họ đã dự đại hội ảo thuật gia ở Perpignan và trên đường về nhà họ đã ghé thăm Barcelona lần đầu trong đời.

Họ thích thành phố đó quá nên đã sống tại đó tám tháng và thành phố rất hợp với họ, nên họ đã mua một căn hộ ở vùng lân cận mang đầy màu sắc xứ Catalonia của quận Horta.

C hồ ở hơi ồn ào, họ lại không có người lo khuôn vác giúp đỡ đặc nhưng được cái rộng rãi đủ chỗ cho cả năm đứa trẻ. Hạnh phúc của họ là tất cả những gì người ta có thể mong ước, cho đến cái ngày cuối tuần, nàng thuê một chiếc xe để đi thăm bà con ở Zaragoza, hứa với chàng sẽ trở về vào lúc bảy giờ tối thứ hai. Đến rạng sáng ngày thứ ba, nàng vẫn biệt tăm vô tín.

Vào ngày thứ hai tuần tiếp theo, hãng bảo hiểm của chiếc xe thuê gọi điện thoại đến và hỏi tin tức về Maria. "Tôi chẳng biết điều gì cả» Saturno nói "Hãy tìm nàng ở Zaragoza" anh ta gác máy. Một tuần sau, một sĩ quan cảnh sát đến nhà báo cho biết là chiếc xe đã được tìm thấy trên đường đi về hướng Cadiz, chín trăm cây số cách chỗ Maria đã bỏ nó. Viên cảnh sát muốn biết cô có chi tiết nào liên quan đến tên trộm, Saturno đang cho mèo ăn và anh ta không nhìn lên khi anh ta nói thẳng với viên cảnh sát là chẳng nên phí thì giờ bởi vì vợ anh ta đã bỏ anh ta và anh ta cũng không biết nàng đã đi đâu và đi với ai. Sự xác tín trong lời nói mà anh ta thật cả quyết khiến viên cảnh sát cảm thấy áy náy và xin lỗi về những câu hỏi vừa rồi của mình. Họ cho xếp lại hồ sơ.

Lòng nghi ngờ có thể bị Maria bỏ rơi một lần nữa đã day dứt Saturno vào dịp lễ Phục Sinh ở Cadagnés, nơi Rosa Regas đã mời bọn họ đến để chơi thuyền buồm. Trong quán Hải Hồ, một quán rượu ồn ào bắn thiu của phái tả thiêng liêng trong buổi hoàng hôn của chế độ độc tài Franco, hai mươi người chúng tôi chen chúc quanh một trong những cái bàn sắt chỉ đủ chỗ ngồi cho 6 người. Sau khi hút gói thuốc lá thứ nhì trong ngày, Maria hết diêm quẹt. Một cánh tay mảnh khảnh mang một vòng đồng kiểu La Mã, vệt lồi qua đám đông ồn ào của bàn rượu và mời lửa mời nàng. Nàng nói cảm ơn mà chẳng nhìn vào người nàng đang cảm ơn là ai, nhưng Saturno, nhà ảo thuật thấy hấn ta, một gã thiếu niên xương xẩu, râu ria nhẵn nhụi, da xanh mét như người chết và bím tóc đen kiểu đuôi ngựa buông thả xuống đến ngực. Các cánh cửa sổ của bar rượu được thu xếp để che chắn ngọn gió bắc mùa xuân, gã thiếu niên mặc một bộ đồ kiểu pijama bằng sợi bông thô và sandal của dân trang trại.

Họ không gặp lại gã đó cho đến cuối mùa thu, nơi một quán ăn hải sản ở La Barcelonera, gã vẫn mặc áo khoác bằng sợi bông thô và bím tóc dài thay vì bím đuôi ngựa. Gã ta chào cả hai người như thể là bạn cố tri; cách gã hôn Maria và cách Maria hôn trả lại gã đánh động lòng nghi ngờ của Saturno rằng hai người đã lén lút gặp nhau. Một ngày sau, chàng tình cờ đọc thấy một cái tên mới và số điện thoại mới mà Maria đã viết trong cuốn sổ ghi địa chỉ người quen và sự sáng suốt tàn nhẫn của lòng ghen tuông đã mở mắt cho chàng thấy đó là tên và số điện thoại của ai. Lai lịch của kẻ soán nghịch là bằng chứng quyết định: Gã ta hai mươi hai tuổi, là con trong một gia đình giàu có và là một họa sĩ trang trí cho những cửa hiệu thời trang, với cái danh tiếng ô uế là một kẻ lường tính và là một tên đi đực dặt khách cho các bà có chồng mà thêm trai tơ. Nhưng Saturno vẫn cố tự chế cho đến cái đêm Maria không về nhà. Rồi chàng bắt đầu gọi điện thoại đến gã kia mỗi ngày từ sáu giờ sáng cho đến rạng sáng ngày hôm sau, lúc đầu cứ cách khoảng hai hoặc ba tiếng đồng hồ và rồi sau đó bất cứ lúc nào chàng ở gần điện thoại. Gọi điện thoại mà không gặp ai trả lời càng làm tăng nỗi đón đầu dẫn vệt Saturno.

Đến ngày thứ tư, một bà người Andalousia đến giúp việc lau dọn nhà, đã cầm điện thoại lên trả lời: "Ông ấy đi rồi" bà ta nói với giọng mơ hồ lấp lửng càng khiến chàng ta muốn điên lên. Saturno không cưỡng lại được sự cám dỗ muốn hỏi xem Maria có ở đó không.

"Chẳng có ai tên Maria ở đây cả" bà ta gắt gỏng bảo chàng. "Ông ấy sống độc thân".

"Vâng, tôi biết", chàng nói. "Cô ấy không sống ở đó, nhưng thỉnh thoảng ghé chơi, có đúng không?"

Bà ta nổi cáu:

"Ông làm nhảm cái quái quỷ gì vậy?"

Saturno gác điện thoại. Lời phủ nhận của bà người làm, đối với chàng, càng có vẻ là một sự xác nhận cho cái điều chẳng còn phải nghi ngờ vu vơ mà trở thành một xác tín làm cháy bỏng tâm can. Chàng mất tự chủ. Trong những ngày tiếp theo, Chàng gọi điện thoại đến một người quen ở Barcelona, theo thứ tự từ A đến Z trong danh bạ điện thoại. Chẳng ai có thể chỉ dẫn cho chàng bất cứ điều gì; mỗi cuộc điện thoại chỉ càng khoét sâu thêm nỗi khốn khổ của chàng bởi vì cuồng si ghen tuông của chàng đã được loan truyền trong khắp bọn đảng điểm bất lương của "phái tả thiêng liêng" và bọn chúng mặc tình điều cốt để làm chàng thêm đau khổ. Chỉ khi đó chàng mới nhận thấy chàng cô đơn biết bao nơi cái thành phố đẹp đẽ, diên cuồng và bí hiểm này, nơi chàng sẽ chẳng còn niềm vui sống. Vào lúc rạng đông, sau khi cho mèo ăn, lòng chàng nặng trĩu sầu khổ dứt được ý muốn tìm đến cái chết và chàng cố quên Maria.

Sau hai tháng, Maria vẫn chưa hội nhập được với đời sống nơi bệnh viện tâm thần. Nàng sống sót nhờ cố nuốt phần ăn tù nhân đựng trong khay, xích vào cái bàn dài bằng gỗ thô, mắt nàng nhìn trừng trừng vào phiến đá khắc hình tượng Francisco Franco đang chủ tọa căn phòng âm đạm kiểu thời Trung Cổ. Lúc đầu, nàng phản kháng những giờ giáo lý với các thông lệ vô hồn: Kinh sáng, kinh trưa, kinh chiều cũng như các nghi lễ phụng vụ khác chiếm hầu hết thời gian sinh hoạt mỗi ngày. Nàng không chịu chơi bóng nơi sân chơi hoặc làm hoa giả nơi xưởng thủ công mà một nhóm nội trú say mê cặm cụi làm. Nhưng sau ba tuần, nàng bắt đầu làm quen dần với đời sống nơi nhà kín đó. Cuối cùng, theo lời các bác sĩ, mỗi người trong đám bệnh nhân đều bắt đầu cùng cách giống nhau và rồi sớm hay muộn họ sẽ hòa nhập với cộng đồng.

Việc thiếu thuốc lá, trong ít ngày đầu, được một bà quản giáo giải quyết bằng cách bán thuốc lá với giá đắt như vàng, trở lại hành hạ nàng khi nàng đã tiêu hết số tiền ít ỏi mang theo. Rồi thì nàng hút loại thuốc lá nhật trình do mấy người nội trú chế biến bằng những mẫu tàn thuốc nhật trong thùng rác, vấn với giấy báo cho đỡ cơn ghiền vì cơn thèm khát hút thuốc đã ám

ảnh nàng mãnh liệt cũng như sự ám ảnh của việc gọi điện thoại. Sau đó, vài đồng bạc hiếm hoi nàng kiếm được do việc làm hoa giả đã mang lại cho nàng những giây phút an ủi phù du.

Điều khốn khổ nhất cho nàng đó là nỗi cô đơn lúc đêm xuống. Nhiều bạn cùng phòng nằm trần trọc không ngủ trong cảnh tranh tối tranh sáng, giống như nàng, không dám làm điều gì bởi vì bà quản giáo trực đêm nơi cửa lớn với xiềng và khóa, bà ấy cũng không ngủ. Tuy vậy, có một đêm, trào sôi vì tức giận Maria hỏi với một giọng đủ to để người đàn bà nằm bên nghe được.

"Chúng ta đang ở đâu thế này?" Giọng trầm, tỉnh táo của người bên cạnh trả lời:

"Dưới đáy địa ngục"

"Họ bảo đây là xứ của dân Hồi giáo" người khác nói, một giọng từ xa vang lên trong suốt phòng ngủ. "Mà điều đó chắc là đúng, bởi vì vào mùa hè, khi trời sáng trắng, mấy người có thể nghe tiếng chó tru ở biển".

Tiếng xiềng xiên qua ống khóa vang rộn rảng giống tiếng mỏ neo của một chiến thuyền, và cánh cửa mở ra. Người gác cửa khắc nghiệt của họ, tạo vật duy nhất còn có vẻ sinh động trong sự yên lặng, bắt đầu đi từ đầu này đến đầu kia phòng ngủ. Maria cảm thấy bị siết chặt vì nỗi kinh hoàng mà chỉ có nàng mới biết tại sao.

Từ tuần lễ đầu tiên nơi dưỡng đường này, mẹ quản giáo trực đêm đã đề nghị thẳng thừng nàng hãy ngủ với mẹ ta trong phòng trực gác. Mẹ ta đã đi vào vấn đề một cách cụ thể với tác phong kinh doanh: đổi tình ái lấy thuốc lá, xô cô la hay bất cứ thứ gì nàng muốn. "Cưng sẽ có mọi thứ" mẹ quản giáo nói, run rẩy vì xúc động. "Cưng sẽ là bà hoàng của ta". Khi Maria từ chối, mẹ ta đổi chiến thuật, để lại những bức thư dưới gối nàng, trong áo nàng, ở những nơi bất ngờ nhất. Những bức thư đó là những thông điệp

thiết tha có thể khiến sỏi đá cũng phải động lòng. Một đêm nọ, một biến cố xảy ra nơi phòng ngủ, cách đây một tháng, khiến nàng gần như chấp nhận đầu hàng.

Khi biết chắc rằng những người cùng phòng khác đã ngủ say, mục quản giáo đã tiến lại gần thường của Maria và thì thầm vào tai nàng những lời khiêu dâm êm ái rồi hôn mặt nàng, cổ nàng đỏ ra vì kinh hoàng, tay nàng cứng lại, chân nàng rã rời. Rồi nghĩ rằng có lẽ sự tê liệt của Maria không phải xuất phát từ sợ hãi mà từ sự đồng lõa, bà ta càng trở tráo làm tới. Lúc đó Maria đánh mục ta và xô mục ta ngã vào giường bên cạnh. Mục quản giáo nổi khùng, đứng dậy giữa đám đông nhốn nháo những người điên đang bị kích động.

"Đồ chó cái!" mục gào lên. "Người sẽ phải mặc rữa cùng ta trong cái lỗ địa ngục này cho đến khi người phải điên lên vì ta".

Mùa hạ đến không báo trước vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng sáu, đòi hỏi phải có những biện pháp khẩn cấp vì bắt đầu cởi bỏ hết những chiếc áo dài chẳng ra hình thù gì của họ. Maria có phần thích thú nhìn ngắm cảnh các bệnh nhân khỏa thân bị quản giáo rượt đuổi như đàn gà mù chạy dáo dác lung tung. Trong đám hỗn độn đó, nàng cố tự bảo vệ mình khỏi những cú tát vô hình và nàng bỗng thấy một mình nơi một văn phòng trống rỗng với tiếng chuông reo liên tục.

Maria trả lời không hề suy nghĩ và nghe một giọng nói xa xăm tươi cười, có vẻ rất thích thú nhại giọng báo giờ trên điện thoại:

"Bây giờ là bốn mươi lăm giờ, chín mươi hai phút và một trăm lẻ bảy giây".

"Ồngốc" Maria nói.

Nàng gác máy, thấy vui vui. Nàng sắp rời đi khi chợt nhận ra rằng nàng đang gặp một cơ hội duy nhất để chuồn khỏi nơi đây. Nàng quay sáu số,

đầu óc bị căng thẳng và vội vã đến độ nàng không chắc có phải đó là số điện thoại nhà mình không. Nàng chột đời, tim rộn rã, nàng nghe âm thanh khao khát, buồn bã của tiếng chuông reo quen thuộc, một lần, hai lần, ba lần và cuối cùng nàng nghe tiếng người nàng yêu trong căn nhà vắng nàng.

"Hello"

Nàng phải chờ cho gần nước mắt thắt nơi cổ họng tan đi.

"Mình ời, mình yêu dấu của em" nàng thở dài.

Nước mắt làm nàng nghẹn lời. Ở đầu kia dây một thoáng yên lặng, bàng hoàng và một giọng nói cháy bỏng ghen tuông vọt ra thành lời: "Đồ đi thỏa!"

Và chàng bỏ ống nghe xuống.

Đêm đó, trong cơn cuồng nộ, Maria giật tấm bảng đá khắc hình ngài Thống Tướng Franco xuống, với tất cả sức mạnh của mình, động mạnh vào cửa kính hướng về khu vườn và tự ném mình xuống sàn nhà, người bê bết máu. Nàng còn đủ sức giận để kháng cự lại những cú tát của các bà quản giáo đang cố gắng khống chế nàng, nhưng không thành công, cho đến khi nàng thấy mẹ Herculina đứng trấn ở cửa lớn, khoanh tay lại, trừng trừng nhìn nàng. Maria chịu đầu hàng. Tuy nhiên, bọn họ vẫn kéo lê nàng đến khu dành cho bệnh nhân hung dữ, chế ngự nàng bằng vòi phun nước lạnh giá và tiêm thuốc tê turpentine vào chân nàng. Chân bị tê cứng khiến nàng hết đi lại nổi và Maria nhận ra rằng không có gì trong đời này mà nàng không dám làm để thoát khỏi cái địa ngục trần gian đó. Tuần tiếp theo, khi nàng trở lại phòng ngủ, nàng rón rén đến phòng mẹ quản giáo trực đêm và gõ nhẹ cửa.

Maria đưa giá trước: mẹ quản giáo phải làm cách nào đưa tin cho chồng nàng. Mẹ quản giáo đồng ý với điều kiện là chuyện trao đổi giữa họ cần được giữ kín tuyệt đối. Và mẹ ta chỉ thẳng vào mặt nàng:

"Nếu có ai biết chuyện này, mà sẽ chết".

Và thế là vào ngày thứ bảy sau đó, nhà ảo thuật Saturno lái chiếc xe rạp xiếc đến chỗ bệnh viện tâm thần, chàng đã sửa soạn để ăn mừng đón Maria trở về. Đích thân vị giám đốc đón chàng nơi văn phòng bệnh viện, một nơi thật sạch sẽ và ngăn nắp như một tàu chiến, và bác sĩ giám đốc viết một bản tường trình đầy cảm tình về trường hợp của vợ chàng ta.

Không ai biết nàng đã từ đâu đến, đến khi nào, bằng cách nào, bởi vì thông tin đầu tiên liên lạc việc nàng đến nơi đây là giấy nhập viện chính thức mà ông ta đã đọc cho thư ký ghi sau khi phỏng vấn cô. Một cuộc thẩm tra ngay trong ngày hôm đó cũng không có kết luận dứt khoát. Dầu sao, điều làm vị giám đốc thắc mắc là làm thế nào Saturno biết được vợ mình ở đâu. Saturno bảo vệ cho bà quản giáo.

"Công ty bảo hiểm đã cho tôi biết" chàng nói.

Vị giám đốc gật đầu hài lòng. "Tôi không hiểu mấy cái hãng bảo hiểm xoay sở ra sao để có thể biết được một chuyện hay như vậy nhỉ". Ông ta nói. Ông nhìn lướt qua hồ sơ ở trên bàn làm việc khắc khổ của ông và kết luận:

"Điều chắc chắn duy nhất, đó là tình trạng của cô ấy rất trầm trọng".

Ông ta sửa soạn cho phép chàng được thăm viếng nàng với tất cả thận trọng cần thiết nếu Saturno chịu hứa, vì lợi ích của vợ mình, phục tùng mà không thắc mắc những điều luật về phép cư xử mà ông ta sẽ chỉ bảo cho chàng. Nhất là những điều liên quan đến việc phải đối xử với nàng như thế nào, để tránh gây nên những cơn cuồng nộ của nàng, càng ngày càng trở nên thường xuyên hơn và nguy hiểm hơn.

"Lạ thật" Saturno nói. "Nàng luôn luôn dễ nổi nóng nhưng nàng kèm chế được".

Vị bác sĩ làm một động tác của người học cao hiểu rộng. "Có những động thái nơi con người vẫn tiềm tàng trong nhiều năm, và rồi bất chợt một lúc nào đó lại bùng vỡ", ông nói. "Nói tóm lại, thật là may mắn khi cô ấy tình cờ đến đây, bởi vì chúng tôi chuyên trị những ca tâm thần đòi hỏi có một bàn tay cứng rắn". Rồi ông báo động cho chàng về nỗi ám ảnh kỳ lạ nơi Maria đối với máy điện thoại.

"Thật kỳ quặc cho nàng" bác sĩ nói.

"Đừng lo, thưa bác sĩ" Saturno đáp với giọng vui vẻ. "Đó là món đặc sản của tôi".

Phòng thăm viếng - một sự phối hợp giữa phòng giam và phòng xưng tội - trước kia là của tu viện kín. Bước chân đi vào của Saturno không phải là một cảnh bùng nổ của niềm vui như cả hai có thể đã từng trông đợi. Maria đứng giữa phòng, gần một bàn nhỏ với hai ghế và một lọ hoa trống rỗng chẳng một cành hoa. Rõ ràng là nàng đã chuẩn bị sẵn sàng để rời bỏ chốn này, với chiếc áo khoác màu dâu thắm náo và đôi giày tả tơi do ai đó có từ tâm đã bố thí cho nàng. Herculia đứng ở một góc, gần như vô hình, khoanh tay lại. Maria vẫn bất động khi thấy chồng bước vào và mặt nàng, vẫn còn vết trầy xước do các mảnh kính vỡ cửa sổ, không biểu lộ nét xúc động nào. Họ trao đổi những cái hôn theo thông lệ.

"Em thấy thế nào?" chàng hỏi nàng.

"Vui mừng vì thấy mình cuối cùng rồi cũng đến nơi đây, mình ạ" nàng đáp. "Em thật như đã trải qua cái chết".

Họ không còn đủ thời gian để ngồi xuống. Chìm trong nước mắt, Maria kể với chồng về những khổ nhục trong cái nhà giam kín này, về sự tàn bạo của các bà quản giáo, về thức ăn chó cũng chê, về những đêm dài vô tận khi nỗi kinh hoàng khiến nàng không hề chớp mắt.

"Em cũng chẳng biết em đã ở đây bao nhiêu ngày hoặc bao nhiêu tháng hay bao nhiêu năm, em chỉ biết là mỗi ngày là càng tệ hơn ngày hôm trước", và nàng thở dài với cả cõi lòng sâu thẳm. "Em không nghĩ em sẽ còn là mình".

"Mọi chuyện đã qua rồi", chàng nói, vừa vuốt ve những vết sẹo trên mặt nàng với đầu ngón tay. "Anh sẽ đến mỗi thứ bảy. Cũng có thể thường xuyên hơn, nếu bác sĩ giám đốc cho phép. Em thấy đó, mọi việc rồi sẽ chuyển biến theo hướng tốt đẹp".

Nàng nhìn chàng chăm chăm bằng đôi mắt lạc thần. Saturno cố vận dụng tài năng mê hoặc ảo thuật gia của mình. Chàng bảo nàng, bằng một giọng nơi trẻ thơ của những lời nói dối vĩ đại, một phiên bản ngọt ngào từ lời chẩn đoán của bác sĩ. "Điều đó có nghĩa là" chàng kết luận, "Em còn ở đây vài ngày nữa để hoàn toàn bình phục". Maria hiểu ra sự thật.

"Ôi lạy Chúa" nàng sững sờ "Bộ mình cũng nghĩ là em điên sao!"

"Em cứ nghĩ vớ vẩn!" chàng cố bông đùa. "Nhưng nếu thật sự là nếu em ở đây thêm một thời gian ngắn nữa, mọi việc sẽ tốt hơn, cho mọi người. Dĩ nhiên, trong điều kiện khá hơn!".

"Nhưng em đã nói với anh là em chỉ đến đây để gọi điện thoại thôi mà!".

Maria gằn giọng.

Chàng không biết làm cách nào phản ứng lại nỗi ám ảnh kinh hoàng của nàng. Chàng nhìn mục Herculina. Mục lợi dụng dịp đó chỉ vào đồng hồ đeo tay, tỏ ý thời gian thăm viếng đã hết. Maria thoáng thấy dấu hiệu, trừng mắt và thấy mục Herculina trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nàng bá cổ chồng, la hét như một mục điên thật sự. Chàng tìm cách thoát ra, với tất cả lòng yêu thương chàng còn có trong lòng, và để nàng ở lại tùy hỉ công đức của mục Herculina đang nhảy xổ đến tóm lấy nàng từ phía sau. Không để cho Maria

có thời gian phản ứng, mẹ ta xuất một chiêu "tả thủ cầm nã" còn tay mặt xuất chiêu "thiết thủ cương tỏa" chẹn ngang cổ nàng, đồng thời hét vào mặt Saturno:

"Cút đi lập tức!"

Saturno vụt đi trong kinh hoàng.

Nhưng vào ngày thứ bảy tiếp theo, khi đã hoàn hồn từ cú sốc thăm bệnh lần trước, chàng quay trở lại bệnh viện tâm thần với con mèo mà chàng cho mặc trang phục giống như chàng, một bộ quần áo chèn đỏ và vàng giống giống nhà ảo thuật vĩ đại Leotardo, một mũ nhọn và áo khoác căng phồng giống như được dùng để bay.

Chàng lái chiếc xe làm xiếc chạy vào sân của nhà tu kín và ở đó, chàng mở sô trình diễn suốt ba tiếng đồng hồ cho các bệnh nhân nội trú thưởng thức, từ các ban công với những tiếng hò hét chộn rộn với những tràng vỗ tay chẳng đúng lúc. Tất cả bọn họ đều ra xem, chỉ trừ Maria. Nàng chẳng những từ chối không tiếp chồng mình mà cũng chẳng muốn ra đứng ở ban công để nhìn chàng. Saturno cảm thấy bị tổn thương, đau đớn thấu tâm can.

"Đó là một phản ứng điển hình" bác sĩ giám đốc an ủi chàng. "Rồi sẽ qua thôi".

Nhưng nỗi đau chẳng bao giờ qua đi. Sau nhiều lần toan tính để gặp lại nàng, Saturno cố gắng bằng mọi cách để nàng chịu nhận một bức thư của chàng, nhưng vô ích. Nàng trả lại thư bốn lần, không mở thư xem và cũng chẳng một lời bình luận. Saturno đầu hàng, nhưng vẫn tiếp tục gửi tiếp tế thuốc lá ở phòng trực mà không tìm hiểu xem đồ thăm nuôi có đến tay Maria hay không, cho đến cuối cùng thực tế đã đánh gục chàng.

Không còn ai nghe nói gì về chàng nữa trừ cái điều chàng đã lấy vợ khác và quay về cố hương. Trước khi rời Barcelona, anh ta đã đem con mèo đổi lấy cho một cô bạn gái, cô này có hứa sẽ mua thuốc lá để tiếp tế cho

Maria. Nhưng rồi cô ta cũng biến đâu mất tiêu. Rosa Regas nhớ lại có thấy cô ấy ở cửa hàng bách hóa Corte Ingles khoảng mười hai năm trước đây, đầu cạo trọc, mang áo màu cam theo kiểu một giáo phái phương Đông nào đó. Cô ta bảo Rosa, cô ta có tiếp tế thuốc lá cho Maria thường xuyên và một số vật dụng tối cần thiết cho nàng cho đến một ngày cô chỉ còn thấy những phế tích hoang tàn của bệnh viện đã bị phá bỏ như là chứng tích u ám của một thời tồi tệ. Maria trông có vẻ rất tinh tảo trong lần gặp cuối cùng, hơi mập ra và có vẻ hài lòng với nếp sống yên bình nơi nhà tu kín. Đó là cái ngày cô mang mèo đến cho Maria, bởi vì cô đã dùng hết số tiền mà Saturno đã đưa cho cô để mua thức ăn cho mèo.

Mùa Xuân 1978

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Bóng Ma Tháng Tám

Chúng tôi đến Arezzo trước buổi trưa một tí và mất hơn hai giờ để tìm tòa lâu đài thời Phục Hưng mà nhà văn Venezuela, Miguel Otero Silva đã mua lại, ở góc trữ tình của vùng quê xứ Toscane.

C

Đó là một ngày cháy bỏng, giục giã đầu tháng năm và không dễ tìm một người nào biết được một điều gì trong những đường phố đầy nghẹt du khách. Sau nhiều lần toan tính vô ích, chúng tôi đã trở lại xe và rời thành phố qua một con đường với một hàng cây bách chạy dọc hai bên nhưng không có một dấu hiệu chỉ dẫn nào; một người đàn bà luống tuổi đang đứng bán ngỗng đã chỉ cho chúng tôi lâu đài ấy nằm đúng chỗ nào. Trước khi nói lời từ biệt, bà còn hỏi chúng tôi có định ngủ lại nơi đó không; chúng tôi đáp lại chúng tôi chỉ đến đó để dùng buổi trưa, ý định ban đầu của chúng tôi là thế.

"Ờ, thế thì tốt", bà ta nói, bởi vì căn nhà đó có ma đấy".

Vợ tôi và tôi đều không tin có chuyện ma cỏ hiện giữa ban ngày ban mặt đã cười sự cả tin của bà ta. Nhưng hai đứa con của chúng tôi, đứa lên chín, đứa lên bảy, vui mừng với ý tưởng sắp được gặp ma bằng xương bằng thịt.

Miguel Otero Silva, một chủ nhà tuyệt vời và là một kẻ sành ăn tinh tế cũng là một nhà văn tài ba, đang đợi chúng tôi đến với một bữa ăn trưa khó

quên. Vì quá trễ, chúng tôi không còn thì giờ để đi xem bên trong tòa lâu đài trước khi ngồi xuống bàn ăn, nhưng chẳng thấy có điều gì đáng kinh hãi khi thoát trông lâu đài đó và mọi e dè đều tan biến khi chúng tôi nhìn toàn cảnh thành phố từ trên sân thượng phủ đầy hoa, nơi chúng tôi dùng bữa trưa. Thật khó tin rằng đã có biết bao tài năng tồn tại lâu đài trong ký ức nhân loại đã được sinh ra trên ngọn đồi lô nhô những căn nhà đủ chỗ cho cả mười chín ngàn người cư ngụ đó. Tuy thế, Miguel Otero Silva, đã nhận xét với óc hóm hỉnh đặc biệt vùng Carribê của ông, là không có ai trong bọn họ là người lừng danh nhất sinh trưởng ở Arezzo.

"Kẻ vĩ đại nhất" ông tuyên bố, "là Ludovico".

Chỉ thế thôi, không cần nói đến họ. Ludovico, một vị mệnh thường quân vĩ đại của nghệ thuật và của chiến chinh, đã xây dựng lâu đài này, lâu đài đã chứng kiến nổi thống khổ vô biên mà Miguel đã kể về cuộc đời lạ lùng của người ấy suốt buổi ăn trưa. Ông kể cho chúng tôi nghe về quyền lực lớn lao của Ludovico, về mối tình sóng gió và về cái chết ghê rợn của ông ta. Ông kể cho chúng tôi nghe mọi việc diễn biến ra sao khi trong cơn cuồng điên của cơn tim tuyệt vọng, ông ấy đã cột chặt bà vợ trong chiếc giường còn nồng ấm dấu tích ái ân của hai vợ chồng, rồi thả mấy con chó săn dữ tợn ra cắn nát chính vợ mình thành từng mảnh vụn, máu thịt tả tơi. Ông khẳng định với chúng tôi, một cách rất nghiêm chỉnh, là sau nửa đêm, bóng ma của Ludovico đi trong bóng tối của căn nhà, cố tìm sự thanh thản cho tâm hồn trong luyện ngục của Tình Yêu.

Lâu đài trông thật rộng lớn và mờ tối. Nhưng trong ánh sáng ban ngày, với cái dạ dày đầy ắp và một tấm lòng hả hê, thì câu chuyện của Miguel chỉ có vẻ như một trong những trò giải trí ông dùng để tiêu khiển cho những người khách của mình. Sau giấc ngủ trưa, chúng tôi tản bộ không hề có linh tính nào, qua tám mươi hai căn phòng đã trải bao đổi thay qua bao nhiêu đời chủ. Miguel đã canh tân toàn bộ tầng một và cho xây một phòng ngủ hiện đại với sàn bằng đá hoa cương, một phòng tắm hơi với trang cụ thể

dục cũng như sân thượng phủ đầy hoa rục rờ nơi chúng tôi vừa ngồi ăn trưa. Tầng hai, tầng được sử dụng nhiều nhất qua bao thế kỷ gồm những căn phòng giồng giồng nhau với đồ đạc được tích lũy qua nhiều thế kỷ, đã bị bỏ mặc cho số phận của chúng. Nhưng ở tầng trên cùng, chúng tôi gặp một căn phòng được giữ nguyên vẹn, gần như bị thời gian lãng quên không hề đặt chân thăm viếng - đó là phòng ngủ của vị chủ nhân lừng danh Ludovico.

Khoảnh khắc đó thật kỳ ảo. Chiếc giường ngủ vẫn an vị đằng kia, bao bọc chung quanh bởi tấm màn thêu chỉ vàng kim tuyến, thành giường với các nét hoa văn chạm trổ công phu, mỹ thuật vẫn còn sắc nét, loang lổ những vết máu khô của người tình bạc phận. Một lò sưởi với tro tàn lạnh giá và khúc củi cuối cùng đã biến thành đá, tủ kiếng trưng bày những vũ khí tiêu biểu thời Phục Hưng và trong một khung hình bằng vàng, bức họa chân dung bằng sơn dầu của nhà Hiệp sĩ trầm tư, do một họa sĩ bậc thầy xứ Florence vẽ; tiếc rằng tên tuổi họa sĩ tài ba đó đã không được may mắn tồn tại với thời gian. Tuy nhiên, điều gây ấn tượng cho tôi nhất là mùi hương của những quả dâu tươi không biết từ đâu vẫn phảng phất khắp phòng ngủ.

Những ngày hè ở xứ Toscane vẫn kéo dài không vội vã vào đêm, và chân trời vẫn đứng yên tại chỗ cho đến chín giờ đêm. Khi chúng tôi đã tham quan hết lâu đài. Lúc đó là sau năm giờ chiều, nhưng Miguel tha thiết rủ chúng tôi đi thăm các bức bích họa tuyệt tác do nhà danh họa Piero della Francesca vẽ trên các bức tường của Nhà Thờ Thánh Francesco.

Rồi chúng tôi nấn ná dừng chân, nói chuyện quá tách cà phê dưới những tán cây nơi quảng trường và khi chúng tôi quay trở lại để thu xếp hành trang, chúng tôi thấy một bàn đang đợi sẵn. Và thế là chúng tôi phải ngồi lại dùng bữa ăn tối.

Trong khi chúng tôi ngồi ăn dưới bầu trời tím với một ngôi sao đơn độc, mấy thằng bé lấy đèn bấm ở phòng ăn và đi ra ngoài để thăm dò bóng tối ở các tầng trên. Từ chỗ bàn ăn, chúng tôi có thể nghe âm thanh vó ngựa

hoang phi nước đại trên các bậc cầu thang, các cánh cửa khóc than, tiếng la hét vui đùa của Ludovico trong các phòng tối lơ mờ. Chúng là những người duy nhất có ý tưởng tình nghịch muốn ngủ tại nơi đó. Miguel Otero Silva vui vẻ chịu đựng chúng, còn chúng tôi e ngại, không dám từ chối ý thích của bọn trẻ.

Trái với điều chúng tôi lo sợ, chúng tôi đã ngủ rất ngon, vợ tôi và tôi, trong một phòng ngủ ở tầng một; mấy đứa con của chúng tôi ở phòng bên cạnh. Cả hai phòng đã được cách tân và không hề có vẻ gì ảm đạm. Trong khi chờ giấc ngủ, tôi đếm 12 tiếng gõ của đồng hồ quả lắc nơi phòng tranh và tôi nhớ lại lời báo động đáng e ngại của người đàn bà bán ngỗng. Nhưng vì quá mệt mỏi, chúng tôi đã nhanh chóng rơi vào giấc ngủ ngon lành, dày đặc, không hề bị quấy động và tôi thức giấc sau bảy giờ, khi ánh mặt trời rực rỡ chiếu xuyên qua màn nho leo nơi cửa sổ. Bên cạnh tôi, bà vợ tui dong thuyền trên mặt biển lặng hờn nhiên. "Thật là điên rồ" tôi tự chủ, "Khi còn tin vào ba cái chuyện ma quỷ nhảm nhí ở thời đại ngày nay". Chỉ khi ấy tôi mới bị lay động bởi mùi hương của những quả dâu tươi và tôi thấy cái lò sưởi với tro tàn lạnh giá cùng với khúc củi cuối cùng đã biến thành đá và bức chân dung nhà hiệp sĩ buồn rầu trong cái khung hình vàng đang nhìn chúng tôi qua khoảnh khắc của ba thế kỷ. Bởi vì chúng tôi không phải đang nằm nơi phòng ngủ tầng thứ nhất nơi chúng tôi đã ngủ ngon lành trong đêm vừa qua mà là trong phòng ngủ của Ludovico dưới những màn trướng bụi bặm và tấm chăn còn ướt đầm máu nóng nơi chiếc giường oan nghiệt của ông.

Tháng mười 1980.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Maria Dos Prazeres

Anh chàng nhân viên cơ sở phục vụ mai táng đến rất đúng giờ hẹn khi Maria dos Prazeges vẫn còn mặc áo tắm, tóc cuốn thành lọn và cô chỉ còn và đủ thời gian để cài mỗi bông hồng đỏ thắm phía sau lỗ tai để bớt phần quá kém hấp dẫn như cô tự cảm thấy. Cô nàng thấy hối tiếc cho vẻ ngoài của mình hơn khi cô mở cánh cửa và gặp không phải một viên thư ký lễ tang già nua ảm đạm như cô vẫn tưởng tượng về nhà kinh doanh cái chết, mà là một chàng trai trẻ rụt rè, mặc áo jacket đuôi tôm đúng thời trang, cổ thắt đuôi bướm có hình chim, nhiều màu sắc. Chàng ta không choàng áo khoác ngoài, đầu mùa xuân ở Barcelona thời tiết vẫn hay thất thường và những cơn mưa nghiêng nghiêng do gió tạt thổi xiên hầu như khiến cho mùa xuân nơi ấy còn khó chịu hơn cả mùa đông. Maria dos Prazeges, đã từng đưa đón biết bao gã đàn ông bất kể giờ giấc nào, lúc đó lại cảm thấy bối rối lạ kỳ. Cô mới vừa tròn tuổi bảy mươi sáu và yên trí rằng mình sẽ được đi châu Chứa trước ngày Chúa sinh ra đời, nhưng mặc dầu thế cô vẫn muốn khép cửa lại và yêu cầu anh chàng tiếp thị trẻ trung của cơ sở phục vụ mai táng hãy chờ tí, đợi cô ăn mặc lịch sự rồi sẽ tiếp anh cho xứng đáng với phong cách. Nhưng rồi cô chợt nhớ ra rằng, nếu để anh ta ở ngoài cửa cơn mưa nghiêng nghiêng gió rét thấu xương như thế này thì chỉ một lát thôi anh ta sẽ đóng thành băng mất, nên cô ta mời anh bước vào.

A

"Xin lỗi, tôi ăn mặc không được tươm tất lắm", cô nói, "Thế nhưng vì tôi đã sống ở Catalonia này trên năm mươi năm, và đây là lần đầu có người lại đến đúng hẹn đến thế".

Cô nói tiếng Catalan rất chuẩn, với sự thuần khiết có phần hơi nệ cổ, mặc dầu người ta vẫn nhận được dư âm của ngôn ngữ Bồ Đào Nha đã lãng quên từ lâu. Dầu tuổi đã cao và những vòng cuốn tóc bằng kim loại trên đầu, cô vẫn còn là một cô gái lai dáng người thon thả, khí thế sinh động, tóc quăn, mắt vàng ánh, loại mắt nhấn tâm, đã đánh mất lòng từ bi hỉ xả đối với đàn ông từ lâu rồi. Chàng nhân viên tiếp thị, hơi bị quáng mắt vì ánh đèn đường, không nói lời bình phẩm nào, chỉ lẳng lặng cúi để giày vào miếng thảm cói và cúi người hôn tay cô.

"Cậu xử sự giống phong cách những người đàn ông thời trẻ của tôi lắm", Maria dos Prazeres nói với tiếng cười nhộn sắc như mưa đá rơi trên khung cửa kính. "Nào, mời cậu ngồi".

Dầu mới vào nghề, nhưng chàng trai cũng khá lanh lợi để biết rằng không nên chờ đợi gì nhiều nơi sự chào đón vồn vã vào lúc tám giờ sáng, nhất là nơi một bà già mới thoáng nhìn trông giống một bà điên đã bỏ trốn từ châu Mỹ đến đây. Và vì thế chàng vẫn đứng lại sau khi bước qua cánh cửa có một bước, rồi không biết nói gì, trong khi Maria dos Prazeres vén tấm màn bằng nhung dày nơi cửa sổ qua một bên, ánh sáng thág tư mong manh chỉ đủ soi rọi vài góc của cái phòng đầy những vật nho nhỏ tỉ mỉ đó, trông giống phòng trưng bày của một nhà buôn đồ cổ hơn là một phòng khách. Đồ đạc trong phòng được sắp sửa để dùng hàng ngày - không quá nhiều cũng không quá ít - và mỗi vật đều có vẻ được đặt đúng vị trí tự nhiên thích hợp nhất, với một cái "gu" thật đúng mực, đến độ thật khó tìm được một căn nhà nào khác được bày trí hoàn hảo hơn, ngay cả một đô thị cổ kính và có nề nếp phong lưu từ xưa như thành phố Barcelona này.

"Xin lỗi", chàng trai nói. "Tôi đã vào nhầm cửa".

"Tôi mong là đúng như thế" bà nói, "Thế nhưng cái chết không bao giờ nhầm đâu".

Trên cái bàn nơi phòng ăn, anh chàng tiếp thị mở rộng một tấm biểu đồ gồm nhiều tấm gấp lại giống một tấm hải đồ, với những khu vực được tô màu khác nhau, được đánh dấu chữ thập và số ở mỗi vùng màu. Maria dos Prazeres thấy đó là một bức sơ đồ tổng thể của nghĩa trang Montjuich rộng lớn và bà hồi tưởng với nỗi hãi hùng xa xưa vẫn còn ghi đậm dấu ấn trong đầu óc, cái bãi tha ma mộ địa ở Manaus dưới những cơn mưa tháng mười, lúc đàn lợn lòi đào ủi những nấm mồ vô danh cũng như lăng mộ của các tay giang hồ phiêu bạt với các cửa sổ bằng kính màu xứ Florence. Một buổi mai nọ, khi bà còn là một cô bé tí tẹo, lúc dòng sông Amazone vào mùa lũ, trở thành một vùng lầy lội mênh mông, ghê tởm, lúc đó trước sân nhà, cô bé đã thấy những quan tài đổ nát trôi lênh bênh với những mảnh giẻ rách và những cuộn tóc của các xác chết lòi ra qua các khe nứt của quan tài. Hoài niệm đó là lý do khiến bà chọn nghĩa trang Monjuich trên đồi cao làm nơi an nghỉ cuối cùng, chứ không chịu nằm ở nghĩa trang San Gervasio, tuy gần gũi, có vẻ thân mật hơn, nhưng lại ở chỗ trũng thấp.

"Tôi muốn nơi nào chẳng bao giờ bị ngập lụt", bà nói.

"Vâng, chỗ này đây, thưa bà", chàng tiếp thị nhanh nhẩu chỉ ngay một điểm trên bản đồ với một que chỉ gấp lại được mà chàng mang theo trong túi như một cây bút máy.

"Không có đại dương nào trên hành tinh này có thể dâng lên độ cao đó đâu".

Bà nghiên cứu các ô màu cho đến khi tìm thấy cổng vào chính và ba ngôi mộ nằm kế cận nhau, giống hệt nhau, không được ghi tên lên mộ chí; ba nấm mồ chôn Buenaventura Durriti, bị giết trong cuộc nội chiến cùng với hai tay thủ lĩnh vô chính phủ khác. Mỗi đêm đều có người lén đến viết tên của họ lên các phiến đá trơn trên đầu mộ họ. Viết bằng bút chì, bằng sơn, bằng than, bằng bút chì kẻ lông mày, hay đồ dũa móng tay, và mỗi sáng mấy người gác nghĩa trang lại lau sạch đi để không ai biết được người nào nằm dưới các tấm bia đá câm nín, vô danh kia. Maria dos Prazeres đã

từng dự đám tang của Durriti, một đám tang buồn nhất và náo động chưa từng thấy ở Barcelona và bà muốn yên giấc ngàn thu trong một nấm mộ gần nấm mộ của ông ấy. Nhưng tiếc rằng chẳng còn phần đất trống nào gần đó nữa và bà phải đành lòng với cái khả hữu mà thôi. "Với điều kiện", bà nói "các người đừng xếp đồng tôi vào một trong những gian năm năm, rồi lại đem đào đổ đi đấy nhé". Rồi nhớ lại điều yêu cầu cốt yếu nhất, bà kết luận "Và quan trọng nhất, là tôi phải được chôn nằm, nhớ đấy nhé". Vì, đáp lại các đợt khuyến mãi được quảng cáo rầm rộ về các phần mộ được trả tiền trước, trong dân chúng lại có tin đồn rằng các cơ sở mai táng đã thực hiện những vụ chôn đứng để tiết kiệm đất chôn. Với sự chính xác của một diễn giả đã thuộc nằm lòng và đã lặp lại cùng một bài diễn văn đã quá nhiều lần, anh chàng tiếp thị giải thích rằng câu chuyện đó chỉ là một lời dối trá xảo quyệt của các cơ sở mai táng truyền thống để làm giảm giá cái kế hoạch độc đáo về phương thức bán phần mộ trả chậm của cơ sở anh ta, bỗng có ba tiếng gõ khẽ vào cánh cửa làm anh ta ngừng lại, hơi e dè, nhưng Maria dos Prazeres ra hiệu cho anh ta cứ tiếp tục. "Đừng ngại gì cả", bà ta nói với một giọng rất bình thản. "Con Noi đó mà".

Anh chàng tiếp thị tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở và Maria dos Prazeres cảm thấy hài lòng với những lời giải thích của anh ta. Tuy nhiên, trước khi mở cửa tiễn khách, bà cũng muốn tổng kết lần cuối cái ý nghĩ đã chín mùi trong tâm khảm bà, một ý nghĩ đã được nghiền ngẫm đến từng chi tiết sâu kín nhất, qua bao nhiêu năm tháng, kể từ khi xảy ra trận hồng thủy đã đi vào truyền thuyết ở Manaus. "Điều tôi muốn nhấn mạnh", bà nói, "tôi mong mỗi có một chỗ tôi có thể yên tâm nằm trong lòng đất mà không sợ những cơn lũ, và nếu có thể, dưới bóng mát của cây cối vào mùa hè và nơi đó tôi sẽ không bị đào bới lên sau một thời gian để rồi bị vất ra cùng với rác rưởi".

Bà ta mở cửa chính và một con chó nhỏ ướt sũng nước mưa chạy vào; cái vẻ phóng đảng, thảm hại của nó thật không phù hợp tí nào với căn phòng. Nó trở về nhà sau buổi đi dạo sáng, chạy rông qua các nhà lán

giềng và khi chạy vào nhà, nó bỗng thấy hứng chí gây nhặng xị cả lên. Nó nhảy lên bàn, sủa om sòm như sắp hóa dại và thiếu điều làm hồng tẩm bản đồ nghĩa trang với mấy cái móng chân bê bết bùn của nó. Nhưng chỉ một cái trừng mắt của bà chủ đã đủ để tống lại cơn rồ dại lếu láo của nó. "Noi!" bà nói mà không cần lên giọng. "Nằm yên nào!"

Con vật thu người lại phía sau, sững sốt nhìn bà chủ, hai giọt nước mắt chảy dài xuống mũi. Rồi Maria dos Prazeres quay lại nhìn anh chàng tiếp thị và thấy mặt chàng ngơ ngác.

"Ồi chà!" chàng ta kêu lên "Nó lại khóc kìa!"

"Chỉ vì nó bối rối khi thấy có người lạ đến đây vào giờ này", Maria dos Prazeres xin lỗi bằng giọng nhỏ nhẹ. "Nói chung, khi bước vào nhà, nó tỏ ra thận trọng hơn người ta. Ngoại trừ anh như tôi đã thấy".

"Nhưng nó lại khóc kìa, chó chết thật!" anh chàng tiếp thị lặp lại, rồi sức nhớ mình vừa mới nói lời thô lỗ, đỏ mặt, lúng túng xin lỗi "Xin lỗi bà, nhưng cháu chưa hề thấy con vật nào như thế, ngay cả trên màn ảnh".

"Ồ, con chó nào cũng làm điều ấy được nếu ta huấn luyện nó", bà nói. "Nhưng thay vì thế, mấy người chủ của chúng chỉ dạy cho chúng những thói quen khiến chúng thêm phần khổ sở, chẳng hạn như ăn trong đĩa, ỉa đái có nơi, đúng giờ đúng giấc. Thế mà họ lại không chịu dạy cho chúng những điều tự nhiên khiến chúng thích thú, chẳng hạn khóc hay cười. Mà chúng ta bàn đến đâu rồi nhỉ?"

Họ đã gần đến kết thúc câu chuyện. Maria dos Prazeres cuối cùng đành phải chấp nhận sẽ phải nằm dưới mộ trải qua mùa hè không có những bóng cây che bởi vì phần đất có bóng rợp trong khu mộ địa đã được dành cho các vị chức sắc cao cấp trong chính quyền rồi. Mặt khác, các điều kiện và điều khoản trong hợp đồng cũng không quan trọng lắm, bởi vì bà muốn được hưởng lợi ở phần chiết khấu do chịu trả trước bằng tiền mặt.

Trước khi kết thúc và xếp lại giấy tờ vào cặp, anh chàng đi chào hàng nhìn lại khắp căn phòng với cặp mắt quan sát kỹ hơn và chàng ta rùng mình với cái không khí ma thuật phảng phất nơi vẻ đẹp của nó. Chàng ta nhìn Maria dos Prazeres, e dè, bối rối như khi nhìn bà lần đầu.

"Cháu có được phép hỏi bà một câu hỏi hơi tò mò không?", chàng rụt rè nói.

Bà ta đi với chàng ra đến cửa.

"Được thôi, cháu ạ", bà nói "nhưng nhớ đừng hỏi tuổi tác ta là được".

"Thưa bà, cháu có thói quen đoán việc làm của người khác từ những đồ đạc nơi nhà ở của họ và sự thật là, riêng nơi đây thì cháu lại chịu, không đoán nổi", chàng ta nói.

"Thưa bà, cho phép cháu hỏi bà làm nghề gì?"

Tức cười quá, Maria dos Prazeres trả lời:

"Bà đây là một gái điếm đấy, cháu ạ. Chả lẽ trông ta không còn giống được một kiều nữ giang hồ nữa hay sao?"

Chàng trẻ tuổi đỏ mặt. "Cháu xin lỗi".

"Ta cũng xin lỗi cháu", bà nói, vừa nắm cánh tay chàng để giữ cho chàng khỏi vấp ngã vào cửa. "Cẩn thận nhé! Đừng để vấp ngã mà vỡ đầu trước khi lo cho chu toàn đám tang của ta đấy nhé!"

Vừa đóng cửa lại sau khi tiễn chàng trai, bà quay lại ôm con chó nhỏ, nựng nịu với nó; với chất giọng khá hay, mang âm hưởng Phi châu, bà ca theo những bài hát nhi đồng vọng lại từ trường mẫu giáo kế bên. Ba tháng trước đây bà đã nằm mộng thấy mình sắp chết và từ thời điểm đó đến nay, bà càng thấy gần gũi hơn bao giờ hết với đứa con cưng trong nỗi cô đơn

của bà. Bà đã tiên liệu đầu đó việc phân phối tài sản của bà sau khi chết cũng như việc ma chay tẩm liệm thi thể của bà với tất cả mọi chi tiết rõ ràng đến độ, nếu bà có ngã ra chết ngay lúc đó thì cũng không làm ai bối rối vì bất cứ chuyện gì nữa. Bà ta nhất quyết nghỉ hưu với một tài sản do chắt chiu tích lũy mà không phải chịu quá nhiều hy sinh cay đắng và bà đã chọn khu phố Gracia, một khu phố rất cổ, yên tĩnh làm chỗ ở cuối đời mình. Bà đã mua lại một căn hộ đồ nát nơi tầng hai với những dấu đạn lỗ chỗ, vết tích của các trận chiến chẳng có gì vinh quang. Cầu thang gỗ đi lên, tối tăm, ướt át, có chỗ còn thiếu vài bậc thang. Thế nhưng mọi căn phòng đều có người thuê, chẳng còn chỗ nào trống. Maria dos Prazeres cho sửa sang lại buồng tắm và nhà bếp, phủ khắp tường bằng màn vải màu sáng, lắp kính vào các cửa sổ, giăng màn nhung. Rồi bà sắm sửa bàn ghế tủ giường loại sang - những đồ vật vừa hữu dụng mà cũng có tính cách trang hoàng và những hòm tơ lụa, đồ thêu mà đám phát xít lấy cắp từ các căn nhà do đám Cộng hòa bỏ lại trong cơn tháo chạy tán loạn. Bao thứ của nả đó bà đã tom góp được trong nhiều năm qua các cuộc mặc cả mua được với giá hời trong các cuộc bán đấu giá bí mật.

Chỉ còn một mối liên hệ duy nhất với quá khứ đó là tình bạn với Bá tước Cardona vẫn tiếp tục đến thăm bà vào ngày thứ sáu cuối mỗi tháng để dùng một bữa cơm thân mật với bà, sau đó vớt vát một quả, nhưng cũng ẻo lả lắm, chứ chẳng còn sung độ như thời trai trẻ. Nhưng ngay tình bạn thời thanh xuân đó cũng được giữ kín đáo, vì Bá tước đậu xe ở khoảng cách khá xa và đi lên tầng lầu hai nơi bà ở, trong bóng tối lờ mờ, như thế để bảo vệ danh giá cho bà cũng như cho ông. Maria dos Prazeres không biết người nào khác trong cái building đó ngoài mấy người ở căn hộ đối diện với bà, nơi đó một cặp còn rất trẻ với một bé gái chín tuổi đã dọn đến từ lâu. Có vẻ khó tin nhưng thật sự là bà chưa hề gặp người nào khác khi lên xuống cầu thang.

Và tuy thế, việc phân phối di sản của bà để lại chứng tỏ rằng bà vẫn bén rễ sâu hơn bà tưởng vào cái cộng đồng những người Catalan vô tổ chức mà

niềm hãnh diện quốc gia được đặt trên đức tính khiêm cung đúng mực. Bà đã di chúc để lại, ngay cả những vật vô nghĩa nhất cho những người gần gũi nhất với trái tim bà, đó là những người ở gần nhà bà nhất. Khi việc phân phối di sản đã được sắp xếp xong xuôi đâu đấy, bà không cảm thấy được yên tâm lắm là mình đã thật công bằng hay chưa, nhưng bà đã tin chắc là mình đã không quên kẻ nào không xứng đáng. Bà đã sửa soạn các phần di sản với sự chính xác nghiêm ngặt đến độ viên trưởng khế ở Calle de Arbot vẫn tự khen mình là người lịch duyệt, đã từng nhìn thấy đủ thứ chuyện trên đời, cũng không tin nổi đôi mắt mình khi ông thấy bà ta đọc cho các viên lục sự, từ trí nhớ bằng ngôn ngữ Catalan trung cổ, bảng danh sách chi tiết những vật sở hữu của bà cùng với tên gọi chính xác của từng món và bảng danh sách đầy đủ những người thụ hưởng với nghề nghiệp và địa chỉ và vị trí của mỗi người trong trái tim bà.

Sau cuộc thăm viếng của người chào hàng, bà trở thành một trong vô số những người khách tham quan nghĩa trang vào ngày chủ nhật. Giống như những người láng giềng mộ địa của mình bà trồng các loài hoa nhỏ quanh năm trong các bồn, tưới nước thăm cỏ mới trồng và xén tỉa bằng loại kéo xén lông cừu cho đến khi cho trông nó giống thảm cỏ trong vườn tòa thị chính và đã trở nên quá thân thuộc với nơi chốn ấy, khiến cuối cùng bà không hiểu tại sao thoát đầu nơi chốn ấy lại có vẻ ảm đạm đối với bà đến vậy.

Lần đầu đến viếng nghĩa trang, tim bà đã nhảy sai một nhịp khi bà thấy ba năm mồ vô danh nằm gần lối cổng ra vào, nhưng bà đã không dừng lại nhìn chúng, vì người canh gác luôn trông chừng bà ở khoảng cách chỉ vài bước. Nhưng vào ngày chủ nhật lần thứ ba, bà lợi dụng một lúc bất cẩn thiếu cảnh giác của người gác để hoàn thành một trong các giấc mộng lớn của bà: dùng son môi, bà viết lên tấm bia đá đầu tiên đã bị nước mưa xói mòn: Durity. Từ lúc đó trở đi, bất cứ lúc nào có thể là bà lại làm điều ấy, đôi khi trên bia mộ, hoặc trên hai hoặc trên cả ba và luôn luôn với một mạch máu căng thẳng và một trái tim xôn xao nổi niềm hoài cảm.

Một ngày chủ nhật nọ, vào cuối tháng chín, bà chứng kiến đám tang lần đầu ở trên đồi. Ba tuần sau đó, vào một buổi chiều lạnh và lộng gió, người ta mang chôn một cô dâu mới trong một ngôi mộ gần phần mộ của bà. Đến cuối năm, bảy phần mộ khác lại có người nằm xuống, nhưng mùa đông ngắn ngủi năm đó qua đi mà không gây ảnh hưởng tồi tệ nào đối với Maria dos Prazeres cả. Bà chẳng hề thấy khó ở và nhờ thời tiết ấm dần lên và dòng âm thanh rào rạt của sự sống tuôn chảy vào qua những cánh cửa sổ mở rộng, bà càng thấy vững tâm hơn để sống vượt qua những tiên báo kỳ bí từ giấc mộng của bà. Khi trở về thành phố sau mấy tháng nghỉ hè ở vùng cao, Bá tước Cardone lại thấy bà hấp dẫn hơn cả trong thời kỳ hồi xuân rất lạ đời ở tuổi năm mươi của bà.

Sau nhiều lần toan tính bị hỏng, cuối cùng Maria dos Prazeres thành công trong việc khiến con chó Noi đào huyệt mộ cho bà trên ngọn đồi rộng lớn với biết bao năm mồ giống hệt nhau. Rồi bà dành nhiều công sức và thời gian để dạy nó khóc trên huyệt mộ trống để nó sẽ có thói quen làm như thế sau khi bà đã chết. Bà dắt nó theo rất nhiều lần trong lúc tản bộ từ nhà đến nghĩa trang, chỉ cho nó các điểm mốc để nhận để giúp nó nhớ kỹ tuyến xe buýt Ramblas cho đến khi bà thấy nó đã đủ khôn khéo để được gọi đến đó một mình.

Vào ngày chủ nhật của các cuộc trắc nghiệm lần cuối, lúc ba giờ chiều, bà cởi cái áo vest của nó, phần vì mùa hạ đã lãng đãng trong không khí, phần vì muốn khiến cho nó bớt bị người ta để ý và để nó được thoải mái hơn. Bà thấy nó đi xuống phía có bóng râm của đường phố bằng nước kiệu nhanh, cái mông nhỏ của nó thon gọn dưới cái đuôi ve vẩy húng chí, và đó là tất cả những gì bà có thể làm để không khóc - khóc cho phận mình, cho con chó, cho bao nhiêu năm cay đắng với những ảo mộng cùng san sẻ - cho đến khi bà thấy nó rẽ qua góc phố ở Calle Mayor và hướng về phía biển. Mười lăm phút sau, bà lên chuyến xe buýt tuyến Ramblas ở công trường Lesseps gần đó, cố gắng dõi nhìn theo nó qua cửa sổ mà vẫn giữ để không bị nhìn thấy, và thực tế bà đã thấy nó, ở xa xa và rất chừng chặc trong đám

trẻ con ủa ra phố rong chơi trong ngày chủ nhật; nó đang đứng chờ đèn hiệu giao thông để đổi hướng đi ở Paseo de Gracia.

"Chúa ơi", bà thở dài "Trông nó đơn độc quá".

Bà phải đợi nó gần hai giờ dưới ánh nắng gay gắt xứ Montjuich. Bà chào mấy người quen thường đi thăm phần mộ thân nhân của họ, đầu hầu như bà cũng không còn nhận ra họ vì đã qua một thời gian khá dài từ khi bà gặp họ lần đầu cho đến bây giờ họ không mặc đồ tang, không còn khóc kể và họ đặt hoa lên các nấm mồ mà không còn nghĩ đến kẻ quá cố nữa. Một lát sau, khi tất cả bọn họ đã dời đi, bà nghe tiếng rúc nỏ nuốt của còi tàu khiến bầu chim biển dáo dác bay và trên mặt biển mênh mông bà thấy dáng một con tàu xuyên đại dương màu trắng mang quốc kỳ Braxin, bà tha thiết mong sao chiếc tàu đó sẽ mang đến cho bà một bức thư lâm ly từ một tình nhân xa xưa nào đó đã từng vì bà mà chết dần mòn trong một nhà tù nào đó ở Pemambuco. Một lát sau năm giờ, đúng mười hai phút trước thời gian biểu, Noi xuất hiện trên ngọn đồi, phờ phạc vì mệt lử với cái nóng thiêu đốt nhưng vẫn có dáng điệu hí hửng của một đứa bé thắng cuộc. Vào lúc đó, Maria dos Prazeres đã vượt qua nỗi hãi hùng với ý nghĩ một mai mình qua đời mà chẳng có kẻ nào khóc bên nấm mồ.

Mùa thu tiếp theo bắt đầu khi bà phát hiện ra những dấu hiệu xúi quẩy mà bà không thể giải đoán, nhưng đã khiến trái tim bà thêm nặng trĩu. Bà lại uống cà phê dưới tán cây hoàng xiêm ở quảng trường Del Reloj, mặc áo khoác với cổ viền bông lông đuôi chồn và cái mũ trang hoàng bằng hoa giả, kiểu cổ, đến nỗi nay nó lại trở thành "mốt" thời trang. Trực giác của bà càng trở nên bén nhạy hơn. Cố gắng tìm hiểu nỗi xao xuyến nơi lòng mình, bà dò xét câu chuyện của các người đàn bà bán chim chóc ở phố Ramblas, chuyện tán dóc của đám đàn ông nơi các quầy sách báo - bọn họ, lần đầu tiên trong hàng bao nhiêu năm, không nói chuyện về bóng đá - về trầm ngâm lặng lẽ của các cựu chiến binh đã tỉnh mộng người hùng đang ngồi xem các mẫu vụn bánh mì cho đàn bồ câu và mọi nơi bà đều thấy những

dấu hiệu không còn nhằm lẫn gì nữa của cái chết đang đến gần. Vào dịp lễ Giáng sinh, đèn màu nhấp nháy được giăng mắc giữa các cành cây hoàng xiêm, âm nhạc và tiếng cười nói vang vang từ các bao lơn và một đám du khách tràn chiếm các quán cà phê vỉa hè, nhưng giữa tất cả không khí hội hè đình đám đó, người ta vẫn cảm thấy được sự căng thẳng bị nén lại giống như những ngày trước khi bọn người vô chính phủ tràn ra chiếm giữ mọi đường phố. Maria dos Prazeres đã sống qua thời đại đam mê cuồng nhiệt đó, đã không thể kiềm chế được nỗi bức dọc và lần đầu tiên bà bị đánh thức dậy sự căo cấu của nỗi sợ hãi. Một đêm nọ, bên ngoài cửa sổ nhà bà, mấy tên mật vụ đã bắn sát thương một sinh viên đã dám nguệch ngoạc dòng chữ "Xứ sở Catalunya độc lập muôn năm!".

"Lạy Chúa" bà tự nhủ thầm, lòng đầy kinh sợ "hình như mọi sự đều cùng chết với mình".

Xưa kia bà đã chỉ một lần biết đến nỗi xao xuyến tương tự khi còn là một cô bé con ở Manaus, vào lúc trước rạng sáng khi bao âm thanh trong đêm bỗng chợt dừng sững lại, lặng như tờ, dòng nước như ngừng trôi, thời gian chợt ngại ngừng và rừng thẳm Amazone chìm đắm trong tịch mịch khôn cùng, như niềm cô tịch của nỗi chết quạnh hiu. Giữa lúc lòng bà căng thẳng cực độ thì vào ngày thứ sáu cuối cùng của tháng tư, như thường lệ, Bá tước Cardona đến thăm bà và dùng bữa ăn nhẹ buổi tối.

Cuộc thăm viếng trở nên một nghi lễ. Vị Bá tước rất đúng giờ giấc đó sẽ đến giữa khoảng bảy đến chín giờ tối, mang theo một chai sâm banh nội địa, được bọc trong giấy để bớt gây chú ý, và một hộp nấm sấy. Maria dos Prazeres nấu món mì cannelloni và món gà hầm nấm với nước cốt trái cây - những món mỹ vị từ những ngày tháng yên vui hạnh phúc của các gia đình quyền tùm cổ kính xứ Catalonia - và một liễn đựng đầy trái cây trong mùa. Trong khi bà nấu nướng, Bá tước ngồi nghe các tuyển tập opéra của Ý qua máy hát, ghi lại những cuộc diễn tấu lịch sử của các nghệ sĩ lừng danh

thuở xưa, và nhấm nháp từng ngụm nhỏ rượu poóctô cho đến lúc nghe hết mấy đĩa hát.

Sau bữa ăn tối và chuyện phiếm, họ tỉnh tại làm tình với nhau, từ hoài niệm nhiều hơn là từ thực tại; điều đó để lại cho cả hai một dư vị của tai họa. Trước khi ra về, lúc nào cũng cảm thấy bất an khi gần đến nửa đêm, Bá tước đặt hai mươi lăm pesettas dưới cái gạt tàn thuốc trong phòng ngủ. Đó là giá của Maria dos Prazeres khi lần đầu chàng gặp nàng tại một khách sạn quá cảnh ở Paraledo, và đó là tất cả những gì mà lớp ri sét của thời gian còn để lại nguyên vẹn.

Không ai trong hai người đã từng bao giờ tự hỏi xem tình bạn của họ được xây dựng trên cơ sở nào. Maria dos Prazeres nợ ông vài ân huệ nho nhỏ. Ông đã cho bà vài lời khuyên hữu ích về việc quản lý phần tiền tiết kiệm của mình, đã chỉ cho bà biết giá trị thật sự của các thánh tích bà mua được và giữ gìn chúng như thế nào để không ai phát hiện được rằng chúng là những của gian do phường trộm cắp đem bán. Nhưng trên hết, ông là người đã chỉ cho bà con đường hướng đến tuổi già đoan trang ở khu phố Gracia, khi họ tâm tình với nhau trong nhà chứa về chuyện bà nên sống ở đâu trong những ngày tàn cuộc đời khi đã trở nên quá cổ lỗ sĩ đối với cái "gu" tình dục tân tiến, lúc bọn chủ chứa muốn gọi bà vào căn nhà dành cho các quý bà điếm về hưu để dạy dỗ các cậu trai mới lớn các "nam nữ phòng trung bí thuật" với giá hời chỉ năm pesetas một suất. Bà đã kể với Bá tước chuyện bà cụ thân mẫu quý hóa của bà đã bán bà tại cảng Manaus khi bà mới mười bốn tuổi và gã thủy thủ đầu tiên của chiếc tàu Thổ nhĩ Kỳ đã tận dụng không thương tiếc trong suốt cuộc hải hành xuyên Đại Tây Dương rồi vất cô đi, không một đồng xu dính túi, tiếng nước ngoài nửa chữ bẻ đôi không biết, nửa mảnh giấy tờ tùy thân cũng không, trong chốn bùn nhơ nhập nhòa ánh đèn xanh đỏ lờ mờ của các nhà thổ ở Paraledo. Cả hai người, giữa một ả giang hồ lưu lạc xứ người và một vị Bá tước quyền quý, đều ý thức được rằng thật khó tìm được điểm tương đồng nhỏ nhoi nào giữa hai người khiến họ càng thấy không lúc nào cô đơn hơn là lúc họ ở

gần nhau, nhưng không ai trong hai người dám làm hỏng những thú vui của thói quen. Thật là một biến cố có tầm cỡ quốc gia đại sự đối với họ khi cả hai cùng lúc nhận ra rằng sao mà họ đã thù ghét nhau biết bao với biết bao dục dằn dăm dăm trong bao nhiêu năm dài đến thế.

Đó là một cơn hỏa hoạn bất ngờ mang lại nhiều tai họa lớn. Bá tước Cardona đang nghe bản song ca tình tứ trong nhạc kịch La Bohême do licia Alanese và Beniamino Gigli trình diễn, khi tình cờ ông nghe mục tin tức báo chí qua làn sóng điện phát thanh mà Maria dos Prazeres đang vặn nghe ở nhà bếp. Ông nhón chân lắng tai nghe. Ngài Đại Tướng Francisco Franco, nhà lãnh tụ muôn năm cai trị đất nước Tây Ban Nha, đã nhận trách nhiệm quyết định số phận của ba phần tử ly khai người Basque vừa mới bị tuyên án tử hình. Bá tước thở một hơi dài nhẹ nhõm.

"Như thế thì chúng sẽ bị bắn, không chạy đâu cho thoát", ông nói "bởi vì nhà Lãnh đạo Anh minh là một con người chính trực".

Maria dos Prazeres nhìn trừng trừng ông ta với đôi mắt rực lửa của một con mãng xà vương và nhìn thấy đôi đồng tử lơ mờ thiếu sinh khí sau cặp kính gọng vàng, những chiếc răng thiếc, đôi bàn tay lai tạp của một con thú quen kèm chế và bóng tối. Nhìn thấy ông ta như chính bản lai diện mục của ông.

"À, tốt hơn là anh nên cầu nguyện cho ông ta đừng làm chuyện đó", bà nói, "bởi vì nếu họ chỉ xử bắn đầu chỉ một trong mấy người kia, tôi sẽ đánh thuốc độc vào bát xúp của anh".

Bá tước sửng sốt đến lặng người.

"Sao bà lại làm điều đó?"

"Vì ta đây là một gái điếm nhưng cũng chính trực chẳng kém gì cái lão Lãnh đạo Anh minh của nhà người!"

Bá tước Cardona từ đó cách mặt bà, chẳng bao giờ còn quay lại nữa và Maria dos Prazeres tin rằng chu kỳ cuối của cuộc đời mình đã đến hồi văn tuông. Thực tế, chỉ trước đây chốc lát, bà còn cảm thấy nổi giận khi có người nào đó nhường chỗ trên xe buýt cho bà, hoặc tìm cách giúp bà băng qua đường, hoặc dìu tay bà đi lên cầu thang, nhưng giờ đây bà chẳng những cho phép những việc làm đó mà còn thêm muốn chúng như một sự tất yếu đáng ghét. Đó là lúc bà đặt mua một bia mộ dành cho kẻ vô chính phủ, bia mộ không khắc tên hay ngày tháng năm sinh và chết, và bà bắt đầu ngủ mà không khóa cửa để con Noi có thể ra ngoài khắp báo cái chết của bà lỡ may bà có chết trong lúc ngủ.

Một chủ nhật nọ, lúc bà từ nghĩa trang về nhà, bà gặp cô bé gái ở căn hộ bên kia sân trong. Bà đi cùng với cô bé qua nhiều dãy phố, nói chuyện huyền thuyên cùng cô bé với vẻ đoan trang của một bà ngoại khả ái trong khi bà nhìn thấy cô bé và con chó Noi chơi đùa với nhau như đôi bạn thân thiết. Tại Quảng trường Kim Cương, đúng theo phương án đã hoạch định trước, bà ngỏ lời mua kem cho cô bé. Rồi bà hỏi bé "Cháu có thích chó không?"

"Cháu yêu chúng lắm", bé trả lời.

Lúc đó Maria dos Prazeres đưa ra đề án mà bà đã chuẩn bị kỹ càng từ lâu. "Nếu có chuyện chẳng lành xảy đến cho bà, bà muốn cháu đây hãy giữ lấy con Noi", bà bảo. "Với điều kiện là cháu để nó đi đâu tùy thích vào các ngày Chủ nhật và đừng nghĩ gì về chuyện đó. Con Noi nó biết phải làm gì".

Cô bé sướng mê đi. Và Maria dos Prazeres trở về nhà với niềm vui đã sống một giấc mộng chín muồi bao năm tháng trong lòng bà. Nhưng không phải vì sự chán nản của tuổi già hay cái chết đến muộn mà giấc mộng chưa được thực hiện. Cũng không phải do quyết định của bà. Cuộc sống đã làm điều đó cho bà vào một chiều buổi giá tháng mười một khi một cơn bão bất ngờ cuốn tới lúc bà vừa rời nghĩa trang đi ra. Bà đã viết tên ba nhân vật vô chính phủ lên ba bia mộ và đang đi về phía trạm xe buýt khi một cơn mưa

như trút nước làm bà ướt sũng. Bà chỉ còn thời gian để tìm chỗ ở cống vào một khu phố hoang vắng dường như thuộc về một thành phố khác với các nhà kho hoang phế và các xưởng máy bụi bặm, các xe tải khổng lồ đang gầm rú khiến cho tiếng ồn ào của mưa bão càng trở nên khủng khiếp hơn. Trong lúc cố sưởi ấm cho con chó bị ướt bằng cách ôm chặt nó vào người, Maria dos Prazeres thấy một chiếc xe buýt đầy nghẹt người chạy qua, những chiếc xe tải vắng khách vẫn trường cờ lên, nhưng không một ai để ý đến dấu hiệu cầu cứu của bà. Đến khi mà phép lạ tưởng chừng không thể nào xảy ra thì một chiếc xe nhà đồ sộ, êm ru, màu thép xám chạy qua con phố ngập nước, dừng đột ngột ở ngã tư rồi quay lùi ngược lại chỗ bà đang đứng. Cửa sổ xe hạ xuống như bởi phép thuật của người tài xế mời bà quá giang.

"Tôi đi xa lắm đấy", Mang dos Prazeres thành thật nói. "Tuy vậy, nếu anh cho tôi quá giang được đoạn nào cũng quý và tôi cũng biết ơn nhiều"

"Cho tôi biết bà cần đi đến đâu", người tài xế ân cần hỏi.

"Đến tận Gracia cơ", bà nói Cửa xe mở ra mà anh ta không động tay đến.

"Chỗ đó trên đường tôi đi mà", anh ta nói "bà vào đi".

Bên trong xe có mùi thuốc tây ướp lạnh và khi bà ngồi vào trong xe, ngoài trời màn mưa trở nên mờ ảo, cảnh sắc thành phi thực, thành phố đổi sắc màu và bà cảm thấy mình như lạc vào một thế giới hạnh phúc kỳ lạ, nơi đó mọi chuyện đều được sắp đặt trước thời gian. Người tài xế lái xe len lỏi qua đám xe cộ lưu thông lộn xộn với hoạt tính ma thuật. Maria dos Prazeres cảm thấy bị đe dọa không bởi chỉ nỗi khốn khổ của mình mà còn bởi nỗi khốn khổ của con chó nhỏ tội nghiệp đang nằm ngủ co ro trong lòng bà.

"Đây đúng là một chiếc tàu xuyên đại dương", bà nói, bởi vì bà cảm thấy cần nên nói đôi lời hợp cảnh để phá tan bớt sự im lặng lạnh lẽo. "Tôi

chưa bao giờ thấy được chiếc xe nhà nào lại đồ sộ như thế này, ngay cả năm mơ cũng không thấy được".

"Thật thế à, có điều đáng tiếc là chiếc xe này không phải của tôi", anh ta nói bằng một thứ tiếng Catalane rất vụng về, và sau một lúc ngừng lời, anh ta tiếp thêm bằng tiếng Castilian, "Tôi có làm cả đời cũng không mua nổi chiếc xe này".

"Vâng, tôi cũng thấy vậy", bà thở dài.

Bằng khoe mắt, bà quan sát chàng ta nhờ vào ánh sáng xanh mờ của táp lô xe và bà ta thấy chàng ta còn là một cậu thiếu niên với tóc xoăn ngắn và nét nghiêng của một tượng đồng La Mã. Bà nghĩ cậu ta không đẹp trai lắm nhưng có cái duyên riêng mà cái áo jacket bằng da tuy rẻ tiền và sờn rách lại khiến cho cậu ta có cái nét đẹp lãng tử bụi đời trông hay hay và bà mẹ cậu ta hẳn cảm phải thấy hạnh phúc khi nghe tiếng chân cậu trở về nhà. Chỉ có đôi bàn tay hơi thô của người lao động làm cho người ta tin rằng cậu ta không phải là chủ chiếc xe.

Họ không nói với nhau gì thêm trong đoạn đường còn lại, nhưng Maria dos Prazeres cũng có cảm giác là cậu ta quan sát bà nhiều lần từ khoe mắt và lại một lần nữa bà lại hối tiếc tại sao đã không:

"Mỹ nhân tự cổ như danh tướng Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu"

Mà còn ráng sống làm chi đến quá cái tuổi "thất thập cổ lai hi" để cho một chàng trai đáng yêu như thế đi nhìn ngắm cái dung nhan tàn tạ sắp sửa đi diện kiến tử thần của mình. Bà đang đau khổ khi cảm thấy mình xấu xí, thảm hại với cái khăn quàng của bà nội trợ phủ trên đầu để che mưa và cái áo khoác mùa thu thảm hại mà bà đã không nghĩ đến chuyện phải thay cái khác bởi thời gian gần đây bà chỉ nghĩ mãi về cái chết.

Khi họ đến khu phố Gracia, trời bắt đầu sáng sủa trở lại, đêm đã xuống, phố đã lên đèn. Maria dos Prazeres bảo người tài xế cho bà xuống xe ở ngã

tử trước mặt, nhưng cậu ta ân cần muốn đưa bà đến tận cửa nhà bà, chẳng những thế, cậu ta còn cho xe leo lên lề đường để bà có thể ra khỏi xe là bước ngay vào nhà khỏi sợ bị ướt. Bà buông con chó ra, định thần, thu lực để bước ra khỏi xe sao cho có vẻ vững vàng, phong thái ung dung và khi bà quay lại để ngỏ lời cảm ơn, bà bắt gặp một ánh mắt nhìn trừng trừng của con đực khiến bà nín thở. Bà đón chịu tia nhìn đó một hồi lâu, không hiểu lắm ai đang chờ đợi cái gì từ ai, và rồi cậu ta hỏi với giọng quả quyết: "Tôi cùng lên được chứ?"

Maria dos Prazeres cảm thấy bị xúc phạm. "Ta rất biết ơn cậu đã tử tế cho ta quá giang đến tận nhà", bà nói "nhưng ta không cho phép cậu đùa ta đâu nhé".

"Tôi không có lý do gì để đùa bất kỳ ai", cậu ta nói rất nghiêm trang "Nhất là đối với phụ nữ như bà".

Maria dos Prazeres đã từng biết nhiều tay nam nhi như cậu ta, đã cứu vớt nhiều kẻ còn có vẻ gan dạ, tự tin hơn cậu ta, khỏi tìm đến cái chết, nhưng chưa bao giờ trong suốt cuộc đời dài dặc của mình, bà lại e sợ phải quyết định đến thế. Bà nghe cậu lập lại mà không hề đổi giọng chút nào. "Tôi cùng lên được chứ?"

Bà bỏ đi, không đóng cửa xe lại, và trả lời bằng tiếng Castilian để cho chắc ăn là cậu ta hiểu được "Hãy làm bất cứ cái gì cậu muốn".

Bà bước vào phòng khách chung, lơ mờ trong ánh sáng nghiêng nghiêng của đèn đường dội vào, và bắt đầu leo lên bậc đầu tiên của cầu thang gỗ ọp ẹp với hai đầu gối run run, đầy xúc động với nỗi sợ có lẽ chỉ giống với nỗi sợ khi giáp mặt tử thần. Khi bà dừng lại bên ngoài cửa phòng ở tầng hai, run rẩy, bối rối lục tìm chùm chìa khóa, bà nghe hai cánh cửa xe đóng lại, từng cái một, vang lên từ đường phố. Noi, đi trước bà, định lên tiếng sửa. "Suyt, im nào", bà ra lệnh như một lời thì thầm trong cơn hấp hối. Rồi bà nghe tiếng chân bước lên cầu thang và e rằng trái tim mình sẽ

vỡ tung ra. Trong một phần giây đồng hồ, bà tái phôi kiếm thông suốt trong đầu về giấc mộng linh cảm đã thay đổi đời bà trong ba năm qua, bà nhận ra mình đã giải thích sai giấc mộng đó.

"Lạy chúa!" bà kinh ngạc tự nhủ. "Hóa ra không phải là điềm báo của tử thần".

Cuối cùng, bà tìm được chìa khóa, lắng nghe những bước chân đều đặn trong bóng tối, lắng nghe tiếng thở lớn dần của người nào đó tiến lên gần trong bóng tối và hình như cũng với sự kinh ngạc hồi hộp giống như bà, lúc đó bà biết rằng thật đáng công chờ đợi trong bao nhiêu năm, thật đáng công chịu đựng trong bóng tối âm thầm, để được sống cái khoảnh khắc phù du bỗng hóa thành thiên thu vĩnh cửu đó.

Tháng năm 1979

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Mười Bảy Người Anh Bị Ngộ Độc

Điều đầu tiên phu nhân Prudencia Linero nhận thấy khi bà đến cảng Naples là nó cũng có mùi giống như cảng Riohacha. Bà không nói điều đó với bất kỳ ai, bởi vì sẽ không ai hiểu, trên con tàu viễn dương già cỗi đó tràn ngập những người Ý từ Buenos Aires đang quay về nơi chôn nhau cắt rốn của họ, lần đầu tiên kể từ lúc chiến tranh nổ ra; nhưng dầu sao ở tuổi bảy mươi hai và ở một khoảng cách mười tám ngày trên biển khơi, xa quê hương, xa tổ ấm, có nhiều người bạn đồng hành kế bên, bà cũng cảm thấy đỡ hiu quạnh hơn, bớt lo sợ và bờ ngỡ nơi xứ lạ.

Đ

Ánh sáng phát ra từ đất liền đã được nhìn thấy rõ hơn từ lúc rạng sáng. Hành khách dậy sớm hơn thường lệ, mặc quần áo mới, trái tim họ nặng trĩu những lo âu mơ hồ các nỗi bất trắc khi đặt chân lên bờ, đến nỗi ngày Chủ nhật cuối cùng trên tàu có vẻ là ngày duy nhất đúng nghĩa ngày Chủ nhật trong suốt cuộc hải hành. Phu nhân Prudencia Linero là một trong số rất ít người đã dự lễ Misa. Tương phản với quần áo bà mặc hôm trước, khi bà đi quanh con tàu trong bộ quần áo giống như tang phục, hôm nay bà mặc một áo chùng bằng vải thô màu nâu thắt lại bằng sợi dây thánh Francis và mang đôi sandals bằng da thô chỉ khác với đôi giày của một người hành hương ở chỗ quá mới. Đó là cách thanh toán ứng trước. Bà đã khấn nguyện cùng Chúa rằng, bà sẽ mặc bộ đồ chùng dài suốt phần đời còn lại nếu Người ban phước cho bà thực hiện được một chuyến hành hương đến La Mã để được diện kiến Đức Thánh Cha và giờ đây, bà đã coi như lời cầu nguyện xin ban ơn phước đó đã được Chúa đoái thương. Khi thánh lễ Misa đã cử hành

xong, bà thắp một ngọn nến dâng Đức Chúa Thánh Thần để tỏ lòng biết ơn đã tiếp thêm hùng tâm dũng chí cho bà, giúp bà chịu đựng và vượt qua được những cơn bão tố nơi vùng biển Caribê và bà đọc một bài kinh cầu cho mỗi đứa trong tất cả chín người con và mười bốn người cháu, cả bọn vào đúng lúc đó, đang nằm mơ về bà trong một đêm lộng gió ở Riohacha.

Khi bà đi lên boong tàu sau bữa điểm tâm, cuộc sống trên tàu đã thay đổi. Hành lý đã được xếp vào phòng khiêu vũ cùng với mọi thứ đồ lưu niệm linh tinh mà đám người Ý đã mua tại các chợ âm phủ ở vùng Antiles và ở cái bar nơi phòng khách chung của tàu có một con khỉ mặt xanh mua từ Pemambuco đang bị nhốt trong một lồng sắt. Hôm đó là một buổi ban mai rực rỡ của ngày đầu tháng tám. Một trong những ngày Chủ nhật mùa hè tiêu biểu thời hậu chiến, khi ánh sáng ban mai đến như một thường lệ mỗi ngày và con tàu đồ sộ chạy tới chậm chậm với hơi thở nặng nhọc của một phế nhân, băng qua làn nước tĩnh lặng trong suốt. Pháo đài của các vị Quận Công xứ Anjou vừa mới lờ mờ hiện ra ở chân trời, nhưng đám hành khách đã lên boong nghĩ rằng họ đã nhận ra được những nơi chốn thân thuộc, họ chỉ chờ những địa danh ấy dầu chưa hẳn đã nhìn thấy rõ chúng, la hét vui mừng bằng các thổ ngữ miền Nam Ý của họ. Điều đáng ngạc nhiên cho phu nhân Prudencia Linero, người đã từng kết bạn với rất nhiều người trên tàu, đã từng trông con họ các cặp vợ chồng ra nháy, đã từng khâu cúc áo cho các vị sĩ quan chỉ huy, lúc bấy giờ lại thấy tất cả mọi người như có vẻ xa cách và thay đổi thái độ với bà. Tinh thần cộng đồng và hơi ấm tình người đã giúp bà sống vượt qua được nỗi nhớ nhà trong cái nóng ngọt ngào của các vùng xích đạo, giờ đây dường như đã tan biến. Những tình cảm gần bó lúc còn giữa biển khơi chấm dứt khi nhìn thấy đất liền. Phu nhân Prudencia Linero, chưa quen với bản tính liến thoắng lém lỉnh của dân Ý, đã nghĩ rằng vấn đề không nằm nơi con tim của người khác mà trong chính tim bà, bởi vì chỉ có riêng mình bà đi giữa đám đông đang trở về quê nhà của họ. Mọi chuyến hải hành hẳn phải giống như thế này, bà nghĩ, và lần đầu tiên trong đời bà chịu nỗi đau nhột sặc làm một người khách lạ nơi viễn phương trong lúc bà tựa người vào lan can tàu và nhìn ngắm những di

tích của biết bao thế giới suy tàn đã chìm sâu trong làn nước đại dương. Bỗng nhiên, một cô gái rất xinh đẹp đứng cạnh bà, làm cho bà giật bắn người sửng sốt với tiếng hét kinh hoàng: "Ồi mẹ ơi!" cô ta rú lên, chỉ tay xuống làn nước bên dưới. "Nhìn kia kìa".

Đó là một người đàn ông chết đuối. Phu nhân Prudencia Lenero thấy người đó trôi dạt lập lờ, mặt ngửa lên, một người đàn ông trán hói, ít có nét đặc trưng tự nhiên, ngoài đôi mắt mở to, ánh vẻ vui mang màu trời lúc rạng đông. Ông ta còn mặc nguyên bộ đồ veste kiểu dạ phục, giày da thuộc bóng láng, một đóa hoa dành dành trên ve áo. Tay phải ông ta còn ôm chặt một hộp vuông nhỏ được gói kỹ trong giấy gói quà và các ngón tay nhợt nhạt xám xịt của ông, bấu chặt vào mũi tàu chỗ mớn nước, đó là chỗ duy nhất ông ta tìm được để bấu víu vào lúc chết.

"Chắc ông ta bị rơi xuống khi dự đám cưới", một trong các sĩ quan trên tàu nói. "Điều đó cũng thường xảy ra trong vùng nước này vào mùa hè".

Đó là một khái tượng chốc lát thôi, bởi vì ngay lúc đó tàu đi vào trong vịnh và những đề tài khác, ít tham đậm hơn đã xua đi sự lưu ý của các hành khách đối với nạn nhân xấu số. Nhưng phu nhân Prudencia Linero vẫn còn mãi nghĩ về người đàn ông chết đuối tội nghiệp kia, với cái áo jacket đuôi dài bập bênh gợn sóng theo đường rẽ nước của con tàu.

Ngay khúc con tàu đi vào cảng, một chiếc thuyền hoa tiêu cổ lỗ chạy đến dắt mũi con tàu đi luồn lách tránh vô số các xác tàu chiến bị đánh đắm trong thời chiến tranh. Làn nước biến thành dầu khi con tàu đi qua các xác tàu đắm rỉ sét và cái nóng trở nên dữ dội hơn cả ở Richacha vào lúc hai giờ chiều. Phía bên kia của con kênh hẹp, thành phố sáng chói chang dưới ánh mặt trời lúc mười một giờ trưa, hiện ra trong tầm mắt với những dinh thự như trong mộng ảo và những căn nhà tồi tàn cổ lỗ chen chúc nhau trên đồi. Chính lúc đó, một mùi hôi thối không chịu được bốc lên từ khoang tàu bị khuấy động mà phu nhân Prudencia Linero nhận ra từ khu vườn nhà bà, giống như mùi cua mục rửa.

Trong lúc cuộc thao diễn xảy ra, đám hành khách vui mừng hớn hờ khi nhận ra người thân của họ trong đám đông xô bồ nơi cầu tàu. Đa số trong bọn họ là các bà sồn sồn với các bộ ngực sáng loáng ánh nắng như bị ngạt thở trong các bộ tang phục, quây quần quanh bởi đám đàn bà trẻ xinh đẹp và đông đảo nhất thế giới và những ông chồng nhỏ con, cần cù, những con người muôn thuở đọc báo bên cạnh vợ và ăn mặc giống các vị chương khế nghiêm nghị lạnh lùng bất kể đến cái nóng như thiêu ngoài trời.

Giữa đám hội xô bồ đó, một lão già mặc áo khoác hành khất và nét mặt bi thương cực độ, dốc túi thả ra một đàn gà con mới nở nhỏ xíu bằng cả hai tay. Trong thoáng chốc, đàn gà con chạy tràn lan khắp cầu tàu, chiu chít kêu hoảng loạn, và chỉ vì chúng là những sinh vật ma thuật nên nhiều con vẫn còn sống và tiếp tục chạy lăng quăng sau khi bị đám đông dẫm đạp lên, chẳng thèm để ý đến phép lạ. Lão phù thủy đặt ngựa cái mũ lên nền đất nhưng chẳng có ai đoán hoài ném cho lão lấy một đồng xu teng bố thí.

Bị cuốn hút bởi cảnh tượng kỳ lạ, có vẻ như được trình diễn để chào đón bà, bởi vì chỉ mỗi mình bà để mắt đến nó, phu nhân Prudencia Linero đã không chú ý lúc cầu thang trên tàu hạ xuống và một dòng thác người ủa lên với cái đà xô đẩy la hét như một lũ hải tặc đang tấn công. Bị lóa mắt trước sự bộc lộ niềm vui một cách hoang dã và mùi hành tỏi oi nồng bốc ra từ đám đông hỗn độn trong ánh nắng hè, bị xô đẩy thô bạo bởi đám phu khuân vác đến tranh giành vác hành lý, bà cảm thấy bị đe dọa bởi cái chết chẳng vẻ vang gì, giống như đám gà con bị dẫm đạp trên cầu tàu. Bà bèn ngồi xuống trên chiếc ván gỗ của mình với các nẹp góc bằng thiếc sơn, tĩnh tâm kiên định cầu kinh để chống lại trước cám dỗ và hiểm họa nơi vùng đất của bọn người tà đạo. Người sĩ quan chỉ huy gặp bà khi tai biến đã qua đi và bà là người duy nhất còn lại nơi phòng khiêu vũ trống trơn.

"Không ai còn được ở lại đây lúc này nữa", viên sĩ quan nói với bà, có vẻ thân thiện. "Tôi có thể giúp cho bà không?"

"Tôi phải đợi ông Lãnh Sự" bà nói. "Bà có tiếp tục cầu nguyện nữa thì cũng vô ích thôi", viên sĩ quan nói xẵng giọng, không còn vẻ thân thiện nữa. "Ngay cả Chúa Trời cũng nghỉ xả hơi vào tháng tám hằng năm".

Ông ta giải thích rằng vào thời điểm này trong năm, một nửa nước Ý đổ xô ra các bãi biển, nhất là các ngày Chủ nhật. Phần ông Lãnh Sự, chắc là ông ta không bỏ đi tắm biển, vì bản tính ông ta là người có trách nhiệm, nhưng chắc chắn là ông ta cũng không mở cửa văn phòng lãnh sự cho đến ngày thứ hai. Điều hợp lý nhất bây giờ là đến một khách sạn, ngủ một giấc cho khỏe khoắn, để hôm sau dậy gọi điện thoại cho tòa Lãnh Sự, muốn tìm số thì kiểm trong cuốn niên giám điện thoại ở khách sạn. Phu nhân Prudencia Linero không còn sự chọn lựa nào khác hơn là chấp nhận lời khuyên của ông ta và viên sĩ quan giúp bà tiến hành các thủ tục nhập cư và hải quan, đổi tiền, rồi đưa bà vào xe taxi và dặn người tài xế đưa bà đến một khách sạn đứng đắn.

Chiếc taxi cổ lỗ, còn nhiều dấu vết chứng tỏ nguyên là một chiếc xe nhà táng, đi vào những đường phố vắng vẻ. Có lúc phu nhân Prudencia Linero đã nghĩ bà và người tài xế là những sinh vật duy nhất trong một thành phố ma treo lủng lẳng từ các dây phơi quần áo phát phơ ngay giữa đường phố, nhưng bà cũng nghĩ rằng một người nói nhiều như gã tài xế này và lại nói một cách say sưa hăng hái đến thế, có lẽ sẽ không có thời gian để làm hại một bà già cô độc khốn khổ đã dám liều mình qua bao nguy hiểm của biển khơi sóng gió để được gặp mặt Đức Thánh Cha.

Ở cuối mê cung các đường phố chẳng chịt bà thấy lại biển. Chiếc taxi tiếp tục lượn theo một bãi biển rực nắng vắng người, nơi có nhiều khách sạn nhỏ sơn màu sáng. Chiếc xe không dừng lại nơi các khách sạn đó, nhưng hướng thẳng đến một nơi ít lòe loẹt nhất nằm ở trong công viên với các cây cọ tán rộng và các băng ghế sơn xanh lá cây. Người tài xế đặt chiếc hòm gỗ lên phía lề đường rợp bóng và khi thấy vẻ lưỡng lự của phu nhân

Prudencin Linero, anh ta nói với bà yên tâm rằng đây là khách sạn đứng đầu nhất ở Naples.

Một người khuôn vác đẹp trai, dễ mến đưa chiếc vali lên vai và phục vụ cho bà. Anh dắt bà vào thang máy và bắt đầu hát vang một khúc aria của Puccini. Đó là một tòa building khang trang với hai dãy, mỗi dãy chín tầng, được tân trang lịch sự. Bỗng chốc, như trong một thứ ảo giác, phu nhân Prudencia Linero cảm thấy bà ở trong một lồng gà đi lên chậm chậm, bắt gặp những cái liếc mắt của những người ở trong phòng của họ với những lo lắng riêng tư, với những bộ đồ lót sờn rách và cả những tiếng ợ chua của họ. Đến tầng ba, chiếc thang máy khựng lại, lúc đó người khuôn vác ngừng hát, mở cánh cửa trượt cúi đầu chào lịch sự và chỉ cho phu nhân Prudencia Linero biết là bà đã ở nơi phòng mình.

Trong phòng khách chung, bà thấy một cậu thiếu niên uể oải ngồi sau một quầy gỗ với những bồn kính màu và cây cảnh trong các chậu đồng. Bà thấy trêu mến cậu ta ngay, vì cậu ta cũng có mớ tóc xoắn xỏa dài giống như cháu nội trai của bà. Bà thích cái tên gọi của khách sạn khắc vào tấm bảng đồng, bà thích mùi acid carbonic, bà thích các cây dương xỉ treo, vẻ yên tĩnh, những đóa hoa huệ vàng tươi trên giấy dán tường. Rồi bà ra khỏi thang máy, lòng bà chùng hẫ xuống. Một nhóm du khách người Anh mặc đồ soóc, mang giày tắm biển, đang ngủ lơ mơ trên một dãy ghế nằm. Bọn họ gồm mười bảy người, ngồi theo một thứ tự đối xứng nhau, trông giống như một người được phản chiếu nhiều lần trong phòng kiếng. Phu nhân Prudencia Linero nhìn họ qua một cái liếc mắt mà không phân biệt được ai với ai và bà chỉ thấy một dãy những cái đầu gối màu hồng giống những cái đùi lợn treo trên móc nơi các hàng thịt. Bà không bước tiếp tới quầy mà hốt hoảng thụt lùi lại vào trong thang máy.

"Đi đến tầng khác đi" bà nói "Nhưng đây là tầng duy nhất có phòng ăn, thưa bà" người khuôn vác đáp.

"Chẳng thành vấn đề đâu" bà nói.

Người khuôn vác phác một cử chỉ chiều ý, đóng cửa thang máy, tiếp tục hát phần còn lại của bài ca vừa bỏ dở cho đến khi lên tới tầng năm khách sạn. Ở đây mọi chuyện có vẻ ít nghiêm nhặt hơn, chủ nhân là một bà đáng còn xuân sắc, nói tiếng Tây Ban Nha lưu loát và không có ai nằm ngủ trưa trong các ghế nằm nơi phòng khách chung. Đúng là không có phòng ăn, nhưng khách sạn đã dàn xếp với một nhà hàng gần đó phục vụ khách hàng với giá giảm. Thế là phu nhân Prudencia Linero quyết định ở lại đó, một phần vì bị thuyết phục bởi sự hùng biện và vẻ ân cần khả ái của chủ nhân cũng như được nhẹ lo là sẽ không có người Anh nào với các đầu gối hồng hào nằm ngủ ở phòng khách chung.

Vào lúc 3 giờ chiều, các bức màn trong phòng được buông xuống để che ánh nắng xé gay gắt, và bóng râm đó gìn giữ cho vẻ yên lặng dịu mát của một khu rừng nhỏ ẩn mình - một nơi chốn lý tưởng để tha hồ than khóc. Khi vừa còn lại một mình, phu nhân Prudencia Linero khóa chặt cửa phòng, làm vệ sinh cá nhân cho người thư thái, rồi thả người lên chiếc giường đôi quá rộng khiến bà thấy cô đơn trống trải lạ thường và để cho dòng nước mắt từ lâu kèm giữ được tự do tuôn trào.

Không những đây là lần đầu tiên bà rời Richacha mà còn là một trong những khoảng thời gian hiếm hoi bà rời nhà mình sau khi các con lập gia đình, dọn ở riêng, bà ở lại nhà một mình với hai người đàn bà da đỏ chân đất để chăm sóc cho cái thân xác không còn linh hồn của chồng bà. Nửa cuộc đời bà đã đi qua trong căn phòng ngủ đó để đối diện với người duy nhất trên đời mà bà yêu thương; người chồng gần ba mươi năm thêm thiếp trong cơn mê, nằm trên tấm nệm da dê của chiếc giường ái ân thời thanh xuân của hai người.

Tháng mười năm trước, trong một lóe chớp sáng suốt bất thần, người bệnh mở mắt, nhận ra người thân trong gia đình và bảo kiểm cho ông một người thợ chụp hình. Họ chạy đến công viên kêu ông thợ già với chiếc máy ảnh phủ vải choàng đen đặt trên các chân chống khổng lồ và những tấm

magnesium để chụp hình trong nhà. Đích thân người bệnh sắp xếp phân phối các tấm hình. "Một bức ảnh dành cho Prudencia Linero, cho tình yêu và hạnh phúc nàng đã ban cho ta trong đời", ông nói. Bức ảnh được chụp với đèn flash magnesium đầu tiên. "Bây giờ hai tấm khác dành cho các con gái yêu của ta, Prudencia và Natalia", ông bảo. Ảnh được chụp xong. "Hai tấm khác cho các con trai ta, với tình cảm và phán đoán sáng suốt, xứng đáng là tấm gương tốt của gia đình". Và cứ thế tiếp tục cho đến khi người thợ chụp ảnh hết cả phim phải chạy về nhà lấy thêm. Đến bốn giờ chiều, khi khói của magnesium và đám đông ồn ào của thân bằng quyến thuộc đổ xô đến nhận hình làm cho không khí trong phòng ngủ trở nên ngột ngạt khó thở, người bệnh bắt đầu bất tỉnh trên giường và đưa tay chào vĩnh biệt mọi người giống như đang tự xóa mình khỏi thế giới loài người từ trên bao lơn của con tàu đang bắt đầu chuyến hải hành vào vô tận xa khơi...

Cái chết của ông không phải cất đi gánh nặng cho người góa phụ như mọi người đã hi vọng như vậy. Trái lại, bà càng thêm bi thương sầu não khiến con cháu phải tụ họp lại để hỏi xem họ có thể làm gì cho bà với bớt buồn khổ và bà trả lời rằng, bà chỉ muốn một chuyến hành hương đến La Mã để gặp Đức Giáo Hoàng.

"Ta sẽ đi một mình và sẽ mặc hộ trang phục của Thánh Francis", bà bảo đám con cháu. "Ta đã có lời nguyện".

Sự mãn nguyện duy nhất còn lại từ bao năm tháng canh thức cho người bệnh chỉ còn là khóc cho thỏa thuê. Trên tàu, khi bà phải ở chung với hai bà xơ dòng Clanssine chỉ lên bờ khi tàu cập bến Marseilles, bà đã muốn lách vào trong phòng tắm để khóc không có ai thấy. Do đó, căn buồng khách sạn ở Naples là nơi duy nhất thích hợp mà bà đã tìm thấy, kể từ lúc rời Richacha, để khóc cho thỏa lòng. Và có lẽ bà đã khóc ròng rã cho đến ngày hôm sau, khi chuyển xe lửa rời sân ga Naples để đến Rome, nếu bà chủ nhà trọ không gõ cửa phòng bà vào lúc bảy giờ tối để báo cho bà biết, nếu bà không đến nhà ăn ngay lúc đó thì bà sẽ không còn gì nữa để ăn tối.

Người khuân vác đi kèm theo bà. Một cơn gió lạnh đã bắt đầu thổi từ biển vào, trên bãi biển dưới ánh mặt trời nhạt nhợt lúc bảy giờ tối vẫn còn lác đác vài người tắm. Phu nhân Prudencia Linero đi theo người khuân vác dọc theo các con phố hẹp, ngoằn ngoèo vừa thức dậy từ giấc ngủ trưa và đến một cây lớn có tàn lá rợp, quanh đó đặt nhiều bàn phủ khăn ô đỏ và bình cắm hoa giấy. Vào giờ đó những người ăn tối đồng thời với bà chỉ là mấy người tiếp viên nam nữ và một linh mục rất nghèo đang ăn bánh mì với hành ở một cái bàn đằng xa. Khi bà bước vào, bà cảm thấy dường như cặp mắt của mọi người chăm chú vào bộ trang phục nâu sòng của bà, nhưng điều đó không làm bà nao núng vì bà biết rằng vẻ lỗ lã kỳ cục là một phần trong sự hành xác để hồi lỗi của bà. Cô tiếp viên, trái lại khiến bà thấy thương hại bởi vì cô ấy tóc vàng, xinh đẹp và có giọng nói thánh thót như tiếng hát, phu nhân Prudencia Linero nghĩ rằng mọi việc hẳn là rất tồi tệ ở nước Ý hậu chiến nếu một cô gái như thế lại phải đi làm hầu bàn. Nhưng bà lại cảm thấy thoải mái dưới cành cây đang nở hoa, và mùi thơm của món thịt hầm với các loại phương thảo từ nhà bếp bốc lên, đánh thức cơn đói đã bị trì hoãn vì những lo âu trong ngày. Lần đầu tiên, trong khoảng thời gian dài, bà không thấy thêm khóc.

Và tuy thế bà vẫn không thể ăn thoải mái như bà đã ao ước, một phần vì khó giao tiếp với cô tiếp viên tóc vàng đầu cô ấy tử tế và kiên nhẫn, một phần vì chỉ có món chim nhỏ, loại chim hót mà ở Richacha người ta chăm chút nuôi trong lồng, là món ăn có sẵn ở đây. Ông linh mục ngồi ăn ở một góc, sau đó làm thông dịch cho bà, cố gắng giải thích cho bà rằng tình trạng tai ương do chiến tranh gây nên chưa chấm dứt ở Châu Âu, và sự kiện có vài con chim, dầu bé xiu, để nhấp nháp phải được xem như một phép lạ. Nhưng bà đẩy món đó ra xa.

"Đối với tôi", bà nói, "điều đó giống như ăn thịt con mình".

Và thế là bà phải đành dùng tạm món xúp vermicelli, một đĩa khoai nghiền với trứng đã ôi, với bánh mì răn như đá. Khi bà đang ăn, một linh

mục tiến đến gần bàn bà và yêu cầu bà, vì lòng từ thiện, hãy mua cho ông một cốc cà phê, rồi ông sà xuống ngồi cùng bàn với bà. Ông ta từ xứ Nam Tư xa xôi, đã đi truyền giáo tận Bolivia, và nói một thứ tiếng Tây Ban Nha rất sôi nổi, diễn cảm nhưng vô cùng bết bát. Dưới mắt nhìn của phu nhân Prudencia Linero, ông ta có vẻ một con người bình thường chẳng có dấu tích gì được Chúa đoái thương đặc biệt, và bà để ý thấy ông ta có những bàn tay thô kệch với các móng tay gãy, bẩn thỉu, hơi thở nồng mùi hành tỏi. Nhưng dầu sao thì ông ta cũng đang phục vụ Chúa, và đồng thời cũng là một thú vui, khi ở xa nhà đến thế, mà có thể gặp được người tán chuyện để đỡ cảm thấy cô đơn.

Họ nói chuyện thoải mái, quên đi tiếng ồn ào bát nháo bắt đầu vang lên quanh họ vì đám thực khách lục tục kéo đến các bàn bên cạnh. Phu nhân Prudencia Linero luôn luôn mang một định kiến về xứ Ý: Bà không thích nó. Không phải vì người dân xứ đó không được sạch sẽ lắm - điều này người ta đã nói nhiều - cũng không phải vì họ ăn thịt chim, chấp chuyện đó e rằng cũng hơi quá đáng, nhưng bởi vì họ có thói quen để mặc người bị chết đuối trôi bập bênh dưới nước.

Ông linh mục đã kêu thêm một chùm nho để bà phải chi tiền cùng với cốc cà phê, cố gắng cho bà thấy sự nồng nặc trong ý kiến của bà. Vì trong thời chiến, họ đã tổ chức cứu hộ, nhận dạng và chôn cất tử tế nhiều nạn nhân chết trôi dạt dờ trong vịnh Naples.

"Từ bao thế kỷ trước", ông linh mục kết luận "người Ý đã học được chân lý là chỉ có một cuộc đời để sống và họ đã cố sống sao cho trọn vẹn cuộc đời mình. Điều này khiến họ trở thành hay tính toán và nhiều lời, nhưng đồng thời cũng chữa họ khỏi tính tàn nhẫn".

"Nhưng mà họ cũng chẳng thèm dùng tàu lại", bà nói.

"Điều họ đã làm là báo cho nhà thức trách của cảng biết", ông linh mục giải thích. "Giờ đây có lẽ những người có trách nhiệm đã vớt cái tử thi ấy

lên và chôn cất tử tế, nhân danh Thượng Đế".

Cuộc tranh luận đã làm cả hai thay đổi tâm trạng. Phu nhân Prudencia Linero đã dùng bữa xong và chỉ lúc đó bà mới nhận thấy rằng mọi cái bàn đều đã có người ngồi. Ở các bàn kế cận, những du khách gần như khỏa thân, yên lặng ngồi ăn, trong số đó có mấy cặp không ăn mà ngồi hôn nhau. Ở các bàn phía sau, gần quầy, một đám người tụ tập chơi xúc xắc và uống một loại rượu không màu. Phu nhân Prudencia Linero hiểu rằng bà chỉ có một lý do duy nhất để có mặt ở xứ sở vô vị này.

"Ông có nghĩ là khó gặp mặt Đức Giáo Hoàng lắm không?", bà hỏi.

Ông linh mục trả lời rằng không có gì dễ dàng hơn chuyện đó, vào mùa hè, Đức Giáo Hoàng nghỉ ngơi ở Castel Gandolfo và vào chiều thứ tư hàng tuần, Người gặp mặt đám đông các người hành hương từ khắp mọi nơi trên thế giới về đây. Tiền vào cửa rất rẻ: hai mươi lía thôi.

"Và Người lấy bao nhiêu để nghe một môn đồ xưng tội?" bà hỏi.

"Đức Thánh Cha không nghe xưng tội", ông linh mục nói, có vẻ như bị cú sốc. "trừ trường hợp xưng tội của các vị vua, hẳn nhiên thế".

"Tôi không hiểu vì sao Người lại khước từ ân huệ đó đối với một người đàn bà bất hạnh từ một chốn rất xa xôi đến cầu xin với Người", bà nói.

"Ngay cả nhiều vị vua cũng còn phải chờ đợi cho đến chết mà vẫn chưa được ân sủng đó", ông linh mục đáp. "Nhưng này, bà cho tôi biết đi: Tội của bà chắc là phải ghê ghớm lắm, khiến bà phải một thân lặn lội từ xa xôi để đến xưng tội cùng Đức Thánh Cha".

Phu nhân Prudencia Linero suy nghĩ một lát, và lần đầu tiên ông linh mục thấy nụ cười trên khuôn mặt bà.

"Lạy mẹ Maria!" bà nói "Con sẽ mãn nguyện nếu chỉ thấy mặt Người thôi cũng đủ". Và bà tiếp lời, với một tiếng thở dài có vẻ như thoát ra từ sâu thẳm linh hồn. "Đó là giấc mộng của cả đời con".

Sự thực là bà vẫn còn cảm thấy kinh sợ và buồn bã, và chỉ còn muốn rời quán ăn này, cũng như rời xa nước Ý, không chậm trễ. Ông linh mục có lẽ nghĩ rằng đã đạt được tất cả những gì có thể moi móc được từ người đàn bà dễ bị lừa bịp này và thế là ông ta nói lời chúc may mắn cho bà, tách sang bàn khác để yêu cầu các quý vị khách mới đến, vì lòng từ tâm, mua cho ông ta một cốc cà phê.

Khi ra khỏi quán, phu nhân Prudencia Linero thấy một thành phố đã thay đổi. Bà ngạc nhiên bởi ánh nắng mặt trời vào lúc chín giờ tối và hoảng sợ với đám đông la hét ủa ra các đường phố để xả hơi trong cơn gió mát buổi tối. Tia lửa phụt ra đằng sau của bao nhiêu chiếc vespa làm cho đời sống thành ngọt ngào. Đám đàn ông hở áo phanh ngực lái xe đèo các bà vợ xinh đẹp đằng sau ôm sát chồng như sam đĩnh, chạy đi hoặc đỗ lại, vẫy tay ríu rít lúc vào, lúc ra, giữa những con lợn quay treo lưng lửng và những cái bàn bày đầy dưa hấu.

Đó là không khí ngày hội, nhưng lại có vẻ là một tai họa đối với phu nhân Prudencia Linero. Bà lạc đường và bỗng dưng thấy mình lạc lõng giữa một đường phố bất hạnh với những người đàn bà lăm lè ngồi ở lối cửa ra vào của những căn nhà giống hệt nhau, những căn nhà với đèn đỏ chói mắt làm bà rung mình sợ hãi. Một người đàn ông ăn mặc chải chuốt mang một chiếc nhẫn vàng to tướng và đính viên kim cương nơi cà vạt đi theo bà qua mấy dãy phố, nói với bà cái gì đó bằng tiếng Ý, rồi bằng tiếng Anh, bằng cả tiếng Pháp. Khi không được trả lời ông ta trưng ra cho bà xem một tấm bưu thiếp từ một cái hộp ông rút ra trong túi áo và chỉ một cái liếc nhìn bà đủ cảm thấy rằng bà đang đi ngang qua địa ngục.

Bà rảo bước trong lúc bà sợ điếng người và đến cuối phố, bà thấy lại biển trong ánh hoàng hôn và mùi cá ươn giống như ở cảng Rinhacha, lúc

đó tìm bà mới trở về đúng vị trí cũ. Bà nhận ra các khách sạn sơn đủ màu dọc theo bãi biển vắng người, mấy chiếc taxi kiểu xe nhà táng, vệt lấp lánh như kim cương của vì sao đầu tiên chiếu sáng trên bầu trời bao la. Tận đường xa tít phía cuối vịnh, đơn độc và sừng sững gần cầu cảng, đèn sáng choang trên boong, bà nhận ra con tàu đã đưa bà đến đây và nhận thức cho rằng nó chẳng còn liên hệ gì đến cuộc đời của bà nữa. Bà quẹo trái ở góc phố, nhưng không thể tiếp tục bước tới được nữa vì một đám đông đang bị đẩy lùi bởi một tốp lính kỵ binh. Một dãy xe cứu thương đỗ lại chờ, mở sẵn cửa, bên ngoài khách sạn bà đang trọ.

Đứng nhón gót và dôi mắt nhìn qua vai đám người đang hiếu kỳ đứng xem, phu nhân Linero thấy một tốp du khách người Anh. Bọn họ được khiêng ra cáng, từng người một, và tất cả đều bất động, thẳng đơ, trông lại càng giống một người được sao chụp lại nhiều lần, trong bộ đồ nghiêm chỉnh hơn mà họ mặc để ngồi ăn xúp: quần nỉ, cà vạt sọc vuông góc, áo jacket sẫm với áo khoác ngoài truyền thống của ngôi trường lừng danh Trinity College, với huy hiệu thêu trên túi áo. Khi họ được mang ra, những người láng giềng đứng nhìn từ ban công, đám đông bị cản lại trên đường phố đồng lên tiếng đếm số họ như thể trong sân vận động. Có mười bảy người cả thảy. Họ được đặt vào xe cứu thương từng cặp và được đưa đi trong tiếng còi hú khẩn cấp.

Choáng váng trước bao sự kiện đột biến, phu nhân Prudencia Linero bước vội vào trong thang máy đầy nghẹt người, nói những ngôn ngữ xa lạ bí hiểm. Ở mỗi tầng đều có người bước ra, trừ tầng ba được mở cửa và bật đèn sáng nhưng không có ai ở quầy hay nằm trên ghế nơi phòng khách, chỗ bà đã thấy những đầu gối hồng hào của mười bảy người Anh nằm ngủ. Người chủ ở tầng năm bình luận về tai biến vừa rồi với sự hứng thú không che dấu được.

"Bọn họ nghèo hết rồi", bà ta nói với phu nhân Prudencia Linero bằng tiếng Tây Ban Nha. "Bọn họ bị ngộ độc vì ăn món xúp sò huyết. Bà thử

tưởng tượng xem, món sò huyết vào tháng tám!"

Bà ta trao chìa khóa phòng cho bà rồi bỏ lơ bà để quay qua ba hoa với những người khách khác bằng thổ ngữ. "Nhờ tầng này không có phòng ăn nên mọi người đi ngủ một giấc, lúc thức dậy vẫn thấy mình còn sống nhăn!". Với dòng nước mắt ghen trong cổ họng, phu nhân Prudencia Linero khóa chặt cửa phòng. Sau đó bà đẩy cái bàn viết, cái ghế nằm và cái vali gỗ chặn ngang cửa vào để tạo một rào cản không thể vượt qua, chống lại sự khủng khiếp của một xứ sở có quá nhiều chuyện kinh dị xảy ra cùng lúc đến thế. Rồi bà mặc chiếc áo ngủ góa phụ vào, nằm xuống giường, đọc lẩm nhẩm mười bảy bài kinh cầu siêu cho linh hồn của mười bảy người Anh bị ngộ độc được yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng.

Tháng tư 1980.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Tramontana, Cơn Gió Chướng Lạ Kỳ

Tôi thấy cậu ta chỉ một lần ở Boccacio, một câu lạc bộ 1 bình dân ở Barcelona, vài giờ trước cái chết khốn khổ của cậu ta. Lúc đó là hai giờ sáng, cậu ta đang bị một đám trai trẻ Thụy Điển toan tính chèo kéo cậu ta cùng đi để tận hưởng buổi party ở Cadaqués. Có mười một chàng trai Thụy Điển và thật khó phân biệt giữa người này với người kia, vì tất cả bọn họ, đàn ông và đàn bà, trông đều giống nhau: xinh đẹp với hông thon và tóc dài vàng tươi. Cậu ta không lớn hơn hai mươi tuổi. Đầu cậu ta phủ đầy tóc quăn đen xanh mượt, cậu ta có làn da mịn màng, vàng nhạt của dân Caribe đã được mẹ họ dạy bảo phải đi trong bóng mát và đôi mắt Ả Rập đủ khiến cho các cô gái Thụy Điển phải mê điên lên và có lẽ cả một số các chàng trai nữa. Bọn họ đặt cậu ta lên cái xà ngang, giống như hình nhân của một người nói tiếng bụng và đang ru cậu ta với những bài dân ca theo nhịp vỗ tay, bởi vì bọn họ đang cố khuyến dụ cậu ta cùng đi vào cuộc vui. Hoảng hồn, cậu ta cố giải thích lý do tại sao mình không thể đi được. Có người can thiệp vào, la lên là bọn kia nên để cho cậu ta yên và một trong các chàng trai Thụy Điển, tiếng nói như bị tắt đi vì cười, sừng sộ với người kia.

T

"Hắn là của chúng tôi", chàng trai đó la lên. "Chúng tôi đã lượm được hắn từ giỏ rác ra đấy".

Tôi bước vào đúng một thời gian ngắn trước đó với một nhóm bạn, sau khi dự cuộc hòa nhạc cuối cùng của David Oistrakh trong Cung âm nhạc, và tôi nổi da gà với tính khinh mạn của đám thanh niên Thụy Điển. Bởi vì

lý do của cậu thiếu niên nọ có tính cách thiêng liêng. Cậu ta đã sống ở Canaques nơi cậu ta đã được thuê để hát những bài ca vùng Antilees ở một quán rượu thời thượng, cho đến mùa hè năm trước, khi ngọn gió phượng bắc đã làm cậu ta ngã gục. Cậu ta tìm cách chạy trốn vào ngày hôm sau và nhất quyết không bao giờ trở lại, đầu ngọn gió phượng bắc quái ác đó còn hay không và tin chắc rằng nếu có lúc nào cậu ta trở lại, cái chết sẽ đợi cậu. Đó là một xác tín của người vùng Caribê, khó mà hiểu được với nhóm người duy lý, đang bốc lên bởi mùa hè và rượu Catalan rất nặng của thời đó; men rượu bốc lên trong nắng hè thường gieo vào lòng người những ý tưởng cuồng phóng.

Tôi hiểu chàng trai hơn bất kỳ ai khác. Cadaqués là một trong những thành phố đẹp nhất dọc theo bờ biển Costa Brava và là một trong những thành phố cổ được trang trọng giữ gìn nét dáng đẹp xưa của nó nhất. Điều này một phần là do bởi con đường đến đó rất hẹp, quanh co uốn lượn bên bờ vực sâu không đáy và người ta cần có thần kinh thép lái xe hơn năm mươi kilômét một giờ trên con đường giữa những vách đá cheo leo đó. Các căn nhà cổ thường quét vôi trắng và thấp theo lối kiến trúc cổ truyền của những làng đánh cá ven bờ Địa Trung Hải. Các nhà mới được xây dựng bởi các kiến trúc sư danh tiếng muốn tôn trọng sự hài hòa nguyên sơ. Vào mùa hè, khi cái nóng thiêu người chừng như ủa đến từ sa mạc Phi Châu, đổ lên các đường phố, Cadaqués trở nên một thứ tháp Babel địa ngục, nơi đó, trong ba tháng các du khách từ mọi góc ngách của Châu Âu đến giành giật với dân bản xứ và với những người ngoại quốc khác đã may mắn mua được một căn nhà với giá rẻ khi điều đó còn có thể, để kiểm soát thiên đường. Nhưng vào mùa xuân và mùa thu, lúc Cadaqués trở nên hấp dẫn nhất thì không ai có thể thoát khỏi ý nghĩ kinh hoàng về gió phượng bắc (tramontana), một thứ gió lục địa dai dẳng, khắc nghiệt, mang theo mầm mống của sự điên rồ, theo lời dân bản xứ và một số nhà văn đã từng trải qua bài học kinh nghiệm đó.

Cho đến khi ngọn gió phương Bắc tràn lên, phủ lên đời chúng tôi khoảng mười lăm năm trước, tôi từng là một trong những du khách trung thành nhất của thành phố đó. Một ngày chủ nhật nọ vào giờ ngủ trưa, với linh cảm không giải thích được về một điều gì đó sắp xảy ra, tôi cảm nhận được cơn gió trước khi nó đến. Thần trí tôi bỗng dừng rơi tuột xuống, hụt hẫng, tôi cảm thấy lòng buồn vô cớ và tôi có ấn tượng là hai đứa con tôi, lúc đó đều còn kém mười tuổi, đang trừng trừng những ánh mắt thù nghịch theo dõi tôi khắp căn nhà. Không lâu sau đó, người gác đàn đến nơi với một hộp đồ nghề và dây đi biển để giữ chặt các cửa cái, cửa sổ và ông ta không hề ngạc nhiên khi thấy vẻ u sầu nản chí nơi tôi.

"Cơn gió phương bắc sắp thổi đến rồi đấy", ông nói. "Độ chừng non tiếng nữa thôi".

Ông đã già rất già, nguyên là thủy thủ vẫn giữ cái áo jacket đi mưa của dân thủy thủ, mũ bê rê, ngậm pip, và làn da đã tắm đủ thứ nước mặn trên khắp mặt địa cầu. Trong những giờ rỗi rảnh ông chơi lăn bóng chì ở quảng trường với các cựu chiến binh từ bao cuộc chiến trước đây và uống rượu mìn với các du khách trong các quán rượu dọc bờ biển. Với thứ tiếng Catalan của một chàng pháo thủ, ông có biệt tài làm mọi người hiểu mình qua bất kỳ ngôn ngữ nào. Ông tự hào đã đặt chân lên khắp các hải cảng trên hành tinh, nhưng lại chưa từng biết đến các đô thị lớn trong lục địa. "Ngay cả kinh đô hoa lệ của nước Pháp, vốn lừng danh đến thế kia", hình như ông từng nói thế. Vì ông không tin vào bất kỳ phương tiện vận chuyển nào mà không giương lên cánh buồm.

Trong ít năm gần đây khi tuổi già đã trở thành gánh nặng khe khắt, ông ít khi ra phố nữa. Đa số thời gian, ông ở trong phòng dành cho người gác đàn, sống thui thủi một mình. Ông tự nấu nướng thức ăn trong cái ca nhôm đặt trên đèn cồn nhưng đó là tất cả cái mà ông cần để khiến chúng tôi thích thú với các món khoái khẩu của một nghệ thuật bếp núc bậc thầy. Vào lúc rạng đông, ông bắt đầu một ngày bằng việc chăm sóc các người thuê

phòng, từ căn nhà này đến căn khác, ông là một trong những người dễ sống gần nhất mà tôi chưa từng gặp, với lòng độ lượng tự nguyện và tấm lòng dịu dàng được thể hiện qua vẻ cộc cằn bên ngoài của người Catalan. Ông rất ít nói, nhưng cách nói của ông trực tiếp và đi thẳng vào điểm chính. Khi không có việc gì khác để làm, ông ngồi hàng giờ để điền vào các bảng dự đoán kết quả các trận bóng đá nhưng chỉ thỉnh thoảng mới gọi đi.

Ngày đó, trong khi cột chặt lại các cánh cửa lớn và cửa sổ để dự phòng tai biến, ông nói với chúng tôi về ngọn gió phươg bắc như một người đàn bà đáng ghét nhưng nếu không có người đàn bà đó, đời sống ông sẽ mất đi ý nghĩa. Điều làm tôi ngạc nhiên là một thủy thủ lại tôn vinh một ngọn gió lục địa đến thế.

"Đây là một trong những làn gió cũ", ông nói.

Ông tạo cho ta ấn tượng là năm của ông không phải được chia thành ngày và tháng, nhưng thành những khoảng thời gian mà ngọn gió bắc thổi qua. "Năm rồi, khoảng ba ngày sau khi làn gió bắc thứ nhì thổi qua, tôi bị cơn bệnh viêm thành ruột kết hành hạ đau muốn chết", có lần ông bảo tôi thế. Có lẽ điều này giải thích niềm tin của ông là người ta bị già đi mấy tuổi sau mỗi lần ngọn gió phươg bắc độc địa kia thổi qua. Ám ảnh đó nơi ông thật ghê gớm, khiến ông truyền sang chúng tôi nỗi khát khao muốn thể nghiệm điều đó chừng như cơn gió kia là người khách viễn phươg mà định mệnh đã an bài sẽ cuốn hút ta theo.

Chúng tôi chẳng phải đợi chờ lâu, ngay vừa khi ông già rời đi chúng tôi nghe tiếng huyết gió dần dần trở nên sắc cạnh hơn, mãnh liệt hơn, rồi bùng nổ thành tiếng sấm sét của một trận động đất. Rồi cơn gió bắt đầu. Đầu tiên là những cơn gió giật liên hồi, càng lúc càng dồn dập hơn cho đến khi một trong những cơn gió giật đó chừng lại, bất động, vùn vụt không ngừng nghỉ với uy lực và sự bạo tàn dường như siêu nhiên. Ngược lại với tập quán vùng Caribê, căn nhà chúng tôi ở xứ này lại đối diện với núi có lẽ do ý thích kỳ quặc của những người Catalan nệ cổ, họ yêu biển nhưng không

thích nhìn vào biển. Và do đó mà ngọn gió thổi đập trên đầu chúng tôi, đe dọa bứt tung đi xa những sợi dây ràng các cửa sổ.

Điều lạ lùng nhất là trong lúc đó thời tiết trời vẫn đẹp vô song với nắng vàng tươi rực rỡ và bầu trời trong vắt không một vẩn mây. Đến nỗi tôi quyết định dẫn đám trẻ ra ngoài phố để đi ngắm biển. Dù sao thì bọn trẻ cũng đã từng lớn lên giữa những trận động đất ở Mexico và những cơn cuồng phong vùng Caribê và như thế, thêm hay bớt một cơn gió chẳng phải là điều đáng bận tâm nhiều.

Chúng tôi nhón gót đi ngang qua phòng gác dan, thấy ông già ngồi trước đĩa đậu và xúc xích, nhìn cơn gió quay cuồng bên ngoài qua cửa sổ. Ông không thấy chúng tôi ra ngoài.

Chúng tôi tìm cách đi men theo phía chắn gió của căn nhà, nhưng khi chúng tôi đi đến chỗ góc trống trải, chúng tôi phải bám vào một trụ đèn để không bị cơn gió mạnh cuốn đi. Tại đó, chúng tôi đứng lại, nhìn ngắm say mê mặt đại dương bất động, trong xanh, yên lành, giữa cơn đại biến, cho đến khi ông già cùng vài người láng giềng đến tiếp cứu chúng tôi. Cuối cùng, chúng tôi nghĩ rằng cách hành động hợp lý duy nhất là ở yên trong nhà cho đến khi Chúa muốn khác đi. Và không ai có được ý niệm đầu mong manh nhất, khi nào điều ấy xảy ra.

Đến lúc cuối của hai ngày liền, chúng tôi có cảm tưởng cơn gió đáng sợ kia không phải là một hiện tượng tự nhiên mà là một cuộc đối đầu cá nhân của một kẻ nào đó nhắm đến chúng tôi và chỉ chúng tôi thôi. Ông già gác dan đi thăm chúng tôi nhiều lần trong ngày, quan tâm đến trạng thái tinh thần của chúng tôi, ông mang đến trái cây đang mùa và kẹo bánh cho trẻ con. Vào buổi ăn trưa, ông đãi chúng tôi món thỏ và ốc, món tuyệt phẩm của nghệ thuật nấu nướng xứ Catalan mà ông đã nấu trong cái hộp thiếc làm bếp của ông. Thật là một bữa tiệc giữa cảnh tượng kinh khủng của đất trời.

Vào thứ tư, khi chẳng có gì xảy ra ngoài cơn gió quay cuồng, là ngày dài nhất trong đời tôi. Nhưng hẳn là một điều gì đó giống như bóng tối trước bình minh vì sau nửa đêm, tất cả chúng tôi đều thức dậy cùng lúc, bị tràn ngập bởi sự tĩnh lặng tuyệt đối, một sự im lặng đáng sợ của nỗi chết không rời vây quanh. Không một chiếc lá nào trên cành cây lay động. Chúng tôi bước ra đường phố trước khi phòng trực lên đèn, say mê ngắm nhìn bầu trời trước lúc bình minh với tất cả những vì sao đang lấp lánh và biến chấp chóa ánh lân tinh. Mặc dầu chưa đến năm giờ sáng, nhiều du khách đã ủa ra bãi biển lờm chờm đá để đón mừng một ngày đẹp trời sau mấy hôm bị giam hãm co ro trong nhà vì cơn cuồng phong, và các thuyền buồm lại được trang bị để lướt sóng sau ba ngày ẩn náu tránh phong ba.

Khi chúng tôi ra ngoài, chúng tôi đã không để ý đến sự kiện là phòng trực vẫn tối om. Nhưng khi chúng tôi trở về nhà, không khí cũng lấp lánh ánh lân tinh như mặt biển và căn phòng vẫn còn chìm trong bóng tối. Tôi thấy điều đó hơi kỳ quặc, tôi gõ cửa hai lần. Không có tiếng trả lời, tôi đẩy cửa vào. Tôi tin rằng mấy đứa trẻ đã thấy ông già trước tôi và chúng la lên kinh hoàng. Ông già, với huy hiệu thủy thủ xuất sắc đính trên ve áo jacket kiểu thủy thủ, bị treo cổ lên xà ngang, vẫn còn đu đưa trong cơn giạt cuối cùng của ngọn gió phương bắc.

Giữa kỳ nghỉ, chúng tôi bỗng nôn nao niềm hoài hương dự tưởng và quyết tâm bất khả văn hồi sẽ không bao giờ trở lại, chúng tôi đã rời xa nơi chốn đó sớm hơn dự định. Các du khách đã trở về các đường phố, âm nhạc nổi lên ở quảng trường nơi các cựu chiến binh đã bị xuống tinh thần quá mức không còn lẫn nổi các hòn bi chì cho chúng cụng vào nhau. Qua những cửa sổ mờ bụi của quán rượu Đại Dương, chúng tôi bắt gặp những cái nháy mắt chào hỏi của bạn bè sống sót và đang bắt đầu cuộc đời trở lại trong mùa xuân rạng rỡ. Giờ đây mọi chuyện đó đã thuộc về quá khứ.

Đó là lý do tại sao, trong những giờ buồn tênh trước buổi rạng đông ở Boccacio, không ai hiểu rõ hơn tôi nỗi kinh hoàng của một người nào đó

đang từ khước việc trở về Cadaqués vì tin rằng về đó mình sẽ chết. Nhưng không có cách nào khuyên giải đám thanh niên Thụy Điển đang kéo lê chàng thanh niên kia đi theo họ, với ý định người Âu châu cưỡng bách chữa trị cho cậu bé thiếu niên nọ thoát khỏi niềm mê tín kiểu Phi châu của mình. Trước sự cổ vũ ồn ào bằng vỗ tay và la hét của một đám đông bát nháo, bọn họ vừa đẩy vừa đạp cậu bé vào một chiếc xe tải nhỏ lúc nhúc một đám người say bí tí, vào cái giờ khắc muộn màng đó, còn phóng xe trên đường dài đến Cadaqués.

Sáng hôm sau, chuông điện thoại reo vang đánh thức tôi dậy. Tôi đã quên buông các màn sáo xuống khi tôi từ buổi dạ hội trở về nhà, và không còn ý niệm nào về giờ giấc nữa, nhưng căn phòng ngủ tràn ngập ánh sáng rực rỡ của mùa hè. Giọng nói đầy lo sợ trên điện thoại mà tôi không thể nhận ra ngay là của ai, đã kéo tôi ra khỏi giấc ngủ.

"Anh còn nhớ thằng bé mà đêm qua bọn kia lôi đi Cadaqués không?"

Tôi không cần phải nghe thêm lời nào. Ngoại trừ nó có thể còn bi thảm hơn điều tôi đã tưởng tượng. Thằng bé, với việc bị cưỡng bách trở về Cadaqués, đã lợi dụng một phút sơ hở của đám thanh niên Thụy Điển nông cuồng kia, trong một cố gắng để trốn thoát cái chết không thể nào tránh khỏi, đã lao mình từ trên chiếc xe đang chạy vun vút, xuống vực thẳm hun hút dưới chân đèo.

Tháng giêng 1982.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Mùa Hè Hạnh Phúc Của Cô Forbes

Khi chúng tôi trở về nhà vào buổi chiều, chúng tôi thấy một con rắn biển thật lớn bị đóng đinh ở cổ dính vào khung cửa. Đen tuyền và lấp lánh ánh lân tinh, trông nó giống như một mảnh bùa chú của dân Gypsy lang thang với đôi mắt còn chớp sáng và hàng răng giống như lưỡi cửa nơi cái hàm còn khá rộng. Thuở đó, tôi khoảng chín tuổi và khi bất thần thấy hình tượng kinh khủng đó, tôi sợ đến nỗi người đến líu lưỡi không nói được. Còn thằng em nhỏ thua tôi hai tuổi quăng bình dưỡng khí, mặt nạ bơi và chân vệt, ù té chạy, la hét kinh hoàng. Cô Forbes nghe tiếng la của nó vang lên từ các bậc đá khúc khuỷu chạy dọc từ kè đá cầu tàu đến tận nhà ở; cô chạy về phía chúng tôi, thở hổn hển, mặt tái mét, cô chỉ cần nhìn thấy con vật bị đóng đinh trên cánh cửa là hiểu ngay lý do cơn kinh hoàng của chúng tôi. Cô vẫn thường nói là khi hai đứa nhỏ túm tụm với nhau thì cả hai đều mang tội của điều mà mỗi đứa phạm tội một mình và thế là cô mắng cả hai đứa tôi vì tiếng la hét của thằng em tôi và tiếp tục quở trách chúng tôi vì đã thiếu tự chủ. Cô nói tiếng Đức thay vì tiếng Anh như trong hợp đồng dạy kèm, có lẽ vì chính cô cũng khiếp đảm, nhưng lại không chịu thú nhận điều ấy. Nhưng ngay khi lấy lại hơi thở bình thường, cô trở giọng nói thứ tiếng Anh rần rỏi và ám ảnh mô phạm của cô.

K

"Đó là một con *Muraena helena* (hải xà vương)", cô bảo chúng tôi, "gọi thế vì đó là một con vật linh thiêng đối với người Hy Lạp thời cổ đại".

Ngay lúc đó, Oreste - một thiếu niên ở địa phương - người đã dạy cho chúng tôi bơi lặn dưới nước sâu, xuất hiện sau đám cây mã não. Anh đang mang mặt nạ lặn trên trán, một bộ đồ bơi nhỏ xíu và một thắt lưng da buộc sáu con dao có hình dáng và kích thước khác nhau, vì anh không thể nghĩ cách nào khác để săn bắt dưới nước ngoài cách chiến đấu tay đôi với con mồi. Anh khoảng hai mươi tuổi và dành thời gian để ở dưới đáy biển hơn là ở trên mặt đất và lúc nào cũng bơi dẫu máy lên khắp người, khiến anh trông giống một sinh vật biển. Khi thấy anh ta lần đầu, cô Forbes đã nói với bố mẹ chúng tôi: thật khó tưởng tượng một sinh vật người nào đẹp hơn. Nhưng vẻ đẹp của anh ta cũng không giúp anh ta được miễn trừ khỏi tính nghiêm khắc của cô. Anh ta cũng bị quở mắng, bằng tiếng Ý, vì đã treo con rắn biển đó lên cánh cửa mà không có lý do nào khác hơn là ý muốn dọa cho mấy đứa nhỏ phải khiếp đảm. Rồi cô Forbes ra lệnh cho anh ta đem nó xuống với sự kính trọng tương xứng đối với một con vật huyền thoại và bảo chúng tôi mặc đồ vào để đi ăn cháo.

Chúng tôi làm theo không chậm trễ, cố gắng để không phạm một lỗi lầm nào, bởi vì sau hai tuần sống dưới chế độ của cô Forbes, chúng tôi học được một điều là không có gì khó hơn là sống. Khi chúng tôi đứng dưới vòi sen trong ánh sáng mờ mờ của phòng tắm, tôi biết rằng thằng em tôi vẫn đang nghĩ về con rắn biển. "Nó có đôi mắt giống mắt người ta" nó nói. Tôi cũng đồng ý với nhận xét đó, nhưng muốn lái ý nghĩ nó qua hướng khác và tìm cách thay đổi đề tài cho đến khi tắm rửa xong. Thế mà khi tôi bước ra ngoài phòng tắm, nó vẫn nài nỉ tôi ở lại để đợi nó cùng đi.

"Bây giờ vẫn còn là ban ngày mà", tôi nói.

Tôi vén màn. Đang giữa tháng tám, qua cửa sổ người ta có thể thấy ánh trăng sáng tràn ngập từ bên này đến khắp bên kia đảo và mặt trời đã đứng yên trên bầu trời.

"Không phải vì chuyện đó đâu", thằng em tôi nói. "Em sợ vì sợ thế thôi".

Nhưng khi chứng tôi đi xuống bàn ăn, thằng nhóc có vẻ bình tĩnh lại, nó đã làm mọi việc thật tươm tất đến độ được cô Forbes lên tiếng khen ngợi đặc biệt và được thêm hai điểm tốt trong sổ kiểm tra hạnh kiểm hàng tuần. Còn tôi trái lại, mất đi hai điểm trong số năm điểm tôi đã đạt được trước đó, bởi vì vào phút chót, tôi đã tự cho phép mình vội vã và chạy vào phòng ăn gần hụt hơi. Cứ mỗi năm mười điểm hạnh kiểm sẽ đem lại cho chúng tôi thêm hai suất tráng miệng, nhưng chưa có đứa nào đạt được hơn năm mười điểm đâu. Thực đáng tủi hổ, bởi vì chúng tôi không bao giờ còn được nếm lại món tráng miệng nào ngon hơn những món do cô Forbes làm.

Trước khi bắt đầu ăn món xúp, chúng tôi phải đứng sau các đĩa trống và đọc kinh. Cô Forbes không phải là tín đồ Công giáo, nhưng trong hợp đồng có nêu rõ rằng cô có bốn phận nhắc nhở chúng tôi đọc kinh mỗi ngày sáu lần và cô đã phải học thuộc lòng các bài kinh của chúng tôi để có thể hoàn thành tốt điều khoản này. Rồi cả ba chúng tôi ngồi xuống và hai đứa chúng tôi phải nín thở trong khi cô dò xét cách cư xử của chúng tôi từng chi tiết nhỏ nhặt nhất và chỉ khi mọi sự có vẻ đã hoàn hảo cô mới rung chuông. Rồi chị bếp, Fulvia Flaminea bước vào, mang theo món xúp vermicelli muôn thuở trong cái mùa hè kinh dị đó.

Lúc đầu, khi chỉ còn chúng tôi với ba má chúng tôi, các bữa ăn là buổi yến tiệc. Fulvia Flaminea đi nhún nhảy quanh bàn ăn khi chị phục vụ chúng tôi, với một năng khiếu bẩm sinh hướng về sự lộn xộn - nhưng điều đó mang lại niềm vui cho chúng tôi; rồi chị ngồi xuống với chúng tôi và ăn ở mỗi đĩa một tí. Nhưng từ khi cô Forbes đảm trách định mệnh của chúng tôi, cô phục vụ với một sự im lặng thật tối tăm đến độ chúng tôi có thể nghe được tiếng sôi lụp bụp của món xúp trong liễn. Chúng tôi ngồi ăn lửng dảng thẳng đứng vào thành ghế, nhai mười lần ở hàm bên trái và mười lần ở hàm bên phải, không bao giờ rời mắt khỏi người đàn bà sắt thép, lừ đừ, héo úa như mùa thu, luôn luôn đọc các bài học thuộc lòng đến nhàm chán. Thật giống như trong buổi lễ ngày chủ nhật, nhưng thiếu niềm an ủi được nghe người ta hát lễ.

Vào cái ngày chúng tôi thấy con rắn biển treo lủng lẳng nơi cánh cửa, cô Forbes dạy chúng tôi về nghĩa vụ yêu nước. Sau món xúp, Fulvia Fleminea, hầu như đang lơ lửng trên bầu không khí loãng tạo ra bởi giọng nói của cô gia sư, dọn cho cả nhà món phi lê cá, thịt trắng như tuyết, với hương vị ngon tuyệt. Tôi vẫn luôn luôn thích cá hơn bất kỳ món ăn nào khác trên đất liền hay trên trời, và kỷ niệm về ngôi nhà của chúng tôi ở Guacamayal khiến lòng tôi thư thái. Nhưng thằng em tôi từ chối không thưởng thức món ăn.

"Tôi không thích món này", nó nói.

Cô Forbes ngưng bài giảng nửa chừng.

"Con không biết nó ra làm sao đâu", cô bảo nó "Con chưa hề nếm thử món đó mà".

Cô ném một tia nhìn cảnh cáo về phía chị bếp, nhưng đã quá trễ.

"Cá thu là món cá ngon nhất trên đời đây, Cưng ạ", Fulvia Flalmnea bảo nó. "Cưng ăn thử một miếng xem".

Cô Forbes vẫn bình thản. Cô bảo với chúng tôi, bằng phương pháp luận lạnh lùng vô cảm của cô, rằng cá thu từ xưa đã là món hải sản quý của các bậc vua chúa và các chiến binh đánh nhau để tranh dành túi mật của nó vì họ tin rằng mật cá thu sẽ đem lại cho họ lòng cam đảm siêu phàm. Rồi cô lặp lại như cô vẫn thường làm thế, rằng khẩu vị tinh tế không phải là một tài năng bẩm sinh, cũng không phải có thể dạy bảo vào bất cứ lứa tuổi nào, mà phải được ấn định ngay từ thuở thơ ấu. Bởi thế chúng tôi không có lý do chính đáng nào để từ chối không chịu ăn. Như thế, tôi đã nếm mùi cá thu trước khi tôi thật sự biết nó là gì, và tôi cứ nhớ mãi cái dư vị trái ngược sau đó: Nó có cái vị mềm nhũn, gây buồn chán, và chẳng hình ảnh con rắn biển bị đóng đinh vào khung cửa còn tác động mạnh hơn sự thèm ăn của

tôi. Thằng em tôi ráng sức hết cỡ để nuốt cho trôi một miếng, nhưng nó không chịu nuốt, nó ói ra.

"Con đi ngay vào phòng tắm" cô Forbes bảo nó, vẫn rất bình thản, "Con phải tự rửa tay cho thật sạch sẽ rồi trở lại đây ngồi ăn tiếp".

Tôi cảm thấy rất áy náy cho nó, bởi vì tôi biết đối với nó, việc phải đi qua các căn nhà trong bóng tối hoàng hôn chập choạng rồi phải một mình trong phòng tắm để kỳ cọ rửa ráy cho sạch trước khi quay trở lại bàn ăn, quả thật là một cuộc hành trình hãi hùng. Thế nhưng nó đã nhanh chóng quay lại, thay áo mới sạch sẽ tinh tươm, mặt nhợt nhạt, hơi run run với cơn rùng mình cố che dấu và nó đương đầu với cuộc khám xét vệ sinh gay gắt khá thành công. Rồi cô Forbes thái một lát cá thu khác và ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục ăn. Tôi cố nuốt một miếng thứ nhì. Nhưng thằng em thì không thèm cầm dao nữa lên.

"Tôi sẽ không ăn đâu" nó nói.

Quyết tâm của nó hiển nhiên quá, khiến cô Forbes phải chùn bước.

"Được thôi" cô nói "Nhưng con sẽ không được ăn phần tráng miệng".

Thái độ thản nhiên đương đầu của thằng em tiếp thêm can đảm cho tôi. Tôi gác chéo dao thả lên đĩa như cách cô Forbes đã chỉ bảo chúng tôi mỗi khi ăn xong, và thưa với cô:

"Con cũng không ăn phần tráng miệng".

"Và con sẽ không được xem ti vi", cô đáp trả.

"Vâng, chúng con sẽ không xem ti vi" tôi nói ngay.

Cô Forbes gấp khăn ăn xuống bàn và cả ba chúng tôi đứng lên cầu kinh. Rồi cô lệnh cho chúng tôi lên giường ngủ với lời cảnh cáo là chúng tôi phải

ngủ yên vào lúc cô ăn xong. Tất cả các điểm hạnh kiểm tốt của chúng tôi đều bị gạch bỏ và chỉ sau khi chúng tôi kiếm được thêm hai mươi điểm tốt nữa may ra chúng tôi mới lại có dịp thưởng thức các món bánh kem, bánh vani, mứt mận ngon tuyệt của cô làm; hương vị các món bánh mứt đó chúng tôi sẽ chẳng bao giờ được nếm lại trong suốt cuộc đời.

Sự đổ vỡ chắc chắn sẽ xảy ra sớm hay muộn. Trong suốt cả một năm ròng, chúng tôi đã mong chờ một mùa hè tự do trên đảo Pantellena ở cực nam của Sicily và trong tháng đầu tiên, khi chúng tôi sống với ba má chúng tôi tại đó thì đúng là thế thật. Tôi vẫn còn nhớ như trong một giấc mơ, cánh đồng ngập nắng với đầy những tảng đá núi lửa, với điểm muôn đời, căn nhà sơn vôi trắng với mái đỏ, vào những đêm lặng gió, đứng nơi cửa sổ nhìn về phương Nam người ta có thể thấy những tia sáng phát ra từ các ngọn hải đăng trên bờ biển Phi Châu. Khi thám hiểm đáy đại dương yên ngủ ở chung quanh đảo với ba chúng tôi, chính tôi đã phát hiện một dây thủy lôi màu vàng nằm chôn vùi một nửa dưới đáy biển từ cuộc thế chiến vừa qua, chúng tôi đã mang lên một bình cổ của Hy Lạp cao gần cả thước, trang trí hoa văn tuyệt mỹ, bên trong còn đựng một chút cặn rượu không biết sót lại từ thuở xa xưa nào; chúng tôi đã tắm nơi một giếng nước nóng, hơi lên nghi ngút. Nhưng điều khám phá kỳ thú nhất đối với chúng tôi là gặp Fulvia Flaminea. Chị ấy trông giống một đức giám mục vui vẻ và lúc nào cũng được hộ tống bởi một đàn mèo ngủ lơ mơ đi theo chị từng bước. Chị nói là chị mang lũ mèo theo không phải vì thích chúng mà để đề phòng khỏi bị đàn chuột tấn công. Ban đêm, trong khi bố mẹ chúng tôi xem chương trình ti vi dành riêng cho người lớn, Fulvia Flaminea đem chúng tôi về nhà cách nhà chúng tôi non một trăm mét và dạy cho chúng tôi phân biệt những tiếng nói lí nhí từ xa, tiếng ca, hay sự bùng vỡ của lời than khóc theo cánh gió từ Tunis mang lại. Chồng chị là một chàng trai còn quá trẻ đối với chị, vào mùa hè, anh ta làm việc tại khách sạn du lịch ở cuối đảo và chỉ về nhà để ngủ. Oreste sống với bố mẹ anh ta ở xa hơn một tí và luôn luôn xuất hiện về đêm với những xâu cá và các giỏ tôm mới bắt mà anh ta treo trên nhà bếp để chồng chị Fulvia Flaminea có thể bán chúng cho các khách sạn vào

rạng sáng ngày hôm sau. Rồi anh kéo ngược cái đèn lặn ra sau trán, dẫn chúng tôi đi bắt chuột đồng, những con chuột to bằng con thỏ đang rình chờ đồ thừa ở nhà bếp vất ra. Đôi khi chúng tôi về nhà sau khi ba má đã đi ngủ và chúng tôi khó mà ngủ yên được với tiếng sột soạt do lũ chuột đang cào bới các giỏ rác ở ngoài sân. Nhưng ngay cả sự phiền hà đó cũng là một chất phụ gia ma thuật cho mùa hè hạnh phúc của chúng tôi. Cô Forbes đến vào ngày thứ bảy cuối cùng của tháng bảy trên một chiếc tàu từ Palermo, ngay khi chúng tôi thấy mặt cô lần đầu, chúng tôi biết ngay rằng cuộc vui đã hết. Cô đến với cái nóng miền nam ấy, mang giày trần, một cái áo dài với các ve áo gấp lên nhau, tóc cắt kiểu đàn ông dưới cái mũ phớt. Cô có cái mùi nước đá khi. "Mọi người Âu châu đều có mùi như thế, nhất là vào mùa hè", ba bảo chúng tôi như thế. "Đó là mùi văn minh". Nhưng dù mang dáng dấp nhà binh, cô Forbes là một sinh vật khốn khổ, có thể gọi nên chút lòng trắc ẩn nếu thời đó chúng tôi lớn tuổi hơn hoặc nếu cô có một chút dấu tích nào đó của tính dịu dàng dễ ưa. Nhưng cô đã đến và làm đảo lộn thế giới của chúng tôi. Sáu giờ lặn hụp trong lòng đại dương mỗi ngày, từ đầu mùa hè đến giờ đã là cuộc thao diễn thường xuyên cho trí tưởng tượng của chúng tôi, từ đây bị biến thành một giờ đồng nhất lặp đi lặp lại hoài đến phát ngấy. Khi chúng tôi sống cùng với ba má, chúng tôi được dùng thời gian để bơi lội thỏa thích với anh Orèsteva ngạc nhiên thích thú khi chứng kiến nghệ thuật và lòng can đảm của anh khi giáp chiến với những con bạch tuộc tại chính hang ổ của chúng với làn nước mờ đục và máu hòa lẫn, mà không dùng vũ khí nào khác hơn là các con dao trận của anh.

Anh vẫn còn tiếp tục đến vào lúc mười một giờ mỗi buổi sáng trên chiếc xuồng gắn máy trần trụi nhỏ xíu của anh, nhưng cô Forbes không cho anh ở lại với chúng tôi một chút nào lâu hơn cần thiết để chỉ chúng tôi bài học về lặn sâu dưới biển. Cô cấm chúng tôi đến nhà Fulvia Flaminea vào ban đêm, vì cô cho rằng như thế là thân mật quá mức với kẻ ăn người ở và lẽ ra chúng tôi phải dành những giờ đã từng phí phạm cho việc săn chuột đồng (mà chúng tôi rất thích thú) cho việc đọc thật kỹ, phân tích và bình luận các tuyệt tác văn chương của Shakespeare. Đã quá quen với cái tật ăn cắp xoài

trong vườn nhà hàng xóm và chọi đá lũ chó đến chết bỏ trên những đường phố nóng như đổ lửa của Guacamayal; chúng tôi thật không thể tưởng tượng nổi một cực hình nào độc ác hơn là đời sống vương tôn công tử đó.

Nhưng chúng tôi sớm nhận ra rằng cô Forbes không quá khe khắt với bản thân cô như đã đối với chúng tôi, và đó là vết rạn nứt đầu tiên trong uy quyền của cô. Lúc đầu cô ngồi trên bờ biển, dưới chiếc dù nhiều màu sắc sỡ, ăn mặc kiểu sắp ra trận và ngâm nga các khúc Ballads của Schiller, trong khi Oreste dạy chúng tôi lặn rồi sau đó, trong hàng giờ liền, cô dạy chúng tôi những bài thuyết giáo tràn giang đại hải về cách xử thế đúng đắn cho đến giờ cơm trưa.

Một bữa nọ cô đòi Oreste chở cô trên chiếc xuồng của anh đến các cửa hàng du lịch của khách sạn và cô trở về với bộ đồ tắm một mảnh đen và bóng nhảy như da hải cẩu, dù cô chẳng bao giờ tắm biển. Cô tắm nắng trên bờ biển khi chúng tôi bơi lội và cô lau khô mồ hôi bằng một khăn bông, nhưng cô chẳng hề tắm, khiến sau ba ngày trông cô giống như con tôm luộc và cái "mùi văn minh" của cô trở nên khó ngửi lạ lùng.

Ban đêm, cô buông thả cho những cơn cảm xúc của lòng xuân rào rạt. Ngay từ đầu thời kỳ cô ngưng trị, chúng tôi đã nghe tiếng chân người lạ đi ngang căn nhà, mò mẫm tìm đường trong bóng tối và thằng em tôi bị day dứt với ý nghĩ rằng đó là một trong những oan hồn bị chết đuối đi lang thang mà Fulvia Flaminea vẫn thường kể cho chúng tôi nghe hoài. Song chúng tôi sớm khám phá ra rằng đó là cô Forbes dùng ban đêm để sống đời thực của mình như một người đàn bà cô đơn mà chính cô lại kiểm duyệt rất gắt gao vào ban ngày. Một ngày nọ, vào lúc mới rạng sáng, chúng tôi tình cờ bắt gặp cô trong nhà bếp, mặc đồ ngủ kiểu nữ sinh, đang sửa soạn món tráng miệng tuyệt ngon cho mình. Cả người cô, kể cả khuôn mặt dính đầy bột và cô đang uống một ly rượu porto với tư thái buông xả tinh thần có vẻ như muốn chế nhạo cái cô Forbes mô phạm kia. Từ đó chúng tôi biết rằng sau lúc chúng tôi lên giường nằm, cô không đi vào buồng ngủ của cô mà bí

mật đi bơi lội ở biển, hoặc ở phòng khách đến tận khuya, xem phim cấm trẻ em trên Tivi, vặn nhỏ âm thanh vừa đủ một mình cô nghe, ăn bánh kem, bánh ngọt thỏa thuê và còn cả gan uống rượu ở chai rượu đặc biệt mà bố tôi để dành cho những dịp đáng ghi nhớ mà thôi. Trái ngược với những bài thuyết giáo của cô về đời sống thanh đạm và đức điềm tĩnh, cô ăn ngon ngấu mọi thứ, chộp ngoạm vào những món khoái khẩu với niềm say mê không kiềm chế nổi. Sau đó chúng tôi nghe cô nói lẩm bẩm một mình trong phòng riêng, nghe cô đọc những trích đoạn dài từ cuốn Die jungfrau von Orleans (Nàng góa phụ trẻ ở Orleans - tiếng Đức trong nguyên tác) bằng một thứ tiếng Đức du dương, chúng tôi nghe cô hát, chúng tôi nghe cô thốn thức trên giường đến tận sáng và rồi cô sẽ xuất hiện ở bữa điểm tâm, đôi mắt cô còn nhòa lệ, u ám và quyền uy độc đoán hơn bao giờ hết. Thằng em tôi và tôi không bao giờ lại bất hạnh như lúc đó, nhưng tôi đã chuẩn bị tinh thần để chịu đựng cô ta cho đến cuối cùng, vì tôi biết rằng dù sao thì tiếng nói của cô cũng sẽ lấn át tiếng nói của chúng tôi. Tuy nhiên, thằng em tôi lại đương đầu với cô bằng tất cả sức mạnh của nhân cách nó, và thế là mùa hè hạnh phúc trở thành mùa hè địa ngục đối với chúng tôi. Phần đoạn về bữa ăn cá thu là cọng rơm cuối cùng làm gãy lưng lạc đà.

Trong đêm đó, trong khi chúng tôi nằm trên giường nghe bước chân đi lại không ngừng của cô Forbes trong nhà ngủ, thằng em tôi đã trút ra tất cả lòng căm ghét đang sục sôi trong đầu.

"Tôi sắp giết cô ta đây", nó nói.

Tôi ngạc nhiên, không hẳn là vì ý nghĩ táo tợn của nó mà bởi sự kiện là tôi cũng đã từng nghĩ như thế từ buổi ăn xúp. Tuy nhiên, tôi cố gắng khuyên giải nó.

"Họ sẽ cắt đầu em đấy", tôi bảo nó.

"Ở Sicily đâu có máy chém", nó nói. "Và lại đâu ai biết được ai làm chuyện ấy đâu".

Tôi nghĩ về cái bình cổ vớt lên từ đáy biển, với cặn rượu độc vẫn còn một ít trong đó. Bố tôi muốn giữ lại vì ông muốn đem xét nghiệm kỹ hơn để xác định loại thuốc độc đó có lẽ không phải chỉ là sản phẩm của thời gian. Dùng rượu đó để đầu độc cô Forbes có lẽ sẽ rất dễ dàng và sẽ không ai lại không nghĩ rằng đó chỉ là sự tình cờ hoặc là muốn tự tử. Và thế là vào rạng sáng, khi chúng tôi nghe tiếng cô đổ gục xuống, kiệt sức vì đã canh thức suốt đêm, chúng tôi rót rượu từ chiếc bình cổ vào chai rượu đặc biệt của bố tôi. Theo như chúng tôi nghe nói thì liều lượng đó đủ để hạ gục một con ngựa.

Chúng tôi ăn điểm tâm trong nhà bếp vào đúng chín giờ sáng. Cô Forbes tự tay dọn cho chúng tôi món bánh mì ngọt mà Fulvia Flaminea mang lại từ sáng sớm. Hai ngày sau khi chúng tôi thay rượu, trong khi chúng tôi ngồi ăn điểm tâm, thằng em tôi cho tôi biết, bằng một cái liếc mắt thất vọng, rằng chai rượu có thuốc độc vẫn còn nguyên trên kệ. Đó là vào ngày thứ sáu và chai rượu vẫn không ai đụng đến cả sau những ngày cuối tuần. Đến tối thứ ba, cô Forbes uống hết một nửa phần rượu trong khi cô xem phim đồi trụy trên Tivi.

Tuy vậy, ngày thứ tư cô vẫn đến buổi điểm tâm theo đúng giờ như thường lệ. Vẫn như thường lệ, mặt cô trông như trải qua một đêm mất ngủ; lúc nào mắt cô cũng lơ đãng mệt mỏi sau lớp mắt kính dày và càng trở nên khó chịu hơn khi cô lục tìm một bức thư với các con tem Đức, trong giỏ bánh mì. Cô đọc thư trong khi uống cà phê, điều mà cô từng nhiều lần bảo chúng tôi không nên làm và trong khi cô đọc, những tia sáng tỏa ra từ các chữ viết ánh lên khuôn mặt cô. Rồi cô lột các con tem từ bì thư, đặt vào trong giỏ với số bánh mì còn lại để anh chồng của Fulvia Flamirlea đưa vào bộ sưu tập tem của anh. Dù cho kinh nghiệm đầu tiên của cô chẳng mấy thành công, ngày đó cô vẫn theo chúng tôi trong cuộc thám hiểm đáy sâu đại dương và chúng tôi đã bơi lội tung tăng qua biển nước trong xanh cho đến khi các bình chứa dưỡng khí gần cạn hơi; chúng tôi trở về nhà, không qua bài học nào, trong trạng thái vui vẻ thoải mái. Cô Forbes hôm đó chẳng

những tươi như hoa suốt ngày mà vào buổi ăn xúp, càng tỏ ra sôi động hơn. Tuy nhiên, thằng em tôi lại không thể che dấu nỗi thất vọng. Ngay khi chúng tôi vừa nhận được lệnh bắt đầu, nó đẩy đĩa xúp vermicelli ra xa với cử chỉ khiêu khích.

"Thứ nước với súp bọ lồn nhốn này làm tôi thấy ghê", nó nói.

Thật chẳng khác nào nó ném một quả lựu đạn lên bàn. Cô Forbes giận xanh mặt, môi cô mím chặt cho đến khi khói của vụ nổ bay tản đi và trong mắt kính của cô nhòa nước mắt. Cô mở mắt kính ra, lấy khăn lau khô, để khăn ăn xuống bàn với sự cay đắng của một thất bại chẳng vinh quang, và đứng lên.

"Mấy người muốn làm gì thì làm theo ý thích", cô nói. "Coi như chẳng có tôi".

Cô vào phòng riêng khóa trái cửa lại. Nhưng trước nửa đêm, khi cô nghĩ rằng chúng tôi đã ngủ, chúng tôi thấy cô đi ngang trong bộ đồ ngủ kiểu nữ sinh, mang một nửa cái bánh kem sôcôla và chai rượu độc còn hơn bốn lóng tay trở về phòng ngủ, tôi bỗng thấy thương hại cô.

"Tội nghiệp cô Forbes", tôi thì thầm.

Thằng em tôi nói trong hơi thở khó khăn.

"Tội nghiệp bọn mình, nếu mẹ ta không "đi" luôn trong tối nay", nó độc địa thốt.

Đêm đó cô lại một mình một bóng độc thoại hồi lâu, đọc thơ Schiller lớn giọng do bị kích động bởi cơn cuồng nhiệt điên rồ và kết thúc với một tiếng hét dứt điểm vang dội khắp căn nhà. Rồi cô thở dài nhiều lần từ sâu thẳm tâm hồn và ngã xuống với tiếng hú buồn thảm kéo dài như một con tàu trôi dạt sắp chìm đắm giữa đại dương phong ba. Khi chúng tôi thức dậy, đầu óc còn bần thần rã rời vì sự căng thẳng của đêm qua, mặt trời đang

xuyên qua bức màn, nhưng căn nhà như chìm vào đáy giếng. Chúng tôi nhận ra là đã mười giờ sáng và cô Forbes đã không đánh thức chúng tôi dậy như thường lệ. Chúng tôi không nghe tiếng rào rào trong toilet vào lúc tám giờ hay tiếng vòi nước chảy trong bồn tắm, tiếng cuốn màn sáo hoặc âm thanh kim loại chát chúa do gót giày bột cô nện xuống sàn và ba tiếng gõ cửa như tiếng gọi của tử thần từ bàn tay cai ngục của cô nện vào cửa. Thằng em tôi áp tai vào tường, nín thở để sẵn sàng phát hiện một dấu hiệu nhỏ nhất của đời sống từ phòng kế bên và cuối cùng nó thở phào nhẹ nhõm.

"Xong rồi", nó nói "Bây giờ người ta chỉ còn nghe tiếng sóng biển mà thôi".

Chúng tôi tự sửa soạn bữa điểm tâm trước mười một giờ một tí và rồi trước khi Fulvia Flaminea đến với binh đoàn mèo của chị, chúng tôi đi xuống bãi biển với hai bình dưỡng khí và mang theo hai bình nữa để dự phòng. Anh Oreste đã sẵn sàng nơi bến tàu, đang làm ruột một con cá đầu vàng mà anh vừa bắt được. Chúng tôi nói với anh rằng chúng tôi đã chờ cô Forbes cho đến tận mười một giờ sáng và bởi vì cô vẫn mãi ngủ, chúng tôi đã quyết định tự mình xuống biển. Chúng tôi cũng nói với anh là cô bỗng bị xúc động đã khóc thốn thức tối hôm trước và có lẽ vì thế cô đã không ngủ yên giấc nên bây giờ cô muốn nằm rảnh trên giường. Như chúng tôi mong đợi, anh Oreste không quan tâm lắm đến lời giải thích của chúng tôi, anh đi theo chúng tôi trong cuộc cướp giật đáy đại dương kéo dài khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Rồi anh bảo chúng tôi nên trời lên để còn ăn trưa. Anh còn ở lại trong thuyền để bán cá đầu vàng cho các khách sạn du lịch. Chúng tôi vẫy tay chào tạm biệt từ các bậc đá để làm cho anh tin rằng chúng tôi sắp sửa leo lên các bậc đá để về nhà, cho đến khi bóng anh khuất sau các mỏm đá. Rồi chúng tôi mang lại bình dưỡng khí và tiếp tục nhào xuống biển bơi lặn vùng chẳng cần xin phép ai.

Ngày hôm ấy trời nhiều mây và có tiếng rền âm u của sấm vọng lại từ chân trời, nhưng biển lại êm, trong, ánh sáng khá đủ. Chúng tôi bơi trên mặt biển hướng về phía tháp hải đăng Pantelleri rồi quay về hướng tay phải khoảng một trăm mét và lặn xuống chỗ chúng tôi tính là đã thấy những quả thủy lôi vào đầu mùa hè. Ở đó có sáu quả được sơn màu vàng nắng với số thứ tự còn nguyên, nằm trên đáy núi lửa dưới biển theo một trật tự thật hoàn hảo, không thể nào do tình cờ được. Chúng tôi tiếp tục bơi vòng quanh ngọn hải đăng, đi tìm thành phố chìm dưới biển mà Fulvia Flaminea vẫn kể cho chúng tôi nghe hoài, bằng một giọng đầy kính sợ, nhưng chúng tôi không thể tìm thấy cái thành phố huyền thoại ấy bao giờ. Sau hai tiếng lặn sâu sục sạo vô hiệu, tin chắc là không còn bí mật nào khác để khám phá nữa, chúng tôi trồi lên mặt nước với ngum dưỡng khí cuối cùng.

Một cơn bão mùa hè đã bất chợt ào tới trong khi chúng tôi đang bơi lội, biển động mạnh, một đàn chim khát máu bay ngang với những tiếng kêu dữ tợn theo vết đám cá chết trên bãi biển. Tuy thế, nhờ vắng mặt cô Forbes mà ánh sáng buổi chiều có vẻ như mới tinh khôi và đời lại đẹp hơn lên. Nhưng khi chúng tôi trèo hết các bậc đá, chúng tôi thấy một đám đông ở nhà và hai xe cảnh sát dừng trước cửa. Lần đầu tiên chúng tôi ý thức được sự nghiêm trọng của việc chúng tôi đã làm. Thằng em tôi bắt đầu run và cố gắng quay ngược trở lại.

"Em không vào nhà đâu", nó run run nói.

Tôi, trái lại, bỗng có ý tưởng mơ hồ là nếu chúng tôi cứ đến nhìn vào người chết, chúng tôi sẽ an toàn hơn, tránh khỏi bị nghi ngờ.

"Cứ tự nhiên đi", tôi bảo nó. "Hít một hơi thật sâu và tập trung ý nghĩ vào một chuyện gì đó. Chúng ta cứ làm như chúng ta không biết gì hết".

Không ai để ý đến chúng tôi. Chúng tôi để bình dưỡng khí, mặt nạ, chân vịt ở cổng và đi vào hành lang, nơi có hai người đàn ông ngồi trên sàn gần một cái cang, đang phì phèo hút thuốc. Rồi chúng tôi nhận thấy có một xe

tải thương đậu ở cửa sau và nhiều người lính mang súng tiểu liên. Trong phòng khách, nhiều người đàn bà trong vùng đang ngồi trên ghế được đặt sát tường, đang cầu nguyện bằng thổ ngữ địa phương, trong khi các ông chồng của họ chen chúc đứng ở ngoài sân và nói đủ thứ chuyện, nhưng không có chuyện nào ăn nhập với chuyện chết chóc cả. Tôi nắm chặt hơn bàn tay của em tôi, bàn tay nó cứng lại như băng giá. Cánh cửa phòng ngủ của chúng tôi vẫn để ngỏ, căn phòng vẫn giống như khi chúng tôi rời đi hồi sáng. Trong phòng cô Forbes, gần kề bên phòng chúng tôi, một người lính cầm súng carabille đứng gác chỗ ra vào, nhưng cánh cửa thì vẫn mở. Chúng tôi đi về phía đó với lòng nặng trĩu và trước khi chúng tôi có dịp nhìn vào bên trong, Fulvia Flaminea đi từ nhà bếp ra nhanh như một tia chớp và đóng cửa lại với tiếng thét kinh hoàng.

"Vì Chúa, các em đừng nhìn vào cô ta".

Nhưng đã quá trễ. Không bao giờ, trong suốt phần đời còn lại chúng tôi có thể quên đi được cái mà chúng tôi đã nhìn thấy trong khoảnh khắc thoáng qua đó. Hai người đang đo khoảng cách từ giường đến bức tường, với cái thước dây, trong khi một người khác đang chụp hình có trùm vải đen giống loại máy mà các ông thợ nhiếp ảnh trong công viên thường dùng. Cô Forbes không nằm trên cái giường chưa được sửa soạn. Cô nằm duỗi một bên, trần trồng trong một vũng máu khô loang lổ khắp nền nhà và thân thể cô bị băm nát bởi những vết cắt ngang dọc. Có ba mươi bảy nhát cắt định mệnh và từ số lượng vết cắt cũng như từ tính chất tàn bạo của vụ sát nhân, người ta có thể thấy rằng cuộc tấn công đã được thực hiện với sự cuồng điên của một mối tình đã không tìm được sự bình yên và cô Forbes đã nhận lãnh điều đó cũng với một nỗi đam mê tương tự, không hề la khóc, vẫn đọc thơ Schiller bằng giọng quân nhân của cô, vẫn ý thức được rằng đây là cái giá khắc nghiệt phải trả cho mùa hè hạnh phúc của cô.

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Ánh Sáng Giống Như Làn Nước

Vào dịp giáng sinh, các cậu con trai lại đòi một chiếc thuyền chèo tay như món quà giáng sinh.

V

"Ok" ông bố nói, "Chúng ta sẽ mua thuyền khi chúng ta trở về Cartagena".

Toto, lên chín, và Joel, lên bảy, có quyết tâm kiên định hơn là bố mẹ chúng tưởng.

"Không chịu đâu", chúng đồng thanh nói. "Chúng con muốn có ngay bây giờ đây cơ".

"Nhưng mà này", bà mẹ nói, "các con có thấy là ở đây chỉ có mỗi một dòng nước để bơi thuyền được là dòng nước chảy ra từ các vòi sen không?".

Nàng ta và ông chồng cả hai đều có lý. Nhà của họ ở Cartagena de India có một khoảng sân vườn tới chỗ đậu tàu nơi vịnh và một nhà kho đủ chỗ cho hai chiếc thuyền yacht. Còn ở đây tại Madrid, kinh đô hoa lệ của xứ Tây Ban Nha này, thì họ phải chen chúc trong căn hộ ở tận lầu năm, số 47, phố Paseo de la Castellana. Nhưng cuối cùng, cả hai đều không thể từ chối, bởi vì họ đã hứa với các con mình sẽ cho chúng một chiếc thuyền chèo với kính lục giác và la bàn nếu chúng được phần thưởng ở trường học, và chúng đã đạt được. Thế là ông bố mua mọi thứ mà không nói tiếng nào

trong khi bà mẹ thì tỏ vẻ miễn cưỡng hơn chồng khi phải trả một món nợ chỉ để vui chơi thôi. Đó là một chiếc thuyền bằng nhôm thật xinh xắn chạy chỉ vàng ở mớn nước.

"Chiếc thuyền đang để ở nơi gara đây", ông bố thông báo cho đám con vào buổi ăn trưa. "Vấn đề là không có cách nào mang nó vào buồng thang máy hay lên cầu thang bộ; trong gara cũng không còn chỗ trống".

Vào buổi chiều thứ bảy tiếp sau đó, bọn trẻ mời bạn chúng đến nhà, giúp chúng mang lên cầu thang. Cả bọn đã ỉ ạch xoay xở cuối cùng cũng mang lên tận phòng của người giúp việc.

"Hay quá!", bố chúng khen. "Rồi bây giờ làm gì?".

"Chẳng làm gì cả", bọn trẻ trả lời. "Điều chúng con muốn là có chiếc thuyền ở trong phòng và bây giờ nó ở đó".

Vào ngày thứ tư, như thường lệ hàng tuần, bố mẹ chúng đi xem xinê. Mấy cậu quý tử, lúc đó trở thành các ông chúa trong nhà, đóng hết cửa cái, cửa sổ lại, đập vỡ cái bóng đèn sáng rực, một trong các bóng đèn ở phòng khách. Một tia sáng vàng ánh lạnh như nước bắt đầu chảy ra khỏi cái bóng đèn vỡ, chúng để cho nó chảy đến độ sâu gần ba bộ. Rồi chúng tắt điện, mang chiếc thuyền ra và bơi thuyền thỏa thích giữa các hòn đảo nhỏ trong nhà.

Cuộc phiêu lưu hoang đường đó là kết quả của một nhận định phù phiếm tôi đã nêu ra trong khi tham dự một cuộc hội thảo về thi tính của những đồ vật trong nhà. Toto hỏi tôi tại sao ánh sáng tỏa ra chỉ với một cái chạm tay để bật contact và tôi đã không có can đảm để nghĩ về chuyện đó đến hai lần.

"Ánh sáng cũng giống như dòng nước", tôi trả lời. "Con mở vòi và nước chảy ra".

Và thế là chúng tiếp tục bơi thuyền vào mỗi thứ tư, học cách sử dụng kính lục giác và la bàn, cho đến khi bố mẹ chúng trở về nhà sau xuất chiếu phim và thấy chúng nằm ngủ tựa các thiên thần trên vùng đất khô ráo. Nhiều tháng sau, khao khát đi xa hơn, chúng xin bố mẹ cho chúng những bộ đồ bơi đầy đủ: nào mặt nạ, và bình dưỡng khí.

"Các con đã để chiếc thuyền mà các con chẳng thể sử dụng, nơi phòng của người giúp việc; điều đó cũng đã quá đáng rồi đấy", ông bố nói. "Tệ hơn nữa, bây giờ các con lại còn vùi vĩnh cả đồ lặn nữa cơ à?"

"Nếu chúng con đạt được giải Học Sinh Ưu Tú trong học kỳ I thì chúng con được thưởng gì nào?" Joel hỏi.

"Thôi đi", mẹ chúng báo động. "Đủ quá rồi đấy".

Ông bố trách bà mẹ sao quá khắt khe với con cái.

"Mấy thằng nhãi này không kiên trì cố gắng hết sức như thế đâu khi cần làm điều chúng phải làm", bà mẹ nói "nhưng nếu để đạt cái gì chúng muốn thì chúng dám làm được mọi chuyện, ngay cả lấy đi cái ghế của thầy giáo".

Cuối cùng, cả bố lẫn mẹ đều không nói thuận hay không. Nhưng trong tháng bảy, Toto và Joel mỗi đứa đều đạt danh hiệu Học Sinh ưu Tú và được thầy Hiệu trưởng khen trước toàn trường. Ngay chiều hôm đó, không phải hỏi xin lại lần nữa, chúng đã thấy bộ đồ lặn nguyên xi trong hộp, ở nơi phòng ngủ của chúng. Thế là vào ngày thứ tư tiếp theo, trong khi bố mẹ chúng đến rạp chiếu bóng xem phim Bản Tango cuối cùng ở Paris, chúng đổ đầy căn phòng đến hai sải, lặn như các chú cá mập xuống dưới các bàn ghế đồ đạc, kể cả dưới gầm giường và cứu hộ từ dưới đáy những vật sáng đã bị bỏ rơi trong bóng tối hàng bao năm.

Tại buổi lễ trao phần thưởng cuối năm, hai anh em được tuyên dương như là điển hình của toàn trường và nhận bằng khen ưu hạng. Lần này chúng không cần mở miệng xin điều gì, vì chính bố mẹ chúng hỏi trước

xem các cục cưng của họ muốn gì. Các cậu thật biết điều, chỉ đòi ba má tổ chức một party ở nhà để khao bạn bè cùng lớp thôi.

Ông bố, khi ngồi riêng với bà vợ, vẻ mặt rạng rỡ hiện lên:

"Đó là bằng chứng chúng đã trưởng thành", ông nói.

"Ông nói thế có Chúa chứng đấy" bà mẹ nói.

Ngày thứ tư tiếp theo, trong khi bố mẹ chúng xem Trận chiến ở Algiers, những người đang đi dọc theo phố Paseo de la Castellana thấy một dòng thác ánh sáng tuôn chảy xuống từ một building cổ ẩn mình giữa những hàng cây, ánh sáng tràn qua các ban công, chảy ra tràn dòng thác xuống mặt tiền nhà và xô đẩy nhau dọc theo đại lộ trong đám lũ màu vàng rực soi sáng thành phố suốt dọc con đường đến Guadarrama.

Để đối phó với tình trạng khẩn cấp, các nhân viên cứu hỏa tung cửa phòng lên tầng năm và thấy căn hộ chói lòa ánh sáng từ dưới sàn nhà lên trần nhà. Ghế sofa và ghế nằm được bọc bằng da báo đang bong bênh ở những độ cao khác nhau trong phòng khách, giữa đám chai lọ từ quầy rượu và chiếc dương cầm lớn với chiếc khăn choàng Manila phất phơ bập bênh giống vạt áo choàng màu vàng. Các đồ vật gia dụng, trong trợn vện chất thơ của chúng, bay phất phới bằng đôi cánh của chính mình qua bầu trời nhà bếp. Các nhạc cụ trong dàn hành khúc mà lũ trẻ dùng để nhảy nhót trôi dạt giữa đám cá kiếng đủ màu sắc óng ánh được giải thoát khỏi bồn cá; bầy cá là những sinh vật duy nhất tung tăng nhón nhờ đầy vui thích trong cái ao đầm rộng lớn sáng rực đó. Bàn chải răng của mọi người trôi nổi trong phòng tắm cùng với bao cao su của papa và các lọ kem của mama và xì líp, soutien và bộ tivi từ phòng ngủ chính trôi bập bênh bên cạnh, vẫn còn phát hình phần cuối của chương trình phim lúc nửa đêm chỉ dành cho người lớn.

Ở cuối phòng, vung vẩy mái chèo giữa dòng ánh sáng, mang mặt nạ bơi và bình dưỡng khí, Toto ngồi ở đuôi tàu, đi tìm căn nhà ánh sáng và Jone

ngồi đằng mũi tàu đang chăm chăm hướng nhìn sao Bắc đẩu qua kính lục giác, và trôi lướt bênh bồng qua khắp căn nhà là ba mươi bảy người bạn đồng lớp của hai chú nhóc, đi vào vịnh cửa trong khoảng khắc, cùng đứng tề vào chậu hoa phong lữ, vừa hát hài đồng ca ở trường với lời ca được chế để diễu thầy Hiệu trưởng, vừa rót trộm một ly rượu mạnh brandy từ chai rượu của bố. Vì chúng đã bật quá nhiều đèn lên cùng lúc khiến căn hộ ngập lụt trong cơn lũ ánh sáng và nguyên cả hai lớp của trường tiểu học Thánh Julian như bị chìm trong lầy lội của nhà số 47 Paseo de la Castellana. Ở kinh đô Madrid xứ Tây Ban Nha, một đô thị của mùa hè cháy bỏng và những làn gió giá băng, không có đại dương cũng không có trường giang, cư dân bản địa vẫn từ bao đời chỉ sống gắn bó với đất đai, chưa từng bao giờ làm chủ được cái khoa học diệu kì là dong thuyền du hành trên biển khơi ánh sáng.

Tháng mười hai, 1978

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Ấu Máu Hồng Trên Tuyết Trắng Từ Madrid Đến Paris

Lúc đêm vừa xuống, khi hai người vừa đến biên giới Tây Ban Nha - Pháp, Nena Deconte nhận thấy ngón tay đeo nhẫn cưới của mình vẫn còn đang rỉ máu. Người gác biên phòng, với cái chần bằng len thô trùm lên cả cái mũ ba góc bằng da sơn, xét hộ chiếu của họ dưới ánh sáng ngọn đèn lồng khí đá trong lúc cố chống chọi để giữ chân đứng cho vững trước ngọn cuồng phong từ dãy Pyrénées ào ạt thổi tới. Mặc dầu hai tấm hộ chiếu ngoại giao hoàn toàn hợp lệ, người gác vẫn giơ ngọn đèn lồng lên soi vào mặt họ để chắc chắn rằng người và ảnh giống nhau. Nena Daconte gần như là một đứa bé thơ với đôi mắt của con chim hạnh phúc và làn da mặt mía vẫn còn ngời sáng ánh nắng rực rỡ vùng biển Caribê, trong bóng tối lờ mờ âm đạm của tháng giêng nơi miền cao nguyên heo hút này và cô bé được phủ kín đến tận cằm trong một chiếc áo bằng lông chồn vizon mà có lẽ trọn năm lương của cả đồn biên phòng cũng chưa mua được. Chồng cô, Billy Sanchez de Avila, còn trẻ hơn cô một tuổi, và đẹp cũng gần như cô; chàng ta mặc một áo jacket bằng len, đầu đội mũ của dân chơi baseball. Không giống như vợ, chàng ta cao lớn khỏe mạnh, kiểu một lực sĩ thể thao và có cái hàm sắt của một tay chơi công tử. Những cái biểu lộ rõ nhất thân thể của hai người đó là chiếc xe hơi sáng loáng màu bạc với phần tiện nghi bên trong toát ra hơi thở của một sinh vật nóng hổi sức sống; chưa có chiếc xe nào giống như thế được nhìn thấy suốt dọc biên giới nghèo nàn đó. Băng ngồi phía sau xe đầy ngập những chiếc vali mới toanh và rất nhiều hộp quà tặng vẫn còn nguyên chưa mở. Nơi đó còn có cả chiếc kèn saxophone giọng ténor vốn là niềm say mê cuồng nhiệt trong đời Nena Daconte trước

khi nàng rơi vào mối tình sôi động với chàng du côn trên bãi biển nhưng rất dịu dàng đáng yêu của nàng.

L

Khi người gác trả lại tấm hộ chiếu đã được đóng dấu, Billy Santhez hỏi anh ta ở đâu có tiệm thuốc tây để mua thuốc chữa vết thương cho vợ mình và người gác đã la to át tiếng gió là họ nên hỏi ở Hendaye, bên phía nước Pháp. Nhưng mấy người lính biên phòng ở Hendaye đang ở trong một cái đồn canh bằng kính ấm áp, ngồi quây quần quanh bàn, áo choàng phủ kín, đang chơi bài và ăn bánh mì nhúng vào những cốc rượu vang lớn tất cả điều họ cần thấy chỉ là kích thích và hiệu xe để rồi vẫy tay ra hiệu đi vào nước Pháp. Billy Sanchez nhấn còi năm, bảy lần, nhưng mấy người gác không thèm hiểu là chàng đang gọi họ, và một người trong bọn mở cửa sổ, hét lớn lên, còn cuồng nộ hơn cả cơn gió dữ.

"Cuc c.! Cút mẹ chúng mày đi" (Merde! Allez vous en! Tiếng Pháp trong nguyên bản)

Lúc đó Nena Daconte, trùm kín áo choàng đến tận mang tai, ra khỏi xe và hỏi anh lính biên phòng bằng một thứ tiếng Pháp hoàn hảo, thật êm tai: Anh vui lòng cho em hỏi tiệm thuốc tây ở đâu? Thế nhưng cứ thông lệ, người lính, mồm đầy bánh mì, trả lời cộc lốc: Chẳng phải chuyện của tôi, nhất là trong lúc mưa bão như thế này, và đóng cửa lại. Nhưng khi anh ta nhìn kỹ hơn cô gái trùm kín trong màu sáng óng ánh của cái áo lông chồn và đang mút ngón tay bị thương của cô, có lẽ anh ta đã coi nàng là một khái tượng ma thuật vào cái đêm đáng sợ đó, bởi vì anh ta thay đổi thái độ ngay lập tức. Anh ta giải thích là thành phố gần nhất là Biamtz, nhưng giữa mùa đông và giữa tiếng gió tru như chó sói thế này, có lẽ họ không thể tìm thấy tiệm thuốc tây nào mở cửa cho đến khi họ đến Bayonne, xa hơn một tí.

"Có trầm trọng lắm không?" anh ta hỏi.

"Ồ không có gì" Nena Daeonte trả lời, vừa cười vừa đưa cho anh ta thấy ngón tay đeo chiếc nhẫn kim cương của cô với vết xước hầu như không nhận thấy của vành hồng trên đầu ngón tay. "Chính ra chỉ là một vết gai đâm".

Trước khi hai người đến Bayonne, tuyết lại bắt đầu rơi trở lại. Chưa quá bảy giờ tối nhưng họ thấy đường vắng ngắt và nhà cửa hai bên đóng kín cửa vì ngại cơn bão dữ và sau khi quẹo tới nhiều góc phố mà chẳng nhìn thấy tiệm thuốc tây nào, họ quyết định tiếp tục lái xe đi. Quyết định đó làm Billy Sanchez khoái chí. Chàng ta mang một nỗi đam mê không bao giờ thỏa đối với các chiếc xe hơi kiểu hiếm và bố chàng thì lại có quá nhiều mặc cảm phạm tội và tiền của thì lại càng nhiều hơn, để nuông chiều các ý thích ngông cuồng của cậu quý tử và chàng chưa bao giờ được lái chiếc xe nào giống như chiếc Bentley mui này mà bố chàng tặng làm quà cưới. Niềm vui sướng vô ngần của chàng khi ngồi trước vô lăng, mãnh liệt đến độ chàng càng lái say mê với tốc độ trên đường dài chàng càng quên đi mệt mỏi. Chàng muốn đến thành phố Bordeaux ngay trong đêm đó. Họ đã đặt phòng tân hôn ở khách sạn Splendid và bất chấp những cơn gió ngược hay tuyết phủ đầy trời cũng không thể giữ chân chàng lại. Nena Daconte trái lại, hầu như kiệt sức, nhất là từ chặng đường cuối, kể từ lúc rời Madrid, khi đi dần vào rừng Pyrénées, một chặng đường leo vách đá, môi trường thích hợp cho đám sơn dương, và thường xuyên bị những trận mưa đá dồn dập trút xuống.

Khi ra khỏi Bayonne, nàng lấy khăn tay buộc quanh ngón tay đeo nhẫn, thắt chặt để ngăn máu chảy, và bắt đầu rơi vào một giấc ngủ thật sâu. Billy Sanchez không để ý đến điều đó cho đến lúc gần nửa đêm, khi tuyết ngừng rơi và gió bỗng ngừng lay động những hàng thông trùng điệp, bầu trời bên trên tháo nguyên lấp lánh những vì sao lạnh giá. Chàng đã đi qua những ngọn đèn ngủ của thành phố Bordeaux nhưng chỉ dừng lại để đổ xăng tại một trạm xăng dọc theo xa lộ vì chàng còn đủ sức lái xe thẳng một mạch đến Paris không cần nghỉ ngơi dọc đường. Chàng ta quá khoái chí mê mẩn

với món đồ chơi lớn sang trọng đắt giá của mình mà quên mất không tự hỏi xem sinh vật rạng ngời đang nằm ngủ bên cạnh chàng với ngón tay đeo nhẫn đang rướm máu dù đã được băng lại và giấc mơ trẻ thơ của nàng lần đầu tiên bị phá bởi những tia chớp của nỗi bất trắc có cùng cảm xúc giống chàng không.

Đôi lứa thiếu niên đã kết hôn ba ngày trước đó và cách nơi chốn hiện nay hơn mười ngàn cây số, tại Cartagena de Indias, một cuộc hôn nhân khiến bố mẹ chàng ngạc nhiên và bố mẹ nàng thất vọng cay đắng, nhưng với lời ban phúc của chính Đức Tổng Giám Mục. Không có ai, trừ hai người trong cuộc, hiểu được nền tảng thật sự hay biết được những nguyên nhân nào đã đưa đến tình yêu. Không ai ngờ được trước đó. Tiếng sét ái tình đã giáng vào họ ba tháng trước ngày cưới, vào một ngày chủ nhật trên bãi biển, khi băng nhóm của Billy Sanchez ào tới các phòng thay đồ tắm phụ nữ ở bãi biển Mabella. "Cô nương đây đã từng thấy ba cái thổ tả ấy còn to tướng hơn và thẳng cứng hơn của cậu em nhiều", nàng nói, cổ trấn tĩnh nổi kinh khiếp nơi mình. "Vì thế, chị khuyên cậu em nên suy nghĩ lại chuyện mình đang làm, bởi vì với chị đây, cứng phải làm sao cho ngon lành hơn một chàng lực sĩ da đen đấy nhé".

Trong thực tế, chẳng những Nena Daconte còn là một trinh nữ mà cho đến lúc đó nàng chưa từng thấy một người đàn ông nào ở trường, tuy thế sự thách thức của nàng vẫn hiệu quả. Tất cả điều mà Billy Sanchez nghĩ có thể làm chỉ là đâm mạnh nắm đấm có quần xích sắt vào tường cho đến khi tay chàng tóe máu. Nàng đưa chàng đến bệnh viện trong xe của nàng và giúp chàng trong thời gian chờ hồi phục, cuối cùng hai đứa đã cùng nhau học làm tình cho đúng cách. Chúng đã trải qua một buổi chiều tháng sáu vất vả tại sân thượng nội thất, nơi sáu thế hệ tổ tiên lừng lẫy của Nena Daconte đã chết; nàng chơi các ca khúc dân gian bằng kèn saxophone, còn chàng, với cánh tay băng bột, nằm trên võng, say mê chiêm ngưỡng nàng, lòng sừng sờ khôn xiết. Căn nhà có vô số cửa sổ từ nền đến trần đối diện với mặt nước tĩnh lặng - một thứ vật cấm được sùng bái - của Vịnh biển trước mặt

và ngôi nhà đó là một trong những ngôi nhà lớn nhất và cũng cổ nhất trong quận La Manga, không nghi ngờ gì nữa, cũng là ngôi nhà xấu xí nhất. Nhưng cái sân thượng nội thất với mái ngói màu bàn cờ, nơi Nena Daconte đang chơi đàn saxophone, là một ốc đảo mát dịu trong cái nắng xế gay gắt, nhìn ra một khoảng sân một bóng cây xoài và cây chuối, dưới bóng tán lá cây có một ngôi mộ với một bia đá vô danh xa xưa hơn cả ngôi nhà và hoài niệm của gia tộc.

Ngay cả đối với những người không biết gì về âm nhạc cũng không nghĩ rằng cây kèn saxophone quả là lạc lõng trong căn nhà quý tộc cổ cự như vậy. "Nghe như tiếng tàu thủy rúc còi vậy", bà nội của Nena Daconte từng nói thế khi bà nghe tiếng kèn lần đầu. Còn mẹ của nàng cố gắng khuyên nàng chơi theo cách khác, nhưng vô ích; bà còn khuyên nàng giữ ý tứ, đừng có chơi nhạc mà mặc váy ngắn cùn cồn để hở cặp đùi và dang rộng hai chân như thế và với một thứ nhục cảm chẳng có liên quan thiết yếu gì mấy với âm nhạc. "Bạn chơi loại nhạc cụ gì thì cũng chẳng quan trọng gì mấy đối với tôi", nàng từng nói, "nếu bạn chơi nhạc cụ đó với đôi chân khấp chặt".

Nhưng chính các ca khúc biệt ly, khi một người lên tàu rời xa bến và buổi yến tiệc tình yêu ấy đã cho phép Nena Daconte phá vỡ cái vỏ cay đắng bao học Billy Sanchez từ bấy lâu nay. Dưới cái hồn danh đáng buồn là một tên thô lỗ dốt nát mà chàng ta đã duy trì một cách thành công do sự hội tụ của hai danh gia vọng tộc, nàng đã khám phá ra đứa con cô dịu dàng, khiếp sợ trước đời sống. Trong khi các khớp xương nơi bàn tay chàng được khâu lành, nàng và Billy Sanchez học cách hiểu biết lẫn nhau kỹ đến nỗi chàng ta kinh ngạc đến sững sờ trước tính lưu hoạt của tình yêu khi nàng kéo chàng lại chiếc giường trinh nữ của nàng một buổi chiều mưa, lúc chỉ có hai đứa ở nhà. Mỗi ngày vào cùng thời điểm, trong suốt hai tuần lễ, hai đứa vui đùa thỏa thích, trần truồng mê đắm, dưới tia nhìn sững sốt từ các bức chân dung từ các cụ tổ phụ và tổ mẫu vẫn chưa hề hết khao khát, cũng đã từng lăn lóc mê mẩn nơi thiên đường của chiếc giường lịch sử đó. Ngay

cả trong những lúc tạm dừng để chờ hồi sức tiếp tục cuộc chiến đấu, hai đứa cũng để trần truồng như thế và cửa sổ cứ mở toang, hít thở mùi vị từ các con tàu nhẹ đưa từ vịnh thoảng tới và lắng nghe, khi tiếng kèn saxophone cũng như mọi tiếng động thường ngày khác đều im ắng, chỉ có tiếng kêu với một âm điệu độc nhất, đều đều của lũ ếch nhái dưới các cây chuối, âm thanh giọt nước rơi trên mồ kẻ vô danh, bước dịch động tự nhiên của sự sống mà chúng chưa có dịp học hỏi trước đây.

Khi cha mẹ nàng trở về nhà, Nena Deconte và Billy Sanchez đã tiến quá xa trong cuộc tình khiến thế giới không còn đủ rộng lớn cho điều gì khác hơn, chúng làm tình mãi mê hết biết trời đất, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, tìm cách phát kiến lại điều đó mỗi lần chúng đụng độ nhau. Trước tiên, chúng quần nhau trong chiếc xe thể thao mà bố của Billy Sanchez đã tặng cho chàng để xoa dịu bớt cảm thức phạm tội của ông ta. Rồi khi các chiếc xe đã trở nên quá dễ dàng, nhàm chán thì buổi tối hai đứa lại đi đến các buồng thay đồ ở Marbella, nơi định mệnh đã lần đầu kéo chúng lại gần nhau và trong buổi lễ tháng mười một, hai đứa còn bận áo dạ hội đến các phòng cho thuê khu phố nô lệ cũ ở Gethsemani, dưới sự trông chừng, bảo vệ của các bà đứng đắn cách đây vài tháng còn phải chịu đựng Billy Sanchez và đồng đảng của chàng ta. Nena Deconte hiến thân trọn vẹn cho mỗi tình chột đến đó cùng với lòng nhiệt thành đắm đuối mà trước đó nàng đã dành cho cây kèn saxophone, cho đến khi chàng tướng cướp đáng yêu của nàng cuối cùng đã hiểu ra nàng ám chỉ điều gì khi nàng nói là chàng phải làm cho ngon lành như một lực sĩ da đen. Billy Sanchez luôn luôn đáp trả tình nàng với sự khéo léo và nhiệt tình không phai nhạt. Khi làm lễ kết hôn xong, hai đứa thực hiện lời nguyện ước yêu nhau trên vùng trời Đại Tây Dương, trong khi các cô tiếp viên hàng không ngủ, hai đứa quần chặt nhau trong phòng vệ sinh của máy bay, ngây ngất vì những tràng cười đùa hơn là vì lạc thú. Chỉ khi đó, hai mươi bốn giờ sau lễ cưới, hai đứa mới biết rằng Nena Deconte đã có bầu được hai tháng.

Và thế là khi đến Madrid, hai đứa không lộ ra là đôi tình nhân đã ăn nằm với nhau thỏa thuê mà đủ khôn khéo ý tứ làm ra vẻ một cặp tân hôn còn e ấp thẹn thùng. Bố mẹ họ đã chăm lo thu xếp mọi thứ. Trước khi họ rời máy bay, một sĩ quan lễ tân đã đến buồng khách hạng nhất để trao cho Nena Deconte chiếc áo khoác lông chồn trắng trang trí hoa văn màu đen sáng lấp lánh; đó là món quà cưới của bố mẹ nàng và trao cho Billy Sanchez chiếc áo jacket tuyệt phẩm thời trang mùa đông đó cùng chiếc chìa khóa mới tinh của một chiếc xe hơi tân kỳ nhất đang chờ chàng ở phi trường.

Các phái đoàn ngoại giao của xứ họ đón đôi tân hôn ở phòng tiếp tân chính thức. Nơi đó có mặt ngài Đại sứ với phu nhân, những người bạn lâu năm của cả hai gia đình và ngài Đại sứ cũng chính là bác sĩ đã đỡ đẻ cho Nena Deconte chào đời. Giờ đây ông đang chờ đón nàng với một bó hoa hồng tươi thắm, rực rỡ còn đọng những giọt sương mai long lanh. Nàng chào mừng bố mẹ chồng với những nụ hôn có phần gượng gạo, ngượng ngùng về tình trạng làm dâu hơi sớm của mình, rồi giơ tay nhận những đóa hồng. Khi cầm bó hoa, nàng vô ý để một ngón tay chạm vào gai, nhưng nàng đã nhanh trí xử lý sự sơ suất đó bằng một lời bào chữa duyên dáng.

"Con đã cố ý làm như thế" nàng nói "để Ngài lưu ý đến chiếc nhẫn con đang đeo".

Quả thật, cả đoàn ngoại giao đều ngạc nhiên chăm chú nhìn về lòng lẫy của chiếc nhẫn cưới, hẳn phải đáng giá cả một gia tài, chẳng phải chỉ do phẩm chất của các viên kim cương mà chủ yếu là bởi tính cổ xưa được trang trọng gìn giữ của chiếc nhẫn. Nhưng không ai để ý là ngón tay nàng đã bắt đầu rỉ máu. Họ đều quay qua chiếc xe mới để ngắm nghía trầm trồ. Ngài Đại sứ đã có ý tưởng độc đáo là mang chiếc xe đến phi trường và ra lệnh trùm kín nó trong giấy xen-lô-phan và cột lại bằng một dải băng màu vàng không lồ. Billy Sanchez hồn nhiên như trẻ thơ chẳng để ý gì đến chung quanh. Chàng ta quá nóng lòng nhìn chiếc xe đến độ chàng lập tức

xé toang tấm giấy trùm và nháy phóc vào trong xe ngồi trước tay lái; sung sướng đến nín thở. Đó là chiếc Bentley loại kéo mui lên xuống được, kiểu mới nhất của năm đó với mui nệm bên trong bằng da thật. Bầu trời bên trên một màu xám tro nặng như chì, một ngọn gió buốt cắt da thổi qua Guadarrama, chẳng phải là thời điểm thích hợp để đứng ngoài trời, nhưng Billy Sanchez chẳng có ý niệm gì về tiết trời lạnh giá cả. Chàng ta làm cả ngoại giao đoàn phải đứng đợi nơi bãi đậu xe ngoài trời, chẳng thèm biết là cả đám đang chết cóng, nhưng vì lịch sự vẫn phải đứng yên đợi chàng cho đến khi chàng ngấm nghĩa thỏa thuê từng chi tiết nhỏ của chiếc xe. Rồi thì ngài Đại sứ ngồi bên cạnh chàng chỉ đường cho chàng lái về chỗ công thự của ông, nơi tiệc cưới đang được sửa soạn. Trên đường đi, ông chỉ cho cậu con những nơi danh thắng của thành phố, nhưng Billy Sanchez hình như chỉ để ý đến sự quyền rũ ma thuật của chiếc xe.

Đó là lần đầu chàng đi du lịch nước ngoài. Chàng đã theo học qua bao trường tư rồi trường công, lưu ban hết lớp này đến lớp khác cho đến lúc bị phó mặc trong sự hững hờ quên lãng. Những dấu hiệu đầu tiên của thành phố nào khác với chính thành phố quê hương chàng, các dãy nhà máy xám tro với ánh đèn sáng giữa ban ngày, các thân cây trụi lá, vùng biển xa, tất cả đều làm tăng thêm cảm giác cách biệt mà chàng cố giữ trong một góc của con tim mình. Nhưng rồi chàng nhanh chóng rơi vào cái bẫy đầu tiên của sự lãng quên mà chàng không hề nhận biết. Một cơn bão bất ngờ, lặng lẽ, cơn bão sớm nhất đầu mùa, bỗng thổi qua trên đầu, và khi đôi lứa rời công thự của ngài Đại sứ sau buổi tiệc cưới để bắt đầu lái xe hướng về nước Pháp, bọn họ thấy cả thành phố bị phủ ngập bởi tuyết trắng rạng ngời. Rồi Billy Sanchez quên cả chiếc xe, la hét vui mừng với tất cả mọi người nhìn mình, ném tung từng nắm tuyết đầy lên đầu và vẫn mặc cái áo khoác mới toanh, chàng lăn lộn trên mặt đất ngay giữa đường phố.

Nena Daconte đã không để ý là ngón tay nàng vẫn chảy máu cho đến khi hai đứa rời Madrid vào một buổi chiều đã trở nên trong sáng sau cơn bão. Điều đó khiến nàng ngạc nhiên, bởi vì trước đó, khi nàng dùng kèn

saxophone để đệm cho phu nhân đại sứ hát mừng những khúc arias của Ý sau buổi tiệc, thì ngón tay đeo nhẫn đã làm nàng đau nhức khó chịu. Sau đó, khi nàng chỉ cho chồng con đường ngắn nhất để đến biên giới, nàng mút ngón tay đó, một cách vô thức, mỗi lần nó chảy máu và chỉ khi đến rặng núi Pyrénées nàng mới nghĩ đến việc tìm một tiệm thuốc tây. Rồi nàng rơi vào những giấc mộng quá hạn của mấy ngày trước khi nàng thức giấc để lại rơi vào cái cảm tưởng như ác mộng rằng chiếc xe đang đi dưới nước, đó là một khoảng thời gian quá lâu trước khi nàng nhớ lại chiếc khăn tay đang quấn quanh ngón tay nàng. Nàng nhìn thấy trên mặt đồng hồ được rọi sáng của táp lô xe, kim đồng hồ chỉ ba giờ hơn, nàng tính nhẩm và, chỉ khi ấy, nàng mới chợt nhận ra là hai đứa đã đi qua Bordeaux, qua cả Angoulême, Poitiers và đang lái xe chạy dọc theo ven bờ đê bị nước tràn qua cửa sông Loire. Ánh trăng len lỏi qua màn sương mù và bóng dáng các lâu đài thấp thoáng qua các hàng thông đường như hiện ra từ trong truyện thần tiên. Nena Daconte biết rõ vùng này, ước lượng rằng họ còn cách Paris độ ba giờ nữa và Billy Sanchez vẫn ngoan cường, vững vàng trước vô lăng.

"Anh đúng là một con người hoang dã", nàng nói. "Anh đã lái liên tục trong hơn mười một tiếng đồng hồ mà vẫn chưa ăn uống tí gì".

Như bị ngấm liều độc dược của chiếc xe mới, chàng cứ tiếp tục lái đi. Chàng đã không ngủ gì nhiều lúc ở trên máy bay, nhưng chàng vẫn cảm thấy hoàn toàn tỉnh thức và còn sung sức để đến Paris vào lúc rạng đông.

"Anh vẫn còn no từ buổi tiệc cưới ở sứ quán" chàng đáp. Và chàng nói tiếp mà không có mối liên hệ lôgích nào. "Với lại ở Cartagena, giờ này họ mới vừa rời rạp hát. Chắc chỉ mới khoảng mười giờ đêm thôi".

Tuy thế, Nena Daconte ngại rằng chàng có thể ngủ gục trên tay lái. Nàng mở một trong rất nhiều quà tặng họ đã nhận được ở Madrid và cố nhét một miếng kẹo cam vào miệng chàng. Nhưng chàng quay đi.

"Đàn ông thực sự không ăn kẹo" chàng nói.

Trước khi đến Orléans một tí, sương mù tan dần và một vầng trăng tròn vành vạnh, thật lớn soi sáng cánh đồng tuyết phủ nhưng sự lưu thông càng trở nên khó khăn hơn vì những chiếc xe tải khổng lồ và những chiếc xe bồn chở rượu chạy nhập vào cùng tuyến xa lộ, tất cả hướng về Paris. Nena Daconte muốn giúp chồng bằng cách ngồi vào tay lái nhưng nàng không dám gợi ý chuyện đó: Chàng đã báo cho nàng biết ngay trong lần đầu họ đi chơi bên ngoài với nhau rằng không có điều gì sỉ nhục hơn cho người đàn ông là để vợ cầm lái. Nàng thấy đầu óc tỉnh táo sáng suốt sau gần năm giờ ngủ ngon và nàng cũng thấy thích vì không phải ngủ lại nơi một khách sạn tỉnh lẻ của Pháp mà nàng đã từng quá biết khi nàng còn là một cô gái nhỏ đã từng trải qua vô số cuộc hành trình qua các vùng đó với bố mẹ nàng. "Chẳng còn vùng quê xinh đẹp nào trên thế giới này nữa", nàng nuối tiếc, "bạn có thể chết khát mà không gặp được một người nào cho không bạn một ly nước lã". Nàng tin chắc vào điều đó đến nỗi trước lúc đi, nàng đã cẩn thận mang theo một cục xà bông, một cuộn giấy vệ sinh trong túi xách, bởi vì tại khách sạn Pháp thời đó chẳng hề có xà bông và giấy vệ sinh. Điều duy nhất nàng lấy làm tiếc vào giờ phút đó là đã để phí nguyên cả một đêm mà không làm tình. Câu trả lời của chồng nàng đến ngay tức thì.

"Anh cũng vừa mới nghĩ là làm tình trong tuyết hẳn phải thú vị lắm".
"Ngay tại đây, nếu em muốn"

Nena Daconte chịu liền. Tuyết được ánh trăng chiếu sáng ở bìa xa lộ trông như được phủ lông tơ, mềm mại và ấm áp nhưng vì lúc đó họ đã đến gần vùng ngoại ô Paris, xe cộ lưu thông trên đường nhiều hơn, nhiều hãng xưởng thả đèn sáng trưng, công nhân rộn rịp đạp xe đạp đến chỗ làm. Nếu không phải gặp lúc mùa đông thì giờ này hẳn là đã sáng bảnh mắt rồi.

"Thôi chúng mình đợi đến Paris hẵng hay" Nena Daconte bảo chồng.
"Lúc đó hai đứa đều tỉnh táo, ấm áp trong giường với gối chăn sạch sẽ giống như đôi tân hôn khác".

"Lần đầu tiên thấy em từ chối anh chuyện đó đấy", chàng nói.

"Đúng rồi", nàng đáp, "Đây là lần đầu chúng mình mới lấy nhau mà".

Gần đến rạng đông, hai người vào rửa mặt và làm vệ sinh ở một quán ăn ven đường, uống cà phê, ăn bánh croissant nóng ở quầy, nơi đó các tài xế xe tải uống rượu chát trong khi dùng điểm tâm. Khi ở buồng toilet, Nena Daconte nhìn thấy nhiều vết máu dấy trên áo và váy nàng, nhưng nàng đã không cố gột chúng đi. Nàng ném chiếc khăn tay thấm máu vào giỏ rác, đổi chiếc khăn cưới qua phía tay trái và rửa ngón tay bị thương bằng xà bông và nước lạnh. Vết trầy hầu như không nhìn thấy được. Thế nhưng khi họ vừa trở lại ngồi vào trong xe, vết trầy đó lại rỉ máu và Nena Daconte đưa cánh tay ra ngoài cửa xe, tin rằng không khí buốt giá của đông trời có thể làm se bề mặt vết thương để cầm máu. Phương cách đó tỏ ra vô hiệu, nhưng nàng vẫn chưa quan tâm lắm. "Nếu có ai đó muốn theo dấu chúng ta thì thật dễ thôi", nàng nói với vẻ duyên dáng, hồn nhiên của mình. "Họ chỉ cần theo dấu máu của em trên tuyết".

Rồi nàng nghĩ tiếp về điều mình vừa nói và mặt nàng bỗng rạng rỡ hẳn lên trong tia sáng đầu tiên của ban mai.

"Hãy tưởng tượng xem", nàng nói tiếp, "Một vết máu trong tuyết kéo dài suốt chặng đường từ Madrid tới Paris. Đó có thể là đề tài của một ca khúc hay đấy chứ?"

Nàng không còn thời gian để suy nghĩ thêm nữa. Khi đến vùng ngoại ô Paris, ngón tay nàng chảy máu thành dòng không cầm lại được nữa và nàng cảm thấy như linh hồn nàng thoát đi qua vết thương đó. Nàng đã cố thử ngăn dòng máu với cuộn giấy vệ sinh nàng mang theo trong túi xách tay, nhưng thời gian bọc ngón tay nàng còn lâu hơn là thời gian để ném các miếng giấy thấm máu qua cửa xe. Quần áo nàng đang mặc, áo khoác chỗ ngồi trong xe, tất cả đều thấm ướt máu, theo một tiến trình tuần tự nhưng bất khả vãn hồi. Billy Sanchez kinh hoàng thật sự và nhấn mạnh với nàng cố tìm một tiệm thuốc tây nhưng lúc đó nàng biết rằng không còn là vấn đề của các dược sĩ nữa.

"Chúng ta sắp đến cổng d'Orleans rồi", nàng nói. "Chạy thẳng phía trước dọc theo đại lộ Tướng Leclerc, con đường lớn với hai hàng cây đó, rồi em sẽ chỉ cho anh biết phải làm gì"

Đây là đoạn khó khăn nhất trong cuộc hành trình. Đại lộ Tướng Leclerc kẹt xe cả hai chiều, một cái nút địa ngục với xe nhỏ và xe gắn máy đan chéo nhau với các xe tải khổng lồ đang cố nhích từng chút để tiến về các chợ trung tâm. Tiếng nhốn còi vô hiệu làm Billy Sanchez nổi cáu, chàng văng tục liên miện vào đám tài xế các xe kia và còn muốn nhào ra khỏi xe để đâm một người trong bọn họ, nhưng Nena Daconte lựa lời khuyên giải chàng rằng người Pháp là dân cộc cằn nhất thế giới, nhưng họ đâu có mang nắm đấm sắt trên tay. Câu đó thêm một bằng chứng cho sự phán đoán sáng suốt của nàng, bởi vì vào lúc ấy Nena Daeonte đang thu hết nghị lực để không đánh mất ý thức.

Họ phải mất hơn một giờ để đi vòng bùng binh Léon de Belfort. Các tiệm cà phê và cửa hàng đều bật đèn sáng như lúc nửa đêm, bởi vì hôm đó là ngày thứ ba tiêu biểu cho tiết trời tháng giêng u ám ảm đạm của Paris với cơn mưa dai dẳng nhưng chẳng bao giờ đủ rã lại thành tuyết. Nhưng xe cô đã thừa thốt trên Đại lộ Denfert-Rochereau và sau ít dẫy phố, Nena Daconte bảo chồng quẹo phải rồi chàng đậu xe bên ngoài cửa cấp cứu của một bệnh viện ảm đạm, rộng mênh mông.

Người ta phải dìu nàng ra khỏi xe, thế nhưng nàng chưa đánh mất vẻ điềm tĩnh và sáng suốt. Trong lúc nàng nằm trên băng ca chờ bác sĩ đang bận khám người khác, nàng trả lời các câu hỏi thông lệ của người điều dưỡng đang nhìn vào căn cước và tiền sử bệnh án của nàng. Billy Sanchez mang xách tay của nàng và nắm chặt tay trái nàng nơi nàng đang đeo nhẫn cưới; bàn tay đó mềm lả và lạnh ngắt và đôi môi nàng đã mất hẳn màu hồng tươi. Chàng ngồi bên nàng nắm lấy tay nàng cho đến lúc bác sĩ đến khám qua ngón tay bị thương của nàng. Ông ta còn rất trẻ, đầu tóc cắt cao

gọn ghẽ với làn da màu đồng nâu. Nena Daconte không chú ý đến ông mà hướng về phía chồng với một nụ cười nhợt nhạt.

"Đừng sợ" nàng nói với tính hài hước không kèm được của mình. "Điều duy nhất có thể xảy ra là cái ông ngáo ộp ăn thịt người này sẽ cắt bàn tay em và xơi tái nó".

Bác sĩ tiếp tục khám xong rồi làm cho họ ngạc nhiên với thứ tiếng Tây Ban Nha rất đúng ngữ pháp nhưng bằng giọng châu Á hơi là lạ.

"Không đâu các con ạ", ông ta nói. "Ông ngáo ộp ăn thịt người này thà chịu chết đói chứ không đời nào đành lòng cắt đi một bàn tay xinh đẹp như thế này".

Họ ngượng ngùng bối rối, nhưng vị bác sĩ đã trấn an họ với một cử chỉ thân ái. Rồi ông ta ra lệnh đẩy giường lăn đi xa và Billy Sanchez cố đi theo, bầu chặt vào tay vợ. Bác sĩ nắm lấy cánh tay chàng, ngăn lại.

"Đừng, anh bạn", ông nói "Cô ấy vào phòng chăm sóc đặc biệt".

Nena Daconte mỉm cười với chồng một lần nữa và tiếp tục vẫy tay chào tạm biệt cho đến khi nàng khuất ở cuối hành lang. Bác sĩ đứng phía sau, chăm chú đọc thông báo mà trước đó người điều dưỡng viết lên tấm bảng. Billy Sanchez gọi ông.

"Thưa bác sĩ, cô ấy đang có mang".

"Bao lâu rồi?"

"Độ hai tháng"

Bác sĩ không coi sự kiện này là quan trọng lắm như Billy Sanchez đã mong đợi. "Anh nói với tôi điều ấy là đúng đấy", ông trả lời cho có lệ rồi bước theo chiếc giường đẩy. Billy Sanchez bị bỏ lại đó, đứng chơ vơ giữa

căn phòng âm đạm bốc mùi mồ hôi người bệnh, không biết làm gì; chàng chỉ còn biết nhìn theo hành lang trống vắng nơi họ đã mang Nena Deconte đi, rồi chàng ngồi xuống băng ghế gỗ nơi những người khác cũng đang ngồi chờ. Chàng không biết mình ngồi đó trong bao lâu, nhưng khi chàng quyết định rời bệnh viện thì trời đã tối và vẫn còn mưa dai dẳng. Bị đè xuống bởi gánh nặng của cả thế giới chàng vẫn còn không biết phải làm gì.

Nena Daconte được nhập viện vào lúc chín giờ rưỡi sáng ngày thứ ba, 7, tháng giêng, theo như tôi biết được sau đó nhờ xem sổ nhận bệnh của bệnh viện. Tối đầu tiên hôm đó, Billy Sanchez ngủ trong xe, đỗ lại trước cửa cấp cứu và sáng hôm sau chàng ăn sáu quả trứng luộc rồi uống hai cốc cà phê sữa tại quán cà phê gần nhất. Từ lúc rời Madrid đến giờ chàng chưa ăn tí gì. Rồi chàng trở lại phòng cấp cứu để mong gặp Nena Daconte, nhưng mấy nhân viên bệnh viện tìm cách cho chàng hiểu rằng chàng phải đi vào cổng chính. Ở đó, cuối cùng một bác lao công người Asturias đã giúp chàng trình bày sự việc với người tiếp tân của bệnh viện; người này xác nhận rằng Nena Daconte đã nhập viện, nhưng thân nhân chỉ được thăm bệnh vào ngày thứ ba hàng tuần, chín giờ sáng đến bốn giờ chiều. Thế có nghĩa là sáu ngày kia không được lai vãng hỏi han. Chàng cố tìm gặp người bác sĩ nói tiếng Tây Ban Nha mà chàng diễn tả như là một người da ngăm đen với đầu tóc hớt cao, nhưng không ai có thể cho chàng biết điều gì nếu chỉ căn cứ vào hai chi tiết quá đơn giản đó.

Yên tâm rằng Nena Daconte có tên trong sổ nhận bệnh, chàng trở lại với chiếc xe. Một viên công lộ bảo chàng đậu xe ở hai dãy phố cách chỗ đó, trong một con đường chật hẹp, ở dãy phố ghi số chẵn. Bên kia đường là một building tân trang với bảng hiệu "Khách sạn Nicole". Khách sạn chỉ có một sao và dãy khu tiếp tân rất nhỏ, chỉ vồn vện có một ghế sofa và một cây đàn piano cũ nhưng người chủ với giọng nói cao thánh thót, có khả năng hiểu được các khách hàng dù nói bất kỳ ngôn ngữ nào bao lâu mà vị khách còn có tiền. Billy Sanchez với mười một cái valy và chín hộp quà tặng, lấy cái phòng duy nhất còn trống, một cái gác xép hình tam giác ở

tuốt trên tầng chín mà chàng lên tới sau khi trèo hụt hơi cái cầu thang cuối bốc mùi súp lơ luộc sôi. Bốn bức tường dán giấy màu xám xịt mà chẳng có chỗ nào ở cửa sổ để đặt bất cứ thứ gì ngoài ánh sáng lờ mờ lọt vào từ khoảng trống nội thất. Có một giường đôi, một tủ lớn, một ghế dựa thẳng lưng, vài dụng cụ vệ sinh đã chiến. Tất cả những thứ linh kinh đó chiếm hết khoảng không gian chật hẹp của căn gác xép, do đó, cách duy nhất để ở trong phòng là nằm ì trên giường. Còn tệ hơn là cũ kỹ, tất cả mọi thứ trông như đồ phế thải, nhưng được cái rất sạch sẽ nặng mùi thuốc khử trùng.

Dầu có dùng cả phần còn lại trong đời để chờ đợi, Billy Sanchez cũng không giải đoán nổi những bí ẩn của thế giới được xây dựng trên tài năng keo kiệt đó. Chàng không hiểu được tại sao đèn cầu thang tắt đi trước khi chàng đến được tầng mình ở và chàng cũng không bao giờ khám phá được cái bí quyết bật sáng đèn trở lại. Chàng phải mất nửa buổi sáng mới biết được rằng trên mỗi tầng có một phòng nhỏ làm vệ sinh chung mà người ta kéo một dây xích để dọi cầu và chàng đã định mò mẫm trong bóng tối để dùng nó, khi chàng tình cờ khám phá ra rằng đèn sẽ bật sáng lên khi bấm khóa bên trong và do đó sẽ không có ai quên tắt đèn khi đi ra ngoài. Vòi sen trắng được đặt ở cuối dãy phòng chỉ được dùng mỗi ngày một lần; muốn dùng thêm phải trả tiền mặt, còn nước nóng một lần chỉ chảy trong ba phút thôi, do phòng tiếp tân kiểm soát. Thế nhưng Billy Sanchez cũng đủ sáng suốt để nhận ra rằng cách làm ăn đó, dầu rất khác biệt với cánh hành xử của chàng, dầu sao cũng vẫn tốt hơn là ở ngoài trời vào tiết tháng giêng khắc nghiệt của Paris và chàng cảm thấy thật bối rối và cô đơn đến nỗi là chàng không thể hiểu làm sao chàng đã có thể sống mà không có sự giúp đỡ và bảo bọc của Nena Daconte.

Khi chàng leo lên lại phòng mình vào buổi sáng thứ tư, chàng ném mình nằm úp mặt xuống giường, với áo choàng còn nguyên trên người, nghĩ miên man về tạo vật kỳ diệu đang tiếp tục chảy máu, chỉ cách chàng có hai dãy phố và chàng rơi vào một giấc ngủ mê man; đến khi chàng thức dậy, đồng hồ đã chỉ năm giờ nhưng chàng không biết năm giờ chiều hay năm

giờ sáng và hôm đó là ngày thứ mấy trong tuần, và cũng chẳng còn biết mình đang ở thành phố nào với những cửa sổ bạc màu, xộc xệch bởi gió mưa. Chàng thức giấc nhưng vẫn còn nằm trong giường, chờ đợi, đầu óc lúc nào cũng nghĩ đến Nena Daconte, cho đến khi chắc chắn là một ngày khác đã lại bắt đầu. Lúc đó chàng đi ăn điểm tâm tại cùng quán cà phê như ngày hôm trước và ở đây chàng biết rằng hôm đó là ngày thứ ba. Ánh đèn trong bệnh viện bật sáng lên, mưa đã tạnh và chàng đứng dựa vào thân cây dẻ bên ngoài cổng chính, nơi các bác sĩ và điều dưỡng mặc áo choàng trắng đi vào, đi ra. Chàng hy vọng gặp được vị bác sĩ người châu Á đã nhận Nena Daconte vào viện. Chàng đã không thấy ông ta và chiều hôm đó sau bữa trưa, chàng đã phải bỏ dở cuộc canh chừng vì chàng gần chết cồng. Lúc bảy giờ sáng, chàng uống thêm ly cà phê sữa, ăn thêm hai quả trứng luộc mà chàng bốc lên ở tại quầy sau hai ngày ăn cùng một món tại cùng một chỗ. Khi chàng trở lại khách sạn để ngủ, chàng thấy chỉ có chiếc xe của mình chơ vơ bên một phía đường phố với một vé phạt tiền đậu xe gần ở quạt nước, trong khi tất cả các xe khác đều đậu ở phía đối diện.

Khó khăn lắm người gác của khách sạn Nicole mới giải thích cho chàng hiểu là vào những ngày lẻ người ta phải đậu xe bên dãy phố ghi số lẻ và vào những ngày chẵn phải đậu xe bên dãy phố chẵn. Những qui định duy lý kiểu đó đối với chàng công tử đại gia Sanchez de Avile xem ra thật khó hiểu bởi chàng đã từng, hai năm trước đây, lái chiếc công xa của chính ngài Thị Trưởng đi đến rạp chiếu bóng của một vùng lân cận và chàng đã phóng xe bạt mạng tạo nên một cuộc tàn phá tới bởi trước mắt cảnh sát mà họ vẫn không dám hé một lời động đến cậu thiếu chủ ngang tàng con ông lớn đó. Chàng càng ngơ ngác hơn khi người gác khuyên chàng nộp tiền phạt, nhưng đừng dời xe đi vào giờ đó bởi vì chỉ một lát nữa thôi là đến nửa đêm và chàng lại phải quay xe về chỗ cũ. Khi chàng ném mình xuống giường nằm trần trọc mãi không ngủ được, lần đầu tiên chàng không những chỉ nghĩ về Nena Daconte mà còn nghĩ về những đêm hoang đàng của mình trong các quán ba rượu vui nhộn ở khu chợ Cartagena vùng biển Caribê. Chàng nhớ lại mùi vị của cá chiên và cơm nước dừ nơi các quán ăn dọc

theo các bến tàu, nơi các tàu buồm từ Aruba đến, đang thả neo. Chàng nhớ căn nhà mình, những bức tường bao phủ bởi hoa tigôn giống hình tim vỡ, chỉ mới cách đây vài hôm thôi, và chàng thấy cha của chàng trong bộ pyjama (đồ ngủ) bằng lụa, ngồi đọc báo trong hơi lạnh nơi sân thượng.

Chàng nhớ đến mẹ chàng - chẳng ai có thể biết được lúc nào bà ở đâu, bất kỳ vào giờ giấc nào - người mẹ đa ngôn, đa dục của chàng, thường mặc áo dài ngày hội với một bông hồng sau lỗ tai khi đêm xuống, ngọt ngào với hơi nóng trong sự công kênh của bao thứ vải vóc sắc sỡ trên người. Một buổi chiều, thuở mới lên bảy, cậu bé đã đi vào phòng bà mẹ mà không gõ cửa và thấy bà trần truồng với một trong các gã tình nhân chốc lát của bà. Điều sơ suất tình cờ đó - mà họ không bao giờ nhắc tới - đã tạo ra một mối quan hệ đồng lõa giữa hai mẹ con, một thứ tình cảm tỏ ra hữu ích hơn là tình mẫu tử. Nhưng chàng đã không ý thức được điều đó cũng như không ý thức về bao điều khủng khiếp khác trong chuỗi ngày thơ ấu đơn côi của chàng, cho đến cái đêm chàng ném mình lên giường trong một căn gác xép buồn thảm ở Paris, chẳng có một ai để tâm sự cho vơi bớt nỗi sầu mà chỉ thấy cuồng nộ ghê gớm với chính bản thân mình vì đã không chịu nổi cơn thèm khóc đang chực òa vỡ ra.

Sự mất ngủ đó hóa ra lại có lợi. Chàng ra khỏi giường vào ngày thứ sáu, bị tổn thương vì cái đêm kinh khủng mà chàng đã trải qua, nhưng chàng đã quyết định phải làm một điều gì đó cho ra hồn. Cuối cùng, chàng phải quyết định phải phá ổ khóa chiếc valy của chàng để lấy quần áo ra thay, vì tất cả chìa khóa đều ở trong túi xách tay của Nena Daconte cùng với đa số tiền bạc của hai người với cuốn sổ ghi địa chỉ; nếu có cuốn sổ đó, may ra chàng tìm được người quen nào đó ở Paris. Tại quán cà phê quen thuộc chàng nhận ra là chàng đã đọc được cách chào hỏi bằng tiếng Pháp, cách gọi món sandwiches và cà phê sữa. Chàng biết là chẳng bao giờ chàng có thể gọi bơ hay bất cứ thứ trứng gì vì chàng chẳng bao giờ học cách phát âm các từ ấy cho đúng nhưng bơ vẫn luôn luôn được phục vụ kèm với bánh mì và trứng luộc được bày sẵn ở quầy nên chàng cứ việc lấy ăn khỏi cần gọi.

Hơn nữa, đến ngày thứ ba thì mấy người hầu bàn đã quen mặt chàng và sốt sắng giúp chàng khi chàng cố gắng diễn tả điều mình muốn cho họ hiểu. Và thế là vào buổi ăn trưa ngày thứ sáu chàng đã nghĩ được cách gọi món bò phi lê bíp tếch với khoai tây chiên và một chai rượu vang. Chàng thấy khoái khẩu và lâng lâng thích thú, hứng chí gọi thêm hai chai nữa, uống gần hết nửa chai xong băng qua bên kia đường với quyết tâm phải xông vào bệnh viện, đến tận chỗ người yêu mình đang nằm. Chàng không biết tìm Nena Daconte ở đâu, nhưng hình ảnh của vị bác sĩ người châu Á ám ảnh đầu óc chàng và chàng cứ tin chắc là mình sẽ gặp được ông ta. Chàng không đi vào cửa chính mà xông vào cửa cấp cứu, chàng thấy có vẻ như không được canh gác kỹ cho lắm, nhưng chàng không thể vượt qua được hành lang nơi Nena Daconte đã từng vẫy tay từ biệt chàng. Một người gác đàn với áo choàng lấm tấm máu hỏi chàng điều gì đó khi chàng đi ngang qua, nhưng chàng thẳng thừng để ý. Người đó đi theo chàng, lặp lại câu hỏi hai ba lần bằng tiếng Pháp và cuối cùng nắm chặt tay chàng mạnh đến nỗi khiến chàng phải dừng chân lại. Billy Sanchez tìm cách thoát khỏi cú chộp của ông ta bằng một thế xoay chéo và lúc đó người gác đàn chửi đ. m. chàng bằng tiếng Pháp, vịn tréo tay chàng ở vai bằng thế khóa búa và không quên luôn mồm đ. m. hàng ngàn lần, kéo xệch chàng ra cửa, trong khi chàng giận điên lên vì đau đớn, và ném chàng vào giữa lòng đường phố như ném một một bao khoai.

Buổi chiều hôm đó, đau đớn vì sự trừng phạt chàng đã nhận lãnh, Billy Sanchez bắt đầu trở thành người lớn. Chàng quyết định giống như Nena Daconte có lẽ đã làm như thế, hướng về đại sứ của nước mình. Người gác khách sạn, mặc dầu có vẻ ngoài khó thân thiện, thực ra lại rất sẵn lòng giúp đỡ và rất kiên nhẫn trong trò đánh đố ngôn ngữ, đã tìm được địa chỉ của tòa đại sứ và viết ra trên một tấm thẻ. Một giọng phụ nữ rất khả ái trả lời điện thoại và chẳng mấy chốc Billy Sanchez nhận ra giọng nói vùng núi Andes qua cách phát âm chậm rãi, thiếu màu sắc của cô ta. Chàng bắt đầu bằng cách tự giới thiệu danh tánh lý lịch của mình, tin chắc rằng tên tuổi hai danh gia vọng tộc của vợ chồng chàng sẽ gây ấn tượng mạnh mẽ nơi người

nghe, nhưng giọng nói trong điện thoại vẫn không hề tỏ ra có chút gì xúc động hoặc nể nang cả. Chàng nghe cô ta đọc một bài học thuộc lòng: Ngài Đại sứ không có mặt tại nhiệm sở vào lúc này và chỉ trở lại đây vào ngày mai, nhưng dầu bất cứ trường hợp nào, Ngài cũng chỉ diện kiến khi có hẹn và cũng chỉ trong những trường hợp rất đặc biệt mà thôi. Billy Sanchez hiểu rằng chàng không thể tìm Nena Daconte qua con đường đó và chàng cảm ơn người phụ nữ bên kia đầu dây về những thông tin của nàng, với sự khả ái lịch sự cũng không kém phần trang trọng như khi nàng đã lịch sự trao đổi với chàng. Rồi chàng gọi taxi, ra hiệu chạy về phía tòa Đại sứ.

Tòa nhà đó tọa lạc tại số 22 đường Champs-Élysées, nơi một trong những khu yên tĩnh nhất của Paris, nhưng điều duy nhất gây ấn tượng sâu xa cho Billy Sanchez, như chàng kể lại với tôi (tức tác giả - G. G. Marquez) tại Cartagena de Indias nhiều năm sau, đó là lần đầu tiên kể từ khi chàng đến Paris, chàng mới lại được thấy ánh mặt trời rạng rỡ như ở vùng biển Caribê và tháp Eiffel tỏa bóng trên thành phố, vươn mình trên bầu trời chói lọi trong veo. Viên chức tiếp chàng nhân danh ngài Đại sứ, nom giống như vừa mới hồi phục sau trận ốm nặng, không hẳn chỉ vì bộ lễ phục đen, cổ cồn ôm cứng và mảnh băng tang trên ve áo mà còn vì dáng vẻ đạo mạo kiểu quan tòa và giọng nói thì thào, kín đáo của ông ta. Ông hiểu nỗi ưu tư dằn vặt của Billy Sanchez, nhưng ông nhắc nhở chàng, mà không làm mất đi vẻ dè dặt, kín đáo của mình, rằng họ đang sống trong một xứ sở văn minh với những chuẩn mực nghiêm ngặt, được xây dựng từ những điển lệ lâu đời, thông thái, ngược hẳn với đám người châu Mỹ la tinh man dã, nơi mà người ta chỉ cần hối lộ người gác cửa để có thể đi vào thăm bệnh bất cứ lúc nào. "Không con ạ", ông ta nói. "Chỉ còn cách phục tùng quy luật của lý trí và chờ đến ngày thứ ba tuần tới thôi."

"Dầu sao thì cũng chỉ còn bốn ngày thôi", ông kết luận. "Trong khi chờ đợi, con hãy đi thăm viện bảo tàng Louvre. Nơi đó đáng xem lắm".

Khi chàng ra ngoài, Billy Sanchez thấy mình đang ở Quảng trường La Concorde mà không biết phải làm gì. Chàng thấy tháp Eiffel vươn cao lên các mái nhà và có vẻ quá gần, khiến chàng muốn đi bộ đến đó dọc theo các kè sông. Nhưng chàng nhanh chóng nhận ra cái tháp còn ở xa hơn nhiều và dường như cứ thay đổi vị trí hoài mỗi lần chàng nhìn nó. Và thế là chàng bắt đầu nghĩ về Nena Deconte khi chàng ngồi lên chiếc ghế đá đặt dọc ven bờ sông Seine. Chàng nhìn các chiếc thuyền buồm nhỏ qua lại dưới cầu, chàng thấy chúng không phải giống như ghe thuyền mà giống những cái nhà trôi lênh đênh, với mái đỏ và các chậu hoa đặt ở ngưỡng cửa sổ và các hàng quần áo phơi ở ngang phần boong. Trong một lúc lâu, chàng ngồi chăm chú ngắm một ngư ông bất động, với một cái cần câu cũng bất động buông xuống dòng nước, chàng mệt mỏi vì chờ đợi một cái gì chuyển động, cho đến khi trời sẩm tối chàng quyết định kêu taxi để trở về khách sạn. Lúc đó chàng bỗng nhận ra rằng chàng không để ý tên khách sạn mình ngủ là gì địa chỉ nó ở đâu và cũng chẳng có ý niệm nào về cái bệnh viện nơi vợ chàng nằm, nó ở chỗ mô tê nào trong cái thành phố Paris rộng lớn, xa lạ này.

Chàng thật sự phát hoảng; chàng bèn bước vào tiệm cà phê đầu tiên chàng gặp, gọi một chai cognac, và cố gắng thu xếp lại cái mơ ý tưởng rối như bóng bong trong đầu chàng. Trong khi bao ý nghĩ nháy múa lung tung trong đầu, chàng thấy hình ảnh của chính mình lặp đi lặp lại từ rất nhiều góc cạnh khác nhau nơi vô số các tấm gương gắn trên tường, chàng thấy mình sợ hãi và cô đơn và lần đầu tiên trong đời, chàng nghĩ về cái chết như một thực tại hiện diện. Nhưng với ly cognac thứ nhì chàng cảm thấy khá hơn bỗng nảy sinh ý tưởng tiền định may mắn là trở về lại tòa Đại sứ. Chàng lục tìm trong túi tấm carte ghi địa chỉ và số điện thoại của sứ quán, chàng khám phá ra rằng tên và địa chỉ của khách sạn chàng ở được in ở mặt kia. Chàng hoàn hồn vì kinh nghiệm đó đến nỗi hết dám rời căn phòng của mình đi đâu xa, suốt cả mấy ngày cuối tuần, trừ những lúc ra quán gần đó, để ăn uống và để xe dịch chiếc xe từ phía bên này sang đồ phía bên kia. Trong ba ngày liền, cơn mưa nhớp nháp lại liên tục rơi dai dẳng. Billy

Sanchez, người chưa từng bao giờ đọc trọn một cuốn sách nào, giờ đây lại ước ao có được một quyển sách để khuây đi nỗi buồn chán khi cứ phải nằm dài trên giường; thế nhưng những quyển sách duy nhất chàng tìm thấy trong vali của vợ chàng lại là những quyển được viết bằng các ngôn ngữ khác với tiếng Tây Ban Nha, ngôn ngữ duy nhất mà chàng đọc được. Và thế là chàng lại phải tiếp tục chờ cho đến thứ ba, nằm nhìn ngắm những con công trên các bức giấy dán tường và đầu óc lúc nào cũng nghĩ về Nena Daconte. Đến ngày thứ hai đầu tuần, chàng nhìn khắp lượt căn phòng, tự hỏi không biết nàng sẽ nói gì nếu nàng thấy chàng ở nơi một căn phòng tồi tàn như thế này và chỉ khi đó chàng mới khám phá ra cái áo khoác lông chồn lốm đốm những vết máu khô. Chàng dùng cả buổi chiều để chà giặt cái áo với miếng xà bông thơm chàng tìm thấy trong xắc nhỏ của nàng, cho đến lúc chàng thành công trong việc khôi phục lại cái áo choàng đó như lúc nó mới được mang vào trong máy bay để trao tặng cô dâu ở sân bay Madrid.

Ngày thứ ba đến u ám và lạnh buốt, nhưng không mưa. Billy Sanchez thức dậy lúc sáu giờ sáng và chờ ở cổng bệnh viện với một đám đông những thân nhân mang quà và hoa thăm bệnh nhân. Chàng đi vào cùng với đám đông, mang cái áo khoác lông chồn trên tay, không hỏi ai câu gì và cũng không có một ý niệm nào về việc Nena Daconte ở đâu, nhưng được nâng đỡ bởi niềm tin là chàng sẽ gặp được vị bác sĩ người châu Á. Chàng đi qua một cái sân trong rất rộng, với hoa và chim nhiều loại và ở mỗi bên là các dãy bệnh xá; dãy đàn bà bên cánh phải, dãy đàn ông bên cánh trái. Theo chân mấy người thăm bệnh kia chàng đi vào dãy bệnh nhân nữ. Chàng thấy một hàng dài các bệnh nhân nữ mặc áo choàng của bệnh viện, ngồi trên giường, được chiếu sáng bởi ánh sáng mạnh nơi cửa sổ, và chàng đã nghĩ, nơi đây vui hơn là khi ở bên ngoài người ta tưởng tượng về nó. Chàng đi đến cuối hành lang, rồi đi trở lại, cho đến khi chàng chắc rằng không có người bệnh nào là Nena Daconte ở đó. Rồi chàng đi chung quanh dãy hành lang phía ngoài một lần nữa, nhìn xuyên qua các cửa sổ nơi dãy đàn ông cho đến khi chàng chắc rằng không có người bệnh nào là Nena

Deconte ở đó. Rồi chàng đi chung quanh dãy hành lang phía ngoài một lần nữa, nhìn xuyên qua các cửa sổ nơi dãy đàn ông cho đến khi chàng nghĩ rằng chàng đã nhận ra được vị bác sĩ mà chàng đang cố công tìm kiếm.

"Trời đất, anh đã ở đâu suốt thời gian vừa qua?" ông hỏi chàng.

Billy Sanchez đâm ra bối rối.

"Ở khách sạn", chàng đáp. "Ngay đây thôi; gần góc phố trước mặt đây"

Rồi chàng được cho biết mọi chuyện. Nena Daconte đã chảy máu đến chết vào lúc bảy giờ mười phút trong buổi chiều ngày thứ năm, 9 tháng giêng, sau sáu mươi giờ cố gắng vô vọng của những bác sĩ chuyên khoa tài giỏi nhất của nước Pháp. Nàng đã tỉnh táo và bình thản cho đến giờ phút cuối, bảo họ đi tìm chồng nàng ở khách sạn Athénée, nơi nàng và Billy Sanchez đã có phòng đặt trước và nàng cũng cho họ biết những thông tin cần thiết để liên lạc với cha mẹ nàng. Sứ quán Tây Ban Nha đã được thông báo bởi một bức điện khẩn từ Sở ngoại vụ vào ngày thứ sáu lúc bố mẹ Nena Daconte đã sẵn sàng bay đến Paris. Đích thân ngài Đại sứ lo các thủ tục cho việc khâm liệm và tiến hành tang lễ và trực tiếp liên hệ với Sở công an Paris trong cố gắng tìm xem Billy Sanchez ở đâu. Một tờ thông báo khẩn cấp, mô tả rõ hình dáng chàng, được phát đi từ đêm thứ sáu đến chiều thứ bảy qua đài phát thanh và đài truyền hình và trong suốt bốn mươi tiếng đồng hồ đó, chàng là người được tìm kiếm nhiều nhất ở Pháp. Tấm hình của chàng, được tìm thấy trong túi xách của Nena Daconte, được sang ra và bày khắp nơi. Có ba chiếc xe Bentley kéo mui cùng model được xác định vị trí nhưng không có cái nào là chiếc xe của chàng.

Bố mẹ của Nena Daconte đã đến vào buổi trưa ngày thứ bảy và ngồi bên xác con trong nhà nguyện của bệnh viện, hy vọng đến giờ phút cuối người ta sẽ tìm ra Billy Sanchez. Bố mẹ của chàng cũng đã được thông báo và sẵn sàng để bay đi Paris, nhưng vào giờ chót, họ đã không đi vì có một vài lẫn lộn trong bức điện tín. Tang lễ diễn ra ngày thứ bảy, vào lúc hai giờ chiều

chỉ cách hai trăm mét căn phòng khách sạn tồi tàn nơi Billy Sanchez đang nằm rũ ra như trong cơn hấp hối đơn độc, vì tình yêu đối với Nena Daconte. Viên chức đã tiếp chàng ở sứ quán, nhiều năm sau đó đã kể lại với tôi, rằng chính ông ta nhận bức điện từ Sở ngoại vụ một giờ sau khi Billy Sanchez rời khỏi văn phòng ông và ông đã đi tìm chàng ta trong các quán rượu dọc theo phố Faubourg Saint Honoré. Ông ta thú nhận với tôi là ông ta không để ý lắm đến Billy Sanchez khi ông thấy chàng ta, vì ông ta không hề tưởng tượng được rằng chàng trai xứ biển xa xôi kia, bị lóa mắt trước vẻ hào nhoáng của Paris, mặc một cái áo khoác không hợp khổ người như thế, lại có thể xuất thân từ một gia đình quyền quý lừng lẫy thế kia.

Trong chính cái đêm chàng cố kìm giữ nước mắt đau đớn uất nghẹn cứ muốn chực trào ra, thì bố mẹ Nena Deconte hết còn chờ đợi được nữa, chấm dứt việc tìm kiếm chàng và mang xác ướp của nàng trong quan tài bằng kim loại về nước, và những người nhìn thấy xác nàng còn lặp đi lặp lại mãi nhiều năm về sau, rằng họ chưa từng thấy người đàn bà nào đẹp hơn, dù người đã chết hay người còn sống. Và thế là khi Billy Sanchez, cuối cùng đã vào được trong bệnh viện vào sáng ngày thứ ba, thì đám tang đã được cử hành trong nghĩa trang La Manga, chỉ cách ngôi nhà nơi hai đứa đã từng mở ra chiếc chìa khóa đầu tiên của hạnh phúc, có vài mét. Vị bác sĩ người châu Á đã kể cho Billy Sanchez về thăm thăm kịch, muốn cho chàng vài viên thuốc an thần, nhưng chàng từ chối. Billy Sanchez ra về không nói lời từ biệt, không biết nói cảm ơn về cái gì, nghĩ rằng điều duy nhất chàng cần làm ngay là tìm một người nào đó, đập vỡ sọ ra, để trả thù cho nỗi bất hạnh khủng khiếp của chàng. Khi chàng ra khỏi bệnh viện, chàng cũng không nhận thấy rằng tuyết. - không có dấu máu của nàng - vẫn rơi xuống từ trời cao, những bông tuyết dịu dàng, sáng loáng, giống lông tơ mịn của chim bồ câu và chừng như có âm thanh ngày hội trên các đường phố Paris, vì đó là cơn tuyết rơi lớn đầu tiên trong mười năm qua.

Cái chết vĩnh hằng bên kia tình yêu

TRUYỆN NGẮN MARQUEZ

Gabriel Garcia Márquez

www.dtv-ebook.com

Chuyến Bay Của Người Đẹp Ngủ Say

Gabriel José de la Concordia García Márquez sinh ngày 6 tháng 3-1927 tại Aracataca trong ngôi làng Macondo thuộc xứ Colombia, về sau làm nền cho tiểu thuyết lừng danh Trăm năm Cô Đơn. Nobel 1982 và được xem là tiểu thuyết gia khai sáng trường phái Hiện thực Huyền ảo làm bật lên dòng văn chương huyền tưởng Châu Mỹ La Tinh, Gabriel García Márquez tạ thế ngày Thứ Năm 17 tháng 4-2014 tại Mexico. Trẻ giới thiệu đến bạn đọc truyện ngắn “Chuyến bay của người đẹp ngủ say”, trích trong tập “Mười hai Truyện kể Lãng du” của ông, như một tiễn đưa văn hào về miền vĩnh phúc.

Nàng rất đẹp, yếu điệu, với một làn da màu bánh mì mềm mại và đôi mắt xanh màu hạnh nhân, cùng với mái tóc đen, dày ôm trọn đôi bờ vai, một dáng vẻ Đông phương xưa cũ của người Bolivia lẫn Phi Luật Tân. Trang phục của nàng thật hài hòa: áo da khoác ngoài, trong là áo cánh lụa in hoa li ti, chiếc quần vải lanh cùng một đôi giày đế phẳng màu hoa giấy. “Đây chính là người đàn bà đẹp nhất mà mình đã gặp trong đời”, tôi nghĩ thế khi nhìn thấy nàng trong hàng người chờ lên chuyến bay đi Nữ Ước từ phi trường Charles de Gaulle, Paris. Tôi nhường bước cho nàng và khi tôi đến vị trí của mình đã được chỉ định trên vé, nàng đã có mặt ở chiếc ghế bên cạnh. Cảm giác như ngừng thở, tôi lập tức tự hỏi sự kề cận không chờ đợi này sẽ mang đến nỗi bất hạnh cho ai trong hai chúng tôi.

Nàng tự xếp đặt chỗ ngồi của mình như sẽ sống ở đó rất nhiều năm tháng, đặt mỗi vật dụng vào một vị trí theo một thứ tự thật hoàn hảo, cho đến khi khoảng không gian riêng của nàng đã ngăn nắp tựa một ngôi nhà lý

tưởng nơi mỗi vật dụng có một vị trí thích hợp trong tầm tay. Trong lúc nàng đang bận sắp xếp, tiếp viên hàng không tiến đến mời mỗi người chúng tôi một ly rượu khai vị. Nàng từ chối và cố gắng giải thích một điều gì đó bằng một thứ tiếng Pháp sơ đẳng. Lập tức tiếp viên trao đổi với nàng bằng tiếng Anh và nàng đã đáp tạ bằng một nụ cười tươi rạn rỡ, đồng thời nàng yêu cầu một ly nước lọc cũng như yêu cầu đừng đánh thức nàng trong suốt chuyến bay dù có bất cứ lý do nào. Tiếp theo đó, nàng mở một hộp vuông, khá lớn, có những góc bằng da tương tự những chiếc rương nhỏ của các cụ bà, rồi nàng nuốt giữa môi hai viên thuốc màu vàng lấy ra từ một túi nhỏ mà trong đó còn thấy rất nhiều những viên thuốc nữa với các màu sắc khác nhau. Nàng làm mọi thứ một cách có hệ thống và thật tỉ mỉ, như thế, từ lúc sinh ra đời, với nàng không có điều gì không được dự báo trước.

Sau cùng, nàng kê gối lên ô cửa, đắp lên thân mình tấm chăn len phủ đến tận dây an toàn mà không hề tháo giày, nàng tự thu mình vào sát bên trong của chiếc ghế, tương tự hình dáng một bào thai, và như thế nàng chìm vào giấc ngủ nhẹ nhàng, không gián đoạn, không hề một lần thay đổi tư thế trong suốt bảy giờ bay kinh hoàng và mười hai phút trễ nải dài đằng đẳng của chuyến bay đến Nữ Ước.

Tôi luôn luôn tin rằng không có gì đẹp hơn vẻ tự nhiên của một người đàn bà đẹp. Đến độ không phút giây nào tôi có thể rời khỏi sự mê hoặc của sinh vật hoang đường đang yên ngủ ngay bên cạnh mình. Một giấc ngủ thật êm đềm đến độ có đôi lúc tôi nghi ngại là những viên thuốc mà nàng đã dùng khi này không phải để ngủ mà để tự tử. Tôi đã kiểm tra rất nhiều lần, từng li từng li một và dấu hiệu duy nhất mà tôi ghi nhận được là bóng dáng của những giấc mơ thoáng qua trên vầng trán nàng như những áng mây thoáng qua mặt nước. Nàng đeo ở cổ một sợi dây chuyền thật mỏng manh đến độ gần như không nhìn thấy được trên làn da vàng óng ả, đôi tai nàng thật hoàn hảo tuy không xỏ khoen, và mang một chiếc nhẫn trơn ở tay trái. Trông nàng dường như không quá hai mươi hai tuổi, tôi tự trấn an mình với ý nghĩ đó không phải nhẫn cưới mà chỉ là một trang sức cho những đính

hôn phù du và hạnh phúc. Nàng không xúc bất kỳ thứ nước hoa nào cả: từ làn da nàng toát ra một hương vị tinh tế không gì khác hơn hương thơm tự nhiên của sắc đẹp. “Em đang chìm trong giấc điệp bởi những biển cả với những con thuyền”, tôi đã nghĩ như thế ở độ cao hai mươi ngàn bộ trên Đại Tây Dương cùng lúc cố gắng tự nhắc nhở mình những vần thơ bất hủ của Gerardo Diego. “Em biết không lúc em say ngủ, rõ ràng, chắc chắn, đường cong thủy chung của buồng thả, đường nét thuần khiết, thật gần bên đôi tay tôi kề cận”. Hoàn cảnh của tôi hiện tại thật gần với hình ảnh mô tả trong bài thơ mà chỉ trong nửa giờ tôi đã ghi lại trong trí nhớ mình đến tận kết cục: “Kính hải thay thân phận nô lệ nơi đảo xa, tôi thức trắng, điên cuồng, trên vách đá, bởi những biển cả với những con thuyền, em chìm sâu trong giấc điệp”. Khi đó, sau năm giờ bay, tôi đã chiêm ngưỡng trọn vẹn người đẹp say ngủ, và với một sự lo lắng bất chợt về tương lai, tôi lập tức hiểu rằng ân huệ mà tôi đang có được không phải là ân huệ ban phát từ những vần thơ của Gerardo Diego mà trao tặng từ một kiệt tác khác của văn chương đương đại. Ngôi nhà những người đẹp ngủ say, của nhà văn Nhật Bản Yasunari Kawabata. Để hiểu được điều mà họ muốn nói với tôi, sáng hôm sau tôi ra một hiệu sách chuyên biệt ở Paris và mua tất cả các tác phẩm của những tác giả đang được bày bán: Shûsaku Endô, Kenzaburô Ôe, Yasushi Inoué, Ryûnosuke Akutagawa, Masuji Ibuse, Osamu Dazai, hiển nhiên thêm vào đó là các tiểu thuyết của Kawabata và Mishima. Trong suốt gần một năm, tôi không đọc gì khác, và đến tận hôm nay tôi phải thú nhận rằng: các tiểu thuyết Nhật Bản có điều gì đó chung với tiểu thuyết của tôi. Điều gì đó tôi không thể giải thích được, tôi không thể cảm nhận được trong đời sống của xứ này xuyên suốt chuyến viếng thăm Nhật Bản duy nhất của mình, nhưng đó lại là một điều thật hiển nhiên đối với tôi.

Tuy nhiên, tác phẩm duy nhất mà tôi ước ao có thể viết chính là Ngôi nhà những người đẹp ngủ say của Kawabata, câu chuyện kể về một chỗ cư trú lạ lùng ở những khu vực lân cận Tokyo nơi các vị trưởng giả già nua phải trả một số tiền thật hậu hĩ để hưởng thụ một hình thức tao nhã nhất cho tình yêu cuối đời: trải qua một đêm dài chiêm ngưỡng những thiếu nữ

đẹp nhất của thành phố nằm ngủ trần truồng dưới tác dụng của những liều thuốc an thần trong cùng một chiếc giường với họ. Họ không được phép đánh thức, không được phép đụng chạm những thiếu nữ này, mà thật sự họ cũng không hề có ý định đó bởi vì sự khoái cảm tinh khiết nhất của niềm hoan lạc tuổi chiều tà này là có quyền mơ tưởng bên cạnh những người đẹp.

Tôi đã sống qua cảm giác này với người đẹp mê ngủ trên chuyến bay đi Nữu Ước, tuy vậy điều này không làm cho tôi cảm thấy hoan lạc. Ngược lại: điều mong ước duy nhất của tôi trong suốt một giờ còn lại của chuyến bay là tiếp viên sẽ đến đánh thức nàng để tôi có thể tìm lại sự tự do, mà qua thức giấc của nàng, có thể cả tuổi thanh xuân của mình. Nhưng mọi sự đã không diễn ra như thế. Nàng đã tự mình thức giấc khi máy bay hạ cánh, nàng tự thu xếp rồi đứng lên mà không hề nhìn đến tôi, rồi nàng cũng chính là người đầu tiên bước chân rời khỏi máy bay và mất hút mãi mãi vào giữa đám đông. Tôi tiếp tục cuộc hành trình của mình trên cùng chuyến bay đến tận Mỹ Tây Cơ, ôm ấp những luyện tiếc đầu tiên về sắc đẹp của nàng bên cạnh chiếc ghế trống còn ấm nồng giấc ngủ say; chưa thể tẩy bỏ ra khỏi đầu mình những tác phẩm của các nhà văn điên ở Paris. Trước lúc hạ cánh, khi người ta mang đến cho tôi tấm phiếu rời máy bay, tôi đã điền vào đó với một nỗi niềm chua chát. Nghề nghiệp: văn sĩ Nhật Bản. Tuổi: 92.

Gabriel García Márquez - 1982

Trần Vũ chuyển ngữ Ghi chú của người dịch: Dịch từ bản dịch Pháp văn “L’avion de la belle endormie” của Jean-Francois Fogel, in trong nguyệt san Magazine Littéraire (Giai phẩm Văn) số 216-217 phát hành tháng 3-1985, chuyên đề Tiểu thuyết Nhật Bản. Bản dịch của Jean-Francois Fogel khác rất nhiều bản dịch truyện ngắn cùng tên của Annie Morvan. Có lẽ García Marquez đã từ từ bút viết về Kawabata khai triển thành truyện ngắn về sau mà trong truyện ngắn này, Kawabata cùng các văn sĩ Nhật Bản hoàn toàn biến mất. Truyện ngắn “Chuyến bay của người đẹp ngủ say” in

trong tập Mười hai Truyện kể Lãng du, Douze Contes Vagabonds, Nxb Grasset tái bản 2003.

Ngày 16 tháng 4-1972, Yasunari Kawabata tự vẫn chết bằng gas tại nhà mát Zushi, phủ Kamakura. Chi tiết tự sát theo nghi thức Seppuku mà Gabriel García Márquez nêu trong tùy bút không chính xác.